



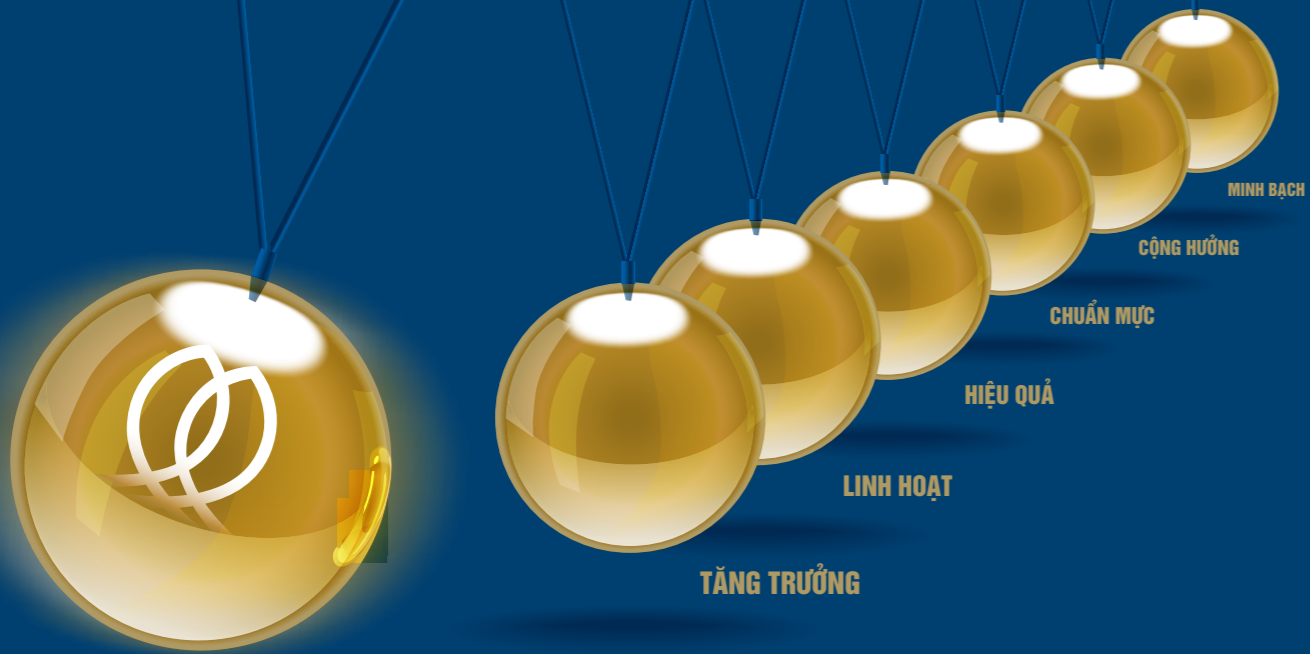
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM



2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TIẾP ĐÀ TĂNG TRƯỞNG
CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ



Báo cáo thường niên 2021

VINARE

Tiếp đà **TĂNG TRƯỞNG**
CỘNG HƯỞNG giá trị



Phát hành
cổ phiếu thưởng tăng

VỐN ĐIỀU LỆ
1.507 TỶ VND



TOP 10 NGÀNH NGÂN HÀNG
- DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
tại Lễ công bố và vinh danh Thương hiệu mạnh
Việt Nam 2020 - 2021



Nằm trong bảng xếp hạng **PROFIT 500**

Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2021 -
Xếp thứ 9/23 Top Doanh nghiệp Ngành Bảo hiểm có lợi nhuận
tốt nhất do Chương trình xếp hạng PROFIT500



Vinh danh **IR AWARDS**
một trong số 389 doanh nghiệp niêm yết **2021**
đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán



Báo cáo thường niên của VINARE
xuất sắc được vinh danh ở hạng mục giải **TIẾN BỘ**
VƯỢT TRỘI
tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2021



Trong chặng đường 5 năm qua, Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 8,59%/năm, Doanh thu phí giữ lại tăng trưởng bình quân 24,05%/năm. Trong lĩnh vực đầu tư tài chính, thu nhập hoạt động đầu tư đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 12,14%/năm. Bình quân lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty tăng trưởng 9,4%/năm.

Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiếp đà TĂNG TRƯỞNG CỘNG HƯỞNG giá trị

Kính gửi các Quý cổ đông,

Năm 2021, kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19 với đợt giãn cách kéo dài tại nhiều trung tâm kinh tế của đất nước. Mặc dù vậy, với việc kết hợp vừa phòng chống dịch vừa duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, nền kinh tế đã phục hồi tăng trưởng trong Quý IV. Tăng trưởng GDP cả năm của Việt Nam đạt 2,58%.

Theo số liệu sơ bộ của Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm, Bộ Tài chính, thị trường bảo hiểm Việt nam tăng trưởng 16,7% so với năm 2020; trong đó, tại thị trường bảo hiểm phi nhân thọ mà VINARE hoạt động chỉ ghi nhận doanh thu phí tăng trưởng 4,3% so với năm trước do chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19.

Kể từ khi thành lập đến nay, mặc dù trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh gay gắt, kết quả kinh doanh của VINARE liên tục được cải thiện và phát triển. Trong bối cảnh có nhiều biến động, VINARE kiên định với chiến lược tiếp tục duy trì đà tăng trưởng hiệu quả và bền vững, đề cao việc tuân thủ kỷ luật khai thác, kiểm soát chặt chẽ rủi ro, lấy hiệu quả hoạt động làm thước đo hành động, đồng thời thích ứng

với sự thay đổi thông qua tăng cường năng lực để nắm bắt và tận dụng những cơ hội mới. Nhờ vậy, VINARE đã đạt được những kết quả đáng khích lệ để tiếp đà tăng trưởng bền vững, hiệu quả và tạo ra những giá trị cộng hưởng cho các đối tác, cổ đông, người lao động và cộng đồng trong dài hạn.

SỐ VỐN ĐẦU TƯ TRỞ LẠI
NỀN KINH TẾ NĂM 2021
(Tỷ VND)



4.021

TỔNG TÀI SẢN
(Tỷ VND)



6.915

GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG
tại thời điểm 31/12/2021
(Tỷ VND)



4.748



THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VINARE - tiếp đà TĂNG TRƯỞNG

Trong chặng đường 5 năm qua, doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 8,59%/năm, Doanh thu phí giữ lại tăng trưởng bình quân 24,05%/năm. Trong lĩnh vực đầu tư tài chính, thu nhập hoạt động đầu tư đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 12,14%/năm. Bình quân lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty tăng trưởng 9,4%/năm. VINARE đã chi trả tiền bồi thường nhận tái bảo hiểm đầy đủ và kịp thời cho các doanh nghiệp bảo hiểm gốc, góp phần ổn định sản xuất kinh doanh cho người được bảo hiểm. Số vốn đầu tư trở lại nền kinh tế năm 2021 là 4.021 tỷ VND, đóng góp không nhỏ vào thu ngân sách Nhà nước.

Năm 2021, VINARE đã đạt được những kết quả hoạt động kinh doanh ấn tượng cụ thể như sau:

TỔNG DOANH THU
(Tỷ VND)



3.031

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(Tỷ VND)



408

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH
(FSR)

B++

và xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành (ICR) đạt mức "bbb+"

1. HOÀN THÀNH XUẤT SẮC CHỈ TIÊU KINH DOANH NĂM 2021, tăng trưởng các nghiệp vụ kinh doanh cốt lõi đạt 7,2%, tăng trưởng lợi nhuận trước thuế đạt 14,2%

Tổng doanh thu năm 2021 ghi nhận con số 3.031 tỷ đồng, trong đó doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.246 tỷ đồng, đạt 111,2% kế hoạch năm được giao. Doanh thu từ mảng nghiệp vụ cốt lõi đã tăng trưởng 7,2% so với cùng kỳ và vượt mức dự kiến đầu năm. Ví dụ, lợi nhuận trước thuế đạt gần 408 tỷ đồng, bằng 108,2% kế hoạch năm. Trong đó cả lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm và lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính đều hoàn thành vượt mức kế hoạch. Đặc biệt, mảng nghiệp vụ cốt lõi nhiều năm trước đây không có tăng trưởng, Hội đồng quản trị đã giao kế hoạch tăng trưởng đối với mảng nghiệp vụ này ở mức 6% là chỉ tiêu rất thách thức đối với Ban Điều hành. Kết quả kinh doanh của các nghiệp vụ này đạt mức tăng trưởng khá ấn tượng 7,2%, vượt kỳ vọng ban đầu.

2. ĐƯỢC AM BEST KHẲNG ĐỊNH NĂNG LỰC TÀI CHÍNH (FSR) mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành (ICR) đạt mức "bbb+"

Trong kỳ đánh giá 2021, xếp hạng năng lực tài chính (FSR) của VINARE đạt mức **B++** (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành (ICR) đạt mức "bbb+" (theo kết quả đánh giá của AM Best). VINARE là một trong hai doanh nghiệp bảo hiểm/tái bảo hiểm đầu tiên trên thị trường bảo hiểm Việt Nam thực hiện việc xếp hạng năng lực tài chính với một tổ chức xếp hạng quốc tế từ năm 2013 và liên tục duy trì mức xếp hạng B++ từ đó đến nay, phản ánh tình hình tài chính vững mạnh và kết quả hoạt động kinh doanh tốt của VINARE.



3. TIẾP ĐÀ TĂNG TRƯỞNG - không ngừng tăng cường năng lực tài chính và quản trị

Về năng lực tài chính, từ số vốn 40 tỷ ngày thành lập đến nay, các chỉ tiêu thể hiện năng lực tài chính của VINARE có sự tăng trưởng vượt bậc: Tổng tài sản đạt 6.915 tỷ đồng; Vốn điều lệ 1.507 tỷ đồng; Vốn chủ sở hữu 3.064 tỷ đồng. Giá trị vốn hóa thị trường thời điểm 31/12/2021 đạt 4.748 tỷ đồng.

Năm 2021, VINARE đã hoàn thiện thêm cơ cấu quản trị công ty với việc thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Hoạt động kiểm toán nội bộ sẽ giúp cho VINARE phát hiện và phòng ngừa các rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh. Đồng thời, VINARE hoàn thiện thể chế hoạt động với hơn 10 Quy chế được sửa đổi, bổ sung. Các hoạt động nói trên sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của VINARE.

4. CỔ PHIẾU VNR TĂNG TRƯỞNG TRONG NHÓM CAO NHẤT CỦA NGÀNH BẢO HIỂM. Tỷ lệ cổ tức chi trả cũng thuộc nhóm cao nhất trong ngành bảo hiểm và đã phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ lên 1.507 tỉ đồng.

Trong năm 2021, VINARE đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ, niêm yết bổ sung cổ phiếu, tăng cường truyền thông. Cổ phiếu của VINARE đã được quan tâm nhiều hơn từ phía các nhà đầu tư và giá cổ phiếu tăng cao hơn, phản ánh giá trị thực của doanh nghiệp. VINARE đã phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15%, tăng vốn điều lệ lên trên 1.507 tỉ đồng.

5. VINARE TIẾP TỤC ĐƯỢC VINH DANH là Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2021 (IR Awards 2021). Báo cáo thường niên của VINARE xuất sắc được vinh danh ở hạng mục giải "Tiến bộ vượt trội" tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2021.

Năm 2021 cũng là năm VINARE đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận: vinh dự được nhận Cờ thi đua của Bộ Tài chính năm 2020, giải thưởng **Top 10** ngành Ngân hàng - Dịch vụ tài chính tại Lễ công bố và vinh danh Thương hiệu mạnh Việt Nam 2020 - 2021, vinh dự được nằm trong bảng xếp hạng PROFIT500 - **Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2021**, được vinh danh là **một trong số 389 doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2021 (IR Awards 2021)**, Báo cáo thường niên của VINARE xuất sắc được vinh danh ở hạng mục giải "Tiến bộ vượt trội" tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2021.



THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi các Quý cổ đông,

VINARE - CỘNG HƯỞNG giá trị

1. CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ và gắn kết với chiến lược phát triển dài hạn

Năm 2022 là năm bản lề trong việc thực hiện chiến lược phát triển và định hướng mục tiêu 2020 - 2024 mà Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ đã thông qua. Mục tiêu tăng trưởng và phát triển giai đoạn này thực sự đặt ra nhiều thách thức để đảm bảo quyền lợi của cổ đông: tăng trưởng doanh thu phí nhận từ hoạt động cốt lõi đảm bảo bình quân 9%/năm; tỷ lệ combined ratio bình quân tối đa 98%; tăng trưởng lợi nhuận trước thuế tối thiểu bình quân bằng mức tăng của GDP, ước đạt 7%/năm; tỷ lệ cổ tức tối thiểu 12%/năm; ROE bình quân tối thiểu 10%; vốn điều lệ tăng lên 2.000 tỷ cho đến năm 2024.

2. CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ bền vững vào các hoạt động quản trị theo ESG

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, VINARE hiểu rằng mục tiêu của quản trị công ty là để xây dựng một môi trường của lòng tin, tính minh bạch và tính giải trình, các yếu tố cần thiết để thúc đẩy phát triển đầu tư dài hạn, sự ổn định tài chính và đạo đức trong kinh doanh, bảo vệ môi trường, các giá trị xã hội, từ đó hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng trong dài hạn của các doanh nghiệp. VINARE cũng đồng thời chú trọng nâng cao hơn nữa năng lực quản trị cũng như hoàn thiện thể chế nhằm chuẩn bị tốt nhất các điều kiện cho sự phát triển bền vững trong dài hạn, nâng cao tính minh bạch với các đối tác, cổ đông và người lao động.

3. CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ tới các đối tác

Bên cạnh việc tập trung vào hoạt động kết quả kinh doanh, VINARE cũng đã tăng cường làm việc với các đối tác bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm và các đối tác quan trọng khác để phát triển sản phẩm mới, mở rộng kênh khai thác, tiếp cận khách hàng để mang lại dịch vụ mới, qua đó nguồn dịch vụ và khả năng mang lại doanh thu trong tương lai.

4. CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ tới các cổ đông

VINARE luôn quan tâm đến lợi ích của các cổ đông và đã xây dựng một chính sách chi trả cổ tức đảm bảo hài hòa giữa quyền lợi của cổ đông và việc tăng cường năng lực tài chính cho Tổng công ty để đảm bảo yêu cầu phát triển trong tương lai.

5. CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ tới người lao động

Trước ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19 với đợt giãn cách kéo dài, để đảm bảo cho các cán bộ có thể làm việc tại nhà, Tổng công ty đã tăng cường đảm bảo an ninh cho hệ thống IT, đảm bảo hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn (Business Continuity Plan - BCP), đảm bảo chế độ phúc lợi, đào tạo, hoàn thành tiêm vắc xin 3 mũi cho toàn thể cán bộ, nhân viên,...

6. CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ tới cộng đồng và các bên liên quan

Năm 2021, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam đã kêu gọi cán bộ, nhân viên Tổng công ty tham gia hưởng ứng nhiều chương trình thiện nguyện với mục tiêu cộng hưởng giá trị tới cộng đồng. Các chương trình thiện nguyện đã được Ban Lãnh đạo, Công đoàn, Đoàn thanh niên chung tay thực hiện và được toàn thể cán bộ nhân viên trong Tổng công ty nhiệt tình hưởng ứng.



CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ để phát triển bền vững

Với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, sự hỗ trợ quan trọng của các cổ đông, sự hợp tác quý báu của các đối tác, sự chủ động tìm hiểu để áp dụng chính sách đổi mới của Chính phủ trong lĩnh vực bảo hiểm, cùng với những nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên VINARE, tôi tin tưởng rằng VINARE sẽ tiếp tục chinh phục những thử thách và đạt được những đỉnh cao mới trong chặng đường sắp tới.

sự phối hợp chặt chẽ của các đối tác của VINARE, sự quan tâm giúp đỡ của các cơ quan liên quan, đánh giá cao những nỗ lực và thành tựu mà các cán bộ nhân viên của VINARE đã đạt được trong năm 2021.

Năm 2022 đánh dấu hành trình mới của VINARE và là năm bản lề của nhiệm kỳ mới của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, tôi xin chúc VINARE đạt được những thành tựu xuất sắc trong hoạt động kinh doanh và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông giao phó để VINARE sẽ tiếp tục đạt được những kết quả kinh doanh khả quan trước bối cảnh vẫn còn chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, và tiếp đà tăng trưởng cho những năm tiếp theo.

Thay mặt Hội đồng quản trị và nhân danh cá nhân, tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, chia sẻ của các quý cổ đông, trong đó có sự đồng hành quan trọng của các cổ đông lớn, tạo sự ổn định cơ cấu cổ đông,

Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



TRỞ THÀNH NHÀ TÁI BẢO HIỂM, NHÀ ĐẦU TƯ CHUYÊN NGHIỆP, UY TÍN LÀ CHỖ DỰA VỮNG CHẮC

CHO THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM PHÁT TRIỂN THÔNG QUA TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI THỊ TRƯỜNG ĐỂ NÂNG TẦM CAO MỚI TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TƯƠNG LAI.

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC

- Trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam và Khu vực. Nhà đầu tư chuyên nghiệp.
- Cung cấp cho khách hàng các dịch vụ gia tăng giá trị với sự đảm bảo cần thiết trên cơ sở phát huy giá trị cốt lõi của công ty.
- Tập trung khả năng sinh lời và tối ưu hóa lợi tức, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.
- Một doanh nghiệp có trách nhiệm cộng đồng.

CÁC GIÁ TRỊ CAM KẾT

- Lợi nhuận tối ưu cho nhà đầu tư
- Nâng cao hiệu quả và tính sinh lợi của thị trường bảo hiểm
- Quản lý rủi ro và nguồn vốn
- Đào tạo và chuyển giao kiến thức công nghệ
- Trung tâm thông tin thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm
- Phát triển bền vững thị trường bảo hiểm
- Cung cấp năng lực tái bảo hiểm
- Hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm mới
- Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG & PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2020-2024

CHỈ TIÊU KẾT QUẢ KINH DOANH (loại trừ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19)

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU PHÍ NHẬN (bình quân/năm)	9%
TỶ LỆ COMBINED RATIO (bình quân tối đa)	98%
TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ Tối thiểu (bình quân/năm)	7%
TỶ LỆ CỔ TỨC (Tối thiểu/năm)	12%
ROE (Bình quân tối thiểu)	10%



CHỈ TIÊU VỀ VỐN ĐIỀU LỆ

- Vốn điều lệ tăng lên 2.000 tỷ cho đến năm 2024. Thời điểm và phương thức phát hành theo đề án do Tổng Công ty xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro cho số đông dân cư.
- Cộng hưởng giá trị phát triển bền vững tới cổ đông, người lao động và cộng đồng cũng như các bên liên quan.

TĂNG TRƯỞNG

TĂNG TRƯỞNG (GROWTH) là một trong những cách chính để thấy được hiệu suất của một công ty. Tăng trưởng dương (Positive Growth) có nghĩa là công ty đang được cải thiện và có khả năng tạo ra thu nhập cao hơn, điều này sẽ làm tăng giá cổ phiếu.

(Theo định nghĩa của Wikipedia)



LỢI TỨC TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT
(Tỷ đồng)

(Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán)

01

**GIỚI THIỆU TỔNG QUAN
VỀ VINARE**



THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý cổ đông,

2021 LÀ NĂM NHIỀU KHÓ KHĂN NHƯNG VINARE VẪN DUY TRÌ ĐÀ TĂNG TRƯỞNG

Năm 2021 nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19, mặc dù vậy, với chính sách kết hợp phòng chống dịch và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, nền kinh tế đã phục hồi tăng trưởng về cuối năm. Việt Nam vẫn giữ được ổn định kinh tế vĩ mô, các chỉ tiêu về kim ngạch xuất nhập khẩu và vốn đầu tư nước ngoài giải ngân đều đạt mức tăng trưởng cao nhất từ trước tới nay.

Về tình hình thị trường bảo hiểm, tổng doanh thu phí toàn thị trường năm 2021 ước đạt 218.244 tỷ VND, tăng trưởng 16,7% so với 2020. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 58.786 tỷ VND, tăng trưởng 4,3% so với 2020. Thị trường bảo hiểm nói chung và bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng đều chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 do tình hình sản xuất kinh doanh của toàn nền kinh tế bị gián đoạn và giảm sút. Tình hình cạnh tranh gay gắt và diễn biến tồn thất phức tạp vẫn là quan ngại chung, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ của nhiều doanh nghiệp.

Trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và thị trường bảo hiểm nói riêng vẫn chưa thể phục hồi do tác động của dịch COVID-19, VINARE đã đặt trọng tâm vào nhóm nghiệp vụ cốt lõi để tăng hiệu quả. Kết quả đạt được là doanh thu phí nhân thọ đạt 2.246,2 tỷ VND, vượt 11,2% so với kế hoạch. Trong đó, nhóm nghiệp vụ cốt lõi đã tăng trưởng 7% so với kế hoạch do Hội đồng quản trị đề ra là 7,2%.

Hoạt động đầu tư tài chính của Tổng công ty trong năm 2021 đạt kết quả tốt với thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác tăng 5,5% so với năm trước và vượt 3,6% so với kế hoạch.

Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt gần 408 tỷ VND và tăng 14,2% so với năm 2020 và vượt 8,2% so với kế hoạch của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Biên khả năng thanh toán của VINARE tiếp tục được duy trì ở mức 6,7 lần so với biên khả năng thanh toán tối thiểu do Bộ Tài chính quy định. Việc chi trả cổ tức cho cổ đông được thực hiện đúng thời hạn và theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Năm 2021, tỷ lệ cổ tức trình Đại hội đồng cổ đông thông qua là 13%, cao hơn so với dự kiến 12% trước đó.

Những thành tựu trên đạt được là do sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và nỗ lực không ngừng nghỉ của các cán bộ, nhân viên VINARE đã tiếp đà tăng trưởng cho VINARE trong ngắn, trung và dài hạn.

DOANH THU PHÍ NHẬN TÁI BẢO HIỂM (Tỷ VND)

 **2.246,2**

Vượt ↑11,2% so với kế hoạch

LỢI LỨC TRƯỚC THUẾ (Tỷ VND)

 **408**

Tăng trưởng ↑14,2% so với năm 2020

NĂM 2022 CŨNG SẼ LÀ MỘT NĂM NHIỀU THÁCH THỨC HƠN

Năm 2022, dự kiến nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam sẽ phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh. Dự báo chỉ tiêu GDP của Việt Nam sẽ tăng trưởng 6 - 6,5%. Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội 2022 - 2023 của Chính phủ với quy mô dự kiến 800.000 tỷ đồng sẽ có tác động tích cực đến sự phục hồi của nền kinh tế.

Thị trường bảo hiểm cũng sẽ hồi phục mạnh mẽ nhờ sự gia tăng trở lại của các hoạt động kinh tế, gia tăng nhận thức về rủi ro cũng như nhu cầu mua bảo hiểm. Dự báo doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ có thể tăng trưởng ở mức hai con số.

Những khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19 trong năm 2021 sẽ tác động mạnh hơn đến hoạt động kinh doanh của VINARE trong năm 2022. Với chủ trương phát triển bền vững, chú trọng hiệu quả kinh doanh là chính, VINARE đã xây dựng kế hoạch kinh doanh 2022 với dự kiến doanh thu phí nhận tái bảo hiểm các nghiệp vụ cốt lõi tăng trưởng 10% và lợi tức trước thuế dự kiến tăng 6,6% so với năm 2021. Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến được duy trì tối thiểu là 12%.

TẠI VINARE, CHÚNG TÔI HIỂU RẰNG TĂNG TRƯỞNG LÀ



2021 là năm có nhiều khó khăn do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh đối với tất cả các hoạt động kinh tế, nhưng VINARE vẫn duy trì được đà tăng trưởng đối với nhóm nghiệp vụ cốt lõi cao hơn so với kế hoạch đề ra. Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.246,2 tỷ VND, vượt 11,2% so với kế hoạch. Lợi tức trước thuế đạt gần 408 tỷ VND và tăng 14,2% so với năm 2020.

Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc





THÔNG DIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2022 VINARE - CỘNG HƯỞNG giá trị

Để đạt được những mục tiêu và kế hoạch kinh doanh trong năm 2022, VINARE cần tập trung nỗ lực cho những công việc sau:

1. Tổng Công ty tập trung nguồn lực ưu tiên hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2022, phát triển, đẩy mạnh các nghiên cứu/đề xuất để triển khai có kết quả về sản phẩm, dịch vụ mới với các doanh nghiệp bảo hiểm gốc. Bên cạnh đó, VINARE tăng cường kết nối với các doanh nghiệp có nhu cầu mua bảo hiểm để chủ động nắm bắt nhu cầu phù hợp, tăng khả năng cung cấp năng lực tái bảo hiểm của VINARE. Đối với thị trường nước ngoài, VINARE tích cực đẩy mạnh quan hệ với các nhà môi giới bảo hiểm lớn, tìm kiếm các cơ hội trên thị trường quốc tế để tăng khả năng nhận các hợp đồng nước ngoài bên cạnh việc tiếp tục tăng cường hợp tác với các nhà tái bảo hiểm quốc tế, truyền thống.
2. Để nâng cao hiệu quả hoạt động, VINARE tăng cường hoạt động của Kiểm toán nội bộ đã được thành lập trong năm 2021, kiểm soát tuân thủ, quản lý rủi ro chặt chẽ.
3. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực: ban hành và áp dụng bản mô tả công việc và chức danh (JD & JR); đánh giá hiệu quả làm việc theo phương thức phù hợp, cơ chế phúc lợi, lương thưởng tạo động lực và gắn bó người lao động với Tổng Công ty; áp dụng cơ chế thuê chuyên gia theo các dự án cụ thể.
4. Về xếp hạng năng lực tài chính và phát triển thương hiệu, VINARE tiếp tục duy trì mức xếp hạng hiện tại, đồng thời xây dựng lộ trình để nâng mức xếp hạng trong thời gian tới. VINARE sẽ tăng cường kết nối với thị trường thông qua các hoạt động như: Tổ chức Hội nghị Tái bảo hiểm, cung cấp bản tin định kỳ bằng tiếng Việt và tiếng Anh (Newsletter) về VINARE và thị trường bảo hiểm trong nước và quốc tế cho các đối tác trong và ngoài nước.

VINARE đã và đang thiết lập một chiến lược phát triển trên tầm cao mới với một kế hoạch hành động tích cực, tiếp tục cam kết mạnh mẽ việc cung cấp các giải pháp dài hạn và dịch vụ chất lượng quốc tế cho thị trường trong nước và khu vực, tham gia vào các chương trình bảo hiểm của Chính phủ, đồng hành và hỗ trợ thị trường bảo hiểm Việt Nam để cộng hưởng giá trị nhằm hướng tới sự phát triển bền vững và hiệu quả và thực thi trách nhiệm cộng đồng trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội.

Chúc Quý vị hạnh phúc, sức khỏe và thành đạt./.

Mai Xuân Dũng
Tổng Giám đốc



VIETNAM
LISTED COMPANY

AWARDS

TIẾN BỘ VINARE nhận giải thưởng VƯỢT TRỘI 2021

ở hạng mục Báo cáo thường niên năm 2021
tại Cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết 2021

Ngày 28/12/2021, Lễ vinh danh các doanh nghiệp đoạt giải Cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết 2021 được thực hiện theo hình thức trực tuyến. Ở hạng mục Báo cáo thường niên, VINARE đã được nhận giải thưởng "Tiến bộ vượt trội".

Giải "Tiến bộ vượt trội" được Ban tổ chức lựa chọn trao tặng cho 1 doanh nghiệp có sự tiến bộ vượt bậc nhằm ghi nhận nỗ lực của các doanh nghiệp trong việc minh bạch thông tin

Năm nay, lần đầu tiên, việc chấm điểm báo cáo thường niên (BCTN) ở vòng sơ khảo do nhóm chuyên gia độc lập đến từ Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo (Trường đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh) thực hiện.

Kết quả sơ khảo sau đó được HOSE và HNX thẩm định một lần nữa, trước khi chuyển cho 4 công ty kiểm toán hàng đầu (Big 4) là Deloitte, Ernst & Young, KPMG và PwC soát xét, nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan và chuyên sâu trong việc xét chọn. Quy trình làm việc chặt chẽ của các bên tham gia chấm sơ khảo, các nội dung chấm báo cáo thường niên được chi tiết hóa để các bên chấm độc lập, sau đó có sự trao đổi trực tiếp để thống nhất về các nội dung chấm ở các báo cáo có sự khác biệt về điểm số. Các công ty kiểm toán có soát xét chéo kết quả chấm các báo cáo thường niên.



Ban tổ chức cũng đưa nội dung báo cáo về phát thải khí nhà kính vào bộ tiêu chí chấm Báo cáo thường niên theo hình thức điểm thưởng. Đây là nội dung nhằm khuyến khích các công ty niêm yết đi đầu trong thực hiện cam kết trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp niêm yết ứng phó với biến đổi khí hậu, từ đó lan tỏa hiệu ứng tích cực đến cộng đồng doanh nghiệp.

Theo đánh giá của Ban Tổ chức, khó khăn do dịch bệnh trực tiếp ảnh hưởng đến doanh nghiệp trong năm 2020 và 2021, ít nhiều ảnh hưởng đến công tác tổng hợp thông tin, đúc kết soạn thảo và công bố báo cáo thường niên. Tuy vậy, doanh nghiệp vẫn nỗ lực vượt qua các khó khăn để soạn thảo báo cáo thường niên, cung cấp thông tin hữu ích cho người đọc.

Theo báo Đầu tư Chứng khoán



THÔNG TIN KHÁI QUÁT











TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM VIETNAM NATIONAL REINSURANCE CORPORATION



Với vị thế là nhà Nhận tái bảo hiểm hàng đầu tại thị trường Việt Nam, sứ mệnh của VINARE là cung cấp các giải pháp dài hạn và các dịch vụ tái bảo hiểm trong nước và quốc tế, nhằm hỗ trợ cho sự phát triển bền vững của ngành bảo hiểm và thúc đẩy nền kinh tế xã hội phát triển.

Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam - VINARE kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ bao gồm:

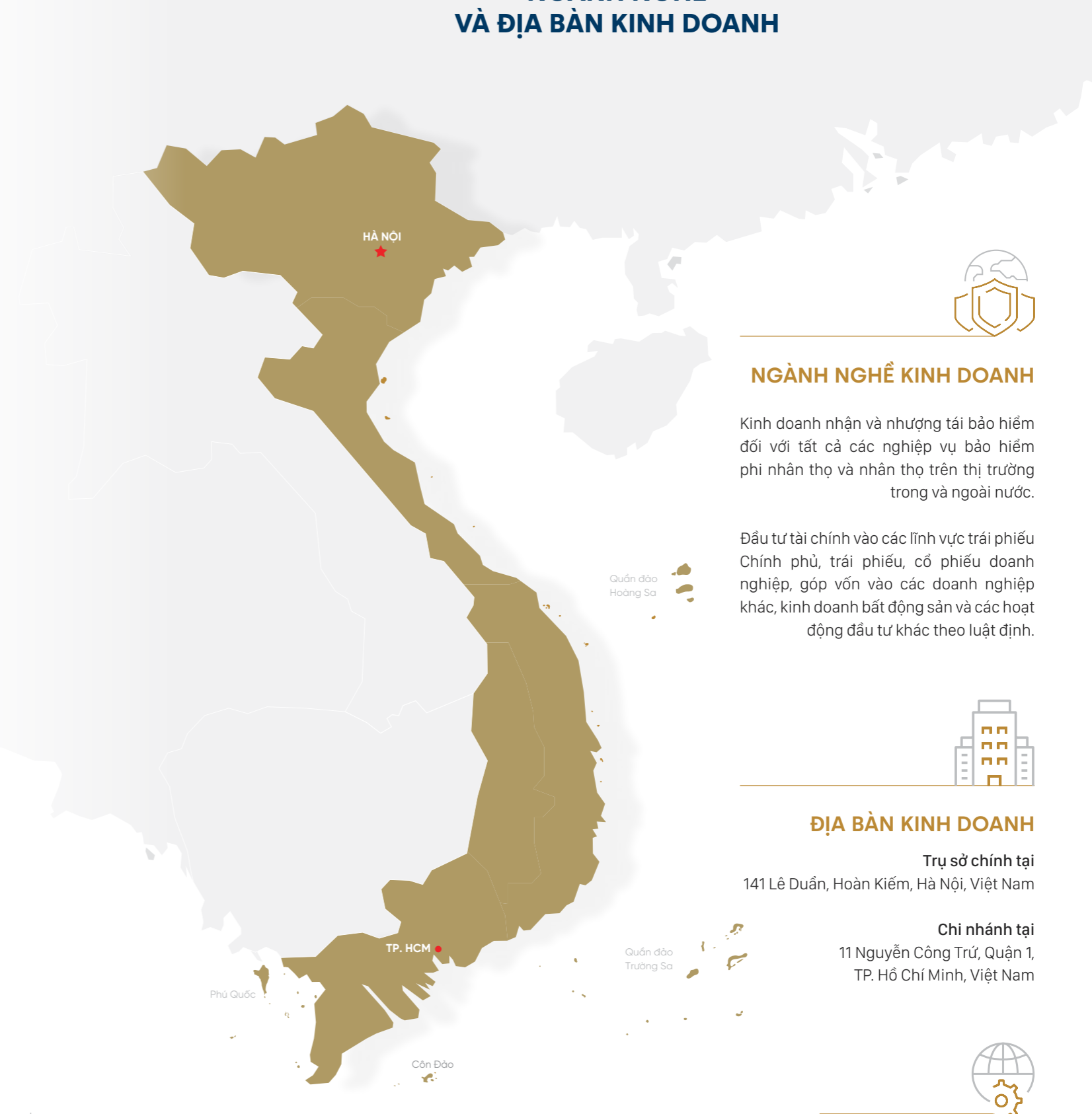
-  Kỹ thuật;
 -  Tài sản
 -  Hàng hải (Hàng hóa, Thân tàu, P&I),
 -  Năng lượng,
 -  Hàng không,
 -  Trách nhiệm,
 -  Tai nạn con người,...
-  cung cấp các giải pháp chuyển giao rủi ro theo yêu cầu khách hàng.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch : **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**
- Giấy phép kinh doanh : 28GP/KDBH ngày 15/11/2004 của Bộ Tài chính
- Giấy phép điều chỉnh : 28/GPĐC5/KDBH ngày 6/9/2021
- Vốn điều lệ : **1.507.371.300.000 VND**
- Địa chỉ : 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại : 84 24 39422354
- Fax : 84 24 39422351
- Email: : vinare@vinare.com.vn
- Website : www.vinare.com.vn
- Mã cổ phiếu : **VNR**



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ trên thị trường trong và ngoài nước.

Đầu tư tài chính vào các lĩnh vực trái phiếu Chính phủ, trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp, góp vốn vào các doanh nghiệp khác, kinh doanh bất động sản và các hoạt động đầu tư khác theo luật định.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trụ sở chính tại
141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh tại
11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam



PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Trong và ngoài nước



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Năm 2021 cũng là năm đánh dấu chặng đường 27 năm VINARE đồng hành và phát triển cùng thị trường bảo hiểm Việt Nam. Kể từ khi thành lập đến nay, mặc dù trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh gay gắt, kết quả kinh doanh của VINARE liên tục được cải thiện và phát triển.



1999

Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba nhân kỷ niệm 5 năm ngày thành lập.

2001

Khánh thành và đưa vào sử dụng trụ sở chính tại 141 Lê Duẩn, Hà Nội.



2007-2008

Tăng vốn điều lệ thực góp lên đến 672 tỉ đồng.

Swiss Re trở thành đối tác chiến lược (25% cổ phần).



2012-2013

Tái cấu trúc bộ máy.

Hệ thống IT mới (WebXL) được đưa vào vận hành.

Được A.M. Best xếp hạng năng lực tài chính mức B++ (Tốt) và năng lực tín dụng của tổ chức phát hành mức "bbb".

2014

Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ lên 1.310 tỉ đồng.

Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập Hạng Ba nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập.

Duy trì mức xếp hạng năng lực tài chính B++ và năng lực phát hành tín dụng "bbb".

2015-2016

Chiến lược phát triển 2015 - 2020: hoạch định chiến lược phát triển nâng tầm hoạt động của VINARE.

Duy trì mức xếp hạng năng lực tài chính B++ và năng lực phát hành tín dụng "bbb".



2018

Năm thứ hai liên tiếp được nằm trong bảng xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất 2018 - Xếp thứ 5/15 Top Doanh nghiệp ngành bảo hiểm có lợi nhuận tốt nhất do Chương trình xếp hạng Profit500 của Vietnam Report và VietnamNet công bố.

Thương hiệu mạnh Việt Nam 2018 (Thời báo Kinh tế Việt Nam).

2019

Vinh dự đón nhận Cờ thi đua của Chính phủ cho đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua nhân kỷ niệm 25 năm ngày thành lập.

2020

Vinh danh là Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2020 (IR 2020).

1994 1999-2001 2004-2006 2007-2008 2009-2011 2012-2016 2017 2018-2020 2021

1994

VINARE chính thức được thành lập và là công ty tái bảo hiểm trong nước đầu tiên với số vốn ban đầu là 40 tỷ đồng.

Qui chế tái bảo hiểm bắt buộc (kết thúc năm 2005).



2004-2005

Thực hiện cổ phần hóa thành công và Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với vốn điều lệ là 500 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp là 343 tỷ đồng.

13 công ty bảo hiểm phi nhân thọ trở thành cổ đông của VINARE với các cam kết về trao đổi dịch vụ.

Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì nhân kỷ niệm 10 năm ngày thành lập.

2006

Doanh nghiệp đầu tiên trong ngành bảo hiểm và thứ 10 được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



2009

Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhất nhân kỷ niệm 15 năm ngày thành lập.

2011

Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ thực góp lên 1.008 tỉ đồng.



2017

Lần thứ tư liên tiếp nằm trong số 30 doanh nghiệp minh bạch nhất năm 2016 - 2017 theo Chương trình đánh giá công bố thông tin và minh bạch của các doanh nghiệp niêm yết trên HNX của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Duy trì mức xếp hạng năng lực tài chính B++ và mức xếp hạng năng lực phát hành tín dụng "bbb+".

Thương hiệu mạnh Việt Nam 2017 (Thời báo Kinh tế Việt Nam).

Thương hiệu Tái bảo hiểm tốt nhất Việt Nam 2017 (Tạp chí Global Brands).



2021

Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ lên 1.507 tỉ đồng.

Top 10 ngành Ngân hàng - Dịch vụ tài chính tại Lễ công bố và vinh danh Thương hiệu mạnh Việt Nam 2020 - 2021.

Nằm trong bảng xếp hạng PROFIT500 - **Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2021** - Xếp thứ 9/23 Top Doanh nghiệp ngành bảo hiểm có lợi nhuận tốt nhất do Chương trình xếp hạng PROFIT500.

Vinh danh là một trong số 389 doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2021 (IR Awards 2021).

Báo cáo thường niên của VINARE xuất sắc được vinh danh ở hạng mục giải **"Tiên bộ vượt trội"** tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2021.





CƠ CẤU TỔ CHỨC





GIỚI THIỆU LÃNH ĐẠO VINARE HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN ANH TUẤN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ chuyên ngành Luật kinh doanh quốc tế - Đại học Tours - Cộng hòa Pháp liên kết với Đại học Ngoại thương Hà Nội;
- Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại - Đại học Ngoại thương Hà Nội.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Chủ tịch Hội đồng quản trị (làm việc chuyên trách) VINARE;
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Traphaco;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Thủy sản Việt Nam (Seaprodex).

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng Ban Đầu tư 3 Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (Từ tháng 9/2015 đến nay);
- Thành viên Hội đồng quản trị (làm việc kiêm nhiệm) công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Từ tháng 4/2018 đến tháng 4/2020).



Ông NGUYỄN XUÂN VIỆT
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy - Đại học Bách khoa Hà Nội;
- Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Trưởng ban Phát triển ứng dụng 2;
- Trưởng ban Vận hành và Bảo trì ứng dụng.



Ông JARED ORCHARD
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Úc

Trình độ chuyên môn

- Chứng chỉ kiểm toán viên CPA Australia;
- Cử nhân Thương mại - Đại học Murdoch.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Head Balance Sheet Management Asia, Swiss Re Singapore.

Chức vụ công tác đã qua

- Senior Project Manager, Swiss Re Singapore.



Ông MAI XUÂN DŨNG
Thành viên Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính quốc tế - Đại học Queensland, Úc;
- Chứng chỉ Đại học bảo hiểm, Học viện Bảo hiểm - Tài chính Úc - New Zealand;
- Cử nhân Kinh tế bảo hiểm - Đại học Kinh tế quốc dân.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Tổng giám đốc VINARE.

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Trưởng phòng Tái bảo hiểm Hàng hải VINARE;
- Giám đốc Ban Hàng hải VINARE;
- Phó Tổng giám đốc VINARE.



Ông ĐÀO NAM HẢI
Thành viên Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học quốc gia Hà Nội & Đại học Irvine Hoa Kỳ;
- Thạc sĩ Luật kinh tế, Viện Nhà nước và Pháp luật;
- Cử nhân Tài chính doanh nghiệp - Đại học Kinh tế quốc dân.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (PJICO).

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng phòng Tổng hợp kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty PJICO;
- Trưởng phòng Thị trường kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh PJICO Lạng Sơn;
- Phó Tổng Giám đốc Công ty PJICO.



Ông NGUYỄN ĐÌNH AN
Thành viên Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế - Tài chính - Đại học Staffordshire, Anh Quốc;
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng Ban Thư ký Tổng hợp Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt.



GIỚI THIỆU LÃNH ĐẠO VINARE HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông VŨ ANH TUẤN
Thành viên Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kế toán - Viện đại học Mở Hà Nội.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo Minh.

Chức vụ công tác đã qua

- Giám đốc Công ty Bảo Minh Hà Nội;
- Giám đốc Công ty Bảo Minh Bắc Giang;
- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo Minh.



Bà NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG
Thành viên Hội đồng quản trị

(Bầu thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ 2020 - 2024 từ ngày 23/4/2021)

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Ngoại Thương;
- Cử nhân Tài chính Tín dụng, Học viện Tài chính.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Phó trưởng Ban Đầu tư 1 - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

Chức vụ công tác đã qua

- Phó trưởng Ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).



Ông PHẠM PHAN DŨNG
Thành viên độc lập

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính;
- Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Tổng hợp Columbia, Hoa Kỳ;
- Cử nhân Kế toán Công nghiệp - Trường Đại học Tài chính - Kế toán (nay là Học viện Tài chính).

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách Tài chính, Bộ Tài chính;
- Vụ trưởng Vụ Tài chính - Ngân hàng, Bộ Tài chính;
- Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Bộ Tài chính.



GIỚI THIỆU LÃNH ĐẠO VINARE BAN KIỂM SOÁT



Ông TRẦN TRUNG TÍNH
Trưởng Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng, Đại học Kinh tế quốc dân;
- Cử nhân Kinh tế & Bảo hiểm - Đại học Kinh tế quốc dân;
- Cử nhân Anh văn - Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội (nay là Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội).

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC).

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật Công ty Bảo Minh Hà Nội;
- Phó Giám đốc Công ty Bảo Minh Hà Nội;
- Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV.



Bà LÊ THỊ THANH HIỀN
Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Tài chính - Đại học Sydney
- Cử nhân Kế toán - Đại học Kinh tế quốc dân.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Trưởng Phòng Tài chính Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).

Chức vụ công tác đã qua

- Kiểm toán viên cao cấp Công ty TNHH Kiểm toán PricewaterhouseCoopers.



Ông VŨ NGỌC VƯỢNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Frederick Taylor;
- Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Học viện Tài chính.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Chuyên viên Ban Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.



GIỚI THIỆU LÃNH ĐẠO VINARE BAN KIỂM SOÁT



Ông ĐÀO MẠNH DƯƠNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ kinh tế;
- Cử nhân Tài chính doanh nghiệp - Đại học Tài chính - Kế toán (Nay là Học viện Tài chính);
- Cử nhân ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Giám đốc Ban Marketing VINARE.

Chức vụ công tác đã qua

- Giám đốc Ban Tài sản VINARE.



Ông TUSHAR CHATTERJEE
Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Ấn Độ

Trình độ chuyên môn

- Tiến sĩ Đại học Heriot-Watt;
- Sau Đại học chuyên ngành định phí - Đại học Heriot-Watt;
- Thạc sĩ chuyên ngành thống kê - Viện Thống kê Ấn Độ;
- Cử nhân chuyên ngành thống kê - Viện Thống kê Ấn Độ.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro doanh nghiệp, Swiss Re Singapore (Head of ERM).

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động (Head of ORM).



GIỚI THIỆU LÃNH ĐẠO VINARE BAN ĐIỀU HÀNH



Ông MAI XUÂN DŨNG
Tổng giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính quốc tế, Đại học Queensland, New Zealand;
- Chứng chỉ ANZIIF (Senior Associate), Học viện Bảo hiểm, Tài chính Úc - New Zealand;
- Cử nhân Kinh tế bảo hiểm, Đại học Kinh tế quốc dân.

Chức vụ đang đảm nhiệm

- Thành viên Hội đồng quản trị VINARE.

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Trưởng phòng Tái bảo hiểm Hàng hải VINARE;
- Giám đốc Ban Hàng hải VINARE;
- Phó Tổng giám đốc VINARE.



Ông NGUYỄN MẠNH LINH
Phó Tổng giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế (MSC);
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA);
- Kỹ sư Tin học.

Chức vụ công tác đã qua

- Phó Trưởng phòng Nhân sự - Tổng hợp VINARE, Trợ lý Tổng Giám đốc;
- Giám đốc Ban Quản lý Rủi ro.



Bà LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán Trưởng

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Tài chính, Đại học Tài chính Kế toán

Chức vụ công tác đã qua

- Trưởng phòng Tài vụ - Kế toán VINARE



VỐN CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP **1.507.371.300.000** VND



TT	Tên Cổ đông	Vốn góp theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	SCIC	608.419.402.500	60.841.940	40,36%
2	Swiss Re	376.843.373.500	37.684.337	25,00%
3	Bảo Việt	138.308.430.000	13.830.843	9,18%
4	Bảo Minh	96.916.355.000	9.691.636	6,43%
5	PJICO	37.689.687.500	3.768.969	2,50%
6	UIC	16.152.717.500	1.615.272	1,07%
7	BIC	12.420.105.000	1.242.011	0,82%
8	Tokio Marine Insurance Vietnam	7.691.765.000	769.177	0,51%
9	Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt	120.699.400.000	12.069.940	8,01%
10	PYN Elite Fund	6.645.850.000	664.585	0,44%
11	Firstland Company Ltd	5.716.650.000	571.665	0,38%
12	Các cổ đông khác	79.867.564.000	7.986.756	5,30%
	Tổng	1.507.371.300.000	150.737.130	100,00%

(Căn cứ Danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tại ngày 19/07/2021)



TT	Chi tiêu	Số lượng CP
1	Tổng số cổ phần	150.737.130
	CP phổ thông chuyển nhượng tự do	150.736.988
	CP phổ thông hạn chế chuyển nhượng	142
2	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại	150.737.130
	CP phổ thông chuyển nhượng tự do	150.736.988
	CP phổ thông hạn chế chuyển nhượng	142



TT	Loại cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ /VĐL
1	Cổ đông tổ chức:	144.230.212	95,68%
	<i>Trong nước</i>		
a	• Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước • Các cổ đông pháp nhân khác	103.453.469	68,63%
b	<i>Nước ngoài</i>	40.776.743	27,05%
2	Cổ đông cá nhân:	6.506.918	4,32%
a	<i>Trong nước</i>	6.070.028	4,03%
b	<i>Nước ngoài</i>	436.890	0,29%
	Cộng	150.737.130	100,00%



TT	Tên Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	SCIC	60.841.940	40,36%
2	Swiss Re	37.684.337	25,00%
3	Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	12.069.940	8,01%
4	Bảo Việt	13.830.843	9,18%
5	Bảo Minh	9.691.636	6,43%



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



CÁC ĐỐI TÁC VÀ KHÁCH HÀNG

Khách hàng trong nước:

Các công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm trên thị trường Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VINARE

CÔNG TY CON

GIÁ TRỊ GÓP VỐN CỦA VINARE
tính đến ngày 31/12/2021

63,9%
VỐN ĐIỀU LỆ
~ 60.000.000.000 VNĐ

Các cổ đông chính:

- VINARE (63,9%)
- Sudico (10,6%)
- Công ty Cổ phần Bất động sản Phú Lộc (10,6%)
- Các cổ đông khác (14,9%)

Giấy phép đăng ký kinh doanh số

0103141556 sửa đổi lần thứ 1 do Sở KH-ĐT Hà Nội cấp ngày 16/07/2021

Địa chỉ: Tầng 6, 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Vốn điều lệ: 93.919.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2021: 93.919.000.000 đồng

Lĩnh vực hoạt động:

- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn quản lý bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, đô thị, nhà ở các loại;
- Kinh doanh các ngành nghề, dịch vụ khác theo Giấy phép ĐKKD số 0103141556 cấp ngày 16/07/2021

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2021

124,3

Tổng tài sản
(Tỷ đồng)

93,38

Vốn chủ sở hữu
(Tỷ đồng)

34,9

Doanh thu
(Tỷ đồng)

0,3

Lợi nhuận sau thuế
(Tỷ đồng)

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM SAMSUNG VINA

CÔNG TY LIÊN KẾT

TỶ LỆ GÓP VỐN CỦA VINARE

25%
VỐN ĐIỀU LỆ
~ 125.000.000.000 VNĐ

Đối tác liên kết:

Công ty Bảo hiểm Cháy và Hàng hải Samsung, Hàn Quốc.

Giấy phép thành lập và hoạt động số

70/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/08/2014

Địa chỉ: Tầng 45, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 Đường Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2021: 500.000.000.000 đồng

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ (bao gồm cả tái bảo hiểm) và đầu tư tài chính theo luật định.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2021

2.447,5

Tổng tài sản
(Tỷ đồng)

1.251,6

Vốn chủ sở hữu
(Tỷ đồng)

1.119

Doanh thu phí bảo hiểm
(Tỷ đồng)

129,5

Lợi nhuận sau thuế
(Tỷ đồng)

CÔNG TY BẢO HIỂM VÀ TÁI BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ

AAA

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA

TMIV

Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam

PTI

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện

Baoviet Life

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

ABIC

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

Fubon VN

Công ty TNHH Bảo hiểm Phi nhân thọ Fubon (Việt Nam)

PVI

Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam

AIA

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)

AIG Vietnam

Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam

GIC

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu

PVI Re

Tổng Công ty Tái bảo hiểm PVI

Manulife

Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)

Bảo Long

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

HD Insurance

Công ty TNHH Bảo hiểm HD

QBE Vietnam

Công ty TNHH Bảo hiểm QBE (Việt Nam)

Bảo Minh

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Liberty Insurance

Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty

SVI

Công ty LD TNHH Bảo hiểm Samsung Vina

Bảo Việt

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

MIC

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

UIC

Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp

BHV

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương

MSIG Vietnam

Công ty TNHH Bảo hiểm Phi Nhân Thọ MSIG Việt Nam

VASS

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông

BIC

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

OPES

Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES

VBI

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

BSH

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội

PAC

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng

VNI

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Chubb Vietnam

Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam

PJICO

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex

XTI

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành



CÁC ĐỐI TÁC VÀ KHÁCH HÀNG

Khách hàng trong nước:

Các công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm trên thị trường Việt Nam.

CÔNG TY MÔI GIỚI BẢO HIỂM

Aon Aon plc	Challenge Challenge Group	KMD KM Dastur Reinsurance Brokers	Pioneer Pioneer Insurance & Reinsurance Broker Pvt Ltd
ARB Asia Reinsurance Brokers Pte Ltd	Ed Broking ED Broking	J.B. Boda J.B Boda & Co.	Protection Protection Insurance and Reinsurance Services
AIB Alliance Insurance Brokers Pvt. Ltd.	ENC PLUS ENC PLUS Insurance Brokers Co. Ltd	M.B. Boda M. B. Boda Reinsurance Brokers	RISK CARE Risk Care Insurance Broking Services Pvt. Ltd.
AIH AIH Reinsurance brokers limited	Guy Carpenter Guy Carpenter & Company Ltd	LOCKTON LOCKTON	UIB UIB Insurance Brokers (Korea) Co., Ltd
Alexander Leed Alexander Leed Risk Services	Haakon Haakon Ltd	MALAKUT RUSSIA Malakut Constellation Insurance Brokers CJSC	Willis Re Willis Re (Kuala Lumpur Branch)
AXIOM AXIOM InRe Insurance Brokers	HIS HIS Insurance Services Co., Ltd.	Mathsons Mathrawala and Sons Insurance Brokers	Willis Tower Watson Willis Tower Watson
Asure Re Asure Re Brokers	INTERLINK Interlink Insurance Brokers VT. Ltd	Marsh Marsh Ltd	WIS Worldwide Insurance Services Ltd.
BHARAT RE Bharat Re-Insurance Brokers Pvt. Ltd.	IRICBS International Reinsurance & Insurance Consultancy & Broking Services Pvt. Ltd.	MHK MHK Insurance Services limited	
BRM BRM Korea Co., Ltd.	INS CORP. INS CORP (Korea)	Pana Harrison Pana Harrison (Asia) Pte Ltd	

Khách hàng nước ngoài:

Các công ty tái bảo hiểm, môi giới tái bảo hiểm trong khu vực châu Á và trên thế giới

Allianz Re Allianz Reinsurance	Chubb Singapore Chubb Insurance Singapore	III India International Insurance	NH Insurance NongHyup Property and Casualty Insurance	Shipowners' P&I Club The Shipowners' Mutual Protection and Indemnity Association (Luxembourg)
AGCS Allianz Global Corporate & Specialty SE	CTA Charles Taylor Aviation	Korean Re Korean Reinsurance Corporation	Oman Oman Insurance Company	Sirius Point Sirius Point Ltd
Allied World Allied World Assurance Company	CVI Cambodia-Vietnam Insurance Plc.	Kuwait Re Kuwait Reinsurance Company	ORIENT Orient Insurance PJSC	Sompo Re Sompo International Reinsurance
Amlin MS Amlin	Echo Re Echo Reinsurance Limited Company	KB Insurance KB Insurance Company	PARTNER RE Partner Reinsurance Company	Steamship Mutual P&I Club Steamship Mutual P&I Club
AIRCLAIMS AIRCLAIMS LIMITED	European Re European Reinsurance Company of Zurich Ltd	Labuan Re Labuan Reinsurance Ltd	Peak Re Peak Reinsurance Company Limited	Swiss Re Swiss Reinsurance Company
Asian Re Asian Reinsurance Corporation	Emirates Insurance Emirates Insurance Company	LVI Lao-Viet Insurance Company	PICC PICC Property and Casualty Co., Ltd	TRUST Trust International Insurance
Aspen Re Aspen Re	GARD GARD AS	London P&I Club The London Steam-Ship Owners' Mutual Insurance Association Limited	Ping An Ping An Insurance Company of China, Ltd.	TUGU RE PT. Tugu Reasuransi Indonesia
AXIS Re AXIS Specialty Limited	GIC Bhutan Re GIC Bhutan Re	LF Insurance Länsförsäkringsgar Insurance Sweden	SANTAM RE SANTAM RE	Thai Re Thai Reinsurance Public Company Ltd
Berkley Re Berkley Re	GIC India General Insurance Corporation of India	MNRB Malaysian National Reinsurance Berhad	Seoul Guarantee Seoul Guarantee Insurance Company	Toa Re The Toa Reinsurance Company, Limited.
BARLOW LYDE & GILBER Barlow Lyde & Gilber	HFW LLP Holman Fenwick Willan Llp	Meritz Meritz Fire and Marine Insurance Company	SOGAZ SOGAZ INSURANCE	Tokio Marine Kiln Tokio Marine Kiln
BEAZLEY Beazley	Hannover Re Hannover Re Company	Munich Re Munich Reinsurance Company	Russian Re Russian National Reinsurance Corporation	TPRe Taiping Reinsurance Co., Ltd
BH SPECIALTY Berkshire Hathaway Specialty Insurance	Huyndai Huyndai Marine & Fire Insurance Company	MSIG Mitsui Sumitomo Insurance Co. Ltd.	Samsung F&M Samsung Fire & Marine Insurance Co., Ltd	Trans Re Transatlantic Reinsurance Company
Canopus Canopus Specialty	Hanwha Hanwha General Insurance Company	Mongolia Re Mongolian National Reinsurance Company	Saudi Re Saudi Reinsurance Company	Triglav Re Triglav Re, Reinsurance Company Ltd
China Re China Reinsurance Company	Indonesia Re Indonesian Reinsurance (PT Reasuransi Indonesia Utama)	Nat Re The National Reinsurance Corporation of the Philippines	Scor Re Scor Reinsurance Company	ZURICH Zurich Insurance Company
				West of England P&I Club The West of England Ship Owners Mutual Insurance Association (Luxembourg)



CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU



1

Ông Nguyễn Quốc Huy - Phó Giám đốc Ban Quản lý rủi ro đã được phê chuẩn bổ nhiệm chức danh chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán của VINARE. Việc bổ nhiệm nhân sự nội bộ đáp ứng đủ chuyên môn và yêu cầu nghiệp vụ cho vị trí nhân sự này theo quy định của Bộ Tài chính, cho thấy VINARE luôn quan tâm đào tạo nghiệp vụ để đáp ứng mọi nhu cầu về mặt chuyên môn theo tiêu chuẩn cao, khẳng định là doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực tái bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.



2

VINARE vinh dự được tặng thưởng Cờ thi đua của Bộ Tài chính cho tập thể đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua ngành Tài chính năm 2020.



3

VINARE tham dự giải quần vợt Công đoàn Bộ Tài chính và xuất sắc giành giải Vô địch.



7

Hưởng ứng lời kêu gọi Tuần lễ Hồng - 2021 "Một giọt máu đào - Tiếp sức đồng bào thắng dịch" của Đoàn khối các cơ quan Trung ương, Đoàn thanh niên Bộ Tài chính, Ban Lãnh đạo và Đoàn Thanh niên VINARE nhiệt tình tham gia với tinh thần hiến máu an toàn, không ngại dịch COVID-19, nhằm góp một phần lượng máu y tế quý báu cho những bệnh nhân đang cần được giúp đỡ.



8

Top 10 ngành Ngân hàng - Dịch vụ tài chính tại Lễ công bố và vinh danh Thương hiệu mạnh Việt Nam 2020 - 2021.



9

Nằm trong bảng xếp hạng PROFIT500 - Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2021 - Xếp thứ 9/23 Top Doanh nghiệp ngành bảo hiểm có lợi nhuận tốt nhất do Chương trình xếp hạng PROFIT500.



4

AM Best tiếp tục khẳng định năng lực tài chính (FSR) mức **B++** (Tốt) và năng lực tín dụng dài hạn của tổ chức phát hành (ICR) mức "**bbb+**" cho VINARE.



5

VINARE được vinh danh là một trong số 389 doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2021 (IR Awards 2021).



6

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, Công đoàn VINARE và Công đoàn Bộ Tài chính, Công đoàn Viên chức tỉnh Kon Tum đã tổ chức Lễ khánh thành và bàn giao nhà tình nghĩa cho hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại Kon Tum - gia đình ông A Quang cư trú tại thôn Đăk Rế, xã Mường Hoong, huyện Đăk.Glei, tỉnh Kon Tum.



10

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, Tổng Công ty Cổ phần Tái B bảo hiểm Quốc gia (VINARE) đã tổ chức thành công sự kiện Hội nghị bàn tròn Tái bảo hiểm - Nhận định về mùa tái tục 2022 theo hình thức trực tuyến (webinar).



11

Báo cáo thường niên của VINARE xuất sắc được vinh danh ở hạng mục giải "**Tiến bộ vượt trội**" tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2021.



12

Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam - VINARE chung tay cùng cộng đồng phòng chống dịch COVID-19: Ủng hộ quỹ vắc xin phòng chống COVID-19 và tài trợ trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Bệnh viện Giao thông vận tải với tổng số tiền là 637.490.000 đồng.

CÁC ĐIỂM NHẤN NĂM 2021



VỚI NHỮNG THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP
CHO THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM
TRONG 27 NĂM QUA

VINARE

ĐÃ VINH DỰ ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG NHIỀU PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ
CỦA NHÀ NƯỚC, CHÍNH PHỦ VÀ BỘ TÀI CHÍNH,
TRONG ĐÓ PHẢI KỂ ĐẾN

CỜ THI ĐUA
CỦA BỘ TÀI CHÍNH
VÌ NHỮNG THÀNH TÍCH
XUẤT SẮC
TRONG HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH

VIETNAM
PROFIT 500

TOP 5
DOANH NGHIỆP NGÀNH
BẢO HIỂM CÓ LỢI NHUẬN
TỐT NHẤT DO
CHƯƠNG TRÌNH XẾP HẠNG
PROFIT500 CỦA VIETNAM
REPORT VÀ VIETNAMNET
CÔNG BỐ

VIETNAM
PROFIT 500

TOP 500
DOANH NGHIỆP
CÓ LỢI NHUẬN TỐT NHẤT
TRONG NỀN KINH TẾ DO
CHƯƠNG TRÌNH XẾP HẠNG
PROFIT500 CỦA VIETNAM
REPORT VÀ VIETNAMNET
CÔNG BỐ



MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH DOANH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

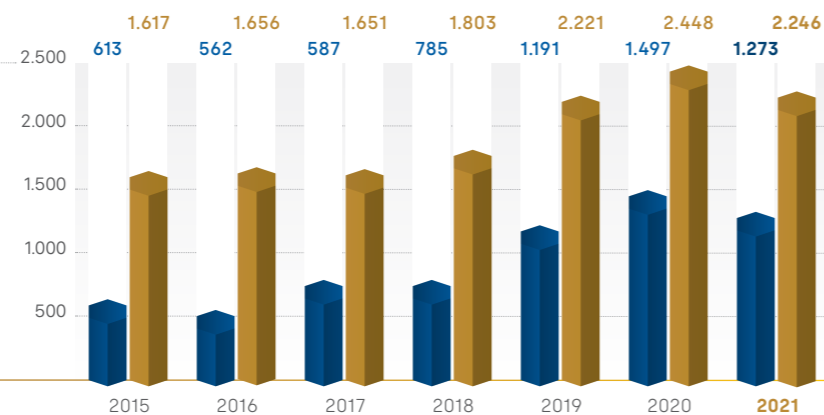
DOANH THU

ĐVT: Tỷ VNĐ

● Doanh thu phí giữ lại ● Doanh thu phí nhận

2.246

DOANH THU PHÍ NHẬN



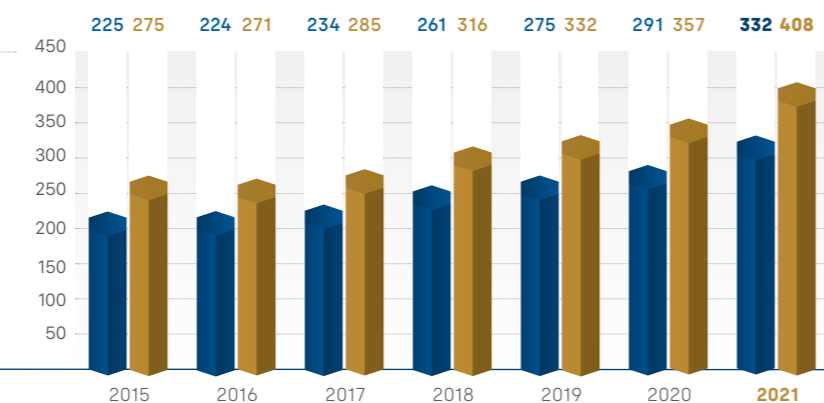
LỢI NHUẬN

ĐVT: Tỷ VNĐ

● Lợi nhuận sau thuế ● Lợi tức trước thuế

408

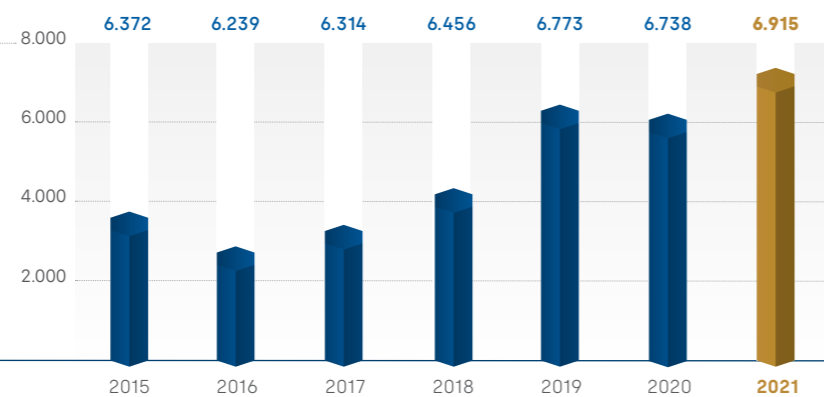
LỢI TỨC TRƯỚC THUẾ



TỔNG TÀI SẢN

ĐVT: Tỷ VNĐ

6.915



TỶ SỐ LỢI NHUẬN

ĐVT: %

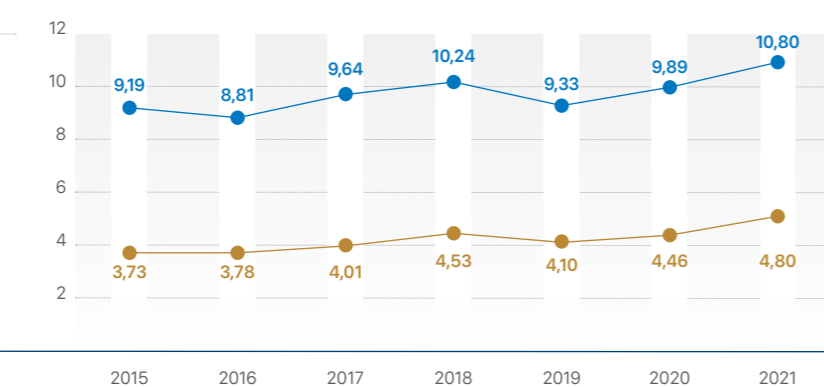
● ROA ● ROE

4,8

ROA

10,8

ROE



SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

ĐVT: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Doanh thu phí nhận	1.617	1.656	1.651	1.803	2.221	2.448	2.246
Doanh thu phí giữ lại	613	562	587	785	1.191	1.497	1.273
Doanh thu đầu tư và khác	230	231	297	365	337	380	480
Kết dư dự phòng nghiệp vụ (net)	818	839	910	1.072	1.314	1.543	1.520
Vốn điều lệ	1.310	1.310	1.310	1.310	1.310	1.310	1.507
Tổng tài sản	6.465	6.350	6.472	6.667	6.994	6.976	7.157
Lợi tức trước thuế	290	287	311	358	344	377	423
Lợi nhuận sau thuế	241	240	259	302	287	311	347
ROA (%)	3,73	3,78	4,01	4,53	4,10	4,46	4,85
ROE (%)	9,19	8,81	9,64	10,24	9,33	9,89	10,56
EPS (VNĐ)	1.802	1.777	1.918	2.204	2.118	2.314	2.235

SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

ĐVT: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Doanh thu phí nhận	1.617	1.656	1.651	1.803	2.221	2.448	2.246
Doanh thu phí giữ lại	613	562	587	785	1.191	1.497	1.273
Doanh thu đầu tư và khác	243	239	304	355	357	390	463
Kết dư dự phòng nghiệp vụ (net)	818	839	910	1.072	1.314	1.543	1.520
Vốn điều lệ	1.310	1.310	1.310	1.310	1.310	1.310	1.507
Tổng tài sản	6.372	6.239	6.314	6.456	6.773	6.738	6.915
Lợi tức trước thuế	275	271	285	316	332	357	408
Lợi nhuận sau thuế	225	224	234	261	275	291	332
ROA (%)	3,53	3,58	3,70	4,05	4,05	4,32	4,80
ROE (%)	8,79	8,44	9,05	9,30	9,40	9,90	10,83



AM BEST KHẲNG ĐỊNH XẾP HẠNG

CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM NĂM 2021



AM BEST TIẾP TỤC KHẲNG ĐỊNH NĂNG LỰC TÀI CHÍNH (FSR) MỨC

B++ (TỐT)

VÀ NĂNG LỰC TÍN DỤNG DÀI HẠN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (ICR) MỨC

bbb+

CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM (VINARE) TRONG KỶ ĐÁNH GIÁ 2021. TRIỂN VỌNG CỦA NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ NĂNG LỰC TÍN DỤNG DÀI HẠN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH Ở MỨC ỔN ĐỊNH (STABLE).

VINARE là một trong hai doanh nghiệp bảo hiểm/tái bảo hiểm đầu tiên trên thị trường bảo hiểm Việt Nam thực hiện việc xếp hạng năng lực tài chính với một tổ chức xếp hạng quốc tế từ năm 2013 và liên tục duy trì mức xếp hạng B++ từ đó đến nay.

MỨC XẾP HẠNG PHẢN ẢNH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VỮNG MẠNH CỦA

VINARE

ĐƯỢC AM BEST ĐÁNH GIÁ Ở MỨC RẤT TỐT, ĐỒNG THỜI CŨNG PHẢN ẢNH KẾT QUẢ KINH DOANH TỐT, HỒ SƠ NĂNG LỰC KINH DOANH ỔN ĐỊNH, VÀ KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO DOANH NGHIỆP (ERM) PHÙ HỢP.

Khả năng tài chính của VINARE, được phân tích thông qua chỉ tiêu vốn hóa theo rủi ro và đo lường bởi chỉ số Best's Capital Adequacy Ratio (BCAR), được duy trì ở mức cao nhất năm 2020. Mặc dù VINARE luôn duy trì mức chi trả cổ tức cao trong 5 năm qua, lợi nhuận giữ lại vẫn duy trì ở mức cao và đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh doanh. Một số yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tài chính bao gồm việc VINARE có tỷ lệ nhượng tái bảo hiểm tương đối cao và nguy cơ rủi ro thiên tai. Khả năng tài chính vững mạnh của VINARE còn được đánh giá dựa trên sự đáp ứng đầy đủ yêu cầu nguồn vốn, mức giữ lại phù hợp và các nhà nhận tái có khả năng tín dụng tốt. AM Best đánh giá danh mục đầu tư của VINARE có rủi ro vừa phải. Trong khi phần lớn tài sản đầu tư được phân bổ vào danh mục tiền mặt, tiền gửi và trái phiếu, và danh mục đầu tư của VINARE cũng phân bổ vào danh mục đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác.

AM Best đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của VINARE tốt, bằng chứng là tỷ lệ kết hợp (combined ratio) trung bình 5 năm ở mức 95,1% và ROE là 9,1% (2016 - 2020). Sự dao động trong kết quả kinh doanh nghiệp vụ trong những năm qua chủ yếu bởi tổn thất gia tăng của nghiệp vụ Tài sản và mức tăng trưởng của nghiệp vụ Bảo hiểm Tái nạn cá nhân (Banca PA). Về mặt triển vọng, AM Best vẫn kỳ vọng kết quả kinh doanh nghiệp vụ sẽ tốt khi VINARE thực hiện các biện pháp củng cố danh mục kinh doanh của mình. Thu nhập đầu tư tiếp tục đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh

chung, mặc dù vẫn phải đối diện với làn sóng giảm lãi suất và sự bất ổn của thị trường vốn do hậu quả của đại dịch COVID-19.

Vị thế kinh doanh của VINARE được đánh giá là cân bằng. Trong hai công ty tái bảo hiểm tại Việt Nam, VINARE là công ty có quy mô lớn hơn, với tổng doanh thu phí nhận (GWP) là 2,5 nghìn tỷ VND (106 triệu USD) trong năm 2020. VINARE được hưởng lợi từ mối quan hệ lâu dài với một số công ty bảo hiểm trong nước, bao gồm một số công ty bảo hiểm nắm giữ cổ phần tại VINARE tạo lợi thế cạnh tranh cho VINARE khi tiếp cận thị trường. Cơ cấu nhận tái bảo hiểm của VINARE khá đa dạng hóa theo từng nghiệp vụ, tuy nhiên, sự đa dạng hóa về địa lý bị hạn chế hơn do phần lớn doanh thu phí đến từ thị trường Việt Nam.

Khung quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM) được đánh giá là phù hợp với quy mô và độ phức tạp của hoạt động kinh doanh của VINARE. Khung quản lý và năng lực quản lý rủi ro của VINARE được sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật và chuyên môn trong những năm qua từ Swiss Reinsurance Company Ltd - cổ đông lớn thứ hai của VINARE. Sự tham gia tích cực của các cổ đông lớn là các công ty bảo hiểm trong nước và sự giám sát rủi ro liên tục đã giúp VINARE thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro một cách kịp thời.

VINARE đã và đang thiết lập một chiến lược phát triển trên tầm cao mới với một kế hoạch hành động tích cực, tiếp tục cam kết mạnh mẽ việc cung cấp các giải pháp dài hạn và dịch vụ chất lượng quốc tế cho thị trường trong nước và khu vực, tham gia vào các chương trình bảo hiểm của Chính phủ, đồng hành và hỗ trợ thị trường bảo hiểm Việt Nam hướng tới sự phát triển bền vững và hiệu quả và thực thi trách nhiệm cộng đồng trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội.

Mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2020-2024 của VINARE thực sự đặt ra nhiều thách thức: tăng trưởng doanh thu phí nhận đảm bảo bình quân 9%/năm; tỷ lệ combined ratio bình quân tối đa 98%; tăng trưởng lợi nhuận trước thuế tối thiểu bình quân 7%/năm; tỷ lệ cổ tức tối thiểu 12%/năm; ROE bình quân tối thiểu 10%; Vốn điều lệ tăng lên 2.000 tỷ cho đến năm 2024.



LINH HOẠT

LINH HOẠT là sự ứng biến nhanh chóng, điều chỉnh kịp thời về mặt tinh thần và thể chất để dễ dàng thích nghi với bất cứ hoàn cảnh nào, dù khó khăn đến đâu. Linh hoạt sẽ giúp chúng ta phản ứng nhanh trong việc nắm bắt những cơ hội có lợi hoặc giải quyết các vấn đề khó khăn.

(Theo định nghĩa của Wikipedia)

02

**MÔI TRƯỜNG KINH DOANH
VÀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH**



TẠI VINARE, CHÚNG TÔI HIỂU RẰNG LINH HOẠT LÀ



Năm 2020 Việt Nam là điểm sáng trụ vững trước các làn sóng đại dịch COVID-19, tuy nhiên năm 2021 chúng ta đã chịu ảnh hưởng sâu sắc, trực tiếp và gián tiếp đến toàn bộ nền kinh tế cũng như đến từng gia đình. Trước bối cảnh đó, nếu VINARE không thay đổi chiến lược linh hoạt thì không thể tồn tại và tăng trưởng được trong thị trường ngày càng biến động khó lường.

Bạn không thể thay đổi được hướng gió nhưng bạn có thể điều chỉnh được cánh buồm.

Nguyễn Đình An

Thành viên Hội đồng quản trị



TOÀN CẦU: **HỢP TÁC** TRỞ THÀNH CHIẾN LƯỢC CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY BẢO HIỂM KHI HỘI TỤ VỚI CÁC LĨNH VỰC KHÁC

“Hợp tác” (nghĩa là cạnh tranh và cộng tác đồng thời) sẽ trở thành trụ cột trong chiến lược của các công ty bảo hiểm khi họ xây dựng hệ sinh thái và giải quyết vấn đề hội tụ với các lĩnh vực khác

Công ty dịch vụ chuyên nghiệp toàn cầu Ernst & Young (EY) cho biết.



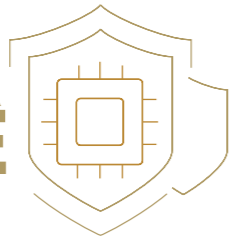
Bối cảnh cạnh tranh hiện nay trong lĩnh vực bảo hiểm đáng chú ý vì sự phân khúc thị trường, sự hòa nhập của các đối thủ cạnh tranh phi truyền thống và sự cộng tác rộng rãi.

Trong báo cáo “**Triển vọng Bảo hiểm Toàn cầu năm 2022**” của mình, EY cũng cho biết sự hợp nhất giữa các công ty bảo hiểm hiện thời, trong đó một số công ty bảo hiểm này được liên kết với các công ty mới gia nhập thị trường, các công ty liên doanh đang phát triển, cùng với các khoản đầu tư lớn đang được triển khai của quỹ đầu tư tư nhân cũng đang định hình lại bối cảnh này.

Các ngân hàng, công ty quản lý tài sản và công ty thẻ tín dụng sẽ cung cấp nhiều sản phẩm mang tính bảo vệ hơn và cố gắng tạo ra sự khác biệt dựa vào các cam kết về giá trị tài chính toàn diện, buộc các công ty bảo hiểm phải lựa chọn giữa cộng tác hay cạnh tranh. Các thương hiệu ô tô hàng đầu, hãng hàng không, nhà bán lẻ và những người khác đang tìm cách tăng cường mối quan hệ với khách hàng của mình bằng cách lồng ghép nhiều dịch vụ bảo hiểm hơn theo nhiều cách. Đối với các công ty bảo hiểm hướng tới tương lai, không thiếu các mối quan hệ đối tác tiềm năng để khai thác.

(Theo AIR 25/01/2022)

CÔNG NGHỆ BẢO HIỂM



Các công ty bảo hiểm sẽ tìm kiếm hợp tác với hoặc mua lại các Công nghệ bảo hiểm hứa hẹn nhất, nhưng một số công nghệ bảo hiểm sẽ phát triển quá lớn quá nhanh; những “siêu ứng dụng” này sẽ trở thành những người tham gia có ảnh hưởng trong toàn cảnh hệ sinh thái hiện đang hình thành. Điều này cũng đúng với các nền tảng công nghệ lớn; ngay cả khi họ quyết định không chấp nhận bất kỳ rủi ro nào, họ sẽ lồng ghép các sản phẩm bảo hiểm vào nhiều giao dịch hơn và do đó sẽ cần các đối tác, các công ty bảo hiểm hiện thời hoặc Công nghệ bảo hiểm.

(Theo AIR 25/01/2022)

NHỮNG XU HƯỚNG LỚN (MEGATRENDS)



EY nêu bật 3 trong số những xu hướng lớn nhất đang định hình lại ngành bảo hiểm là: hệ sinh thái và bảo hiểm mở; chuyển đổi lực lượng lao động và tính bền vững và xanh hóa nền kinh tế toàn cầu. EY cho biết thêm rằng sẽ không thể xây dựng hệ sinh thái thành công nếu không chuyển đổi lực lượng lao động với các kỹ năng mới và trải nghiệm phong phú của nhân viên. Tương tự như vậy, chỉ bằng cách hoàn toàn đi theo và thực hiện mục đích của mình cùng với việc đổi mới cung cấp sản phẩm, các công ty bảo hiểm mới có thể dẫn đường đi tới một nền kinh tế bền vững hơn.

Một chủ đề thống nhất trong cuộc thảo luận là năng lực vững mạnh về công nghệ và dữ liệu. Ngoài việc cho phép kết nối và khả năng mở rộng, việc số hóa hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp và chuyển sang điện toán đám mây là cần thiết để cạnh tranh thành công cùng với việc phát triển sản phẩm mới, các mô hình kinh doanh trong hệ sinh thái và để giải quyết các chuẩn mực kế toán và báo cáo mới một cách hiệu quả.

(Theo AIR 25/01/2022)





MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

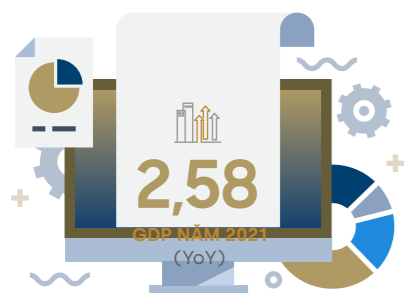


TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2021



Năm 2020 Việt Nam là điểm sáng trụ vững trước các làn sóng đại dịch COVID-19, tuy nhiên năm 2021 chúng ta đã chịu ảnh hưởng sâu sắc, trực tiếp và gián tiếp đến toàn bộ nền kinh tế cũng như đến từng gia đình.



Sau khởi đầu mạnh mẽ trong quý 1 và duy trì đà tăng trưởng trong quý 2/2021, nền kinh tế Việt Nam đã bị ảnh hưởng tiêu cực khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát nhanh từ cuối tháng 4, thời điểm mà hầu hết dân số còn chưa được tiêm chủng. Các nỗ lực để truy vết và ngăn chặn dịch bệnh hầu như không hiệu quả trước sự lây lan nhanh chóng của biến chủng Delta. Dịch bệnh sau đó bùng phát mạnh và lan rộng đến các cụm công nghiệp và các khu vực có mật độ dân số cao như Bắc Ninh,

Bắc Giang, Hải Dương và sau đó là Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai... Cuối quý 3/2021 khi việc tiêm chủng được tiến hành rộng rãi trên cả nước dịch bệnh đã dần được kiểm soát. Các đợt phong tỏa trên diện rộng hầu hết chỉ được dỡ bỏ trong quý 4 khi thực hiện chuyển đổi chiến lược chống dịch của Chính phủ bằng Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19. Nền kinh tế đã có bước chuyển biến tích cực trong trong quý 4/2021 đạt mức 5,22% so với cùng kỳ năm trước so với mức giảm 6% so với cùng kỳ năm trước của quý 3, mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP hàng quý cho đến nay.

Tính chung cả năm 2021, GDP đạt mức 2,58% so với cùng kỳ năm trước, bằng ½ mức bình quân của toàn cầu.

Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2021 thấp nhất kể từ năm 1986 trở lại đây nhưng các chỉ số kinh tế vĩ mô năm 2021 của Việt Nam vẫn giữ ổn định, đây là nền tảng quan trọng trong việc duy trì được sự hồi phục kinh tế cho năm 2022.

Làn sóng COVID-19 lần thứ tư đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam, đặc biệt trong quý 3/2021. Năm 2021, GDP Việt Nam tăng trưởng 2,51% - thấp hơn mức 2,9% vào năm 2020. Tuy nhiên, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong chương trình tiêm chủng. Sự kết hợp giữa đẩy mạnh tiến độ tiêm chủng vacxin, phục hồi lĩnh vực sản xuất, chỉ tiêu tiêu dùng tăng trở lại và chính sách tiếp tục hỗ trợ của Nhà nước có thể giúp tăng trưởng kinh tế năm 2022 phục hồi mạnh mẽ hơn. Gói kích thích kinh tế sẽ có khoản chi đáng kể phục vụ lĩnh vực y tế.

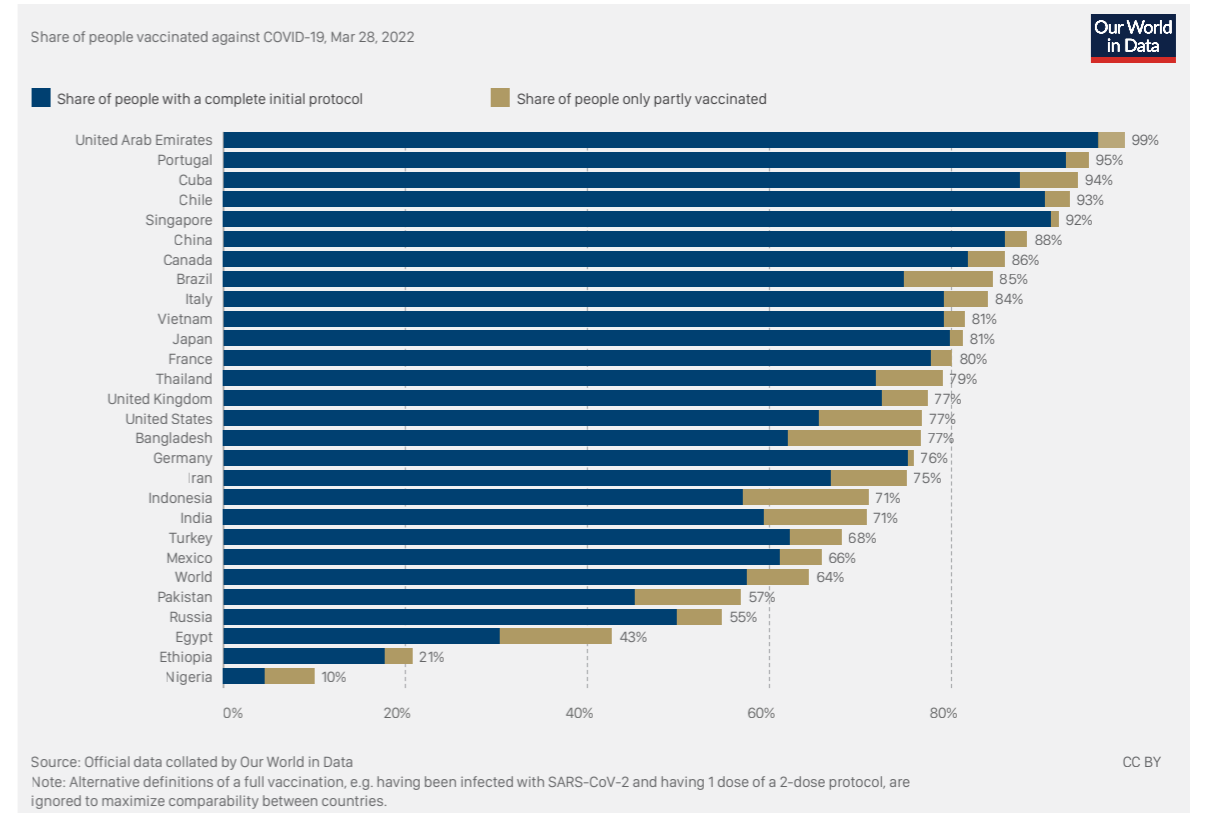


KIỂM SOÁT DỊCH BỆNH VÀ TIÊM VACCINE THẦN TỐC



Năm 2021, nước ta trải qua 2 đợt bùng phát dịch bệnh COVID-19 kéo dài với biến chủng Delta lây lan nhanh hơn chủng cũ nhiều lần và hết sức nguy hiểm, khó kiểm soát hơn.

Với chiến dịch tiêm vaccine thần tốc, từ chỗ tỷ lệ tiêm vaccine rất thấp, Việt Nam đã vượt lên là một trong các nước có tỷ lệ bao phủ vaccine cao nhất thế giới.



NHIỀU CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ COVID-19



Năm 2021, nhiều chính sách an sinh hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động, người nhiễm COVID-19... đã được Chính phủ, bộ ban ngành và địa phương triển khai thực hiện như: Nghị định số 52/2021/NĐ-CP về giãn hoãn thuế, tiền thuê đất; Nghị quyết 68/NQ-CP về an sinh xã hội; Nghị quyết 116/NQ-CP về hỗ trợ người lao động; Nghị quyết số 83/NQ-CP về giảm giá điện; Thông tư 03-NHNN, sau đó sửa đổi bằng Thông tư 14-NHNN về cơ cấu lại nợ và giảm lãi, phí...

Năm gói an sinh đã được triển khai hỗ trợ: gói hỗ trợ 26.000 tỷ đồng từ nguồn ngân sách; gói hỗ trợ 38.000 tỷ đồng từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Riêng Thành phố Hồ Chí Minh đã chi hơn 9.800 tỷ đồng hỗ trợ trong 3 đợt.



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

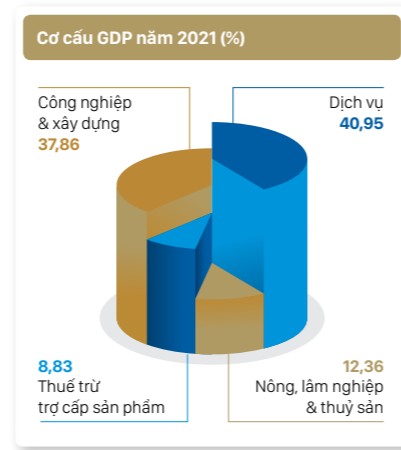
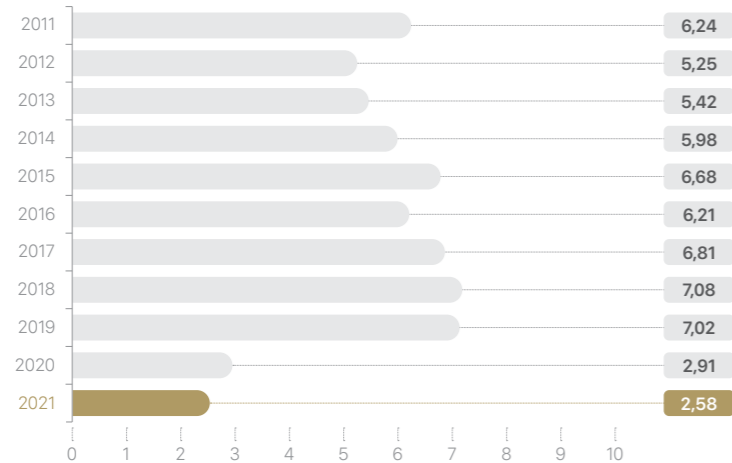
DUY TRÌ TĂNG TRƯỞNG DƯƠNG, PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ



Từ giữa tháng 10/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 128/NQ-CP chuyển sang trạng thái thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

Tăng trưởng kinh tế 3 tháng cuối năm khởi sắc, GDP quý IV ước tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020. Đây là sự đảo chiều ấn tượng so với mức sụt giảm của quý trước, đưa tổng sản phẩm trong nước năm 2021 ước tính tăng 2,58%.

Tăng trưởng GDP qua các năm (%)



KHU VỰC CÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG TIẾP TỤC LÀ TRỤ CỘT TĂNG TRƯỞNG BẤT CHẤP SỰ SUY GIẢM TRONG QUÝ 3



Trong quý 4, khu vực Công nghiệp và Xây dựng, chiếm 37,9% GDP, tăng trưởng 5,6% so với cùng kỳ, sau khi suy giảm 5,5% trong quý 3. Cùng với mức tăng trưởng cao 6,3% và 10,4% trong 2 quý đầu năm, khu vực này đạt mức tăng trưởng cả năm khả quan, 4,1% so với năm 2020. Ngành Công nghiệp Chế biến, Chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế.

Chỉ số PMI đã sụt giảm từ 54,7 điểm trong tháng 4 năm 2021, mức cao nhất trong năm xuống còn 44,1 điểm trong tháng 6 và sau đó xuống đến 40,2 điểm trong tháng 8 và tháng 9, mức thấp nhất trong năm 2021 và sau đó phục hồi ở mức trên 52,1 điểm tháng 10; 52,2 điểm tháng 11 và 52,5 điểm tháng 12/2021.

TĂNG TRƯỞNG GDP
(so với năm 2020)

4,1%

CHỈ SỐ PMI
(điểm)

52,5

KHU VỰC NÔNG NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG TỐT, LUÔN LÀ BỆ ĐỠ MỠI KHI KINH TẾ VIỆT NAM GẶP KHÓ KHĂN



Mặc dù bị ảnh hưởng khi chuỗi cung ứng bị gián đoạn do chính sách phong tỏa và hạn chế đi lại trong quý 3, khu vực Nông - Lâm - Ngư nghiệp vẫn ghi nhận kết quả khả quan. Với điều kiện sản xuất thuận lợi trong cả năm và tình hình dịch bệnh trên vật nuôi được kiểm soát, khu vực này tăng trưởng 2,9% so với năm trước, là mức tăng trưởng tốt nhất kể từ 2018 (tăng 3,8%). Do sự suy giảm của khu vực Dịch vụ, khu vực Nông - Lâm - Ngư nghiệp đóng góp đến 14,0% vào tổng tăng trưởng GDP trong năm 2021, trong khi chỉ chiếm 12,4% trong tổng GDP năm 2021, tỷ trọng nhỏ nhất trong các khu vực kinh tế.

KHU VỰC DỊCH VỤ TĂNG TRƯỞNG THẤP TRONG NĂM 2021



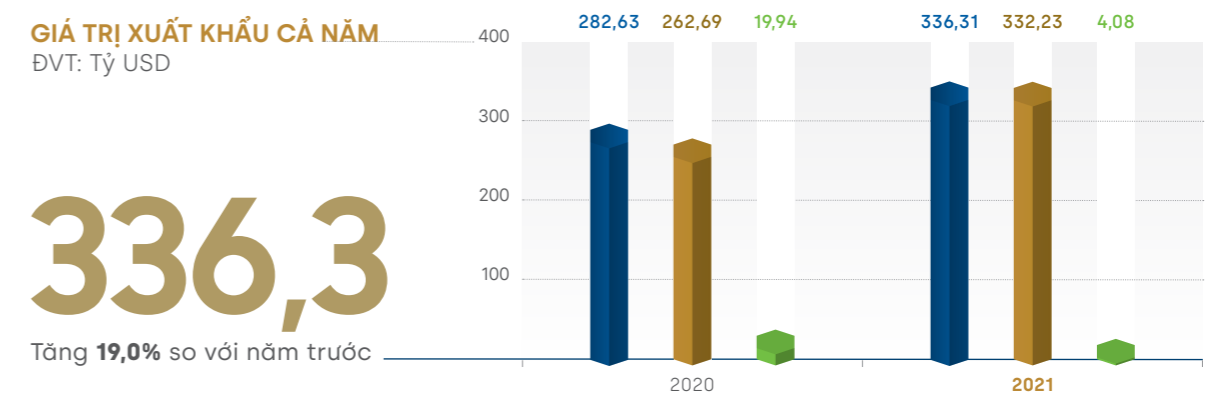
Dịch vụ, khu vực chiếm tỷ trọng lớn nhất, 41% trong cơ cấu GDP, bị tác động nghiêm trọng nhất bởi đại dịch COVID-19. Số lượng du khách quốc tế đã sụt giảm nghiêm trọng từ khi bắt đầu đại dịch trong năm 2020 trong khi cầu nội địa suy yếu trong quý 3/2021 do các đợt phong tỏa trên diện rộng và thu nhập khả dụng cũng như niềm tin người tiêu dùng giảm. Sau khi dần hồi phục với mức tăng trưởng 3,6% và 4,2% so với cùng kỳ trong quý 1 và quý 2, khu vực Dịch vụ suy giảm mạnh 8,6% so với cùng kỳ vào quý 3/2021. Nền kinh tế mở cửa trở lại đã giúp khu vực này tăng trưởng 5,4% so với cùng kỳ trong quý 4. Tuy nhiên tính chung cả năm 2021, khu vực Dịch vụ chỉ tăng trưởng 1,2% so với năm trước, thấp hơn năm 2020 (tăng 2,3%) và thấp hơn rất nhiều so với 2019 (tăng 7,9%).

THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA ĐẠT THẶNG DƯ



Trong khi phần lớn hoạt động thương mại toàn cầu trong năm 2021 bị ảnh hưởng bởi sự gián đoạn chuỗi cung ứng, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam chủ yếu bị tác động bởi các biện pháp giãn cách xã hội trong quý 3. Tương tự như chỉ số sản xuất công nghiệp, các ngành hàng xuất khẩu ghi nhận mức độ bị ảnh hưởng khác nhau. Tính chung, tổng giá trị xuất khẩu tăng trưởng 28,4% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm, giảm tốc trong quý 3 với mức tăng trưởng khiêm tốn 3,0% so với cùng kỳ và phục hồi khả quan với mức tăng trưởng 19,4% trong quý 4 2021. Giá trị xuất khẩu cả năm tăng 19,0% so với năm trước và đạt 336,3 tỷ USD. Mặc dù nhập khẩu tăng cao 26,5% so với cùng kỳ từ nền thấp trong năm 2020, Tổng cục Hải quan ước tính thặng dư thương mại hàng hóa năm 2021 đạt khoảng 4,1 tỷ USD so với mức thặng dư kỷ lục 19,9 tỷ USD trong năm 2020.

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CẢ NĂM
ĐVT: Tỷ USD



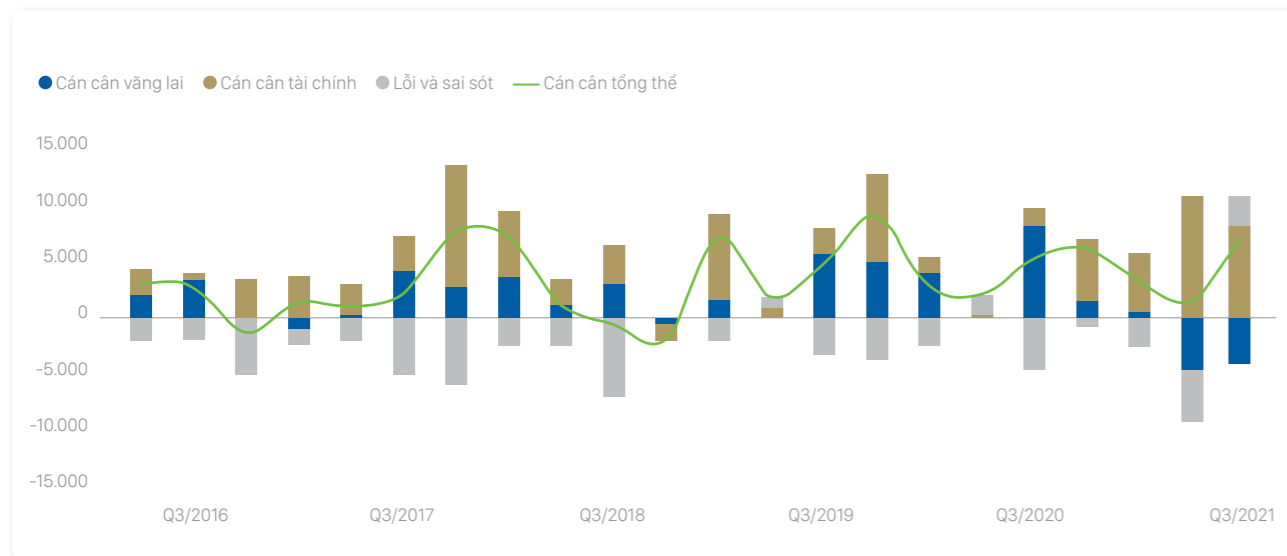


MÔI TRƯỜNG KINH DOANH TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

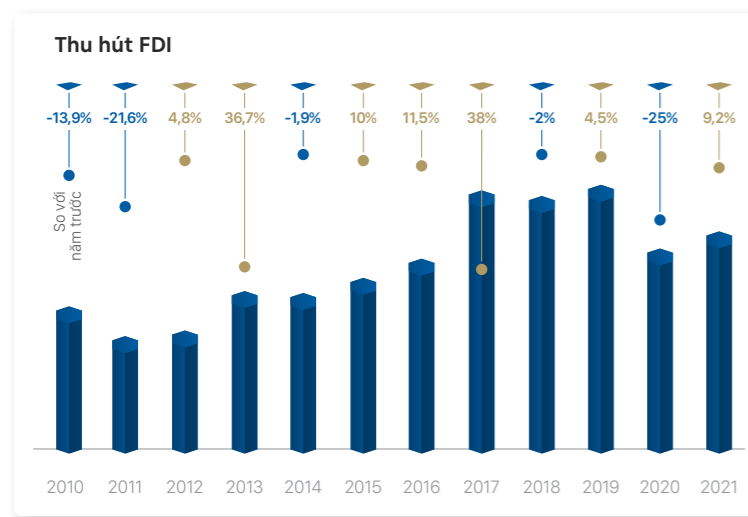
CÁN CÂN THANH TOÁN VẤN DUY TRÌ TRẠNG THÁI THẶNG DƯ

Cán cân thương mại dịch vụ tiếp tục ghi nhận năm thâm hụt kỷ lục thứ hai liên tiếp, chủ yếu là do thiếu vắng khách du lịch quốc tế. Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ tiếp tục giảm 51,7% so với cùng kỳ xuống 3,7 tỷ USD trong năm 2021, sau khi đã giảm mạnh 68,4% trong năm 2020. Nhập khẩu dịch vụ chịu ảnh hưởng bởi chi phí vận tải tăng vì dịch vụ vận tải chiếm hơn 50% trong tổng kim

ngạch nhập khẩu dịch vụ và đã tăng mạnh 34,2% so với cùng kỳ lên mức 10,0 tỷ USD trong năm 2021. Tổng kim ngạch nhập khẩu dịch vụ do đó đã tăng 8,5% so với cùng kỳ lên 19,4 tỷ USD. Nhập siêu dịch vụ trong năm 2021 vì vậy ở mức 15,7 tỷ USD, cao hơn 53,0% so với mức thâm hụt trong năm 2020.



VỐN FDI VÀO VIỆT NAM TÍCH CỰC



Quy mô các dự án FDI được phê duyệt trong năm 2021 đã giúp trấn an các nhà đầu tư rằng đại dịch COVID-19, sự gián đoạn chuỗi cung ứng cũng như các hạn chế đi lại không ảnh hưởng nhiều đến việc cấp mới các dự án FDI cũng như vị thế của Việt Nam là một cứ điểm sản xuất hấp dẫn. Giá trị các dự án đăng ký mới tăng 4,1% so với cùng kỳ lên 15,2 tỷ USD và vốn đăng ký tăng thêm của các dự án hiện hữu tăng 40,5% so với cùng kỳ lên 9 tỷ USD. Theo đó, tổng vốn FDI được phê duyệt trong năm 2021 tăng 15,2% so với cùng kỳ và đạt 24,3 tỷ USD, cải thiện đáng kể so với mức giảm 6,6% trong năm 2020. Tổng vốn FDI giải ngân đạt 19,7 tỷ USD, thấp hơn 1,2% so với 2020, tuy nhiên vẫn cao hơn 13,1% so với mức trung bình 5 năm trước đại dịch là 17,5 tỷ USD.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ ỔN ĐỊNH, TIỀN ĐỒNG GIỮ GIÁ

Vị thế ngoại hối của Việt Nam đã được kiểm soát tốt trong suốt năm 2021. Tỷ giá VNĐ/USD tại các ngân hàng thương mại ổn định trong cả năm và mặc dù đồng VNĐ có giảm nhẹ 0,5% trong quý 4 do nhu cầu ngoại tệ cao cuối năm nhưng vẫn tăng 1,3% so với đầu năm. Thanh khoản ngoại hối dồi dào giúp tỷ giá trung bình của Ngân hàng Nhà nước trong nửa sau của năm 2021 (trong biên độ +/-3%), trong khi dao động quanh tỷ giá trung tâm trong nửa đầu năm và cao hơn tỷ giá tham chiếu trong năm 2020. Một điểm đáng chú ý là sau khi đưa Việt Nam vào danh sách các quốc gia thao túng tiền tệ vào cuối năm 2020 và tiến hành điều tra vào tháng 4 năm 2021, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã chính thức công nhận Việt Nam không thao túng tiền tệ vào tháng 7 năm 2021.



TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG TĂNG TỐC VÀO CUỐI NĂM - LẠM PHÁT DUY TRÌ Ở MỨC THẤP



Lạm phát duy trì ở mức khá thấp trong suốt năm 2021, chỉ tăng trung bình 15 điểm phần trăm một tháng và đạt mức bình quân 1,8% trong năm 2021, mức thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát trong nước vẫn thấp mặc dù chịu tác động từ việc giá nhiên liệu toàn cầu và phí vận tải quốc tế tăng mạnh cũng như các gián đoạn chuỗi cung ứng trong nước gây ra nhiều áp lực lên chi phí sản xuất và giá cả hàng hóa.

Như diễn biến trong nhiều năm trước, tăng trưởng tín dụng dẫn tăng tốc trong năm. Sau khởi đầu tốt với mức tăng 3,0% trong quý 1, tín dụng tiếp tục tăng trưởng tích cực 6,4% tính đến cuối quý 2 nhưng trì trệ, chỉ đạt 7,9% vào cuối quý 3 trước khi tăng tốc vào quý 4 giúp tăng trưởng tín dụng cả năm đạt 13,53%. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng năm 2021 đã tăng lên 1,9% từ mức 1,7% cuối năm 2020 và lên đến 8,2% bao gồm nợ bán cho VAMC chưa được xử lý và nợ ảnh hưởng của COVID-19 được gia hạn thời gian trả nợ. Tuy nhiên, vấn đề này nằm trong dự đoán và được Ngân hàng Nhà nước giám sát rất sát sao.



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ



CHUYỂN ĐỔI SỐ VIỆT NAM TĂNG TỐC



- Năm 2021 là năm chuyển đổi số tăng tốc mạnh mẽ với các điểm nhấn là thương mại điện tử, dịch vụ công và dịch vụ số...
- Đại dịch COVID-19, bên cạnh tác động tiêu cực cũng là tạo "cú huých" thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số Việt Nam. Một trong những điểm nhấn năm 2021 là Việt Nam đã xây dựng được cơ sở dữ liệu dân cư. Đây là cơ sở dữ liệu quan trọng để phát triển chính phủ điện tử, kinh tế số và xã hội số.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN BÙNG NỔ



Thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận một năm 2021 tăng trưởng bùng nổ về mọi phương diện, từ chỉ số cho tới thanh khoản, số lượng người tham gia. Các ngưỡng 1.500 điểm được chinh phục và mang đến niềm tin cho nhiều người bất chấp tâm lý tiêu cực trước thông tin về đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, trong đó có biến chủng nguy hiểm mới Omicron lây lan ở nhiều nước.



Trái với các dự báo triển vọng tươi sáng vào cuối năm 2020, dịch bệnh COVID-19 bùng phát từ quý 2/2021 và các chính sách ngăn chặn dịch bệnh sau đó đã khiến nền kinh tế Việt Nam lệch nhịp phục hồi của kinh tế thế giới trong năm 2021. Với nỗ lực chuyển hướng chiến lược phòng chống Covid tuy muộn nhưng khá thành công của Chính phủ, nếu không xuất hiện các biến chủng vi rút mới nguy hiểm hơn, khả năng nền kinh tế bị gián đoạn như trong 2021 sẽ không lặp lại trong năm 2022.

Trong trường hợp không có thêm các gián đoạn kinh tế hay các sự kiện bất ngờ, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ hồi phục dần theo đồ thị chữ "U". Người lao động bị mất việc hoặc bỏ việc sẽ cần thêm thời gian để có thể tự tin quay lại các thành phố lớn để tiếp tục công việc hoặc tìm công việc mới, đặc biệt là đối với những người làm trong khu vực Dịch vụ. Vận tải quốc tế và giá cước vận tải trên các tuyến thương mại chính cũng được dự báo là cần khoảng gần một năm để quay lại mức bình thường. Trên toàn cầu, áp lực lạm phát từ giá nhiên liệu tăng và từ các gói kích thích tài khóa khổng lồ kết hợp với thực tế là các gói nới lỏng định lượng sẽ dần được thu hẹp khiến việc dự báo lãi suất và tỷ giá trong năm 2022 trở nên khó khăn. Bên cạnh đó, các diễn biến căng thẳng chính trị giữa Nga - Ucraina, Trung Đông... cũng là các biến số ảnh hưởng lớn tới phục hồi kinh tế toàn cầu.

Hầu hết các tổ chức kinh tế đều dự báo khá thận trọng về mức độ phục hồi của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022. Các định chế tài chính lớn như ADB, IMF, WB, HSBC đều có dự báo tăng trưởng GDP năm 2022 của Việt Nam ở mức 6,5%. Tương tự, Chính phủ cũng đã đề xuất lên Quốc hội kế hoạch tăng trưởng GDP từ 6 - 6,5% và lạm phát khoảng 4,0% trong năm 2022 cùng với các chỉ tiêu khác không quá khác biệt so với những năm trước. Điều này cho thấy Chính phủ ưu tiên phát triển nền kinh tế theo hướng ổn định và vững chắc trong năm 2022.

Mặc dù còn nhiều biến động khó khăn từ môi trường quốc tế và dịch COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp trong nước nhưng tiếp đà giải ngân đầu tư công vào quý 4/2021 cùng với việc thích ứng an toàn, kiểm soát dịch COVID-19 được thực thi trên cả nước thì Kinh tế Việt Nam năm 2022 sẽ sớm trở lại mức phát triển 7%/năm.

KẾ HOẠCH TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA CHÍNH PHỦ (%)



6-6,5

LẠM PHÁT KHOẢNG (%)



4,0

ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THEO HƯỚNG ỔN ĐỊNH VÀ VỮNG CHẮC TRONG NĂM 2022



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH



THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM THẾ GIỚI 2021

Nền kinh tế thế giới bước sang năm 2021 với rất nhiều khó khăn sau một năm bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh với mức suy giảm GDP toàn cầu khoảng 3,1% (theo số liệu của IMF). Đại dịch COVID-19 vẫn tiếp tục diễn ra phức tạp trong năm 2021 với việc xuất hiện nhiều biến chủng mới như Delta, Omicron. Tuy nhiên nền kinh tế thế giới vẫn có được những sự phục hồi đáng kể mặc dù không đồng đều giữa các khu vực trên thế giới. Nền kinh tế toàn cầu ước tăng trưởng khoảng 5,6% trong năm 2021, mức tăng hậu suy thoái mạnh nhất trong 80 năm qua. Tuy nhiên mức tăng trưởng ở các nền kinh tế thu nhập thấp có thể chỉ ở mức 2,9% do những ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19.



Cùng với sự phục hồi kinh tế, thị trường bảo hiểm toàn cầu cũng ghi nhận được những dấu hiệu khá tích cực về tăng trưởng trong năm 2021. Doanh thu phí bảo hiểm toàn cầu năm 2021 ước tăng trưởng khoảng 3,4% (so với mức tăng chỉ khoảng hơn 1% của năm 2020). Mức tăng trưởng doanh thu thị trường đến từ nhu cầu bảo hiểm gia tăng trong cả hai phân khúc nhân thọ và phi nhân thọ đối với cả khách hàng tư nhân và khách hàng doanh nghiệp Tỷ lệ phí bảo hiểm tiếp tục gia tăng trong vài năm gần đây đối với các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ cũng được xem là chất xúc tác quan trọng cho sự tăng trưởng chung của thị trường.

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM TOÀN CẦU NĂM 2021 ƯỚC TĂNG TRƯỞNG **3,4%**

TỔN THẤT BẢO HIỂM LIÊN QUAN ĐẾN COVID (Tỷ USD) **44**



Tính đến hết năm 2021, tổn thất bảo hiểm liên quan đến COVID-19 đã lên đến khoảng hơn 44 tỷ USD - mức thiệt hại lớn thứ ba đối với thị trường bảo hiểm, chỉ sau tổn thất của cơn bão Katrina và vụ khủng bố 11.9 tại Mỹ. Tuy nhiên con số này vẫn thấp hơn rất nhiều so với ước tính ban đầu khoảng hơn 100 tỷ USD khi đại dịch mới bắt đầu xảy ra. Tổn thất dịch bệnh cũng như tình hình thiên tai tiếp tục diễn biến phức tạp là những nguyên nhân lý giải cho tình trạng tăng phí mạnh với bảo hiểm phi nhân thọ trong năm 2021, trong đó tỷ lệ phí tăng mạnh nhất với bảo hiểm Tài sản (khoảng 9%), bảo hiểm Trách nhiệm Tài chính (hơn 30% - với các tổn thất gia tăng của nghiệp vụ D&O).

Tình hình tổn thất thiên tai tiếp tục diễn biến phức tạp trong năm 2021 với thiệt hại ước tính cho cả năm lên đến khoảng 105 tỷ USD. Với con số này, 2021 là năm có tổn thất thiên tai lớn thứ 4 đối với thị trường bảo hiểm thế giới (chỉ đứng sau các năm 2005, 2011 và 2017). Một số các tổn thất thiên tai lớn được ghi nhận trong năm bao gồm các cơn bão Ida (ước tổn thất khoảng 30 - 32 tỷ USD), Uri (ước tổn thất khoảng 15 tỷ USD) tại khu vực Bắc Mỹ và đặc biệt là trận lụt tại châu Âu tháng 7.2021 với tổn thất kinh tế khoảng 40 tỷ USD và tổn thất bảo hiểm ước tính khoảng 13 tỷ USD - tổn thất thiên tai lớn nhất được ghi nhận tại khu vực này kể từ năm 1970 và là tổn thất lụt nghiêm trọng thứ hai trên thế giới kể từ sau trận lụt tại Thái Lan năm 2011.

Sự kiện tổn thất	Khu vực chịu ảnh hưởng	Tổn thất ước tính
Động đất Fukushima	Khu vực ngoài khơi Fukushima, Nhật Bản	2,6 tỷ USD
Mưa đá ở Châu Âu	Áo, Cộng hòa Séc, Đức, Thụy Sĩ	4,5 tỷ USD
Lũ lụt ở Châu Âu	Áo, Bỉ, Pháp, Đức, Hà Lan, Thụy Sĩ	12 tỷ USD
Ngập lụt ở Trung Quốc	Hà Nam, Trung Quốc	1,92 tỷ USD
Mưa đá ở Calgary; Lũ lụt ở British Columbia	Calgary, British Columbia, Canada	2,01 tỷ USD

Theo nhận định của Công ty Tái bảo hiểm Swiss Re, lợi nhuận của thị trường bảo hiểm thế giới về mảng phi nhân thọ được dự báo là sẽ có được một số những cải thiện nhất định trong năm 2022 sau một năm 2021 nhiều biến động với ROE dự kiến trong khoảng 6,6%, tương đương với tỷ lệ năm 2020 và cao hơn hẳn tỷ lệ 6,2% của năm 2021. Xu hướng tiếp tục tăng phí và tình hình đầu tư ổn định là những tác nhân chính cho sự kỳ vọng trên. Kết quả không thực sự khả quan của năm 2021 vẫn tiếp tục đến từ những tác động của dịch COVID-19, tình hình tổn thất thiên tai cao nhất trong nhiều năm qua cũng như tình hình lạm phát tăng cao, đặc biệt tại một số thị trường lớn.

Nguồn cung capacity tái bảo hiểm trên thị trường tiếp tục ở trạng thái "dư thừa" khi nguồn vốn tái bảo hiểm toàn cầu năm 2020 đã tăng hơn 3% so với cuối năm 2019 và đạt khoảng 688 tỷ USD tại thời điểm 30.06.2021, tương đương với mức tăng tăng khoảng 4% so với cuối năm 2020. Nhìn chung hầu hết các nhà nhận tái bảo hiểm quốc tế lớn đều đạt kết quả kinh doanh khá tích cực trong năm 2021 khi những tác động của dịch COVID-19 không còn quá nghiêm trọng và kết quả kinh doanh nghiệp vụ khả quan. Tuy nhiên việc tập trung đảm bảo lợi nhuận kinh doanh nghiệp vụ cũng đã dẫn đến việc các nhà tái bảo hiểm ngày càng chặt chẽ hơn trong việc cung cấp capacity tái bảo hiểm, mặc dù nguồn cung tiếp tục tăng.

Xu thế thị trường "cứng" đã tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong mùa tái tục 2021/2022 vừa qua với việc tiếp tục điều chỉnh tăng phí (kể cả đối với những hợp đồng không có tổn thất) đối với các hợp đồng phi tỷ lệ và việc kiểm soát chặt chẽ hơn capacity và các điều kiện cung cấp cho các hợp đồng tỷ lệ. Các điều khoản loại trừ về bệnh truyền nhiễm (Communicable Disease Exclusion) và Rủi ro an ninh mạng (Cyber exclusion) tiếp tục là mối quan ngại chính của nhà tái bảo hiểm trong mùa tái tục vừa qua bên cạnh việc xem xét kỹ hơn danh mục khai thác của khách hàng nhằm đảm bảo tuân thủ các yếu tố liên quan đến ESG (Environment, Social, Governance).



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM



THỊ TRƯỜNG
BẢO HIỂM
VIỆT NAM
NĂM 2021

Trong đó

**TỔNG DOANH THU
PHÍ BẢO HIỂM NĂM 2021**
ƯỚC ĐẠT
(Tỷ VND)

218.244
Tăng khoảng **16,7%** so với 2020

**DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM
LĨNH VỰC PHI NHÂN THỌ**
ƯỚC ĐẠT
(Tỷ VND)

58.786
Tăng **4,3%** so với 2020

**DOANH THU PHÍ
BẢO HIỂM NHÂN THỌ**
ƯỚC ĐẠT
(Tỷ VND)

159.457
Tăng **22,14%** so với 2020

Doanh thu phí của Top 6 doanh nghiệp bảo hiểm lớn

Công ty	2021		2020		Tăng trưởng
	Doanh thu	Thị phần	Doanh thu	Thị phần	
Bảo Việt	8.949.193	15,22%	9.692.212	17,20%	-7,67%
PVI	8.287.702	14,10%	7.401.610	13,14%	11,97%
PTI	5.836.199	9,93%	5.959.244	10,58%	-2,06%
Bảo Minh	4.486.145	7,63%	4.295.331	7,62%	4,44%
MIC	3.936.424	6,70%	3.156.614	5,60%	24,70%
PJICO	3.344.092	5,69%	3.508.664	6,23%	-4,69%

Thị trường bảo hiểm Phi nhân thọ 2021

Doanh thu phí bảo hiểm thị trường phi nhân thọ ước đạt 58.786 tỷ đồng, chỉ tăng trưởng khoảng 4,3% so với năm 2020 - mức tăng trưởng thấp nhất từ trước đến nay của thị trường.

Doanh thu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng chậm trong năm 2021 chủ yếu do sự sụt giảm mạnh của nhóm nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân (con người, xe cơ giới) vốn chiếm tỷ trọng lớn nhất (trung bình hơn 50%) trong cơ cấu doanh thu của hầu hết các doanh nghiệp. Nhóm các sản phẩm bảo hiểm thương mại lớn khác như Tài sản, Kỹ thuật, Hàng hóa... nhìn chung vẫn duy trì được đà hồi phục khá tốt trong năm 2021 khi tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, đặc biệt là sự phục hồi của nghiệp vụ bảo hiểm Hàng hóa và Hàng không khi các hoạt động kinh tế, giao thương và du lịch được từng bước phục hồi. Với các biện pháp kích thích kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp được Chính phủ ban hành nhằm phục hồi sự tăng trưởng kinh tế trong năm 2022 cũng như những dự báo tích cực về việc kiểm soát dịch bệnh, hầu hết các doanh nghiệp bảo hiểm đều có cái nhìn khá lạc quan về triển vọng thị trường trong năm 2022, đặc biệt là kỳ vọng vào hồi phục của nhóm sản phẩm bảo hiểm cá nhân.

Thị phần nhóm sản phẩm bảo hiểm cá nhân (con người, xe cơ giới) tiếp tục giảm nhẹ trong năm 2021 (60% so với tỷ lệ 63% của năm 2020) do tác động trực tiếp của bệnh dịch cũng như việc điều chỉnh chính sách khai thác của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn. Bảo hiểm xe cơ giới là nhóm sản phẩm bị ảnh hưởng nặng nề nhất từ dịch bệnh trong năm 2021 khi doanh thu nghiệp vụ này bị giảm hơn 6% trong năm 2021 (tốc độ tăng trưởng năm 2020 là 6,2%). Doanh thu nhóm nghiệp vụ bảo hiểm con người/sức khỏe vẫn chưa có được sự hồi phục rõ rệt khi chỉ tăng trưởng khoảng hơn 2,6% so với năm 2020 trong đó động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ bảo hiểm sức khỏe trước nhu cầu bảo vệ gia tăng của khách hàng.





MÔI TRƯỜNG KINH DOANH THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM



đến phí bảo hiểm. Nghiệp vụ Kỹ thuật sau 6 tháng đầu năm có tốc độ tăng trưởng tốt lên đến 9% - cao nhất trong nhiều năm trở lại đây thì đã quay trở lại trạng thái trầm lắng trong 6 tháng cuối năm 2021 do những biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng nhằm ngăn chặn nguy cơ phát tán dịch bệnh ở nhiều địa phương trên cả nước, đặc biệt là các tỉnh thành có nhiều khu công nghiệp lớn. Rất nhiều dự án lớn bị ảnh hưởng tiến độ, chậm triển khai. Doanh thu nghiệp vụ ước chỉ tăng trưởng khoảng 1% so với 2020.

Tỷ lệ phí trên thị trường tiếp tục chưa có sự cải thiện thật sự rõ rệt với nhóm sản phẩm bảo hiểm thương mại (đặc biệt là các rủi ro Cat 1, 2 nghiệp vụ Tài sản, xây dựng công trình dân dụng của nghiệp vụ Kỹ thuật, bảo hiểm Hàng hóa...). Doanh thu tăng trưởng chậm, tỷ lệ phí giảm, do đó tỷ lệ bồi thường trên thị trường có xu hướng gia tăng đối với một số nghiệp vụ bảo hiểm thương mại, kể cả đối với các nghiệp vụ có lãi như Kỹ thuật, Hàng hóa. Tuy nhiên tỷ lệ bồi thường đối với các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân như con người, xe cơ giới lại có được những cải thiện đáng kể do số vụ bồi thường giảm mạnh do các biện pháp giãn cách xã hội kéo dài trong năm 2021.

Theo số liệu được cung cấp từ Hiệp hội Bảo hiểm, tổng số bồi thường đã trả (paid losses) của các doanh nghiệp trong năm 2021 là khoảng 19.355 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường khoảng 33% (giảm tương đối so với tỷ lệ bồi thường đã trả của 2020 là 37%).

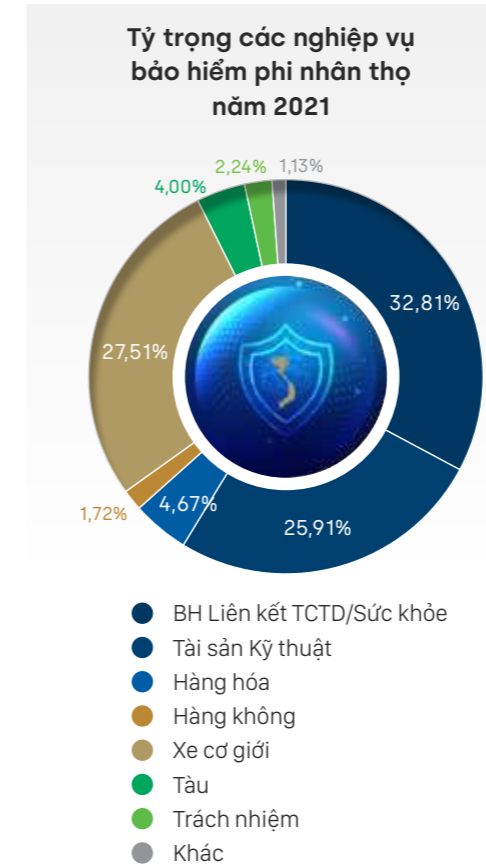
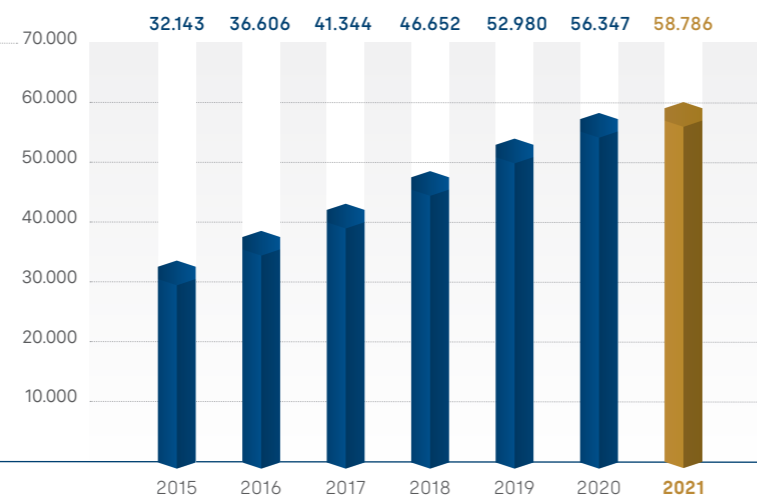
Hàng hóa vận chuyển và Hàng không là hai nghiệp vụ chịu tác động lớn nhất từ dịch COVID-19 trong năm 2020 khi đều ghi nhận giảm mạnh doanh thu lần lượt ở mức 10,68% và 14,67% trong năm 2020 do ảnh hưởng của các biện pháp giãn cách xã hội tại nhiều quốc gia và đây cũng là những nghiệp vụ có sự hồi phục tốt nhất trong năm 2021 (21,34% với nghiệp vụ Hàng hóa và 44,41% với nghiệp vụ Hàng không). Nghiệp vụ Tài sản vẫn tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định khoảng gần 17% trong năm 2021 sau thời gian tăng trưởng nóng nhờ Nghị định 23. Tài sản vẫn là một nghiệp vụ có nhiều dư địa tăng trưởng lớn trong năm 2022, đặc biệt khi Nghị định 23 sửa đổi (Nghị định 97) sẽ có hiệu lực với những điều chỉnh khá lớn liên quan

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ 2021

ĐVT: Tỷ VND

58.786

Tăng 4,3% so với 2020



Tuy nhiên do các số liệu tổn thất này được ghi nhận tại thời điểm thanh toán bồi thường (không theo năm cấp đơn bảo hiểm) và là tổn thất thực trả (paid losses) nên không thể đưa ra được một cái nhìn chính xác về kết quả thực tế của thị trường. Các nghiệp vụ bảo hiểm được ghi nhận là có tỷ lệ bồi thường giảm nhẹ so với năm 2020 bao gồm xe cơ giới, con người và tài sản.

Tài sản vẫn là nghiệp vụ có tình hình tổn thất diễn biến phức tạp mặc dù mức độ nghiêm trọng đã giảm đáng kể so với năm 2020. Trong năm 2021 vẫn xuất hiện nhiều vụ tổn thất triệu USD của nghiệp vụ này như Dreamtech, Sheng Long Bio, Saigon Wonderland, Jufeng... với tần suất tổn thất cao vẫn tập trung vào các nhóm ngành thuộc nhóm 4, 5 như kho hàng, nhựa, mút xốp, dệt may... Điểm đáng lưu tâm trong năm 2021 là xu hướng tổn thất gia tăng của Nghiệp vụ Kỹ thuật, vốn được xem là nghiệp vụ có lãi truyền thống. Tuy nhiên tình hình đã có những diễn biến theo chiều hướng tiêu cực trong vài năm trở lại đây, đặc biệt là 2020 - 2021. Trong năm 2021, nghiệp vụ Kỹ thuật có vụ tổn thất lớn là Nhà máy điện Vũng Áng (đơn CMI) với ước tổn thất lên đến 100 triệu USD - đây là tổn thất lớn nhất của thị trường bảo hiểm Việt Nam từ trước đến nay. Các vụ tổn thất này giống lên hồi chuông đáng lo ngại về khả năng xảy ra các tổn thất không lường trước được đối với các rủi ro sử dụng công nghệ cao, phức tạp. Bên cạnh đó, tổn thất thiên tai vẫn luôn là một mối lo ngại lớn nhất đối với nghiệp vụ Kỹ thuật khi hầu hết các vụ tổn thất lớn của nghiệp vụ này liên quan đến rủi ro thiên tai (chủ yếu các nhà máy điện).

Một số tổn thất lớn trong năm 2021

Tổn thất	Nghiệp vụ	Ngày tổn thất	100% Tổn thất (Tỷ VND)
Dreamtech	Tài Sản	16.04.2021	145
CT Khoa kỹ SV Thăng Long	Tài Sản	04.09.2021	139
Jufeng	Tài Sản	14.11.2021	140
Saigon Wonderful	Tài Sản	27.10.2021	320
United Jumbo	Tài Sản	29.11.2021	100
Giấy Đồng Tiến	Tài Sản	03.05.2021	55
Mih Ying Furniture	Tài Sản	08.11.2021	60
Insulpack Vietnam	Tài Sản	03.05.2021	48.3
Kortek Vina	Tài Sản	25.09.2021	49
Ivory Thanh Hoa	Tài Sản	27.03.2021	49
Vũng Áng 1 TPP	Kỹ Thuật	19.09.2021	2.300
Tân Bình 127	Tàu	04.08.2021	46,6
MV Changda 366	Hàng hóa	11.10.2021	27,8



TOÀN CẢNH RỦI RO CỦA VINARE



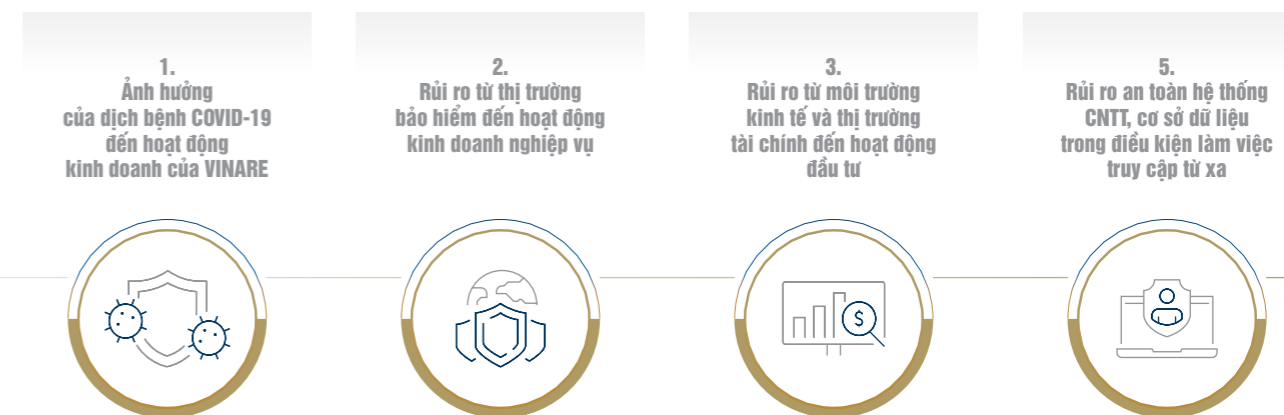
Trong hoạt động kinh doanh VINARE phải đối mặt với rất nhiều loại hình rủi ro đa dạng. Có thể kể đến là các rủi ro cốt lõi trong hoạt động kinh doanh chính, các rủi ro từ những thay đổi trong kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính; các rủi ro liên quan tín nhiệm của các đối tác; các rủi ro liên quan đến con người, hệ thống phục vụ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Về cơ bản, toàn cảnh rủi ro của VINARE được thể hiện như sau:

TOÀN CẢNH RỦI RO CỦA VINARE



CÁC RỦI RO NỘI BẬT CẦN ĐƯỢC QUAN TÂM

Các rủi ro được đề cập ở đây là những rủi ro được nhận diện có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động chung và/hoặc kết quả kinh doanh của VINARE. Ngoài ra các rủi ro này đang có xu hướng gia tăng hoặc không thuyên giảm, có tác động nhanh mà giải pháp xử lý chưa có hiệu quả cao, cần ưu tiên tìm giải pháp ngay lập tức (các rủi ro này đang có tình trạng ▲) hoặc là các rủi ro chưa đánh giá được hết mức độ tác động của chúng nếu xảy ra.



1.



Ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 đến hoạt động kinh doanh của VINARE

Do ảnh hưởng từ giai đoạn giãn cách xã hội từ cuối tháng 7 đến cuối tháng 10 năm 2021 nên GDP Quý 3/2021 của Việt Nam giảm mạnh -6,02%. Sự phục hồi về sản xuất, kinh doanh trong Quý 4/2021 góp phần giúp tăng trưởng GDP cả năm ở mức 2,58%. Trong lĩnh vực bảo hiểm, theo ước tính của HHBHVN, doanh thu phí trên thị trường phi nhân thọ chỉ tăng 4,3% so với năm 2020. Những nghiệp vụ liên quan đến cháy, nổ và vận chuyển hàng hóa có sự phục hồi khá tốt. Các nghiệp vụ liên quan đến bảo hiểm cá nhân như bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm tai nạn con người bao gồm bảo hiểm tai nạn cho người vay vốn (Banca. PA) bị ảnh hưởng trực tiếp của dịch bệnh nên doanh thu giảm mạnh so với cùng kỳ.



TOÀN CẢNH RỦI RO CỦA VINARE

2.



Rủi ro từ thị trường bảo hiểm đến hoạt động kinh doanh nghiệp vụ

RỦI RO 1

Tình hình tổn thất của nghiệp vụ bảo hiểm Tài sản, Thân tàu, Kỹ thuật trên thị trường



Tính đến cuối năm 2021, trên thị trường bảo hiểm nghiệp vụ Tài sản, số lượng các vụ tổn thất lớn và mức độ mỗi tổn thất vẫn còn khá cao. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của những tổn thất này đến VINARE không quá lớn do tỷ lệ nhận tái bảo hiểm và giữ lại của VINARE trong mỗi tổn thất này là khá thấp.

Đối với nghiệp vụ Thân tàu, năm 2021 vẫn tiếp tục ghi nhận 1 số vụ tổn thất lớn có số tiền bồi thường bảo hiểm gốc trên 1 triệu USD (số lượng tương đương với cùng kỳ), cùng với đó là số lượng tổn thất nhỏ và vừa nhiều nên nghiệp vụ này tiếp tục lỗ nghiệp vụ. Mặc dù vậy tình trạng cạnh tranh về phí và mức khấu trừ trên thị trường chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, tình hình tổn thất vẫn đáng báo động.

Nghiệp vụ Kỹ thuật đã phát sinh 1 tổn thất nghiêm trọng trên thị trường trong năm 2021 là tổn thất CMI tại nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 có ước dự phòng bồi thường lên đến 100 triệu USD. Tổn thất này đã ảnh hưởng nhiều đến kết quả hợp đồng nhượng tái bảo hiểm nghiệp vụ Kỹ thuật của VINARE.

RỦI RO 2

Thị trường có tốc độ tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng không như kỳ vọng

Theo số liệu ước tính của HHBHVN, tăng trưởng doanh thu trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong năm 2021 chỉ ở mức độ trung bình thấp, ~ 4,3%. Tăng trưởng đáng kể được ghi nhận ở loại hình bảo hiểm cháy nổ (~19%) và bảo hiểm hàng hóa vận chuyển (~22%); loại hình bảo hiểm tài sản và thiệt hại (thực tế là gồm bảo hiểm tài sản + bảo hiểm kỹ thuật) chỉ tăng khoảng 1%.



Nghiệp vụ tài sản

Tiếp tục đà tăng trưởng của 6 tháng đầu năm 2021, tính đến hết năm 2021, nghiệp vụ Tài sản duy trì được mức tăng trưởng khoảng 17% so với năm 2020 với sự đóng góp của các yếu tố: Nghị định 23/2018 về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc vẫn còn tác động thúc đẩy nhu cầu bảo hiểm; rủi ro nhóm 4, 5 có sự cải thiện về tỷ lệ phí; nguồn dịch vụ mới từ các dự án năng lượng tái tạo đã chuyển sang giai đoạn vận hành nên mua đơn bảo hiểm tài sản và dù bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh nhưng hầu hết các đơn bảo hiểm tài sản vẫn được tái tục đúng hạn. Tuy nhiên tình trạng cạnh tranh phi kỹ thuật đã tồn tại nhiều năm vẫn diễn biến phức tạp như giảm phí ở rủi ro nhóm 1, 2, 3 và các rủi ro có số tiền bảo hiểm trên 1.000 tỷ VNĐ (không thuộc đối tượng bắt buộc phải tuân thủ biểu phí của Nghị định 23/2018).

Nghiệp vụ bảo hiểm kỹ thuật

Doanh thu phí nghiệp vụ Kỹ thuật trên thị trường ước tăng trưởng nhẹ khoảng <5%, và mức độ tăng trưởng không đồng đều giữa các doanh nghiệp. Năm 2022 kỳ vọng doanh thu thị trường tăng trưởng mạnh hơn khi Chính phủ đang gia tăng yêu cầu giải ngân để triển khai các dự án phát triển hạ tầng, phục hồi kinh tế.

Vấn đề cạnh tranh về điều kiện bảo hiểm và giảm tỷ lệ phí vẫn tiếp diễn ở 1 số loại hình (có tái tục hàng năm) như CECR, EEI, MB. Tỷ lệ phí ở những đơn xây dựng nhà máy điện đã ở mức quá thấp và có dấu hiệu cải thiện trong bối cảnh tỷ lệ phí loại hình này trong khu vực cũng tăng.

Tình trạng cấp đơn bảo hiểm không áp dụng đúng Thông tư 329/2016 quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động xây dựng trên thị trường vẫn còn tồn tại nhưng số lượng đơn cấp tuân thủ Thông tư đã tăng lên cũng góp phần cải thiện tỷ lệ phí trung bình của đơn bảo hiểm loại hình xây dựng, lắp đặt.

Nghiệp vụ Thân tàu và nghiệp vụ trách nhiệm dân sự Chủ tàu (P&I)

Theo số liệu ước tính của HHBHVN, tổng doanh thu phí của 2 nghiệp vụ năm 2021 trên thị trường này có mức tăng trưởng khá tốt, khoảng +14% so với năm 2020.

Đối với nghiệp vụ Thân tàu, dù tỷ lệ bồi thường cao nhưng tình trạng cạnh tranh bằng phí và mức khấu trừ trên thị trường vẫn không thuyên giảm. Các loại hình bảo hiểm có rủi ro cao như tàu pha sông biển đã được một số công ty bảo hiểm lớn điều chỉnh chính sách khai thác. Tuy nhiên, tình hình tổn thất vẫn đáng báo động do đặc tính kỹ thuật của tàu sông biển.

Đối với nghiệp vụ Trách nhiệm dân sự chủ tàu (P&I) tiềm năng tăng trưởng doanh thu rất thấp khi các đội tàu của Việt Nam không phát triển.

RỦI RO 3

Ảnh hưởng từ chính sách của Chính phủ về phát triển lĩnh vực bảo hiểm

Nằm trong đề án "Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025" dự thảo Luật sửa đổi Luật kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) đang trong quá trình lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp lần cuối trước khi trình Quốc hội phê duyệt và đưa vào áp dụng từ năm 2023. Trong đó có nhiều yêu cầu đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động, tăng cường kiểm soát, giám sát an toàn tài chính nhằm bảo vệ quyền lợi, lợi



Nghiệp vụ hàng hóa

Đà phục hồi trong 6 tháng đầu năm tiếp tục được duy trì đến cuối năm 2021, doanh thu bảo hiểm hàng hóa trên thị trường ghi nhận mức tăng trưởng +21,7% nhờ vào việc mở cửa lại nền kinh tế, hoạt động xuất nhập khẩu dần phục hồi và giá 1 số loại hàng hóa, vật liệu nhập khẩu vào Việt Nam tăng cao. Cũng như các nghiệp vụ khác, tình hình cạnh tranh bằng giảm phí, mở rộng phạm vi bảo hiểm, cấp đơn bảo hiểm cho các loại hình có mức độ rủi ro cao (như hàng xá, hàng rời) mà không có mức phí phù hợp cũng diễn ra trong nghiệp vụ này.

Nghiệp vụ bảo hiểm Hồn hợp

Do ảnh hưởng của dịch bệnh nên các nghiệp vụ bảo hiểm con người và bảo hiểm xe cơ giới có mức tăng trưởng âm đã gây thêm sự cạnh tranh giảm phí để giành khách hàng giữa các doanh nghiệp bảo hiểm trong nghiệp vụ Hồn hợp truyền thống như bảo hiểm tiền, tai nạn con người.

Loại hình bảo hiểm tai nạn con người tăng trưởng âm (-4,57%) trong đó ảnh hưởng chủ yếu là sự sụt giảm của loại hình bảo hiểm tai cho người vay vốn của các tổ chức tín dụng khi nhu cầu vay tiêu dùng giảm. Mức trách nhiệm nhỏ kết hợp với tỷ lệ bồi thường tốt nên nhu cầu tái bảo hiểm cũng rất thấp, phát sinh chủ yếu khi doanh nghiệp bảo hiểm gốc có nhu cầu cải thiện biên khả năng thanh toán.

ích của các bên liên quan. Những yêu cầu này trong ngắn hạn sẽ gây áp lực trực tiếp đối với các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm như VINARE phải có thay đổi thích ứng trong cơ cấu tổ chức; thiết lập chính sách, quy trình rõ ràng hơn; công bố, công khai các báo cáo; bổ sung nhân sự, nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ; ứng dụng công nghệ, tìm kiếm và sử dụng công cụ trong quá trình hoạt động để thực hiện các mục tiêu đã nêu ra trong đề án.



TOÀN CẢNH RỦI RO CỦA VINARE

3.



Rủi ro từ môi trường kinh tế và thị trường tài chính đến hoạt động đầu tư

Sau tín hiệu hồi phục khá tích cực trong 6 tháng đầu năm 2021, kinh tế Việt Nam đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong Quý 3 (GDP giảm 6,02%) do tác động của các biện pháp cách ly, giãn cách xã hội khi dịch bệnh bùng phát trên diện rộng. Sự phục hồi trong Quý 4 kéo GDP cả năm 2021 đạt 2,58% thấp nhất trong nhiều năm gần đây. Kim ngạch xuất nhập khẩu đều tăng so với năm 2020. Tỷ giá đồng VND/USD được giữ tương đối ổn định quanh mức 23000. Chính sách mở rộng tài khóa, nới lỏng tiền tệ tiếp tục được Ngân hàng nhà nước duy trì để hỗ trợ phục hồi kinh tế, tăng cường hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mặt bằng lãi suất huy động, cho vay đã giảm từ cuối năm 2020 và tiếp tục được duy trì ở mức thấp, hiệu quả thúc đẩy tín dụng rõ nét được thể hiện trong quý 4/2021. Thị trường chứng khoán có một năm tăng điểm mạnh khi chỉ số VN-Index đạt mốc 1498,28 điểm trong phiên giao dịch cuối cùng, ghi nhận tỷ lệ tăng 35,73% so với đầu năm.

Một số yếu tố rủi ro có thể tác động đến môi trường kết quả đầu tư của năm 2022 có thể là: áp lực lạm phát do nhu cầu sản xuất và tiêu dùng tăng lên, lạm phát sẽ chịu tác động của vấn đề tăng giá nguyên, nhiên, vật liệu trên thế giới như xăng dầu, than và giá cước vận chuyển; chính sách thắt chặt "tapering" để khống chế lạm phát của các ngân hàng trung ương; khủng hoảng địa chính trị đang diễn biến tại Ukraine có thể làm thị trường tài chính biến động mạnh ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả danh mục đầu tư ủy thác của VINARE.

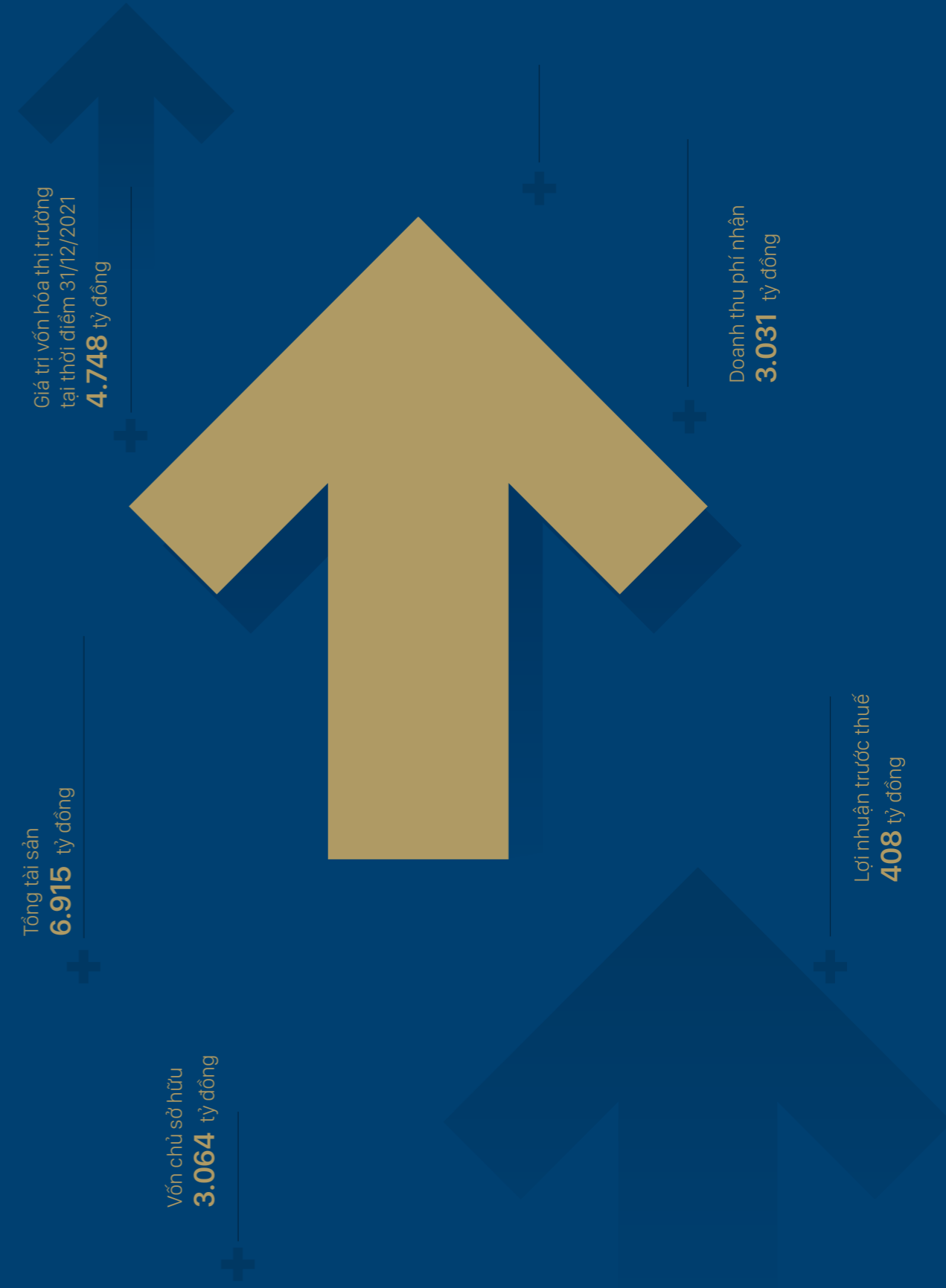
4.



Rủi ro an toàn hệ thống CNTT, cơ sở dữ liệu trong điều kiện làm việc truy cập từ xa



Từ đầu năm 2020 - khi đại dịch Covid bùng phát, các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng, việc triển khai làm việc từ xa, làm việc tại nhà (WFH - work from home) trở thành một giải pháp cho các doanh nghiệp với mục đích đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động, tuân thủ các quy định giãn cách của chính quyền, đồng thời duy trì tính liên tục trong hoạt động kinh doanh. Điều này làm phát sinh rủi ro cho hệ thống CNTT khi hệ thống phải mở rộng để cho phép thiết bị của người lao động kết nối vào hệ thống từ ngoài mạng LAN.





CHIẾN LƯỢC KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Đa dạng hóa các loại hình nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm để tăng trưởng doanh thu bền vững



Tăng cường cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng cho thị trường để hỗ trợ thị trường phát triển bền vững



Đảm bảo chính sách khai thác khuyến khích việc quản trị rủi ro tốt và không hỗ trợ các rủi ro có tác động xấu tới môi trường



Đảm bảo chính sách đầu tư tài chính hướng tới các tài sản đầu tư thân thiện với môi trường

Đảm bảo thu nhập ổn định và chính sách phúc lợi ngày càng gia tăng cho người lao động

Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro cho số đông dân cư.

Tăng cường trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng



Chu kỳ tái bảo hiểm bắt kịp chu kỳ bảo hiểm gốc trong suốt năm 2022

Các nhà phân tích tại Goldman Sachs cho rằng chu kỳ định phí tái bảo hiểm có thể bắt kịp với chu kỳ bảo hiểm gốc trong suốt năm 2022 và đến năm 2023.

Mặc dù thị trường hiện đang trong chu kỳ khó khăn được 5 năm, nhưng Goldman Sachs nhận thấy rằng ngành tái bảo hiểm truyền thống vẫn có vốn hóa mạnh mẽ, nghĩa là cung tái bảo hiểm đã có thể thoải mái đáp ứng cầu.

Do đó, việc tăng phí tái bảo hiểm đã làm chậm đà tăng phí bảo hiểm trong chu kỳ bảo hiểm thương mại gốc khi các rào cản gia nhập cao hơn và dòng vốn đổ vào thị trường khó khăn hơn.

Nhưng tiếp sau một năm nữa với những tổn thất thảm họa gia tăng, mối quan ngại về mức độ bình thường mới của những tổn thất do thời tiết do biến đổi khí hậu sẽ tạo ra sự thúc đẩy cho các công ty tái bảo hiểm, các nhà phân tích cho biết.

Điều thú vị là chu kỳ tái bảo hiểm bước vào năm 2022 và 2023 dường như được thúc đẩy bởi tâm lý e ngại rủi ro hơn là thiếu nguồn vốn, họ cho biết thêm.

Theo ước tính sơ bộ của Guy Carpenter cho thấy mức phí tái bảo hiểm rủi ro thảm họa tài sản vào ngày 1 tháng 1 năm 2022 đã tăng 10,8%, cao hơn 2 lần so với mức tăng 4,5% đã được ghi nhận vào tháng 1 năm 2021.

Mức tăng lớn hơn trong năm 2022 này một phần là do phí tái bảo hiểm ở châu Âu tăng mạnh hơn, đó là yếu tố đóng góp đáng kể vào mức phí tái bảo hiểm trong tháng 1, do phải chịu nhiều tổn thất kỷ lục của trận lũ lụt ở châu Âu vào tháng 7 năm ngoái.

Phí tái bảo hiểm tăng cũng đã dẫn đến sự cải thiện về khả năng sinh lời, với tỷ lệ kết hợp chuẩn hóa cho tất cả các công ty tái bảo hiểm ở châu Âu giảm dần kể từ năm 2019.

Goldman Sachs kỳ vọng xu hướng này sẽ tiếp diễn khi lợi ích của việc tăng phí dần dần xuất hiện, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) cao hơn trong ba năm tới.

Hơn nữa, họ còn cho rằng sự phục hồi kinh tế sẽ hỗ trợ tăng trưởng doanh thu cao hơn so với xu hướng định phí, bên cạnh sự thúc đẩy do mối quan ngại về biến đổi khí hậu.

Theo Reinsurance News 01/02/2022



HIỆU QUẢ?

HIỆU QUẢ là khả năng tạo ra kết quả mong muốn hoặc khả năng sản xuất ra sản lượng mong muốn. Khi cái gì đó được coi là có hiệu quả, nó có nghĩa là nó có một kết quả mong muốn hoặc mong đợi, hoặc tạo ra một ấn tượng sâu sắc, sinh động.

(Theo định nghĩa của Wikipedia)

03

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2021
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2022**

**TẠI VINARE,
HIỆU QUẢ ĐƯỢC HIỂU LÀ**



VINARE đã nỗ lực hết sức mình vào việc thực hiện hiệu quả các mục tiêu 2021 cũng như các mục tiêu chiến lược phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng doanh thu năm 2021 ghi nhận con số 2.709 tỷ đồng, trong đó doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.246,2 tỷ đồng, vượt 11,2% so với kế hoạch năm.

Riêng doanh thu từ mảng nghiệp vụ cốt lõi, là trọng tâm tăng trưởng trong kế hoạch kinh doanh 2022, đã tăng trưởng 7,2% so với cùng kỳ. Vì thế, lợi nhuận trước thuế đạt gần 408 tỷ đồng và vượt 8,2% so với kế hoạch năm và đảm bảo mức tăng trưởng ổn định và hiệu quả trong dài hạn.

Nguyễn Mạnh Linh
Phó Tổng Giám đốc



**THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM
TĂNG TRƯỞNG**



Trong bối cảnh đà tăng trưởng của thị trường bảo hiểm giảm sút do tác động của dịch COVID-19, VINARE đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Bên cạnh việc tập trung phát triển mảng nghiệp vụ cốt lõi, VINARE đã triển khai nghiên cứu phát triển hiệu quả các sản phẩm mới kết hợp với các đối tác trong và ngoài nước.

**DOANH THU PHÍ CỦA BẢO HIỂM PHI NHÂN
THỌ TĂNG TRƯỞNG**



Năm 2021, kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19 với đợt giãn cách kéo dài tại nhiều trung tâm kinh tế của đất nước. Mặc dù vậy, với việc kết hợp vừa phòng chống dịch vừa duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, nền kinh tế đã phục hồi tăng trưởng trong Quý IV. Tăng trưởng GDP cả năm của Việt Nam đạt 2,58%.

Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, thị trường bảo hiểm Việt Nam tăng trưởng 16,7% so với năm 2020; trong đó, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ mà VINARE hoạt động ghi nhận tăng trưởng 4,3% so với năm trước do chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE



KẾT QUẢ KINH DOANH TÁI BẢO HIỂM 2021

Doanh thu phí các nghiệp vụ Tái bảo hiểm cốt lõi (gồm Tài sản, Kỹ thuật, Hàng hải và các nghiệp vụ Hỗn hợp) đạt 1.728,5 tỷ VND, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng trưởng khá ấn tượng so với các năm trước khi nhóm nghiệp vụ này hầu như không có tăng trưởng.

Trong số các nghiệp vụ có tác động lớn đến tăng trưởng của nhóm này gồm có nghiệp vụ Kỹ thuật tăng 25,1% so với năm trước do thị trường chung tăng trưởng khoảng 5% và VINARE tăng cường nhận dịch vụ tạm thời. Nghiệp vụ Tài sản tăng 4,4% do phí thu từ hợp đồng cố định và từ thị trường nước ngoài tăng trưởng tốt. Nghiệp vụ Thân tàu tăng 18,4% do chủ yếu do một số đội tàu thay đổi cơ cấu bảo hiểm, khách hàng thanh toán phí bổ sung của các năm trước. Nghiệp vụ Hàng hóa tăng 11,9% do hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa phục hồi trở lại sau thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, tăng cường khai thác dịch vụ tạm thời và tăng trưởng khá cao của một số khách hàng lớn của VINARE.

Một số nghiệp vụ khác như Hàng không, Nông nghiệp, Xe cơ giới tăng trưởng cao, tuy nhiên chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu.

Ở chiều ngược lại, nghiệp vụ Hỗn hợp và Bảo hiểm sức khỏe giảm nhẹ về doanh thu. Doanh thu nhận tái bảo hiểm nghiệp vụ Hỗn hợp năm 2021 giảm 8,3% so với thực hiện 2020, nguyên nhân chủ yếu là suy giảm phí nhận (EPI) của các hợp đồng từ thị trường nước ngoài mặc dù doanh thu từ thị trường trong nước vẫn có tăng trưởng.

Nghiệp vụ Tàu cá hầu như không có phát sinh trong năm 2021 do các doanh nghiệp ngừng khai thác mới.

Với mảng nghiệp vụ phi cốt lõi không nằm trong trọng tâm tăng trưởng, doanh thu phí nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết tổ chức tín dụng chỉ bằng 62% so với cùng kỳ năm trước. Nghiệp vụ này có tăng trưởng cao so với kế hoạch là do doanh thu phí từ nhiều hợp đồng đã ký kết tăng so với dự kiến. Kết quả là doanh thu phí năm 2021 đạt 517,7 tỷ VND.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021



VINARE đã nỗ lực hết sức mình vào việc thực hiện các mục tiêu 2021 cũng như các mục tiêu chiến lược phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng doanh thu năm 2021 ghi nhận con số 3.031 tỷ đồng, trong đó doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.246,2 tỷ đồng, vượt 11,2% so với kế hoạch. Riêng doanh thu từ mảng nghiệp vụ cốt lõi, là trọng tâm tăng trưởng trong kế hoạch kinh doanh 2022, đã tăng trưởng 7,2% so với cùng kỳ. Vì thế, lợi nhuận trước thuế đạt gần 408 tỷ đồng và vượt 8,2% so với kế hoạch năm. Cụ thể như sau:



DOANH THU PHÍ NHẬN TÁI BẢO HIỂM (Tỷ VND)

2.246,2

Đạt 111,2% kế hoạch năm 2021

DOANH THU PHÍ NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM LIÊN KẾT TỔ CHỨC TÍN DỤNG (Tỷ VND)

517,7

Đạt 167,0% kế hoạch năm 2021

Doanh thu phí nhận theo nghiệp vụ

ĐVT: Triệu VND

Nghiệp vụ	2021	2020	So sánh cùng kỳ	Kế hoạch 2021	So sánh thực hiện/kế hoạch
Kỹ thuật	306.118	244.718	125,1%	269.000	113,8%
Tài sản	709.387	679.402	104,4%	725.000	97,8%
Hàng hải	397.777	380.895	104,4%	374.700	106,2%
Hỗn hợp	315.213	307.488	101,9%	340.553	92,6%
Cộng	1.728.494	1.612.503	102,5%	1.709.253	101,1%
Bảo hiểm liên kết tổ chức tín dụng	517.666	835.202	62,0%	310.000	167,0%
Tổng	2.246.160	2.447.705	91,8%	2.019.253	111,2%



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE

**DOANH THU
PHÍ GIỮ LẠI ĐẠT**
(Tỷ VND)

1.272,8

đạt 124,6% kế hoạch năm

Doanh thu phí giữ lại các nghiệp vụ cốt lõi đạt 755,1 tỷ VND, tăng 14,1% so với cùng kỳ và đạt 106,1% kế hoạch năm và doanh thu phí giữ lại nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết tổ chức tín dụng đạt 517,7 tỷ VND, bằng 62% so với cùng kỳ năm trước, vượt 67% kế hoạch cả năm.

Doanh thu phí giữ lại theo nghiệp vụ 2021

ĐVT: Triệu VND

Nghiệp vụ	2021	2020	So sánh cùng kỳ	Kế hoạch 2021	So sánh thực hiện/kế hoạch
Kỹ thuật	179.895	138.043	130,3%	148.400	119,5%
Tài sản	278.235	262.167	106,1%	267.200	104,0%
Hàng hải	201.453	185.858	108,4%	178.100	113,1%
Hỗ trợ	95.527	75.635	126,3%	117.600	81,2%
Cộng	755.110	661.703	114,1%	711.300	106,1%
Bảo hiểm liên kết tổ chức tín dụng	517.666	835.202	62,0%	310.000	167,0%
Tổng	1.272.776	1.496.905	85,0%	1.021.300	124,6%

**BỒI THƯỜNG
THUỘC TRÁCH NHIỆM
GIỮ LẠI GIẢM**

9,3%

so với cùng kỳ năm trước (tương đương 40,1 tỷ VND)

Trong năm 2021, số lượng các vụ tổn thất giảm ở tất cả các nghiệp vụ và tỷ lệ tham gia của VINARE ở các vụ tổn thất lớn không cao. Ngoài ra, VINARE không có tổn thất Nat Cat như năm 2020 (năm 2020, VINARE chịu tổn thất 47 tỷ VND do Bão số 6 và số 9).

Bồi thường đã trả thuộc trách nhiệm giữ lại giảm 63,5 tỷ so với 2020. Trích lập dự phòng bồi thường tăng 23 tỷ so với năm 2020 do các tổn thất lớn ghi nhận trong năm đã liệt kê trong bảng dưới đây.



ĐVT: Triệu VND

Chi tiêu	2021	2020	So sánh (%)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (1)	856.128	950.313	90,1%
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm (2)	548.472	579.287	94,7%
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường (3)	83.031	59.766	138,9%
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (4 = 1-2+3)	390.686	430.792	90,7%

Các tổn thất lớn 2021 (Phần nhận của VINARE trên 400.000 USD)

ĐVT: USDD

Tổn thất	Nghiệp vụ	Ngày xảy ra tổn thất	Tổng	Trách nhiệm nhận của VINARE	Trách nhiệm giữ lại của VINARE
Pacific Grace	P&I	06/11/2020	4.985.000	4.486.500	603.185
Vung Ang 1 TPP CMI	Kỹ thuật	19/09/2021	100.000.000	1.719.000	164.429
Vinalines Green	P&I	13/11/2021	2.210.000	1.668.550	232.050
Dreamtech Vina	Tài sản	16/04/2021	6.478.261	1.457.609	485.870
Wonderful SG Electric	Tài sản	28/10/2021	30.000.000	807.378	484.427
Can Truc STS QC 15 Tan Cang Cai Mep	Kỹ thuật	07/06/2019	4.345.444	782.180	644.554
Trai Lon Hung Dung	Tài sản	13/01/2021	822.611	671.060	402.635
Arirang Chemical	Tài sản	28/06/2021	2.693.913	538.783	323.270
Dong Tien Paper	Tài sản	03/05/2021	2.369.415	473.883	284.330
Duc Sinh Furniture	Tài sản	03/08/2021	2.266.948	453.390	272.034
Jufeng New Materials	Tài sản	14/11/2021	6.086.957	438.401	263.041
Ivory Trieu Son	Tài sản	27/03/2021	2.152.173	430.434	258.260
Shenglong Bio	Tài sản	04/09/2021	6.043.478	427.963	256.778
Kortek	Tài sản	25/09/2021	2.652.174	417.717	250.630

LỢI NHUẬN GỘP NGHIỆP VỤ ĐẠT
(Tỷ VND)

129,8

Tăng 39,2% so với năm 2020 và vượt 12,3% kế hoạch năm

Lợi nhuận gộp nghiệp vụ tăng trưởng cao so năm trước là do dự phòng phí và bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại đều giảm.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH 2021

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước điều hành chính sách mở rộng tài khóa, nới lỏng tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Mặt bằng lãi suất cho vay và huy động giảm ở mức thấp từ năm 2020.

Chỉ số chứng khoán VN-Index tại phiên giao dịch cuối năm tăng 35,7% so với đầu năm. Thanh khoản thị trường tăng mạnh với sự tham gia mạnh mẽ của các nhà đầu tư trong nước.

Các doanh nghiệp đẩy mạnh phát hành trái phiếu để huy động vốn qua phát hành riêng lẻ (644.000 tỷ VND), phát hành ra công chúng (26.340 tỷ VND) và phát hành ra thị trường nước ngoài (1.740 tỷ USD). Tuy nhiên, các cơ quan quản lý Nhà nước liên tục có động thái cảnh báo rủi ro từ kênh đầu tư này và tăng cường quản lý, đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra các tổ chức phát hành và xử lý sai phạm trên thị trường này.



Tình hình phân bổ vốn đầu tư (31/12/2021)

ĐVT: Triệu VND

STT	Danh mục đầu tư	Giá trị đầu tư 31/12/2021	Giá trị đầu tư 01/01/2021	+/- so với đầu năm	Tỷ trọng
1	Tiền gửi	2.740.500	2.965.000	(224.500)	66,4%
2	Trái phiếu	559.490	249.100	310.390	13,5%
3	Góp vốn doanh nghiệp khác	522.701	542.354	(19.653)	12,6%
4	Đầu tư chứng khoán, chứng chỉ quỹ, Ủy thác đầu tư	265.000	195.000	70.000	6,4%
5	Văn phòng cho thuê	6.410	8.031	(1.621)	0,2%
6	Đầu tư bất động sản	11.206	13.304	(2.098)	0,3%
7	Tiền trên tài khoản thanh toán	25.282	52.900	(27.618)	0,6%
Tổng cộng		4.130.589	4.025.690	104.900	100%

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 2021



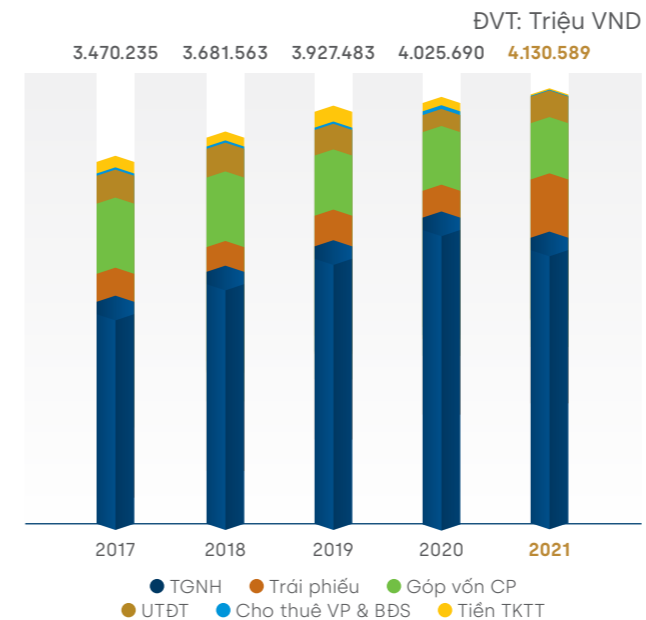
TỔNG TÀI SẢN ĐẦU TƯ ĐẾN 31/12/2021 TĂNG (Tỷ VND)

105

so với đầu năm

Danh mục trái phiếu được phân bổ vốn tăng gấp 2,2 lần so với kết dư 2020; riêng trái phiếu đầu tư mới trong năm 2021 đạt 320 tỷ VND (100% là trái phiếu tăng vốn cấp 2 của ngân hàng, có Rating B1 trở lên). Phân bổ vào danh mục ủy thác đầu tư chứng khoán thêm 70 tỷ VND trong năm 2021. Thu nhập hoạt động đầu tư tăng 5,5% so với 2020 và đạt 103,6% kế hoạch.

Danh mục tiền gửi vẫn chiếm một tỷ trọng lớn nhất, tuy nhiên lợi nhuận từ danh mục này giảm 1,1% so với năm



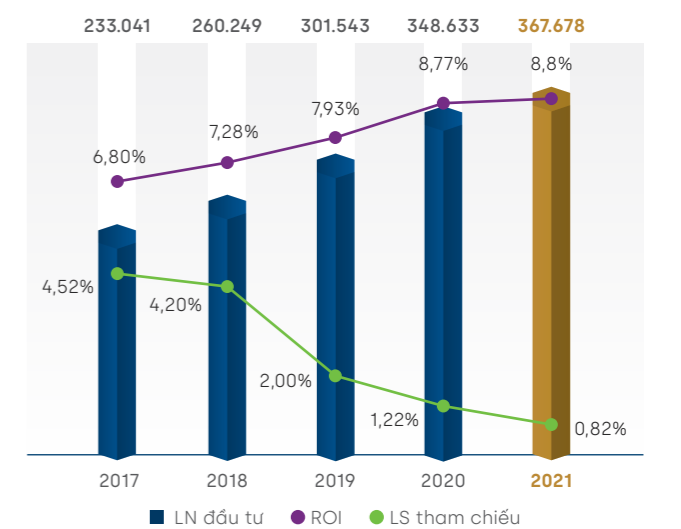
trước do mặt bằng lãi suất tiền gửi giảm và sự điều chỉnh cuối năm phân bổ tài sản vào danh mục này.

Danh mục Ủy thác đầu tư đạt lợi suất bình quân 24,1%. NAV đạt 142,7% cao hơn so với kỳ vọng chủ yếu do cơ cấu lại danh mục và sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán.

VINARE đã có định hướng từ đầu năm tăng phân bổ tài sản vào danh mục trái phiếu. Do đó, phân bổ tài sản vào danh mục đã tăng 2,2 lần so với đầu năm và lợi nhuận đạt được tăng 40,8% so với cùng kỳ. Lợi suất bình quân đầu tư trái phiếu mới trong kỳ là 7,46%, cao hơn 43% so với lợi suất tiền gửi mới trong kỳ (5,22%).

Lợi nhuận từ hoạt động cho thuê văn phòng giảm 32% so với năm trước chủ yếu do ảnh hưởng của dịch Covid.

Lợi nhuận danh mục đầu tư 2017-2021 ĐVT: Triệu VND



Kết quả hoạt động đầu tư & cho thuê văn phòng năm 2021

ĐVT: Triệu VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Thực hiện 2020	So sánh cùng kỳ	Kế hoạch 2021	So sánh kế hoạch
Doanh thu đầu tư & khác	462.733	389.988	118,7%	402.700	114,9%
Chi phí đầu tư & khác	95.055	41.355	229,9%	47.700	199,3%
Thu nhập đầu tư & khác	367.678	348.633	105,5%	355.000	103,6%
ROI bình quân	8,8%	8,77%		8,7%	



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE



TÀI SẢN HỢP NHẤT

Năm 2021, tổng tài sản hợp nhất của VINARE đạt 7.157 tỷ đồng, trong đó tài sản đầu tư chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ lệ 59,1%, tăng nhẹ so với năm 2020 (58,1%). Tiền gửi và trái phiếu vẫn tiếp tục được duy trì là kênh đầu tư chính nhằm tăng khả năng phòng thủ, an toàn vốn đầu tư, đảm bảo nhu cầu thanh khoản trước diễn biến bất lợi của thị trường tài chính do tác động của đại dịch COVID-19, đồng thời đảm bảo các cam kết dài hạn của VINARE đối với khách hàng.

TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT CỦA VINARE ĐẠT (Tỷ VND)

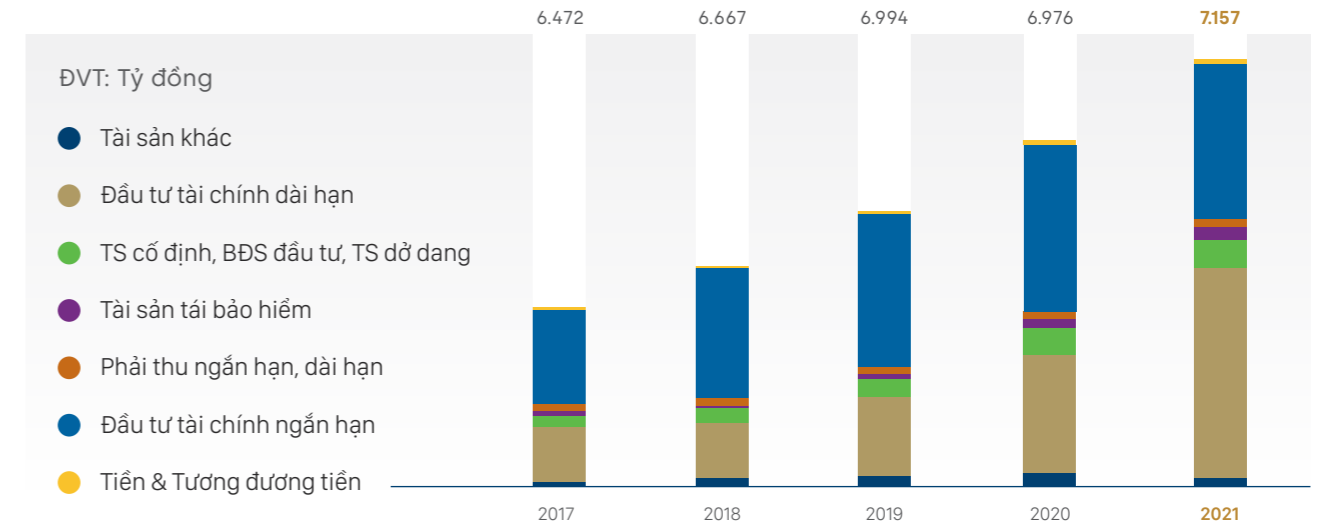
7.157

Tăng trưởng ↑2,6% so với năm 2020

Tổng tài sản hợp nhất giai đoạn 2017-2021

ĐVT: Tỷ đồng

Danh mục đầu tư	2021		2020		2019		2018		2017	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
Tài sản khác	476	6,65	635	9,11	470	6,72	366	5	280	4
Đầu tư dài hạn	1.676	23,42	2.001	28,68	1.084	15,50	1.220	18	1.091	17
Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư, Tài sản dở dang	31	0,44	32	0,45	31	0,45	31	0	32	0
Tài sản tái bảo hiểm	1.618	22,60	1.463	20,97	1.511	21,60	1.662	25	1.591	25
Phải thu ngắn hạn, dài hạn	775	10,83	737	10,56	1.002	14,33	891	13	1.089	17
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.556	35,71	2.053	29,43	2.793	39,93	2.433	36	2.218	34
Tiền, tương đương tiền	25	0,35	55	0,79	103	1,47	64	1	55	3
Cộng	7.157	100	6.976	100	6.994	100	6.667	100	6.472	100



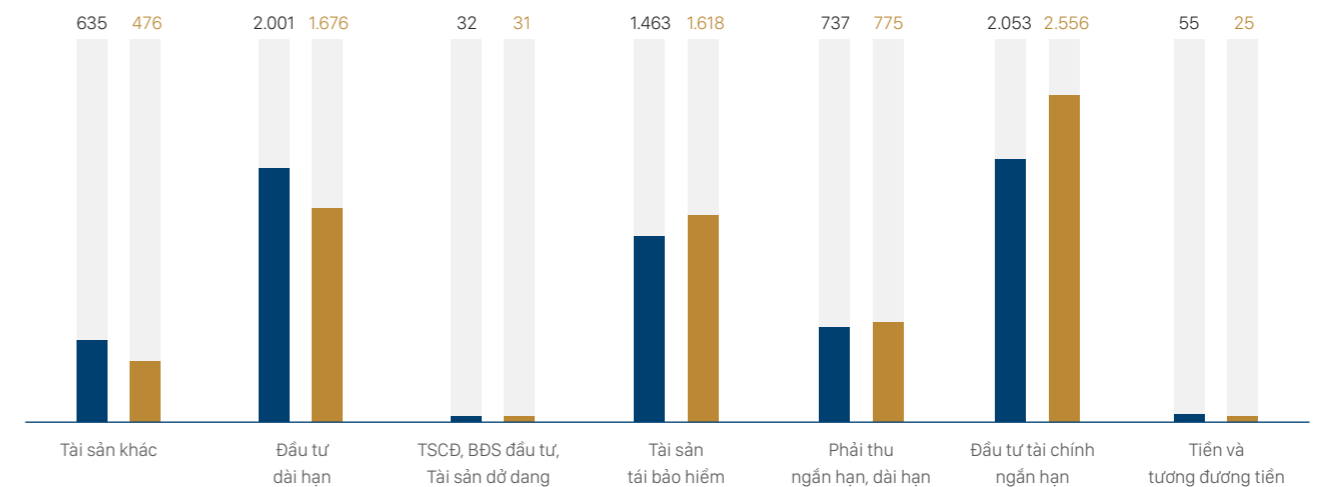
QUY MÔ TÀI SẢN HỢP NHẤT

Tổng tài sản hợp nhất năm 2021 tăng 180,9 tỷ đồng so với cùng kỳ (tương ứng tăng 2,6%). Trong đó, Các khoản phải thu tăng 38,4 tỷ đồng; Tài sản đầu tư tăng 177,5 tỷ đồng

(đầu tư ngắn hạn tăng 502,4 tỷ đồng, đầu tư dài hạn giảm 324,9 tỷ đồng); Tiền & tương đương tiền giảm 30 tỷ đồng; Tài sản tái bảo hiểm và tài sản khác giảm 5 tỷ đồng.

Tài sản hợp nhất 2021 theo khoản mục chính

● 2020 ● 2021 ĐVT: Tỷ đồng



Các khoản phải thu tăng 38,4 tỷ đồng so với cùng kỳ, tương ứng tăng 5,2% chủ yếu là tăng các khoản phải thu ngắn hạn.

Do tận dụng hiệu quả nguồn tiền thanh toán từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, nguồn vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ, tài sản đầu tư của VINARE tính đến cuối năm 2021 đã tăng 177,5 tỷ đồng, tương đương tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận để lại bổ sung thêm cho nguồn vốn đầu tư tăng 65 tỷ VND do tỷ lệ cổ tức tiền mặt trả cho cổ đông năm 2021 giảm 5% so với năm 2020.

Nhờ nắm bắt xu hướng biến động của lãi suất tiền gửi và diễn biến của thị trường chứng khoán, VINARE đã tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư, giảm phân bổ vốn vào danh mục tiền gửi, tăng phân bổ vốn đầu tư vào danh mục trái phiếu và danh mục ủy thác đầu tư. Đối với hoạt động đầu tư tiền gửi, tỷ trọng tiền gửi ngân hàng đã điều chỉnh giảm từ 73,7% cuối năm 2020 xuống còn 66,4%, trong đó hơn 93% tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có mức xếp hạng tín nhiệm từ mức B2 trở lên (đánh giá của Moody's).



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

TÀI SẢN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Trong năm 2021, VINARE đã đầu tư thêm 320 tỷ đồng vào trái phiếu của các ngân hàng có mức xếp hạng tín nhiệm từ B1 trở lên (theo Moody's). Kết dư danh mục trái phiếu đến 31/12/2021 đạt 559 tỷ đồng, tăng gấp 2,2 lần so với năm 2020. Lợi suất đầu tư trái phiếu bình quân trong năm là 7,46%/năm, cao hơn 43% so với lãi suất tiền gửi mới trong kỳ. Bên cạnh đó, VINARE đã gia tăng phân bổ vào danh mục ủy thác đầu tư, tỷ trọng danh mục ủy thác đầu tư đã tăng từ 4,8% cuối năm 2020 lên 6,4% tổng tài sản đầu tư. Trong năm, ba hợp đồng ủy thác đầu tư đến hạn đã đem lại khoản lợi nhuận 55,6 tỷ đồng, tăng gấp 33,8 lần so với năm trước.



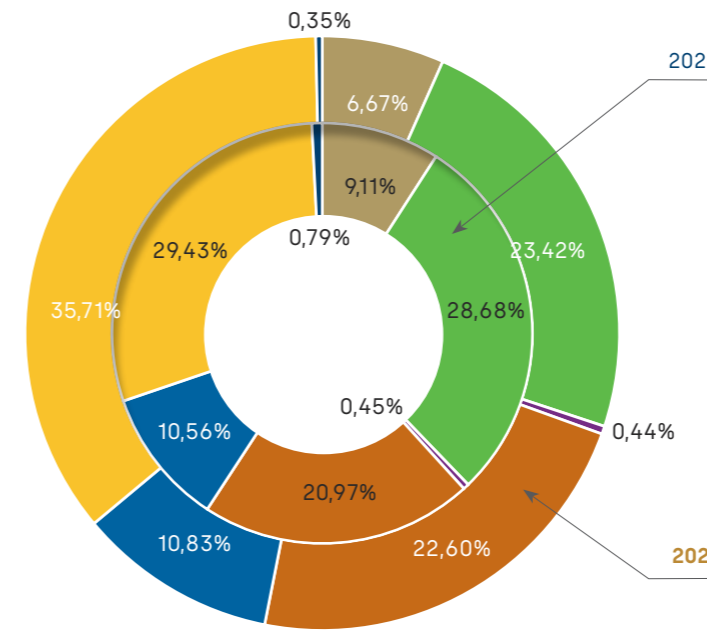
Nhờ các điều chỉnh trên đã góp phần giảm bớt tác động của yếu tố lãi suất ở mặt bằng thấp đến thu nhập đầu tư của VINARE trong năm 2021. Việc duy trì tiền gửi và trái phiếu là kênh đầu tư chính trong nhiều năm qua ngoài việc đảm bảo tính an toàn, hiệu quả của vốn đầu tư, còn đảm bảo tính thanh khoản của tài sản đầu tư để đáp ứng các trách nhiệm đã cam kết của VINARE với khách hàng.

Tài sản đầu tư ngắn hạn tăng 502,4 tỷ đồng và tài sản đầu tư dài hạn giảm 324,9 tỷ đồng so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu là do phân loại kỳ hạn theo thời hạn còn lại của hợp đồng tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.



CƠ CẤU TÀI SẢN HỢP NHẤT

Để đảm bảo tính thanh khoản nhanh nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán trong kinh doanh tái bảo hiểm, tài sản đầu tư tài chính ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của VINARE (tính đến cuối năm 2021, đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 35,7%, tiếp đến là đầu tư tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng 23,4%).



- Tài sản khác
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư, TS dở dang
- Tài sản tái bảo hiểm
- Phải thu ngắn hạn, dài hạn
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Tiền & Tương đương tiền

ĐẦU TƯ DÀI HẠN (Tỷ VND)



1.676

Chiếm tỷ trọng 23,42%

TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM (Tỷ VND)



1.618

Chiếm tỷ trọng 22,60%

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tỷ VND)



2.556

Chiếm tỷ trọng 35,71%

TÀI SẢN KHÁC (Tỷ VND)



476

Chiếm tỷ trọng 6,65%



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE

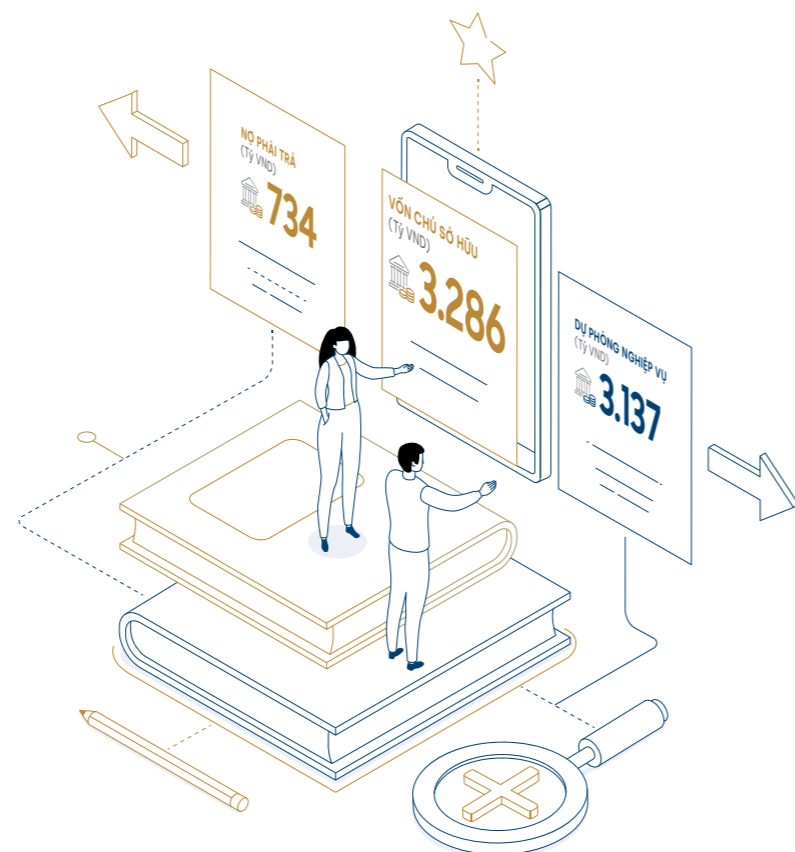
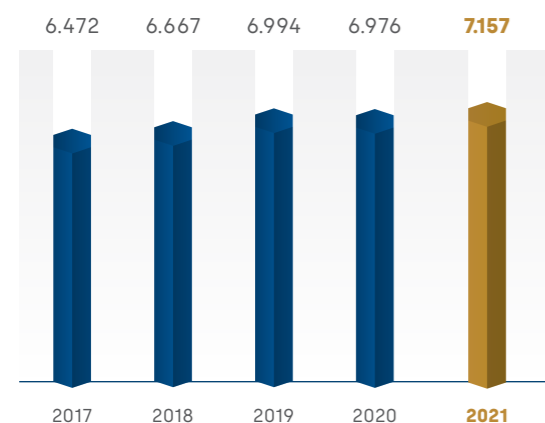
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN HỢP NHẤT

QUY MÔ NGUỒN VỐN

Nguồn vốn hợp nhất giai đoạn 2017-2021

ĐVT: Tỷ đồng



Nguồn vốn hợp nhất giai đoạn 2017-2021

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021		2020		2019		2018		2017	
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
Vốn chủ sở hữu	3.286	46	3.145	45,1	3.107	44,4	2.986	44,8	2.719	42,0
Dự phòng nghiệp vụ	3.137	44	3.006	43,1	2.825	40,4	2.734	41,0	2.501	38,6
Nợ phải trả	734	10	825	11,8	1.062	15,2	947	14,2	1.252	19,3
Cộng	7.157	100	6.976	100	6.994	100	6.667	100	6.472	100



LUÔN ĐẢM BẢO VƯỢT MỨC QUY ĐỊNH VỀ BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN TỐI THIỂU

BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Đơn vị: Tỷ VND

Biên khả năng thanh toán được quy định theo Nghị định 73/2016/NĐ-CP và Thông tư 50/2017/TT-BTC:

1. Biên khả năng thanh toán tối thiểu là số lớn hơn của các kết quả tính toán sau

- i) 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán;
- ii) 12.5% của tổng phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.

2. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp

Là phần chênh lệch giữa giá trị tài sản (sau khi giảm trừ giá trị) và các khoản nợ phải trả tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.

STT	Chỉ tiêu	2021	2020
1	Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	3.064	2.939
2	Giá trị tài sản bị loại trừ tính biên khả năng thanh toán	943	1.057
3	Biên khả năng thanh toán của Tổng công ty	2.121	1.882
4	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	318	374
5	So sánh (3) và (4)		
	• Giá trị tuyệt đối	1.803	1.508
	• Tỷ lệ phần trăm	667%	503%

Biên khả năng thanh toán của VINARE luôn duy trì ở mức cao, đảm bảo tốt nghĩa vụ thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn, thực hiện đầy đủ các cam kết về tài chính với khách hàng.

Tại ngày 31/12/2021, biên khả năng thanh toán của VINARE ở mức an toàn, tỷ lệ biên khả năng thanh toán của VINARE gấp 6,7 lần so với Biên khả năng thanh toán tối thiểu, tuân thủ quy định của Bộ Tài chính (Biên khả năng thanh toán của VINARE năm 2020 là 5 lần).



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE

NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2021

NÂNG CAO NĂNG LỰC NGHIỆP VỤ, QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC

- Bổ nhiệm chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán nội bộ của VINARE.
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới trên cơ sở phối hợp với đối tác trong và ngoài nước: Bảo hiểm sức khỏe, Weather Index, Fuel Insurance.

XÂY DỰNG THỂ CHẾ

- Hoàn thành sửa đổi, bổ sung và soạn thảo mới 10 Quy chế.

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ, niêm yết bổ sung cổ phiếu.
- Tổ chức Hội thảo tái tục (29/10/2021).
- Thực hiện kiểm toán nội bộ quy trình thanh toán, bồi thường và công nợ; Ban Tài sản; dự án VINARE Invest.
- Xây dựng bản mô tả công việc (Job Description và Job Requirements).
- Triển khai chữ ký số, nâng cấp Vioffice để tích hợp quản lý văn bản điện tử.
- Triển khai nội địa hóa phần mềm quản lý nghiệp vụ (dự án Vicore).



PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH

2022



DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ 2022



MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GDP TRONG NĂM 2022 CỦA CHÍNH PHỦ

6 - 6,5%

Kinh tế thế giới dự kiến sẽ phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh và có tác động tích cực đến Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao. Mục tiêu tăng trưởng GDP trong năm 2022 của Chính phủ là 6 - 6,5%.

Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội 2022-2023 với quy mô dự kiến 800.000 tỷ VND sẽ có tác động tích cực đến hồi phục kinh tế bên cạnh việc chuyển sang chiến lược mới nhằm thích ứng an toàn, ứng phó linh hoạt và kiểm soát hiệu quả đại dịch.

Chính phủ xác định một trong ba trọng tâm khôi phục kinh tế năm 2022 là đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và huy động nguồn lực hợp tác công tư để phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược.

Nền kinh tế có thể phải đối mặt với một số thách thức: sức ép lạm phát gia tăng; biến thể Omicron đe dọa ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; thách thức chuyển đổi số, nền kinh tế chia sẻ, ...



DỰ BÁO TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM - TÁI BẢO HIỂM 2022



DỰ BÁO DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ CÓ THỂ TĂNG TRƯỞNG Ở MỨC

2 CON SỐ

Thị trường bảo hiểm dự kiến sẽ hồi phục mạnh mẽ nhờ sự hồi phục các hoạt động kinh tế, gia tăng nhận thức về rủi ro và nhu cầu mua bảo hiểm. Dự báo doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ có thể tăng trưởng ở mức 2 con số.

Các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại truyền thống tiếp tục cạnh tranh gay gắt và dự báo tăng trưởng ở mức thấp (5 - 6%), một số nghiệp vụ thậm chí không có kế hoạch tăng trưởng (Bảo hiểm tàu) hoặc không có dự địa tăng trưởng (Trách nhiệm dân sự chủ tàu).

Phát triển sản phẩm trên nền tảng số hóa đang trở thành xu hướng chủ đạo trên thị trường với các ưu điểm: chi phí khai thác thấp, chi trả bồi thường nhanh và giảm rủi ro gian lận.

Việc thu xếp tái bảo hiểm sẽ tiếp tục khó khăn do xu hướng cứng của thị trường tái bảo hiểm quốc tế.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE

CHỦ TRƯỞNG CỦA VINARE 2022

Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm; Từng bước mở rộng thị trường tái bảo hiểm, nâng cao năng lực cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường (quản lý rủi ro, đào tạo, sản phẩm, chương trình tái bảo hiểm, các giải pháp phát triển bền vững).



Một số lĩnh vực cụ thể

KINH DOANH TÁI BẢO HIỂM

- Tiếp tục tìm kiếm giải pháp nâng thị phần phí nhận tái bảo hiểm Kỹ thuật và các nghiệp vụ truyền thống có lãi.
- Tập trung quản lý rủi ro nghiệp vụ Hàng hóa (hàng xá), Tài sản và hạn chế nghiệp vụ Thân tàu.
- Tiếp tục tập trung nghiên cứu, triển khai các lĩnh vực, sản phẩm mới.
- Tăng cường năng lực cung cấp sản phẩm các nghiệp vụ Trách nhiệm.
- Tham gia một cách có kiểm soát chặt chẽ các dịch vụ xe cơ giới, các dịch vụ liên kết ngân hàng - bảo hiểm trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc an toàn, hiệu quả và đảm bảo biên khả năng thanh toán.

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Tiếp tục hoàn chỉnh Tổ chức bộ máy quản trị công ty và các chính sách về phát triển nhân sự, quản trị công ty.

ĐẦU TƯ

- Tăng cường quản trị rủi ro, bảo toàn vốn.
- Tăng cường giám sát hoạt động ủy thác đầu tư.
- Rà soát phân bổ lại tài sản đầu tư trên cơ sở tuân thủ các quyết định của Bộ Tài chính và Quy chế Đầu tư của VINARE. Đánh giá rủi ro và phân bổ tài sản đầu tư và có giải pháp cụ thể, đảm bảo hiệu quả - bền vững.
- Thúc đẩy tiến trình giải quyết công nợ và các dự án của VINARE Invest.
- Rà soát, đánh giá danh mục góp vốn vào các doanh nghiệp.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

- Đưa vào sử dụng chữ ký số kết hợp với hệ thống quản lý và lưu trữ văn bản (Vicotent)
- Đưa vào sử dụng hệ thống quản lý nghiệp vụ (Vicore)



Kế hoạch kinh doanh chung

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận			
• Các nghiệp vụ Tái bảo hiểm cốt lõi	1.901.345	1.728.495	10%
• Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết tổ chức tín dụng	310.000	517.666	(40,1%)
Lợi nhuận trước thuế			
• Lợi nhuận không bao gồm chênh lệch tỷ giá	434.700	408.821	6,3%
• Chênh lệch tỷ giá	Chưa xác định	(907)	
Tỷ lệ cổ tức dự kiến			
• Tiền mặt	12%	13%	

Kế hoạch phân bổ tài sản đầu tư

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Danh mục đầu tư	31/12/2022	31/12/2021	Tăng/ giảm trong năm	Tỷ trọng (31/12/2022)
1	Tiền gửi	2.700.000	2.740.500	(40.500)	62,8%
2	Trái phiếu	700.000	559.490	140.510	16,3%
3	Góp vốn cổ phần	504.000	522.701	(18.701)	11,7%
4	Chứng khoán, chứng chỉ quỹ và ủy thác đầu tư	315.000	265.000	50.000	7,3%
5	Văn phòng cho thuê	5.400	6.410	(1.010)	0,1%
6	Bất động sản	11.200	11.206		0,3%
7	Tiền tài khoản thanh toán	64.400	25.282	39.118	1,5%
Tổng cộng		4.300.000	4.130.589	169.411	100,0%



CHUẨN MỰC[?]

Để đưa ra khái niệm chuẩn mực là gì chính xác thì hiện pháp luật chưa có quy định cụ thể. Thông thường mọi người tự quy ước, đưa ra cách hiểu về phần đa số cách ứng xử, cư xử thành chuẩn mực để cho chúng ta noi theo.

Có thể thấy chuẩn mực trước hết là hệ thống các quy tắc, yêu cầu, đòi hỏi của xã hội, do chính các thành viên của xã hội đặt ra nhằm định hướng cho hành vi của mỗi cá nhân. Chuẩn mực đã thành hệ thống và được đặt ra làm mục tiêu, làm đích hướng tới của các cá nhân sống và làm việc trong đó.

04

QUẢN TRỊ CÔNG TY

TẠI VINARE,
CHUẨN MỤC ĐƯỢC HIỂU LÀ



Quản trị Công ty được xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn và là yếu tố then chốt để VINARE gia tăng hình ảnh, giá trị thương hiệu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu rộng và mạnh mẽ trong gần 30 năm qua. Chúng tôi đã và đang xây dựng, tìm kiếm và áp dụng các chuẩn mực quốc tế để đáp ứng nhu cầu quản trị điều hành nhằm đạt hiệu quả cao và bền vững trong mọi mặt hoạt động của VINARE.

Nguyễn Xuân Việt
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

VAI TRÒ CỦA LÃNH ĐẠO

ESG

TRONG VIỆC ĐẶT NỀN MÓNG
CHO QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN



Xu hướng doanh nghiệp hoàn toàn tuân theo các quy tắc chung có thể là lựa chọn dễ dàng hơn nhưng lại khiến doanh nghiệp có thể không đáp ứng được kỳ vọng của nhà đầu tư, nhu cầu của khách hàng và hoạt động của đối thủ cạnh tranh. Thích ứng để phát triển trong môi trường kinh doanh này đòi hỏi sự kết hợp phản hồi từ các bên liên quan vào kế hoạch kinh doanh dài hạn của doanh nghiệp, phát hiện những rủi ro mới có thể xuất hiện trong thời đại thay đổi môi trường và xã hội năng động, đồng thời xác định các cơ hội mới để tạo ra giá trị trong tương lai bền vững hơn. Đảm bảo việc thực hiện trách nhiệm hiện tại nhằm mở ra cơ hội phát triển ở tương lai.



VAI TRÒ CỦA LÃNH ĐẠO TRONG VIỆC ĐẶT NỀN MÓNG CHO QUY ĐỊNH CÔNG BỐ THÔNG TIN ESG



Để đi trước xu hướng về quy định công bố thông tin ESG, Hội đồng quản trị nên thực hiện một số bước cơ bản nhằm tích hợp tư duy của ESG vào đánh giá rủi ro, đưa ra quyết định và xác định các cơ hội mới:

ĐƯA ESG THƯỜNG TRỰC TRONG CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Điều hành có hiểu các yêu cầu quy định liên quan không? Có dữ liệu cần thiết để đưa ra các quyết định chiến lược với ESG không? Có thời gian dành riêng cho các chương trình nghị sự để thảo luận nghiêm túc ảnh hưởng của ESG đến doanh nghiệp không? Nếu không, chúng ta cần tìm xem trở ngại ở đây là gì? Đó có phải là sự bất đồng quan điểm từ một số thành viên hội đồng quản trị không? Có phải là thiếu thông tin không? Có phải thấy như không liên quan đến lĩnh vực kinh doanh này?

THU HÚT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHUYẾN KHÍCH HỖ TRỢ CHO ESG

Hội đồng quản trị cần hiểu và ưu tiên ủng hộ? Hội đồng quản trị có được cung cấp những phản hồi và dữ liệu thuyết phục để chứng minh vai trò của ESG đối với giá trị doanh nghiệp chưa? Mỗi trao đổi với hội đồng quản trị là một cơ hội để xây dựng lòng tin. Việc thiết lập cam kết ESG dựa trên chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp và xác thực với mục đích của doanh nghiệp cho các bên liên quan thấy rằng doanh nghiệp đã tích hợp ESG vào cách doanh nghiệp vận hành.

DÀNH ĐỦ NGUỒN LỰC ĐỂ TÍCH HỢP ESG VÀO DOANH NGHIỆP

Những kỹ năng và nguồn lực nào được đánh giá cần thiết? Cách tiếp cận ngày nay được tích hợp như thế nào? Vị trí nào trong cả quá trình? Có đủ nguồn lực để làm việc đó không? Nếu không, đâu là điểm yếu? Doanh nghiệp có bộ phận phù hợp để hướng dẫn không? ESG đóng góp như thế nào vào chiến lược và mô hình kinh doanh? Có nguy cơ thông tin bị sai lệch không?

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHIẾN LƯỢC

Liệu chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp đã đáp ứng thích hợp với thực tế kinh doanh mới hay chưa? Lĩnh vực nào có tác động mạnh mẽ hơn? Nếu chưa biết chủ đề bền vững nào là quan trọng đối với doanh nghiệp thì việc đánh giá hoạt động giữa các doanh nghiệp tương tự, tìm kiếm ý kiến đóng góp của nhà đầu tư và các bên liên quan khác, học hỏi từ các cuộc thảo luận trên phương tiện truyền thông đều có thể là những cách để thách thức tư duy và thúc đẩy thay đổi.

XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ MỘT CÁCH RÕ RÀNG

Xác định mức độ thành công như thế nào đối với doanh nghiệp trong bối cảnh mới? Tầm nhìn với các mục tiêu và số liệu rõ ràng để đánh giá hiệu quả không? Nếu không, sẽ khó duy trì đà phát triển.



Theo bản dịch của VIOD



TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI VINARE



Quản trị Công ty được xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn và là yếu tố then chốt để VINARE gia tăng hình ảnh, giá trị thương hiệu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu rộng và mạnh mẽ trong gần 30 năm qua.



NGUYÊN TẮC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI VINARE

Trong những năm vừa qua, dưới sự định hướng và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, VINARE đã áp dụng các thông lệ tốt trong quản trị công ty, bao gồm các Quy tắc Quản trị Công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN. Các nguyên tắc quản trị liên quan đến:



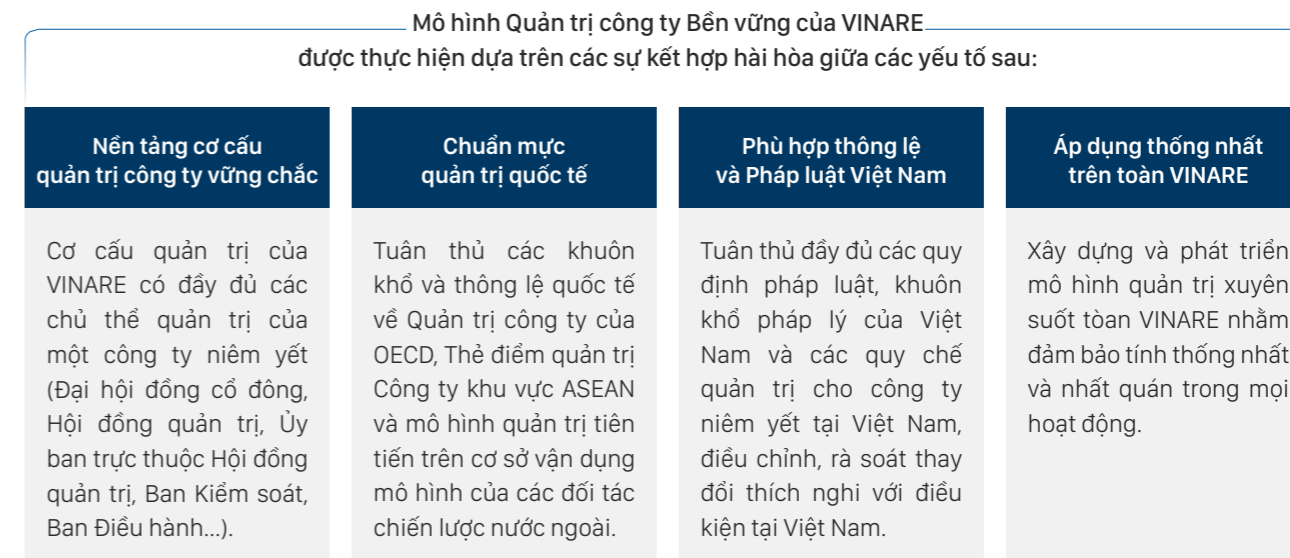
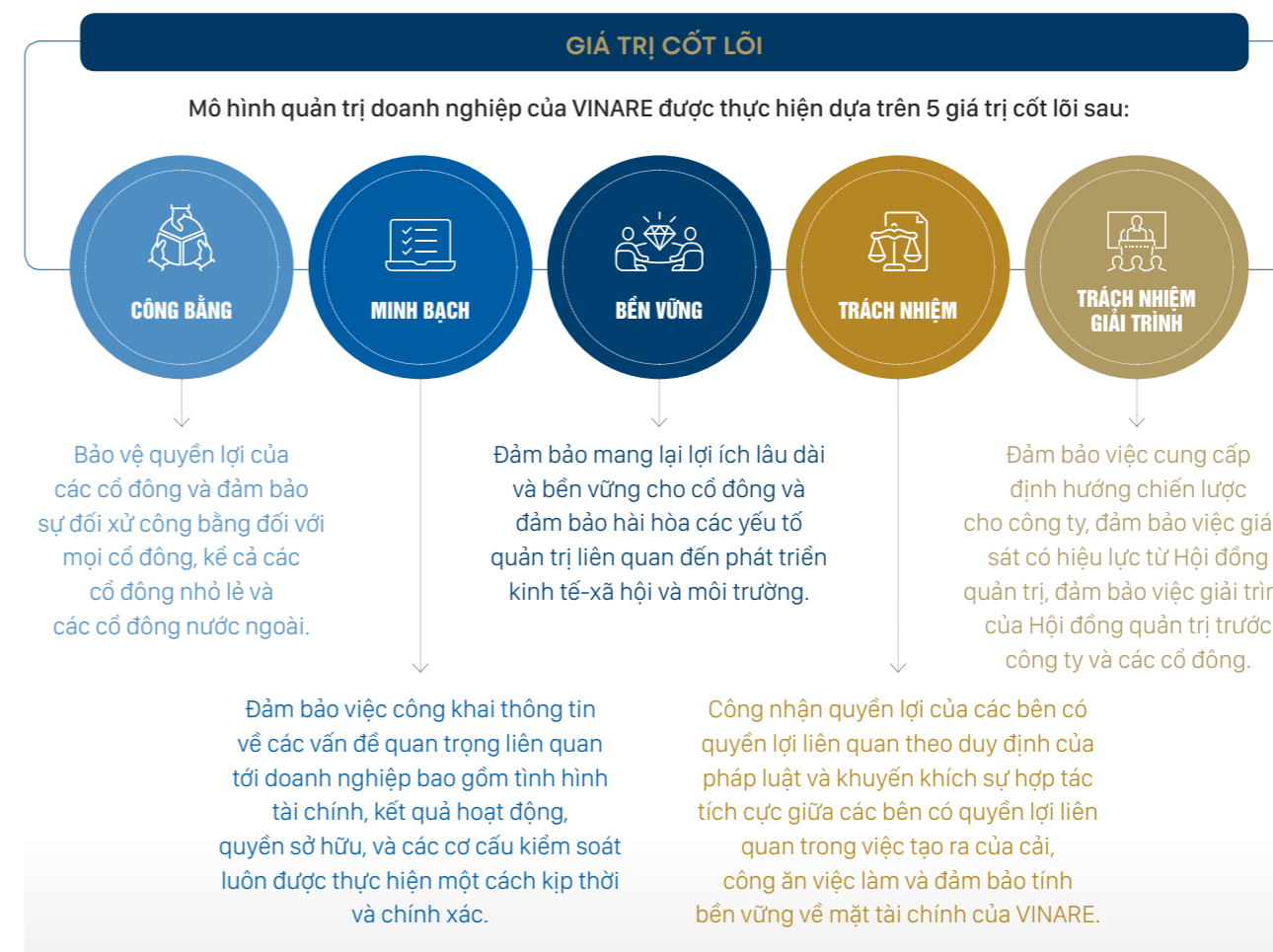
đã được VINARE chủ động tham chiếu trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tổng Công ty, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy, tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh trên toàn VINARE.



- Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò, quyền lợi của các bên liên quan;
- Đảm bảo minh bạch trong mọi hoạt động của doanh nghiệp;
- Đảm bảo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp có hiệu quả.

Bên cạnh đó, VINARE cũng nghiêm túc thực hiện các quy định về quản trị công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam bao gồm Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Để vận hành hiệu quả mô hình quản trị, VINARE đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.





TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI VINARE

KHUNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA VINARE

Khung quản trị doanh nghiệp của VINARE bao gồm các cấu phần sau:

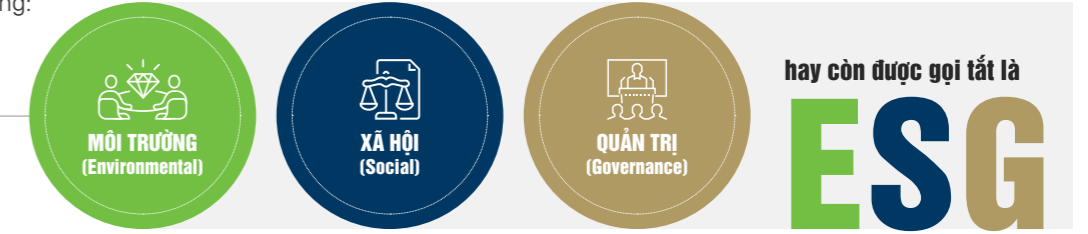
- Thành phần & Cơ cấu của Hội đồng quản trị**
 - Thành phần và tổ chức
 - Hướng dẫn và đào tạo
 - Thù lao cho Hội đồng quản trị
 - Kế hoạch kế nhiệm

(Tham chiếu Nội dung Chương IV: Báo cáo của Hội đồng quản trị và Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát)
- Hoạt động & Hiệu quả của Hội đồng quản trị**
 - Đạo đức và mối quan hệ của các thành viên Hội đồng quản trị
 - Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO)
 - Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm
 - Ủy ban Chiến lược và Đầu tư
 - Ủy ban Kiểm toán

(Tham chiếu nội dung Chương IV: Báo cáo của Hội đồng quản trị và các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị)
- Chiến lược, Kế hoạch & Giám sát**
 - Tầm nhìn và sứ mệnh
 - Kế hoạch chiến lược, kế hoạch kinh doanh
 - Giám sát hiệu quả hoạt động của VINARE và hiệu quả quản trị
 - Chiến lược CNTT
 - Quản lý nhân lực

(Tham chiếu báo cáo tại Chương II của Báo cáo thường niên)

Những năm gần đây, phát triển bền vững là một trong những mối quan tâm hàng đầu của các công ty trên thị trường vốn toàn cầu cũng như tại Việt Nam. Khái niệm này không chỉ đưa ra các vấn đề liên quan đến môi trường, mà còn bao hàm ba lĩnh vực quan trọng:



- Các quy trình quản lý rủi ro & Tuân thủ hiệu quả**
 - Hệ thống quản lý rủi ro
 - Hệ thống kiểm soát nội bộ
- Minh bạch & Công bố thông tin**
 - Báo cáo tài chính
 - Tăng cường công tác báo cáo
- Trách nhiệm của VINARE (xã hội, đạo đức & môi trường)**
 - Quy tắc ứng xử
 - Đạo đức kinh doanh
 - Quan hệ giữa các nhân viên/ An toàn và sức khỏe
 - Trách nhiệm xã hội

Ý NGHĨA CỦA QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG ESG



Nhiều người trong chúng ta hiểu phát triển bền vững đặt sự quan tâm về các vấn đề môi trường (yếu tố E) đơn giản như việc giảm thiểu khí thải hoặc sử dụng năng lượng tái tạo, hay các vấn đề xã hội (yếu tố S) dễ hiểu như sự an toàn, sức khỏe của người tiêu dùng và môi trường làm việc tốt cho người lao động... Trong khi đó, các vấn đề liên quan đến quản trị (yếu tố G) hầu như ít được nhắc tới, nhưng lại luôn là giải pháp quan trọng để các công ty có thể sử dụng và tạo ra các tác động tích cực.

Lần đầu tiên, bộ nguyên tắc về Quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), được sửa đổi và ban hành vào tháng 9/2015, đã đưa ra các nguyên tắc hướng dẫn về Quản trị công ty dành cho các nhà đầu tư tổ chức, thị trường chứng khoán và các bên trung gian khác, khuyến nghị các nhà đầu tư tổ chức công bố chính sách liên quan đến Quản trị công ty; giao dịch nội gián và thao túng thị trường phải bị cấm và các quy định phù hợp phải được thực thi; thị trường cần tạo ra cách thức xác định giá chứng khoán một cách công bằng và hiệu quả.

Với các hướng dẫn này, Quản trị công ty tốt đã dần dần trở thành một trong các tiêu chí đầu tư quan trọng nhất đối với các quỹ đầu tư có trách nhiệm trên toàn cầu. Những quỹ này thường đưa ra các tiêu chí và chính sách liên quan đến Quản trị công ty đối với mục tiêu danh mục đầu tư có trách nhiệm của mình, tìm kiếm và đầu tư vào các doanh nghiệp có các chính sách tốt về môi trường, xã hội và quản trị. Thậm chí, một số quỹ sẽ trực tiếp tham gia để giúp các công ty cải thiện các thông lệ quản trị theo xu hướng quốc tế hóa.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



CƠ CẤU TỔ CHỨC



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

VINARE TỔ CHỨC THÀNH CÔNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021



Sáng ngày 23/04/2021, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE) tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Đại hội có sự tham dự của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban lãnh đạo, cán bộ nhân viên và các cổ đông của VINARE.



Trong bối cảnh đà tăng trưởng của thị trường bảo hiểm giảm sút do tác động chưa tính toán hết được của dịch COVID-19 cùng với tình hình tổn thất do thiên tai tiếp tục diễn biến phức tạp, VINARE đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông giao.

Đại hội đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

- Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán 2020
- Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ chi trả cổ tức 2020
- Thông qua kế hoạch kinh doanh 2021
- Thông qua thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, thư ký Hội đồng quản trị 2020
- Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị 2020
- Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát 2020
- Thông qua phương thức lựa chọn công ty kiểm toán cho năm 2021
- Thông qua phương án phát hành vốn điều lệ 2021
- Thông qua Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi
- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi
- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi
- Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sửa đổi
- Bầu bà Nguyễn Thị Quỳnh Hường giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2024

Phát biểu tại Đại hội, Chủ tịch Hội đồng quản trị Nguyễn Anh Tuấn thay mặt Hội đồng quản trị cam kết trước đại hội sẽ sâu sát trong công tác chỉ đạo, điều hành và phối kết hợp với Ban Điều hành thực hiện thắng lợi các mục tiêu kế hoạch năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nội dung

Kết quả họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 23/04/2021:

- Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2020.
- Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020; tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020; thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, tổ thư ký Hội đồng quản trị năm 2020.
- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021.
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2020.
- Thông qua Báo cáo giám sát của Ban Kiểm soát 2020.
- Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
- Thông qua phương án tăng vốn điều lệ 2021.
- Thông qua toàn văn Điều lệ Tổ chức và Hoạt động (sửa đổi)
- Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty (sửa đổi)
- Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (sửa đổi)
- Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (sửa đổi)
- Bầu bà Nguyễn Thị Quỳnh Hường giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2024.

Nội dung

Thông qua việc sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 7 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam:

- Vốn điều lệ của Tổng công ty là 1.507.371.300.000.
- Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 150.737.130 cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Số Nghị quyết:
08/2021/NQ-ĐHĐCĐ

Ngày 23/04/2021

Quyết định số:
22/2021/QĐ-ĐHĐCĐ

Ngày 08/09/2021



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên Hội đồng quản trị	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bầu thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	03/03	100%	
2	Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bầu thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	03/03	100%	
3	Ông Jared Orchard	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bầu thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	03/03	100%	
4	Ông Đào Nam Hải	Thành viên Hội đồng quản trị	Bầu thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	03/03	100%	1 cuộc họp ủy quyền
5	Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	Tổng Giám đốc, bầu thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	03/03	100%	
6	Ông Nguyễn Đình An	Thành viên Hội đồng quản trị	Bầu thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	03/03	100%	
7	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	Bầu thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	03/03	100%	2 cuộc họp ủy quyền
8	Ông Phạm Phan Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	Bầu thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	03/03	100%	
9	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên Hội đồng quản trị	Bầu thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV từ ngày 23/4/2021	02/02	100%	Bầu thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV từ ngày 23/4/2021

Hội đồng quản trị đã tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua nghị quyết: 05 lần.

Ngoài các phiên họp nêu trên, khi có vấn đề phát sinh, để đảm bảo thực tiễn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị Tổng công ty tổ chức họp trực tuyến hoặc các hình thức thảo luận và lấy ý kiến biểu quyết khác. 100% các thành viên Hội đồng quản trị đều tham dự và tham gia biểu quyết.



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

- Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Điều hành điều hành, Ban Kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đối với Tổng Công ty.
- Mọi vấn đề ra quyết định của Hội đồng quản trị đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng qui định với Ban kiểm soát và Ban Điều hành điều hành.
- Mọi cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham dự và tham gia ý kiến của Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.
- Các đề xuất của Ban Điều hành đối với Hội đồng quản trị đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- Tổng Công ty chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và các qui định của Nhà nước, Điều lệ Công ty niêm yết.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

<p>TIỂU BAN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN</p> <p>Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2021 và kế hoạch 5 năm 2020 - 2024.</p>	<p>TIỂU BAN THÙ LAO & LƯƠNG THƯỞNG</p> <p>Duy trì chính sách lương thưởng đã áp dụng trong năm 2020.</p> <p>Rà soát chính sách lương thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách.</p>	<p>TIỂU BAN NHÂN SỰ</p> <p>Hoàn thiện Quy chế về quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với các chức danh quản trị điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>Đánh giá hiệu quả hoạt động 01 năm của Tổng giám đốc.</p>



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Năm 2021)

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Quyết định số 01/2021/QĐ-HĐQT	05/01/2021	Thành lập Ban Dự án để xây dựng và triển khai phần mềm quản lý nghiệp vụ Tái bảo hiểm của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam.
2	Quyết định số 02/2021/QĐ-HĐQT	25/02/2021	Phê chuẩn lương và các lợi ích khác đối với chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách nhiệm kỳ 2020 - 2024.
	Quyết định số 03/2021/QĐ-HĐQT	10/03/2021	Phê duyệt thời gian, địa điểm và chương trình tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
Kết quả Phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ IV, Nhiệm kỳ IV:			
3	Quyết định số 04/2021/QĐ-HĐQT	24/03/2021	<ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận Tổng công ty hoàn thành kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2020. Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Phê duyệt và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, BKS, tổ thư ký Hội đồng quản trị năm 2020. Thông qua Báo cáo giao dịch với các bên liên quan 2020. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020. Thông qua báo cáo kết quả thanh toán cổ phiếu Tiên Phong Bank trong năm 2020. Phê chuẩn kế hoạch kinh doanh năm 2021 và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Phương án tăng vốn điều lệ 2021. Thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ theo quy định pháp luật. Ghi nhận các nội dung thảo luận liên quan đến dự thảo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty sửa đổi, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sửa đổi. Nhất trí và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất của Ban kiểm soát về danh sách các công ty kiểm toán độc lập lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2021. Hội đồng quản trị ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị phê chuẩn các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021. Bổ sung nội dung bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2024 vào chương trình làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
4	Quyết định số 05/2021/QĐ-HĐQT	31/03/2021	Quyết định thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ
5	Quyết định số 06/2021/QĐ-HĐQT	08/04/2021	Quyết định về việc chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông
6	Quyết định số 07/2021/QĐ-HĐQT	15/04/2021	Quyết định về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu "Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý nghiệp vụ Tái bảo hiểm (ViCore) tại VINARE"
7	Quyết định số 09/2021/QĐ-HĐQT	23/04/2021	Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị công ty sửa đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2021.
8	Quyết định số 10/2021/QĐ-HĐQT	23/04/2021	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2021.
9	Quyết định số 11/2021/QĐ-HĐQT	23/04/2021	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2021.
10	Quyết định số 12/2021/QĐ-HĐQT	10/05/2021	Thành lập Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam.
11	Quyết định số 13/2021/NQ-HĐQT	14/05/2021	Thông qua việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
12	Quyết định số 14/2021/QĐ-HĐQT	08/06/2021	Lựa chọn công ty TNHH PWC Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của VINARE.
13	Quyết định số 15/2021/QĐ-HĐQT	28/06/2021	Lựa chọn nhà thầu thực hiện Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý nghiệp vụ tái bảo hiểm (ViCore).
14	Quyết định số 16/2021/QĐ-HĐQT	30/06/2021	Quyết định về việc chốt danh sách phát hành cổ phiếu thưởng
Kết quả Phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ V nhiệm kỳ IV:			
15	Quyết định số 17/2021/QĐ-HĐQT	29/6/2021	<ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận báo cáo hoạt động và kết quả kinh doanh 3 tháng đầu năm 2021 của Tổng công ty Phê duyệt kế hoạch Kiểm toán nội bộ 6 tháng cuối năm 2021 Thông qua Quy chế Công bố thông tin sửa đổi Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị tiếp tục tiếp thu ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng quản trị về Quy chế Đầu tư sửa đổi, Quy chế Tài chính sửa đổi, Quy chế Quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, để hoàn thiện và ký ban hành Thông qua việc phân công bổ sung nhân sự các Tiểu ban của Hội đồng quản trị Thông qua việc thay đổi tên gọi của Ban Quản lý Rủi ro như sau thành: Ban Quản lý Rủi ro và Kiểm soát Tuân thủ <ul style="list-style-type: none"> + Giao Tổng giám đốc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Quản lý rủi ro để bổ sung thêm chức năng kiểm soát tuân thủ. + Giao Tổng giám đốc ban hành Quyết định giải thể Bộ phận Kiểm tra, kiểm soát nội bộ.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
16	Quyết định số 18/2021/QĐ-HĐQT	08/07/2021	Ban hành Quy chế Công bố thông tin (sửa đổi) của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam
17	Quyết định số 19/2021/QĐ-HĐQT	01/09/2021	Ban hành Quy chế Đầu tư
18	Quyết định số 20/2021/QĐ-HĐQT	01/09/2021	Ban hành hạn mức phân cấp đầu tư
19	Quyết định số 21/2021/QĐ-HĐQT	01/09/2021	Ban hành Quy chế tài chính
20	Quyết định số 23/2021/QĐ-HĐQT	28/9/2021	Quyết định cử Người đại diện vốn tại Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina (SVI).
21	Quyết định số 24/2021/QĐ-HĐQT	21/10/2021	Ban hành Quy chế Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức đối với các chức danh quản trị, điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
22	Quyết định số 25/2021/QĐ-HĐQT	10/11/2021	<p>Kết quả Phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ VI nhiệm kỳ IV:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận báo cáo hoạt động và kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2021 của Tổng công ty. Thống nhất với đánh giá, nhận xét của Tiểu ban Nhân sự đối với Bản tự nhận xét, đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổng Giám đốc Mai Xuân Dũng từ 02/11/2020 - 02/11/2021. Thông qua chủ trương bổ sung một nhân sự chức danh Phó Tổng giám đốc để kiện toàn nhân sự Ban Điều hành. Thống nhất điều chỉnh lương của Ban Điều hành quy định bằng đồng Việt Nam đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về quản lý ngoại hối. Thống nhất với báo cáo về tiến độ Dự án phần mềm nghiệp vụ Tái bảo hiểm (ViCore). Thống nhất với báo cáo của bộ phận Kiểm toán nội bộ về quy trình quản lý nghiệp vụ bồi thường, đối trừ công nợ và phát sinh chứng từ. Thống nhất với báo cáo của Ban Điều hành về Công ty cổ phần Đầu tư VINARE (VINARE Invest).
			Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ công tác nghiên cứu triển khai dịch vụ sản phẩm mới.
23	Quyết định số 26/2021/QĐ-HĐQT	30/11/2021	Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ công tác nghiên cứu triển khai dịch vụ sản phẩm mới.
24	Quyết định số 27/2021/QĐ-HĐQT	24/12/2021	Quyết định về Chương trình tái bảo hiểm 2022.



BAN KIỂM SOÁT

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS)

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Trần Trung Tính	Trưởng BKS	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	02/02	100%	
2	Bà Lê Thị Thanh Hiền	Thành viên BKS	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	02/02	100%	
3	Ông Vũ Ngọc Vượng	Thành viên BKS	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	02/02	100%	
4	Ông Đào Mạnh Dương	Thành viên BKS	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	02/02	100%	
5	Ông Tushar Chatterjee	Thành viên BKS	Bầu thành viên BKS Nhiệm kỳ IV từ ngày 11/6/2020	02/02	100%	



Hoạt động giám sát/phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và cổ đông/các cán bộ quản lý khác:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- Tổ chức họp Ban Kiểm soát định kỳ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ Tổng công ty
- Tham gia ý kiến về định hướng chiến lược hoạt động kinh doanh của Tổng công ty
- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Tổng công ty
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên
- Xem xét các báo cáo và thư quản lý của tổ chức kiểm toán
- Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Tổng công ty về: đầu tư, các phương án phát triển hợp tác kinh doanh, công tác quản lý tổ chức, lao động tiền lương, thưởng, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động và Tổng công ty.
- Phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các phòng ban quản lý, nghiệp vụ Tổng công ty.



BAN ĐIỀU HÀNH

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Mai Xuân Dũng	20/11/1974	<ul style="list-style-type: none"> Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính quốc tế, Đại học Queensland, Úc Chứng chỉ ANZIIF (Senior Associate), Học viện Bảo hiểm, Tài chính Úc - New Zealand Cử nhân Kinh tế bảo hiểm, Đại học Kinh tế quốc dân 	27/3/2013: Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc. 17/11/2020: Bổ nhiệm Tổng Giám đốc VINARE.
2	Ông Nguyễn Mạnh Linh	28/6/1971	<ul style="list-style-type: none"> Thạc sỹ Kinh doanh quốc tế (MSC), Trường kinh tế CERAM, Sophia Antipolis - Pháp Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA), Viện Công nghệ châu Á - Thái Lan Kỹ sư Tin học, Đại học Bách khoa Hà Nội 	01/09/2016: Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc VINARE.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Bà Lưu Thị Việt Hoa	15/11/1969	Cử nhân Tài chính, Đại học Tài chính Kế toán	01/03/2000: Trưởng phòng Tài vụ - Kế toán 15/01/2005: Kế toán trưởng

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Có 6/9 thành viên Hội đồng quản trị đã có chứng chỉ về quản trị công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2013, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị tối đa là 3,85 tỷ VND/năm.

- Việc xác định mức thù lao của từng thành viên được thực hiện theo Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐQT ngày 21/8/2015.
- Thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách thực hiện theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT ngày 25/2/2021.

Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch chuyên trách	2.627.144.410
2	Nguyễn Xuân Việt	Thành viên, Phó Chủ tịch	243.632.632
3	Đào Nam Hải	Thành viên	207.445.506
4	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên (từ ngày 23/4/2021)	159.121.527
5	Mai Xuân Dũng	Thành viên, Tổng giám đốc	2.412.595.976
6	Nguyễn Đình An	Thành viên	207.445.506
7	Vũ Anh Tuấn	Thành viên	207.445.506
8	Phạm Phan Dũng	Thành viên, Trưởng Tiểu ban Thù lao và Lương thưởng	261.445.506
9	Jared Orchard	Thành viên, Phó Chủ tịch	216.562.339

Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Trần Trung Tính	Trưởng Ban Kiểm soát	149.658.380
2	Lê Thị Thanh Hiền	Thành viên	138.079.172
3	Tushar Chatterjee	Thành viên	110.463.338
4	Vũ Ngọc Vương	Thành viên	124.271.255
5	Đào Mạnh Dương	Thành viên, Giám đốc Marketing	1.018.551.464

Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Mai Xuân Dũng	Tổng giám đốc	Như trên
2	Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng giám đốc	1.853.868.742
3	Lưu Thị Việt Hoa	Kế toán trưởng, thư ký Hội đồng quản trị	2.152.579.576

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Nguyễn Thị Minh Châu	Người được ủy quyền Công bố thông tin	76.136	0,057%	66.236	0,044%	Đăng ký bán



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA VINARE THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
CÂU HỎI CẤP 1				
A. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG				
A.1 Quyền cơ bản của cổ đông				
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được cổ đông thông qua tại các đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Sau khi ĐHĐCĐ có nghị quyết về trả cổ tức, VINARE tiến hành chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức. Danh sách cổ đông được trả cổ tức do Trung tâm lưu ký lập. Số tiền trả cổ tức được chuyển cho Trung tâm lưu ký và được chi trả đến tài khoản chứng khoán đối với cổ phiếu được lưu ký. Trường hợp không lưu ký, cổ đông nhận cổ tức tiền mặt tại trụ sở. http://vinare.com.vn/vn/Tin-tuc-Su-kien/Thong-Tin-VINARE/Thong-bao-so-2129TBVSD-ngay-1762020-cua-Trung-tam-Luu-ky-Chung-khoan-Viet-Nam-ve-ngay-dang-ky-cuoi-cung-va-xac-nhan-danh-sach-nguoi-so-huu-chung-khoan.aspx
A.2 Quyền tham gia vào các quyết định liên quan - Tham chiếu nguyên tắc đến những thay đổi quan trọng của công ty.				
Cổ đông có quyền tham gia:				
A.2.1	Sửa đổi qui chế công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 13 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3 Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết.				
A.3.1	"Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) hoặc mọi khoản thù lao cho thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị không điều hành?"	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 13 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động
A.3.2	"Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền để cử thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị?"	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi đại hội tiến hành?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thể hiện trên Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20C4%91%3%B4ng/Bi%C3%AA%20b%E1%BA%A3n%20%C4%90H%C4%90C4%90/VNR%20BienBanDaiHoiDongCoDongThuongNien%202020.pdf
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên Hội đồng quản trị tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên Hội đồng quản trị và TGD/Giám đốc Điều hành (nếu TGD/Giám đốc Điều hành không phải là thành viên Hội đồng quản trị) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thể hiện trên Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20C4%91%3%B4ng/Bi%C3%AA%20b%E1%BA%A3n%20%C4%90H%C4%90C4%90/VNR%20BienBanDaiHoiDongCoDongThuongNien%202020.pdf
A.3.12	"Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?"	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCD bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thực hiện theo quy định về CBTT của công ty niêm yết
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thể hiện trên Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20C4%91%3%B4ng/Bi%C3%AA%20b%E1%BA%A3n%20%C4%90H%C4%90C4%90/VNR%20BienBanDaiHoiDongCoDongThuongNien%202020.pdf
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thầu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên Hội đồng quản trị của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại? Tham chiếu Nguyên tắc G20/OECD (2015) II (H)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE chưa thực hiện các giao dịch sáp nhập, mua lại và/hoặc thầu tóm. Các giao dịch nếu được thực hiện sẽ tuân thủ theo quy định pháp luật.
A.5 Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư - Tham chiếu nguyên tắc tổ chức.				
B. ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG				
B.1 Cổ phiếu và quyền biểu quyết - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II				
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sơ giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)? (Chỉ có 1 loại cổ phiếu)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.2 Thông báo ĐHĐCĐ - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II				
B.2.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA VINARE THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
Thông báo về ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không: Tham chiếu Nguyên tắc ICGN				
B.2.3	Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ủy viên Hội đồng quản trị sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và vị trí thành viên Hội đồng quản trị đang tại vị trong các công ty niêm yết	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thể hiện trong tài liệu họp ĐHĐCĐ http://vinare.com.vn/vn/Quan-He-Co-Dong/Dai-Hoi-Dong-Co-Dong/Trieu-Tap-Hop-Dai-Hoi-Dong-Co-Dong/Thong-bao-vv-to-chuc-hop-Dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-nam-2020.aspx
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.2.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?			
B.3 Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) III & ICGN 4				
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên Hội đồng quản trị và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 38 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động
B.3.2	Thành viên Hội đồng quản trị có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thực hiện theo Quy chế CBTT Cổ phiếu VNR được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, nhân viên công ty có thể được tự do mua bán
B.4 Giao dịch bên liên quan của thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý cấp cao Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II & ICGN 9.3				
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên Hội đồng quản trị độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Các nội dung này đã được quy định tại Điều lệ VINARE
B.4.3	"Công ty có chính sách yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị không tham gia họp Hội đồng quản trị trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?"	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 38 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên Hội đồng quản trị, trong đó qui định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
B.5 Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II, ICGN 9.5 & ICGN 9.10				
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Các giao dịch với bên liên quan được phê chuẩn theo quy định của Điều lệ và quyết định của Hội đồng quản trị, được công bố rõ ràng đảm bảo yêu cầu minh bạch.
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

C. VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
C.1 Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (A) & G20/OECD (2015) IV (B)				
Công ty có công bố chính sách và các thực hành về:				
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE không có khách hàng cá nhân, chỉ có khách hàng doanh nghiệp. Các hợp đồng được giao kết trên cơ sở thỏa thuận.
C.1.2	"Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?"	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Tuân thủ theo quy định pháp luật có liên quan
C.1.3	"Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững?"	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE là doanh nghiệp thuộc lĩnh vực dịch vụ tài chính, chuỗi giá trị không có ảnh hưởng đến môi trường
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Trong Báo cáo thường niên hàng năm, mục Báo cáo trách nhiệm môi trường và xã hội http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20%C4%91%C3%B4ng/Bao%20cao%20thuong%20nien/B%3%A1o%20c%3%A1o%20th%C6%B0%E1%BB%9Dng%20nien%20n%C4%83m%202019.pdf
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE không có khoản vay, không có chủ nợ. Công nợ với khách hàng được thanh toán đầy đủ theo cam kết
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Được công bố trong Báo cáo thường niên của VINARE. Mục Báo cáo trách nhiệm môi trường và xã hội http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20%C4%91%C3%B4ng/Bao%20cao%20thuong%20nien/B%3%A1o%20c%3%A1o%20th%C6%B0%E1%BB%9Dng%20nien%20n%C4%83m%202019.pdf
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thực hiện đầy đủ: http://vinare.com.vn/vn/Quan-He-Co-Dong/Nguoi-lien-he.aspx
C.3 Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (C)				
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	VINARE có đầy đủ các quy chế quy định về các nội dung này:
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	1. Quy chế khen thưởng, phúc lợi 2. Quy chế tuyển dụng, đào tạo
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	3. Quy chế thi đua, khen thưởng; Đánh giá hiệu quả làm việc



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA VINARE THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
C.4	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (E)			
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được để cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đang xây dựng
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/ không phù hợp đạo đức?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH				
D.1	Cấu trúc sở hữu minh bạch Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V			
D.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông lớn?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Công bố trong Báo cáo thường niên
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên Hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20%C4%91%C3%B4ng/Bao%20cao%20thuong%20nien/B%3%A1o%20c%3%A1o%20th%C6%B0%E1%BB%9Dng%20nien%20n%C4%83m%202019.pdf
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của ban điều hành?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20%C4%91%C3%B4ng/Bao%20cao%20thuong%20nien/B%3%A1o%20c%3%A1o%20th%C6%B0%E1%BB%9Dng%20nien%20n%C4%83m%202019.pdf
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/(SPV)?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Báo cáo thường niên của công ty có công bố những nội dung sau (Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A)):				
D.2.1	Mục tiêu của công ty	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.2.4	Chính sách cổ tức	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố trong Báo cáo thường niên
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên Hội đồng quản trị nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên Hội đồng quản trị	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20%C4%91%C3%B4ng/Bao%20cao%20thuong%20nien/B%3%A1o%20c%3%A1o%20th%C6%B0%E1%BB%9Dng%20nien%20n%C4%83m%202019.pdf
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên Hội đồng quản trị trong các cuộc họp Hội đồng quản trị đã thực hiện trong năm	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên Hội đồng quản trị	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
Tuyên bố Khẳng định về Quản trị Công ty (Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A) (8))				
D.2.8	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố trong Báo cáo thường niên - Chương Quản trị công ty, mục Thực hiện các quy định về quản trị công ty http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20%C4%91%C3%B4ng/Bao%20cao%20thuong%20nien/B%3%A1o%20c%3%A1o%20th%C6%B0%E1%BB%9Dng%20nien%20n%C4%83m%202019.pdf
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thực hiện
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.4	Thành viên/ủy viên Hội đồng quản trị giao dịch cổ phiếu của công ty Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A)			
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người người nội bộ của công ty thực hiện?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố trong Báo cáo thường niên http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20%C4%91%C3%B4ng/Bao%20cao%20thuong%20nien/B%3%A1o%20c%3%A1o%20th%C6%B0%E1%BB%9Dng%20nien%20n%C4%83m%202019.pdf
D.5	Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V			
D.5.1	Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thông tin đầy đủ đến Hội đồng quản trị. VINARE không có dịch vụ phi kiểm toán
D.5.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.6	Phương tiện truyền thông Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây? Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (E), OECD VI (C), OECD VI (E), OECD VI (A), ICGN 7.2 & ICGN 7.3			
D.6.1	Báo cáo quý	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.6.2	Trang thông tin điện tử của công ty	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thực hiện đầy đủ theo Quy chế CBTT
D.7.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20%C4%91%C3%B4ng/Thongtin%20congbo/QD%20phe%20chuan%20Quy%20che%20CBTT%20sua%20doi%20VINARE%202016.pdf
D.7.2	Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA VINARE THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
D.8 Trang thông tin điện tử của công ty				
Công ty có trang thông tin điện tử công bố thông tin cập nhật về: Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (A) & G20/OECD (2015) VI (E)				
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quý gần nhất)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Công bố đầy đủ trên website: www.vinare.com.vn
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCD bất thường	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.8.5	Biên bản họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCD bất thường	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
D.9 Quan hệ nhà đầu tư Tham chiếu nguyên tắc ICGN 7.1				
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (vd: số điện thoại, fax, và email) của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Công bố đầy đủ trên website: www.vinare.com.vn http://vinare.com.vn/vn/Quan-He-Co-Dong/Nguoi-lien-he.aspx

E. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

E.1 Vai trò và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị				
Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và qui chế quản trị công ty được xác định rõ ràng Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V & G20/OECD (2015) VI				
E.1.1	Công ty có công bố qui chế quản trị công ty / điều lệ hoạt động của Hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/vn/Quan-He-Co-Dong/Quy-Che-Quan-Tri-Tong-Cong-Ty.aspx
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên Hội đồng quản trị có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 28 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị có được quy định và công bố rõ ràng?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Phân công trách nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị
Tâm nhìn/sứ mệnh của công ty Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V, G20/OECD (2015) VI, ICGN (2014): 4.1 & 1.2				
E.1.4	Công ty có công bố tâm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thực hiện đầy đủ http://vinare.com.vn/vn/Gioi-thieu/Dinh-Huong-Muc-Tieu.aspx
E.1.5	Thành viên Hội đồng quản trị có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Thực hiện Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty
E.1.6	Thành viên Hội đồng quản trị có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015)				
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã ban hành Bộ quy tắc ứng xử của VINARE

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Thành phần và cơ cấu của Hội đồng Quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD V, QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016) & G20/OECD (2015) VI (E)				
E.2.4	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có chiếm tối thiểu 50% số thành viên Hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Hiện chỉ có 1/8 thành viên độc lập, đang nghiên cứu triển khai phương án
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc có cơ chế tái đắc cử nhiệm kỳ 5 năm 1 đối với mỗi thành viên Hội đồng quản trị độc lập? 1Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 27 Điều lệ: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí Hội đồng quản trị mà một thành viên Hội đồng quản trị độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 26 Điều lệ: Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị
E.2.7	Công ty có thành viên Hội đồng quản trị điều hành nào phục vụ tại hơn 2 Hội đồng quản trị của các công ty niêm yết ngoài Tổng Công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiểu ban nhân sự Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II & G20/OECD (2015) VI (E)				
E.2.8	Công ty có Tiểu ban Nhân sự hay không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Quy định về Tiểu ban Nhân sự, Thủ lao đã có đầy đủ trong Quy chế quản trị nội bộ http://vinare.com.vn/vn/Quan-He-Co-Dong/Quy-Che-Quan-Tri-Tong-Cong-Ty.aspx
E.2.9	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Có 01 thành viên độc lập
E.2.10	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/vn/Quan-He-Co-Dong/Quy-Che-Quan-Tri-Tong-Cong-Ty.aspx
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Họp định kỳ theo các cuộc họp của Hội đồng quản trị
Tiểu ban Thủ lao/ Lương thưởng Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D) & (E)				
E.2.13	Công ty có Tiểu ban Thủ lao không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.14	Tiểu ban Thủ lao có bao gồm đa số thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.15	Chủ tịch của Tiểu ban Thủ lao có phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/vn/Quan-He-Co-Dong/Quy-Che-Quan-Tri-Tong-Cong-Ty.aspx
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Thủ lao?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thủ lao có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Thủ lao có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA VINARE THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
Tiểu ban Kiểm toán Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E) & QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016)				
E.2.18	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã thành lập Ủy ban Kiểm toán
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành với đa số thành viên/ủy viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.22	Tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Họp và tham dự họp Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 & G20/OECD (2015) VI (E)				
E.3.1	Họp Hội đồng quản trị có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.2	Thành viên Hội đồng quản trị có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã báo cáo tại: http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20%C4%91%C3%B4ng/Bao%20cao%20Quan%20tri%20Cong%20ty/2020/VNR_BaoCaoQuanTriCongTy_Nam%202020_Ban%20Cong%20Bo.pdf
E.3.3	Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị đối với các cuộc họp cần ra quyết định của Hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.5	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiếp cận thông tin Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI, NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 & G20/OECD (2015) VI (F)				
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp Hội đồng quản trị có được cung cấp cho Hội đồng quản trị tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ Hội đồng quản trị thực hiện trách nhiệm của mình?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Có thực hiện đầy đủ
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
Bổ nhiệm và tái cử thành viên Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C), ICGN: 3.6 & NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6				
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị mới?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 26 Điều lệ: Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.11	Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm một lần? Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 27 Điều lệ: Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị
Các vấn đề thù lao Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D), QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016), G20/OECD (2015) VI (D), ICGN 6.1 & ASX (2016)				
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên Hội đồng quản trị điều hành và TGĐ?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố đầy đủ trong Báo cáo thường niên: http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20%C4%91%C3%B4ng/Bao%20cao%20thuong%20nien/B%3%A1o%20c%3%A1o%20th%20C%6%B0%E1%BB%9Dng%20nien%20n%20C%4%83m%202019.pdf
E.3.14	Cổ đông hay Hội đồng quản trị có thông qua thù lao của thành viên Hội đồng quản trị điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/vn/Quan-He-Co-Dong/Dai-Hoi-Dong-Co-Dong/Nghi-Quy-Dai-Hoi-Dong-Co-Dong/Nghi-Quy-Dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-2020.aspx
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để giảm mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên Hội đồng quản trị điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deffered bonus)?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Kiểm toán Nội bộ Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D), NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 & ASX (2016)				
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đang chuẩn bị thành lập KTNB
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.3.18	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ có phải được Tiểu ban Kiểm toán thông qua?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Giám sát rủi ro Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D), QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016) & G20/OECD (2015) V (A)				
E.3.19	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố trong BCTN: http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20%C4%91%C3%B4ng/Bao%20cao%20thuong%20nien/B%3%A1o%20c%3%A1o%20th%20C%6%B0%E1%BB%9Dng%20nien%20n%20C%4%83m%202019



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA VINARE THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên Hội đồng quản trị đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Đã công bố trong BCTN:
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20%C4%91%C3%B4ng/Bao%20cao%20thuong%20nien/B%3%A1o%20c%3%A1o%20th%C6%B0%E1%BB%9Dng%20nien%20n%C4%83m%202019
E.3.22	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên Hội đồng quản trị hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Chủ tịch Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI, Quy định QTCT của Anh (2016), ASX (2016) & ICGN (2014)				
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch Hội đồng quản trị và TGD?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 29 Điều lệ: Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.4.3	Có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của chủ tịch có được công bố công khai?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Điều 29 Điều lệ: Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
Trưởng thành viên Hội đồng quản trị độc lập Tham chiếu nguyên tắc King Code 2009 & ICGN (2014)				
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hội đồng quản trị có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Kỹ năng và năng lực Tham chiếu nguyên tắc ICGN (2014)				
E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Có 3 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có kinh nghiệm và chuyên môn BH/TBH: http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20%C4%91%C3%B4ng/Bao%20cao%20thuong%20nien/B%3%A1o%20c%3%A1o%20th%C6%B0%E1%BB%9Dng%20nien%20n%C4%83m%202019.pdf
Phát triển thành viên Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)				
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên Hội đồng quản trị mới?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Có đầy đủ

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
Bổ nhiệm và Hiệu quả của TGD/Ban điều hành Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D)				
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên Hội đồng quản trị xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Có quy chế quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá
E.5.4	Thành viên Hội đồng quản trị có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Đánh giá Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc OECD VI (D) & OECD VI (E)				
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với Hội đồng quản trị và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Đánh giá thành viên Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D) & OECD VI (E)				
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với từng thành viên Hội đồng quản trị và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Đánh giá tiểu ban Tham chiếu nguyên tắc QUY TẮC CỦA ANH (2016) B.6				
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với các tiểu ban của Hội đồng quản trị và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
CÂU HỎI CẤP 2				
CÂU HỎI THƯỜNG				
(B)A. Quyền của cổ đông Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C)				
(B)A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại đại hội cổ đông?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Cho phép đại diện được ủy quyền biểu quyết hoặc bằng phương thức điện tử (nếu có)
(B)B. Đối xử công bằng với cổ đông				
(B)B.1 Thông báo ĐHĐCĐ Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C), OECD III (A), ICGN 8.4.1 & CLSA-ACGA (2010) phụ lục 2				
(B)B.1.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở Giao dịch, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/vn/Quan-He-Co-Dong/Dai-Hoi-Dong-Co-Dong/Trieu-Tap-Hop-Dai-Hoi-Dong-Co-Dong/Thong-bao-vv-to-chuc-hop-Dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-nam-2020.aspx
(B)C. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan				
(B)C.1 Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV				
(B)C.1.1	Công ty có thực hiện khuôn khổ báo cáo được quốc tế công nhận về phát triển bền vững (nghĩa là GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB) không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA VINARE THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
(B)D. Công bố thông tin và minh bạch				
(B)D.1 Chất lượng báo cáo thường niên Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A), G20/OECD (2015) V (E), ICGN 7.2 & ICGN 7.3				
(B)D.1.1	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính? (Thực hiện theo quy định về CBTT)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Việc công bố báo cáo tài chính thực hiện theo quy định CBTT http://vinare.com.vn/vn/Quan-He-Co-Dong/Thong-Tin-Tai-Chinh/Bao-Cao-Tai-Chinh-Nam-Da-Kiem-Toan/Bao-Cao-Tai-Chinh-Rieng-Da-Duoc-Kiem-Toan-Nam-2019.aspx
(B)D.1.2	Công ty có công bố chi tiết về thù lao của TGD?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	http://vinare.com.vn/Data/upload/files/Quan%20h%E1%BB%87%20C%E1%BB%95%20%C4%91%C3%B4ng/Bao%20cao%20thuong%20nien/B%C3%A1o%20c%C3%A1o%20th%C6%B0%E1%BB%9Dng%20nien%20n%C4%83m%202019.pdf
(B)E.1 Năng lực và sự Đa dạng của Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)				
(B)E.1.1	Công ty có tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị độc lập là nữ?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(B)E.1.2	Công ty có công bố chính sách và các mục tiêu có thể đo lường để thực thi sự đa dạng của Hội đồng quản trị và báo cáo tiến độ đạt được?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(B)E.2 Cấu trúc Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc ICGN 2.4.4 & G20/OECD (2015) VI (D)				
(B)E.2.1	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(B)E.2.2	Tiểu ban Nhân sự có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các thành viên Hội đồng quản trị phù hợp với định hướng chiến lược của công ty?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(B)E.3 Bổ nhiệm và tái cử Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (D) & NGÂN HÀNG THẾ GIỚI 6 (VI.1.21)				
(B)E.3.1	Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm hay nguồn ứng cử viên độc lập bên ngoài (như cơ sở dữ liệu thành viên Hội đồng quản trị do các viện thành viên Hội đồng quản trị hay hiệp hội cổ đông thiết lập) khi tìm kiếm ứng cử viên cho thành viên Hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Có phối hợp với VIOD
(B)E.4 Cơ cấu & Thành phần Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E)				
(B)E.4.1	Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành chiếm trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị với chủ tịch là thành viên độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(B)E.5 Quản lý rủi ro Tham chiếu nguyên tắc King Code 2009				
(B)E.5.1	HĐQT có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan công nghệ thông tin như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm họa, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và báo cáo cho hội đồng quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	Báo cáo quản lý rủi ro
(B)E.6 Hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc ICGN 5.5				
(B)E.6.1	Công ty có Tiểu ban quản lý Rủi ro riêng biệt?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
CÂU HỎI PHẠT				
(P)A. Quyền của cổ đông				
(P)A.1 Quyền cơ bản của cổ đông				
(P)A.2 Cổ đông, bao gồm cả cổ đông tổ chức, phải được trao đổi với nhau về các vấn đề liên quan tới quyền cơ bản của cổ đông như nêu trong bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty này, trừ trường hợp ngoại lệ nhằm ngăn ngừa lạm dụng. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II (G)				
(P)A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các cổ đông khác?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)A.3 Quyền tham gia hiệu quả vào và biểu quyết trong đại hội đồng cổ đông và được thông báo về các quy định, bao gồm thủ tục biểu quyết diễn ra trong đại hội đồng cổ đông. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II (C) & ICGN 2.4.2				
(P)A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bất thường?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)A.3.2	Chủ tịch Hội đồng quản trị, chủ tịch tiểu ban kiểm toán và tổng giám đốc/giám đốc có tham dự ĐHĐCĐ mới nhất?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)A.4 Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II (D)				
Công ty không công bố sự tồn tại của:				
(P)A.4.1	Thỏa thuận cổ đông?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)A.4.2	Giới hạn biểu quyết?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)A.4.3	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)A.5 Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II (D)				
(P)A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu chéo có tồn tại không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)B. Đối xử công bằng với cổ đông				
(P)B.1 Cản ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân.				
(P)B.2 Bảo vệ cổ đông thiểu số trước hành vi lạm Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) III, ICGN 2.11.1, ICGN 2.11.2, ICGN 8.5 & G20/OECD (2015) III (G)				
(P)B.2.1	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu trong ba năm trước không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)B.2.2	Có bất kỳ giao dịch bên liên quan nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện hợp lý trên cơ sở thị trường) cho các đơn vị không phải là công ty con?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)C. Vai trò của Các bên có quyền lợi liên quan				
(P)C.1 Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng.				
(P)C.2 Khi các bên có quyền lợi liên quan tham gia vào quá trình quản trị công ty, họ phải được tiếp cận với thông tin phù hợp, đầy đủ và đáng tin cậy một cách kịp thời và thường xuyên. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV				
(P)C.2.1	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không công bố thông tin trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CỦA VINARE THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Thực hiện tốt thông lệ Thực hiện chưa đủ thông lệ Chưa thực hiện theo thông lệ

Mã	Tiêu chí	2020	2021	Đánh giá
(P)D. Công bố thông tin và minh bạch				
(P)D.1 Hình phạt của cơ quan quản lý liên quan đến báo cáo tài chính Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V & ICGN 6.2				
(P)D.1.1	Công ty có nhận được "ý kiến loại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)D.1.2	Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)D.1.3	Công ty có nhận được "từ chối đưa ra ý kiến" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)D.1.4	Công ty có sửa đổi Báo cáo Tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị				
(P)E.1 Tuân thủ quy định, quy tắc và luật hiện hành về niêm yết Tham chiếu quy định của Anh				
(P)E.1.1	Có trường hợp nào mà thành viên Hội đồng quản trị không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.2 Cấu trúc Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc ICGN 3.3, ICGN 2.5 Độc lập & G20/OECD (2015) VI (E)				
(P)E.2.1	Công ty có thành viên Hội đồng quản trị độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hay hai nhiệm kỳ 5 năm 1 (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách? Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.2.2	Công ty đã không xác định rõ ai là thành viên Hội đồng quản trị độc lập?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.2.3	Công ty có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị độc lập nào giữ vai trò quản trị ở tổng cộng hơn 5 Hội đồng quản trị của các công ty đại chúng?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.3 Kiểm toán Độc lập Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V				
(P)E.3.1	(Trong hai năm trước) Có thành viên Hội đồng quản trị hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.4 Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (E) & quy định của Anh				
(P)E.4.1	Chủ tịch Hội đồng quản trị có phải là TGD của công ty trong 3 năm qua không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
(P)E.4.2	Các thành viên độc lập không điều hành có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng không?	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	



KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Căn cứ theo quy định Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 21/01/2019 về việc thực hiện công tác kiểm toán nội bộ, các đơn vị được yêu cầu phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ trước ngày 01/04/2021.

Ngày 30/03/2021, Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE đã ban hành Quyết định số 05/2021/QĐ-VNR về việc thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ và ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ, căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐQT ngày 24/3/2021 của Hội đồng quản trị.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ VINARE là một bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị VINARE, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng quản trị VINARE.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ VINARE bao gồm có 01 thành viên.

Chức năng của Kiểm toán nội bộ bao gồm: thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và khuyến nghị về các nội dung sau:

- Hệ thống kiểm soát nội bộ đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của VINARE.
- Các quy trình quản trị và quản lý rủi ro đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao.
- Các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác đạt được.

Theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐQT ngày 29/6/2021, Hội đồng quản trị VINARE đã thông qua kế hoạch Kiểm toán nội bộ 6 tháng cuối năm 2021, thực hiện 3 cuộc Kiểm toán nội bộ:

- Ban Tài sản
- Quy trình quản lý nghiệp vụ bồi thường kinh doanh tái bảo hiểm, quản lý công nợ, thanh toán
- Các khoản đầu tư khác của VINARE

Đến cuối năm 2021, Bộ phận Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành kế hoạch và báo cáo kết quả hoạt động với Hội đồng quản trị, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị giúp chuẩn hóa quy trình làm việc của Tổng công ty:

- Tổng Công ty cần xây dựng và chuẩn hóa quy trình lưu trữ dữ liệu, phạm vi áp dụng đối với các tài liệu bản cứng và các tài liệu bản mềm.
- Tổng Công ty cần xây dựng và chuẩn hóa quy trình quản lý văn bản, cân nhắc việc xây dựng hệ thống quản lý văn bản online trên nền tảng tích hợp các hoạt động quản trị khác của doanh nghiệp.
- Một số khuyến nghị khác có liên quan đến quy trình quản lý nghiệp vụ, quản lý công nợ,...





QUẢN LÝ RỦI RO



TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Với đặc thù của ngành bảo hiểm là kinh doanh rủi ro, việc xây dựng quy trình đánh giá và nhận/nhượng rủi ro một cách chặt chẽ, có kiểm soát là yếu tố tiên quyết để đảm bảo an toàn vốn, gia tăng giá trị đầu tư cho cổ đông. VINARE đã thực hiện quản lý rủi ro một cách có hệ thống, triển khai toàn diện đối với các ban/bộ phận để nhận diện các rủi ro có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp, từ đó đưa ra biện pháp xử lý phù hợp.

Công tác quản lý rủi ro của VINARE được thực hiện trên nguyên tắc là tất cả các bộ phận trong hệ thống đều phải tham gia vào quá trình quản lý rủi ro để đảm bảo mọi rủi ro trong quá trình kinh doanh của Tổng công ty được nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu.



Quy trình Quản lý rủi ro được thực hiện định kỳ. Ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát tuân thủ của Tổng công ty thực hiện việc khảo sát/rà soát, trao đổi với tất cả các Ban kinh doanh nghiệp vụ/ Bộ phận liên quan thông qua mẫu báo cáo RCSA (Risk Control Self Assessment) để nhận diện/cập nhật các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Các Ủy ban, Hội đồng cũng tham gia vào quá trình nhận diện rủi ro thông qua các hoạt động hỗ trợ cho Ban Điều hành. Các rủi ro sau khi được nhận diện sẽ được thảo luận đa chiều (giữa các Ban kinh doanh, Ban Quản lý rủi ro, Ban Điều hành) về giải pháp đang thực hiện và mức tác động của các rủi ro đó. Báo cáo rủi ro được lập 6 tháng/1 lần để tổng hợp thông tin, làm cơ sở để theo dõi, đánh giá hiệu quả của các giải pháp đang áp dụng.



TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO CHÍNH TRONG KỲ BÁO CÁO

1. Phối hợp với các Ban Khai thác Tái bảo hiểm, Ban Quản trị nghiệp vụ và Bồi thường rà soát, đốc thúc đơn đốc khách hàng phát sinh phí các dịch vụ tạm thời đến kỳ thanh toán và dịch vụ thuộc hợp đồng cố định chưa thu đủ phí.
2. Đánh giá, phân tích vấn đề tích tụ rủi ro trong khai khai thác đối với một số hợp đồng tái bảo hiểm cố định không có bảng kê chi tiết (non-bordereaux) tích tụ với các hợp đồng tái bảo hiểm cố định có bảng kê chi tiết trên cơ sở cơ cấu nhận nhượng 2021; đề xuất giải pháp kiểm soát tích tụ rủi ro để phối hợp cùng Ban Ban Quản trị nghiệp vụ và Bồi thường và các Ban Khai thác Tái bảo hiểm cùng thực hiện.
3. Tính toán dự phòng nghiệp vụ quý 4/2020; quý 1, 2, 3 năm 2021.
4. Thực hiện các nội dung liên quan đến quản lý rủi ro trong kỳ họp Management Meeting với A.M. Best: Chạy mô hình đánh giá Vốn yêu cầu trên cơ sở rủi ro (nghiệp vụ tái bảo hiểm, đầu tư).
5. Tính toán Dự phòng nghiệp vụ theo chuẩn quốc tế (IFRS) để đánh giá tính đầy đủ trong trích lập Dự phòng nghiệp vụ hiện tại.
6. Kết hợp với các Ban Khai thác Tái bảo hiểm đánh giá dịch vụ nhận tái bảo hiểm (ngành nghề năng lượng tái tạo).
7. Phối hợp với bộ phận Kiểm toán nội bộ (KTNB) để thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát tuân thủ, triển khai 03 cuộc Kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được được Hội đồng quản trị thông qua.



QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ THÔNG TIN CỔ PHIẾU



Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 15/7/2021		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 30/6/2020	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Nguyễn Anh Tuấn	15,26%	0%	15,26%	0%
2	Mai Xuân Dũng	12,13%	0,029%	12,13%	0,029%
3	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	12,97%	0%	12,97%	0%
4	Nguyễn Xuân Việt	9,18%	0%	9,18%	0%
5	Đào Nam Hải	2,50%	0%	2,50%	0%
6	Nguyễn Đình An	8,01%	0%	8,01%	0%
7	Vũ Anh Tuấn	6,43%	0%	6,43%	0%
8	Phạm Phan Dũng	0%	0%	0%	0%
9	Jared Orchard	0%	0%	0%	0%

Ghi chú:

Ủy quyền có thời hạn làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại VINARE từ ngày 13/5/2021 đối với các ông/bà:

- Ông Nguyễn Anh Tuấn: **15,26%**
- Ông Mai Xuân Dũng: **12,13%**
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương: **12,97%**

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 15/7/2021		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 30/6/2020	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Trần Trung Tính	0,82%	0%	0,82%	0%
2	Lê Thị Thanh Hiền	0%	0%	0%	0%
3	Vũ Ngọc Vượng	0%	0%	0%	0%
4	Đào Mạnh Dương	0%	0,045%		
5	Tushar Chatterjee	0%	0%		



6 THÔNG SỐ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY (QTCT) THEO ESG TẠI DOANH NGHIỆP

Tại Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), các chuẩn mực ESG tốt được áp dụng là yếu tố cơ bản cho sự thành công của các khoản đầu tư dài hạn trong khu vực kinh tế tư nhân. 90% trong tổng số 656 công ty trong danh mục đầu tư của IFC tại các thị trường mới nổi trên toàn cầu được khảo sát mới đây đều tin tưởng rằng, các yêu cầu về QTCT (bên cạnh các quy chuẩn về môi trường xã hội) của IFC là yếu tố quan trọng góp phần cho sự thành công về lâu dài của họ.

Phương pháp luận về QTCT của IFC hiện đang được 35 định chế tài chính toàn cầu ký kết áp dụng và được sửa đổi trong năm 2019 để cập nhật ma trận các tiêu chí về QTCT, bao gồm các vấn đề mới phát sinh từ các cuộc khủng hoảng tài chính gần đây, đồng thời hợp nhất các vấn đề liên quan đến môi trường xã hội để nhất quán với các chính sách về phát triển bền vững.





6 THÔNG SỐ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY (QTCT) THEO ESG TẠI DOANH NGHIỆP



Bảng đối chiếu bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam với phương pháp luận về QTCT của IFC

Phương pháp luận của IFC	Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất
Cam kết thực hiện các chuẩn mực ESG tốt	1. Nguyên tắc 1: Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của Hội đồng quản trị
Cơ cấu và chức năng hoạt động của Hội đồng quản trị	Nguyên tắc 2: Thiết lập một Hội đồng quản trị có năng lực và chuyên nghiệp Nguyên tắc 3: Bảo đảm vai trò lãnh đạo hiệu quả và tính độc lập của Hội đồng quản trị Nguyên tắc 4: Thiết lập các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị Nguyên tắc 5: Bảo đảm hoạt động hiệu quả của Hội đồng quản trị Nguyên tắc 6: Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức công ty
Môi trường kiểm soát	Nguyên tắc 7: Thiết lập khung quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát vững mạnh
Công bố và minh bạch thông tin	Nguyên tắc 8: Tăng cường hoạt động công bố thông tin của công ty
Đối xử với cổ đông thiểu số	Nguyên tắc 9: Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của cổ đông
Quản trị mối quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan	Nguyên tắc 10: Tăng cường sự tham gia hiệu quả của các bên có quyền lợi liên quan

Phương pháp luận về QTCT của IFC đánh giá thực trạng, rủi ro về quản trị dựa trên 6 thông số (lĩnh vực) chính như sau:

- Tính cam kết thực hiện quản trị, môi trường và xã hội theo các chuẩn mực tốt (cam kết từ lãnh đạo và văn hóa công ty)**
Công ty và các cổ đông thể hiện rõ cam kết trong việc triển khai thực hiện các thông lệ chuẩn mực cao về QTCT, trong đó bao gồm cả các chính sách, thủ tục về quản trị môi trường và xã hội.
- Cơ cấu và chức năng hoạt động của hội đồng quản trị (HĐQT)**
HĐQT có được cơ cấu một cách phù hợp và có đầy đủ năng lực để giám sát chiến lược, ban điều hành và năng lực hoạt động của công ty hay không.
- Môi trường kiểm soát**
Các hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty, chức năng kiểm toán nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro, chức năng tuân thủ có được xây dựng đúng và đủ để bảo đảm việc theo dõi quản lý các tài sản, tính hiệu quả của hoạt động kinh doanh, tính chính xác trong báo cáo cũng như tính tuân thủ với các chính sách, quy trình thủ tục và các quy định pháp lý có liên quan.
- Công bố và minh bạch thông tin**
Các công bố tài chính và phi tài chính của công ty có phù hợp, trung thực, kịp thời và quan trọng cho cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan hay không.
- Đối xử với cổ đông thiểu số**
Các quyền của cổ đông thiểu số và các bên có quyền lợi liên quan có được tôn trọng, được thực hiện theo đúng luật và đối xử công bằng hay không.
- Quản trị mối quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan**
Việc công ty quản trị các mối quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan có được thực hiện một cách đúng đắn, đặc biệt là việc giám sát phân loại, đưa ra các chính sách đối xử và cơ chế khiếu nại đối với các bên có quyền lợi liên quan.

Với vai trò tư vấn kỹ thuật cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong quá trình xây dựng và biên soạn Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng của Việt Nam (ban hành tháng 8/2019), phương pháp luận về QTCT của IFC đã được áp dụng và gắn kết các nguyên tắc này với 6 tham số nêu trên (xem bảng).

Từ bảng này cho thấy, có 5 nguyên tắc (từ số 2 đến số 6) của Bộ nguyên tắc QTCT được tập trung vào "Cơ cấu và chức năng hoạt động của Hội đồng quản trị". Để tăng cường tính hiệu quả của Hội đồng quản trị, Bộ nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam đưa ra nhiều nội dung hướng dẫn quan trọng liên quan đến tính đa dạng hóa của Hội đồng quản trị (bao gồm đa dạng hóa về quan điểm, trình độ năng lực và giới tính); tính độc lập thông qua vai trò của thành viên Hội đồng quản trị độc lập phù hợp; thiết lập cơ cấu Hội đồng quản trị với sự trợ giúp của các ủy ban trực thuộc; vai trò của Hội đồng quản trị trong việc định hướng chiến lược, giám sát môi trường kiểm soát tài chính và mới nhất là việc đề cập đến vai trò giám sát các vấn đề trọng yếu về môi trường xã hội trong hoạt động kinh doanh.



Việc cải thiện năng lực hoạt động và hiệu quả Hội đồng quản trị có ý nghĩa lớn đối với hầu hết các công ty của Việt Nam khi vai trò và trách nhiệm Hội đồng quản trị nói chung hiện đang bị xếp hạng ở mức thấp nhất (theo đánh giá chung của Thẻ điểm QTCT 6 nước khu vực ASEAN, trong đó có Việt Nam). Đây là mối quan tâm cũng như tiêu chí quyết định đầu tư hàng đầu của các nhà đầu tư tổ chức, đặc biệt là các quỹ đầu tư có trách nhiệm. Các yếu tố khác như môi trường đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp và tính liêm chính của lãnh đạo cấp cao nhất cũng đã và đang là các tiêu chí xét duyệt quan trọng, bên cạnh việc quyết định sự phát triển bền vững của chính các doanh nghiệp Việt Nam.



CỘNG HƯỞNG

Thuật ngữ "**CỘNG HƯỞNG**" (synergy), có nghĩa là "làm việc cùng nhau" có nguồn gốc từ Hy Lạp. Cộng hưởng là một hiện tượng xảy ra trong dao động cưỡng bức hay một dao động được kích thích bởi một ngoại lực tuần hoàn nào đó có cùng tần số với dao động của riêng nó. Điều này khiến biên độ dao động cưỡng bức tăng lên một cách đột ngột.

(Theo định nghĩa của Wikipedia)

05

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



TẠI VINARE, CHÚNG TÔI HIỂU RẰNG CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ



Hiện nay, các nhà đầu tư ngày càng quan tâm đến ESG, điều này có tác động sâu sắc đến báo cáo hàng năm của các doanh nghiệp. VINARE bắt đầu quan tâm tìm kiếm cơ hội tạo ra giá trị mới để giải quyết vấn đề ESG. Cộng đồng đầu tư nhanh chóng hiểu rằng doanh nghiệp nào có chương trình ESG hiệu quả có thể mang lại lợi nhuận tốt hơn. Các nhà đầu tư hiện quan tâm nhiều hơn đến các cam kết và hành vi minh bạch doanh nghiệp mà các thành viên Hội đồng quản trị thể hiện để thúc đẩy lợi thế cạnh tranh và kiến tạo nhiều giá trị cộng hưởng cho các đối tác, nhà đầu tư, cổ đông, người lao động, cộng đồng và các bên liên quan trong dài hạn.

Phạm Phan Dũng
Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị





CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG THÔNG TIN CHUNG



TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO



PHẠM VI BÁO CÁO

Bao gồm các chỉ số hoạt động của toàn Tổng Công ty VINARE.

GIẢI ĐOẠN BÁO CÁO

1/1/2021 - 31/12/2021

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Báo cáo được xây dựng theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững mới nhất - GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI). Báo cáo bao gồm các lĩnh vực, chỉ số hoạt động được chia ra theo các chỉ tiêu dành cho ngành tài chính GRI G4 (FS) và các chỉ tiêu công bố thông tin theo tiêu chuẩn chung (GRI 100). Đồng thời, bổ sung thêm các nội dung chi tiết về 3 tiêu chuẩn: Kinh tế (GRI 200), Môi trường (GRI 300) và Xã hội (GRI 400).

Xem chi tiết tại "Bảng tuân thủ theo GRI Standards" trong phần Phụ lục của Báo cáo



LIÊN HỆ

Để gửi các câu hỏi, các khuyến nghị liên quan đến hoạt động phát triển bền vững của VINARE cũng như nội dung của báo cáo, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo thông tin như sau:



Bà Nguyễn Thị Minh Châu

Người được ủy quyền công bố thông tin
Giám đốc Ban nhân sự Tổng hợp VINARE

Điện thoại: +024-3942-2354

Địa chỉ: Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ý kiến của các anh/chị sẽ giúp VINARE đưa ra các quyết sách phù hợp nhằm hiện thực hóa sứ mệnh phát triển bền vững của mình.

THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO

Báo cáo ghi lại những hoạt động quan trọng của VINARE liên quan đến các vấn đề về bền vững trong năm 2021. Cách tiếp cận với các vấn đề bền vững của VINARE xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của doanh nghiệp kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

Nội dung phát triển bền vững được VINARE chia sẻ tích cực và chủ động với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này tiếp tục được chúng tôi đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong Báo cáo phát triển bền vững 2021.



TỔNG QUAN VỀ VINARE VÀ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VINARE (GRI 100)



TỔNG QUAN VỀ VINARE

Phần nội dung này được chia sẻ cụ thể trong phần 2 giới thiệu thông tin chung về VINARE

TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VINARE

Với chiến lược trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam và Khu vực, nhà đầu tư chuyên nghiệp, trong gần 30 năm qua, VINARE nhận thức rõ vai trò không chỉ là cung cấp cho khách hàng các dịch vụ gia tăng giá trị, tập trung khả năng sinh lời và tối ưu hóa lợi tức, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông, mà còn là doanh nghiệp tham gia trong các vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng.



Trong đó, mục tiêu tăng trưởng kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của VINARE vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.



Việc thực hiện mục tiêu kinh tế được kết hợp với thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm thực hiện sứ mệnh bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.



Chúng tôi nhận thức được rằng cùng với việc đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo lợi ích của xã hội và cộng đồng, bảo vệ môi trường thì "Quản trị doanh nghiệp" và "Phát triển nguồn nhân lực" cũng là hai yếu tố quan trọng, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của VINARE. Chính vì vậy, VINARE sẽ ưu tiên gắn kết 2 yếu tố này trong mô hình phát triển bền vững trung và dài hạn.



Nội dung phát triển bền vững được VINARE chia sẻ tích cực và chủ động với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này tiếp tục được chúng tôi đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong phần Báo cáo Phát triển bền vững tại Báo cáo thường niên 2021.



Báo cáo phát triển bền vững của VINARE ghi lại những hoạt động quan trọng của VINARE liên quan đến các vấn đề về phát triển bền vững trong năm 2021. Cách tiếp cận với các vấn đề phát triển bền vững của VINARE xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của doanh nghiệp kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.



Tại Báo cáo thường niên 2021, VINARE đã tích hợp việc trình bày các nội dung về phát triển bền vững xuyên suốt từ định hướng chiến lược đến năm 2021 và tầm nhìn đến năm 2025 đến các hoạt động kinh doanh hàng ngày tại VINARE và các đơn vị thành viên. Nội dung phát triển bền vững được VINARE được lập theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững mới nhất - GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI).



TỔNG QUAN VỀ VINARE VÀ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VINARE (GRI 100)

CÁC ẢNH HƯỞNG TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỚI



Trong xu hướng phát triển bền vững, VINARE nhìn nhận một số rủi ro và thách thức có thể tác động tới hoạt động của VINARE. Các thách thức và rủi ro này được đánh giá theo mức độ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của VINARE và lợi ích của các bên liên quan.



1. THÁCH THỨC TỪ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



Biến đổi khí hậu là một thách thức lớn, tác động lớn đến sản xuất, đời sống và môi trường. Nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng gây ngập lụt, nhiễm mặn nguồn nước, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và các hoạt động kinh tế - xã hội. Biến đổi khí hậu đã, đang và sẽ làm thay đổi toàn diện, sâu sắc quá trình phát triển và an ninh toàn cầu, đòi hỏi mỗi quốc gia, lãnh thổ và từng địa phương phải có phương án ứng phó.

Theo báo cáo của Liên hợp quốc, nguyên nhân của hiện tượng biến đổi khí hậu 90% là do con người gây ra, 10% là do tự nhiên. Những tác động từ biến đổi khí hậu đã khiến nhiệt độ toàn cầu tăng 2-5°C trong thế kỷ 21 kèm theo hậu quả tiêu cực cho con người và môi trường.

Hội nghị COP21 về phòng chống biến đổi khí hậu diễn ra tại Paris vừa qua với sự tham gia của 196 quốc gia. Việt Nam - một trong những nước sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu - đã cam kết cắt giảm 8% lượng khí thải nhà kính vào năm 2030.

2. VIỆT NAM ĐỨNG THỨ 5 TRÊN TOÀN CẦU VỀ THIẾT HẠI DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Theo thống kê rủi ro lâu dài do biến đổi khí hậu, Việt Nam đứng thứ 5 trên toàn cầu về thiệt hại do biến đổi khí hậu và thiên tai gây ra. Trung bình mỗi năm có hàng trăm người thương vong và thiệt hại kinh tế do biến đổi khí hậu gây ra khoảng 1,9 tỷ USD tương đương 1,3% GDP. Những thiệt hại của biến đổi khí hậu đối với nền kinh tế của quốc gia gây ra rủi ro cho hoạt động kinh doanh của VINARE xét ở khía cạnh thu nhập của người dân giảm và các ưu tiên dành cho bảo hiểm có thể được thay thế cho những nguy cơ khác cấp bách hơn của khách hàng nhằm phục vụ cho các mục tiêu ngắn hạn.

3. THIÊN TAI LŨ LỤT GIA TĂNG

Thiên tai lũ lụt với những cơn bão mạnh hơn nhiều lần gây ra thiệt hại tài sản và con người, điển hình là trận lũ lịch sử tại miền Trung trong năm 2021 vừa qua gây ra nhiều tổn thất cho các nghiệp vụ bảo hiểm Tài sản và Kỹ thuật, làm tăng chi phí bồi thường.

4. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GÂY NGẬP ÚNG VÀ XÂM NHẬP MẶN, GÂY RỦI RO CHO BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Lượng mưa tăng lên cùng với mực nước biển dâng gây ra hiện tượng ngập úng và xâm nhập mặn tại các vùng, đặc biệt là các vùng như Đồng bằng Sông Cửu Long. Việc này ảnh hưởng đến canh tác nông nghiệp của người nông dân khi cây trồng ngập úng; sản lượng từ nuôi trồng thủy sản bị giảm sút do nhiễm mặn... Những thiệt hại này là nguy cơ lớn ảnh hưởng đến bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm thủy sản của VINARE.



5. HẠN HẠN VÀ GIÁ RẾT KÉO DÀI LÀM THIẾT HẠI CÂY TRỒNG VẬT NUÔI, GIA TĂNG NGUY CƠ CHÁY NỔ

Năm 2021, một số đợt nắng nóng gay gắt với nền nhiệt cao kỷ lục và các đợt giá rét kéo dài ở Bắc Bộ đến Nam Trung Bộ khiến hơn 160.000 ha diện tích hoa màu, rau màu bị thiệt hại, hơn 150.000 ha diện tích rừng hiện có bị ảnh hưởng và hơn 48.000 gia súc, gia cầm bị chết. Hạn hán kéo dài làm gia tăng các nguy cơ cháy rừng, cháy nổ các nhà máy. Đây cũng là rủi ro cho bảo hiểm Tài sản và bảo hiểm Nông nghiệp.

Theo kịch bản biến đổi khí hậu vào cuối thế kỷ này (năm 2100), nhiệt độ trung bình của nước ta sẽ tăng 2-3 độ C, sẽ có 10% dân số của Việt Nam chịu tác động trực tiếp từ biến đổi khí hậu, thiệt hại hàng năm ước tính khoảng 9% GDP.

Chính vì vậy, việc thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề cấp bách mang tính toàn cầu. Biến đổi khí hậu đã là thách thức thực sự nhưng đây cũng có thể là cơ hội nếu biết khai thác, tận dụng. Nắm bắt vấn đề này, ngay từ năm 2011, Việt Nam đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu. Đây là cơ hội để mở ra việc thúc đẩy hợp tác toàn cầu, đa phương, song phương, qua đó tiếp cận, hình thành các cơ chế mới để tiếp nhận hỗ trợ tài chính và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển.

Để làm được điều này cần sự quyết tâm của Chính phủ, sự hỗ trợ của quốc tế và đặc biệt là sự chung tay của cộng đồng doanh nghiệp trong việc đẩy mạnh sử dụng nguồn năng lượng xanh, thay thế cho nhiên liệu hóa thạch. VINARE nhìn nhận trách nhiệm của mình trong việc chung tay giải quyết các thách thức góp phần giảm nhẹ thiệt hại và hậu quả của biến đổi khí hậu.



TỔNG QUAN VỀ VINARE VÀ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VINARE (GRI 100)

CÁC ẢNH HƯỞNG TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỚI VINARE

6.

TÍCH HỢP ESG LÀ CƠ HỘI

ĐỂ CÁC CÔNG TY TINH CHÍNH,
BẢO VỆ VÀ TẠO RA GIÁ TRỊ
KINH DOANH



Nhu cầu xã hội và động lực thị trường có thể thúc đẩy doanh nghiệp kiểm tra lại dịch vụ của mình, nhưng nỗ lực này không phải là về vấn đề liên quan tới đạo đức hay lợi ích. Khi một doanh nghiệp bắt đầu đánh giá lại mình qua ESG, vấn đề quan trọng chính là yêu cầu làm rõ các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp và phương pháp để xác định giá trị cũng như xây dựng báo cáo về các vấn đề đó.

Các nhà lãnh đạo doanh nghiệp năng động thường đặt ra các mục tiêu đầy tham vọng, sẵn sàng nhanh chóng điều chỉnh cách thức điều hành doanh nghiệp và sẵn sàng nhận trách nhiệm. Họ cũng dễ dàng kiểm tra lại các mô hình kinh doanh của mình để đáp ứng tốt các yêu cầu từ thực tế mới hoặc tận dụng các cơ hội mới, tất cả đều có thể biến rủi ro thành lợi thế cạnh tranh.

Ví dụ, khi thế giới bắt đầu giảm thải cacbon, cơ hội thị trường mới sẽ mở ra cho các doanh nghiệp để tạo ra các sản phẩm và giải pháp phát thải cacbon thấp, sử dụng ít năng lượng và tài nguyên thiên nhiên hơn, thải ra ít khí nhà kính hơn, đồng thời có thể giúp giảm thiểu tác hại của khí hậu và hệ thống tái tạo tự nhiên.

Khi các doanh nghiệp bắt đầu quan tâm tới việc giải quyết vấn đề về ESG, nhà đầu tư cũng sẽ tìm kiếm dữ liệu về doanh nghiệp đang ứng dụng ESG và tìm cách nắm bắt cơ hội. Thành viên Hội đồng quản trị được kỳ vọng sẽ trở thành người giải thích các quyết định của mình khi những quyết định đó ảnh hưởng đến lợi ích của các bên liên quan (bao gồm cả môi trường và tính bền vững lâu dài của doanh nghiệp). Việc đặt ra các cam kết ESG trong chiến lược và mục đích kinh doanh của doanh nghiệp là minh chứng của doanh nghiệp cho các bên liên quan thấy rằng các nhà lãnh đạo của doanh nghiệp đã tích hợp ESG trong vận hành doanh nghiệp. Việc này sẽ tạo dựng niềm tin, niềm tin chính là nền tảng của giá trị kinh doanh.



7.

SỰ THAY ĐỔI KIẾN TẠO ĐÁNG KỂ KHI ESG

BẮT ĐẦU DỊCH CHUYỂN
DÒNG TIỀN

Hiện nay, các nhà đầu tư ngày càng quan tâm đến ESG, điều này có tác động sâu sắc đến báo cáo hàng năm của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt đầu quan tâm tìm kiếm cơ hội tạo ra giá trị mới để giải quyết vấn đề ESG, cộng đồng đầu tư nhanh chóng hiểu rằng doanh nghiệp nào có chương trình ESG hiệu quả có thể mang lại lợi nhuận tốt hơn. Các nhà đầu tư hiện quan tâm nhiều hơn đến các cam kết và hành vi minh bạch doanh nghiệp mà các thành viên Hội đồng quản trị thể hiện để thúc đẩy lợi thế cạnh tranh.



Các cổ đông ngày nay quan tâm nhiều hơn đến bảng cân đối kế toán. Họ cũng tìm kiếm dữ liệu để giúp xác định các công ty đang tích hợp ESG vào hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Bởi vậy, ESG hiện thường được đưa vào quá trình phân tích, quyết định đầu tư và hoạt động cam kết.

Đánh giá đầu tư mới nhất của Liên minh Đầu tư bền vững toàn cầu cho thấy, đầu tư bền vững toàn cầu hiện đạt 35 nghìn tỷ đô la Mỹ – tăng 15% trong 2 năm và tương

đương 36% tổng tài sản được quản lý chuyên nghiệp. Năm 2021, các quỹ lớn với tiêu chí ESG thu được nhiều kết quả kinh doanh vượt trội.

Các nhà đầu tư ngày càng hoạt động tích cực và có những kỳ vọng của riêng mình. Climate Action 100+, một nhóm gồm hơn 600 nhà đầu tư nắm giữ hơn một nửa tổng số tài sản toàn cầu đã tập trung vào việc tham gia với các công ty quan trọng để thúc đẩy quá trình chuyển đổi hướng đến không phát thải ròng. Hơn 70 nhà quản lý tài sản, bao gồm cả BlackRock và Vanguard, gần đây cũng đã ký cam kết với Sáng kiến Nhà đầu tư Net Zero, được thành lập để giúp đạt được mức phát thải khí nhà kính ròng bằng 0 vào năm 2050.

Với nhiều rủi ro song hành với cơ hội lớn, ESG góp phần thúc đẩy nhiều nhà đầu tư ra quyết định hơn, từ đó kỳ vọng vào các công ty, doanh nghiệp sẽ đưa ra cam kết mạnh mẽ hơn về ứng phó biến đổi khí hậu. Các nhà đầu tư cần thông tin nhất quán và đáng tin cậy về các nỗ lực áp dụng ESG của doanh nghiệp, khi đó, họ sẽ đưa ra các quyết định đầu tư sáng suốt vào doanh nghiệp phát triển bền vững và có khả năng phục hồi. Để có thể phân biệt giữa các công ty và các cơ hội đầu tư, các nhà đầu tư cần dữ liệu tin cậy và có kiểm chứng, nhu cầu này đang thúc đẩy kêu gọi về các tiêu chuẩn bền vững toàn cầu và sự quan tâm của pháp luật đối với báo cáo ESG bắt buộc. Các chính phủ và cơ quan quản lý hiện cũng đang vào cuộc để thúc đẩy quá trình thay đổi nhanh hơn và có tính nhất quán hơn trong toàn bộ nền kinh tế.

8.

SỰ THAY ĐỔI KIẾN TẠO

TẠO RA PHẢN ỨNG DÂY CHUYỀN
ĐỐI VỚI QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ
THÔNG TIN ESG



Khi các doanh nghiệp muốn có lợi thế dẫn đầu, và khi không có một bộ tiêu chuẩn rõ ràng, thống nhất quy định báo cáo, họ sẽ chỉ đưa ra thông tin giới hạn ít ảnh hưởng đến danh tiếng doanh nghiệp của mình. Việc hạn chế các dữ liệu để so sánh và kiểm chứng có thể khiến các nhà đầu tư khó đánh giá hiệu quả hoạt động và dẫn đến việc nhiều thông tin quan trọng dễ dàng bị bỏ qua.

Định hướng báo cáo ESG hiện đang nhanh chóng hướng tới các tiêu chuẩn công bố hài hòa trên toàn cầu. Vào tháng 6 năm 2021, Bộ trưởng Tài chính các nước G7 và các Thống đốc Ngân hàng Trung ương đã cam kết rõ ràng trong việc giải quyết các thách thức của ESG và nhanh chóng tiến

tới hợp tác kinh tế đa phương toàn diện hơn. Một thông cáo của G20 vào tháng 7 năm 2021 đã củng cố thêm tầm quan trọng của nỗ lực này. Một dấu hiệu thay đổi khác được đưa ra dưới dạng một báo cáo của Doanh nghiệp Quốc tế về Ủy ban Chứng khoán (IOSCO) nhấn mạnh vai trò quan trọng của ngành tài chính trong việc hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang tương lai bền vững hơn. IOSCO nhấn mạnh nhu cầu đối với các nhà đầu tư phải có dữ liệu ESG để có thể so sánh, kiểm chứng, và chỉ khi quy định tiêu chuẩn hóa báo cáo ESG mới có thể đáp ứng nhu cầu đó.

Bên cạnh những nỗ lực của các cơ quan quản lý thị trường mang tính toàn cầu, một số chính phủ cũng bắt đầu có chính sách phản ứng. Những quy định mới đôi khi xung đột với lại những chính sách quản lý của các quốc gia. Mặc dù có nhiều doanh nghiệp đã chủ động báo cáo ESG nhưng họ vẫn tìm cách đối phó với các quy định mang tính toàn cầu nếu như các quy định đó ảnh hưởng đến lợi ích doanh nghiệp. Vì vậy, các nhà lãnh đạo doanh nghiệp cần tham gia với các cơ quan quản lý và tiếp tục thúc đẩy các nỗ lực xây dựng bộ quy tắc mạnh mẽ hài hòa trên toàn cầu.



TỔNG QUAN VỀ VINARE VÀ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VINARE (GRI 100)



PHÂN TÍCH CÁC TÁC ĐỘNG CỦA VINARE LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



1. TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI KINH TẾ

Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung

Là doanh nghiệp tiên phong khai mở thị trường tái bảo hiểm, đến nay VINARE trở thành nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam, nhà đầu tư chuyên nghiệp. Trong gần 30 năm qua, VINARE đã phát huy vai trò là bệ đỡ của thị trường bảo hiểm, trung tâm trao đổi dịch vụ của thị trường, cung cấp giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành bảo hiểm Việt Nam.

VINARE cung cấp dịch vụ tái bảo hiểm, góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động, đầu tư vốn nhàn rỗi trở lại cho nền kinh tế, cùng các doanh nghiệp bảo hiểm bảo vệ cho các rủi ro của doanh nghiệp trong nền kinh tế, góp phần nhanh chóng phục hồi và ổn định hoạt động kinh tế khi bị gián đoạn và đóng góp cho ngân sách.

Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước

Nắm giữ vị thế chính trị quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của Nhà nước, VINARE luôn đi đầu trong các chương trình bảo hiểm theo chủ trương của Nhà nước như chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm khai thác thủy sản, bảo hiểm thiên tai ...

2. TÁC ĐỘNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

Chung tay vì một cộng đồng phát triển

Năm 2021, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam đã kêu gọi cán bộ, nhân viên Tổng công ty tham gia chương trình thiện nguyện đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa cho người nghèo tại phường Hữu Nghị, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình với kinh phí xây dựng là 70 triệu đồng. Với mục tiêu giúp những gia đình là cán bộ công nhân viên trong ngành Tài chính là hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, VINARE coi đây là một trong những chính sách của Tổng Công ty, sẵn sàng kêu gọi và đồng hành theo chủ trương của Bộ Tài chính.

Công đoàn, Đoàn Thanh niên Tổng Công ty đã kêu gọi ủng hộ, đóng góp của cán bộ nhân viên tự nguyện ủng hộ bằng tiền và vật chất nhằm hỗ trợ kinh phí an ninh phòng chống cháy nổ; tặng sổ tiết kiệm các gia đình chính sách, đóng góp vào các quỹ xã hội. Với tổng số tiền ủng hộ: 335 triệu đồng.

Ủng hộ máy photocopy cho đảo Trường Sa Lớn với số tiền ủng hộ: 50 triệu đồng.

VINARE cũng dành khoản ngân sách đáng kể cho các hoạt động từ thiện khác: ủng hộ ngày Thương binh Liệt sĩ, ủng hộ quỹ hưu trí và các hoạt động từ thiện khác.

Ủng hộ quỹ vắc xin phòng chống COVID-19 và tài trợ trang thiết bị y tế cho 3 Bệnh viện với tổng số tiền là 637.490.000 đồng.

Chương trình "Ngày hội hiến máu tình nguyện" hàng năm đã được cán bộ, nhân viên, người lao động hưởng ứng và tham gia nhiệt tình.

VINARE cũng ưu tiên thực hiện mục tiêu phát triển cộng đồng vì một cộng đồng phát triển lành mạnh, an toàn và giàu có là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính như VINARE có thể phát triển và phục vụ lâu dài.

3. TÁC ĐỘNG TỚI MÔI TRƯỜNG

VINARE tích cực hưởng ứng các hành động nhằm giảm thiểu tác hại tới môi trường của ngành bảo hiểm, điển hình là việc dừng hỗ trợ tái bảo hiểm đối với các rủi ro điện than.

Với 90% danh mục đầu tư cổ phần, vốn góp của VINARE tập trung vào các ngành kinh doanh cốt lõi là tái bảo hiểm và đầu tư – những ngành nghề hoàn toàn thân thiện với môi trường. Chính vì vậy, các tác động đến môi trường của VINARE chủ yếu thông qua hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại trụ sở và ý thức bảo vệ môi trường.

Nhằm giảm thiểu tác động này, VINARE đã xây dựng đề án bảo vệ môi trường tại các trụ sở văn phòng của VINARE. Đề án này bao gồm các phân tích nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường tại tòa nhà văn phòng làm việc của VINARE và các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm.



TỔNG QUAN VỀ VINARE VÀ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VINARE (GRI 100)



NẮM BẮT CƠ HỘI TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Thông tin từ cuộc họp của Ủy ban Phát triển kinh doanh và Bền vững (BSDC) cho biết các mô hình kinh doanh bền vững có thể mở ra các cơ hội kinh tế trị giá lên tới 12 nghìn tỷ đô la Mỹ trong giai đoạn từ nay đến năm 2030.

- Các mục tiêu Phát triển Bền vững hay các Mục tiêu Toàn cầu chính là trọng tâm của chiến lược kinh tế thế giới giai đoạn này và có thể mở ra sự thay đổi lớn về tăng trưởng và năng suất, với sự bùng nổ đầu tư vào cơ sở hạ tầng bền vững. Tuy nhiên, điều này sẽ không xảy ra nếu không có thay đổi cơ bản trong cộng đồng doanh nghiệp.
- VINARE nhận thức rõ và hiện thực hóa Chiến lược Phát triển bền vững bằng các hành động cụ thể trong việc ra quyết định kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả về kinh tế, bảo vệ môi trường, góp phần bảo đảm sự bình an và phát triển cộng đồng trên cơ sở nắm bắt các xu hướng quốc tế về phát triển bền vững và đón đầu các cơ hội trên thị trường.
- VINARE hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng tôi từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này. Và để làm được, chúng tôi cũng cần xây dựng lộ trình cụ thể nhằm bù đắp lại những thiếu hụt về nguồn lực tài nguyên mà con người đã khai thác quá mức trong quá khứ và trong hiện tại.



GẮN KẾT MỤC TIÊU THIÊN NIÊN KỶ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

SDGs

Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp quốc về Phát triển bền vững được tổ chức từ ngày 25 đến ngày 27/9/2021 tại thành phố New York, Hoa Kỳ với mục đích thông qua Chương trình nghị sự 2030 với trọng tâm là các Mục tiêu Phát triển bền vững cho giai đoạn 2021 – 2030. Nói về vai trò của khối doanh nghiệp đối với việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững, Tổng Thư ký Liên Hợp quốc Ban Ki-moon nhấn mạnh: “Doanh nghiệp là một đối tác quan trọng trong việc hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững. Các công ty có thể đóng góp vào quá trình này thông qua những hoạt động cốt lõi của họ và Liên Hiệp Quốc kêu gọi các công ty trên toàn thế giới đánh giá tác động của mình, đặt ra những mục tiêu tham vọng với quyết tâm mạnh mẽ và công bố kết quả thực hiện một cách minh bạch”.



NỀN KINH TẾ TUẦN HOÀN GIÚP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Trước những thách thức về sự cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường, khái niệm về một nền kinh tế mới, nền kinh tế tuần hoàn đang nhận được sự quan tâm và ủng hộ của nhiều tổ chức, chính phủ trên toàn cầu. Đây là mô hình phát triển nền kinh tế lấy tái sử dụng nguồn nguyên liệu, giảm tiêu hao nguyên liệu, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm tối đa ảnh hưởng tới môi trường làm trọng tâm.



Nền kinh tế tuần hoàn vẫn là một khái niệm, cách tiếp cận rất mới ở Việt Nam. Thông qua một chu trình sản xuất khép kín, các chất thải được quay trở lại, trở thành nguyên liệu cho sản xuất, từ đó giảm mọi tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe con người. Để làm được điều này đòi hỏi phải giải quyết hài hòa lợi ích kinh tế của doanh nghiệp, lợi ích môi trường và lợi ích xã hội.



VINARE hiểu rằng quá trình xây dựng nền kinh tế tuần hoàn đòi hỏi công nghệ và khả năng đổi mới nhằm tái sử dụng các nguồn lực hiệu quả, không chỉ tốt cho môi trường mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Do vậy, doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc chung tay cùng Chính phủ và các cơ quan hữu quan nâng cao nhận thức của cộng đồng để khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý.



ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 100)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro cho số đông dân cư.

Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2022-2021

Trên cơ sở đánh giá các hoạt động đã triển khai trong năm 2021; phân tích các tác động của VINARE, ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn trên cơ sở gắn kết các mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên Hợp quốc trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 để từ đó xây dựng định hướng phát triển bền vững xuyên suốt cho giai đoạn 2021-2025.

MỤC TIÊU CHUNG

VINARE luôn gắn liền



TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

BA YẾU TỐ ĐÓNG VAI TRÒ NỀN TẢNG CHO THÀNH CÔNG LÂU DÀI CỦA VINARE.

Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của VINARE vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

Việc thực hiện mục tiêu kinh tế được kết hợp với thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của VINARE.





ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 100)

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VINARE

Các nội dung từ các báo cáo trước của VINARE cùng với quá trình trao đổi, tiếp xúc với các bên liên quan giúp chúng tôi nhận thức được rằng cùng với việc đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo các lợi ích của xã hội mà không tổn hại tới môi trường theo mô hình sau:

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VINARE

Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, VINARE đã lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025 của doanh nghiệp bao gồm:



TĂNG TRƯỞNG HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG



Mục tiêu 1 (SD8)

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, hiệu quả và dài hạn; tạo công ăn việc làm và nâng cao năng suất lao động cho mọi người

- Đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, củng cố hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy mạnh hoạt động tái bảo hiểm.
- Ưu tiên nguồn lực để tạo bứt phá về hiệu quả hoạt động, củng cố lợi thế cạnh tranh và vị trí hàng đầu của lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, tận dụng cơ hội tăng trưởng của các lĩnh vực đơn vị khác.
- Chiến lược đầu tư thận trọng theo nguyên tắc đảm bảo an toàn hiệu quả và tính thanh khoản của tài sản đầu tư.
- Triển khai nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong việc phân bổ tài sản đầu tư.

ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA XÃ HỘI



Mục tiêu 2 (SD1)

Xoá nghèo dưới mọi hình thức, ở mọi nơi

- Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn thông qua việc đầu tư tại các địa bàn khó khăn, tập trung cho các huyện nghèo vùng cao.



Mục tiêu 3 (SD3)

Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho mọi lứa tuổi

- Tập trung hỗ trợ các điều kiện sống cơ bản cho người dân vùng khó khăn nhằm giúp họ tập trung lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình tốt hơn.



Mục tiêu 4 (SD4)

Đảm bảo giáo dục chất lượng một cách công bằng và có hiệu quả, đồng thời nâng cao cơ hội học tập cho tất cả mọi người

- Đầu tư phát triển các sản phẩm bảo hiểm đáp ứng các nhu cầu mới của các hoạt động kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh cách mạng 4.0.

- Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến.

- Đầu tư cho công tác giáo dục, phát triển thế hệ trẻ, góp phần xây dựng thế hệ tri thức tương lai của đất nước.

CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Mục tiêu 5 (SD12)

Đảm bảo các hình mẫu sản xuất và tiêu dùng bền vững

- Thực hiện đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp, nhà nhận tái bảo hiểm căn cứ trên các cam kết trách nhiệm đối với xã hội và môi trường.



Mục tiêu 6 (SD13)

Hành động Ứng phó với biến đổi khí hậu

- Áp dụng các nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong hoạt động đầu tư, nhằm đảm bảo thực hiện chuỗi giá trị bền vững của VINARE.

- Sử dụng năng lượng hiệu quả tại các tòa nhà văn phòng thông qua việc sử dụng hợp lý, có ý thức các nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên.

- Tăng cường sử dụng các sản phẩm tái chế và sử dụng các thiết bị được dán nhãn "xanh".

- Tạo sự chuyển biến từ ý thức bảo vệ môi trường đến việc đồng hành cùng VINARE trong các hoạt động vì môi trường đối với khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên.



ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 100)



KẾ HOẠCH 2022

TRIỂN KHAI TRONG NĂM

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

Mục tiêu

- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận
- Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông theo cam kết
- Tiết kiệm 10% chi phí hoạt động

Giải pháp

- Tăng cường kỷ luật khai thác, chú trọng hiệu quả kinh doanh. Chú trọng các nghiệp vụ truyền thống, cốt lõi, mang lại doanh thu thật, hiệu quả tương đối tốt, tập trung thị trường trong nước, nhận có chọn lọc dịch vụ từ nước ngoài.
- Tích cực hợp tác với các công ty bảo hiểm gốc triển khai nhận dịch vụ mới và phát triển sản phẩm.
- Đẩy mạnh kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu bảo hiểm để chủ động hơn trong việc thu xếp dịch vụ với các công ty bảo hiểm gốc.
- Thực hiện một cách hiệu quả phân bổ tài sản đầu tư, đảm bảo an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững.
- Đảm bảo lợi nhuận để chi trả cổ tức cho cổ đông.

XÂY DỰNG XÃ HỘI BỀN VỮNG

Mục tiêu

- Đảm bảo lợi ích và môi trường làm việc cho người lao động, đời sống và thu nhập cho cán bộ nhân viên
- Tích cực tham gia các chương trình bảo hiểm của Chính phủ nhằm ổn định đời sống nhân dân

Giải pháp

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ xóa nghèo theo NQ30A của Chính phủ, dành ngân sách cho các hoạt động cộng đồng khác như đầu tư cho thể hệ trẻ, khắc phục hậu quả thiên tai và tri ân anh hùng liệt sỹ.
- Đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Hoàn thiện cơ chế đánh giá và trả lương theo hiệu quả; Đẩy mạnh văn hóa doanh nghiệp, gắn kết người lao động.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Mục tiêu

- Giảm 5% lượng xăng và điện tiêu thụ
- Tăng tỷ lệ rà soát và thỏa thuận về môi trường xã hội với nhà cung cấp và dự án đầu tư lên 10%
- Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững: áp dụng 100% chỉ tiêu đo lường năng lượng và nước tiêu thụ trên toàn hệ thống.

Giải pháp

- Giảm phát khí thải nhà kính thông qua giảm tiêu thụ năng lượng các tòa nhà văn phòng.
- Tiết kiệm văn phòng phẩm, giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc.
- Triển khai các dự án trồng cây xanh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2022

Thiết lập chiến lược, mục tiêu phát triển và kế hoạch hành động một cách rõ ràng và thường xuyên đánh giá, xem xét và hiệu chỉnh trong quá trình thực hiện.

Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong nội bộ Tổng công ty để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả và bền vững.

Góp phần nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro trong thị trường bảo hiểm/tái bảo hiểm Việt Nam thông qua các hoạt động: đào tạo và chuyển giao kỹ thuật quản trị rủi ro và phòng ngừa rủi ro; cung cấp và đánh giá các thông tin về thị trường bảo hiểm và tái bảo hiểm và các thông tin có liên quan.

Cung cấp các sản phẩm mới cho thị trường đảm bảo đáp ứng nhu cầu của cộng đồng về bảo hiểm.

Tư vấn về các chính sách quản lý thị trường bảo hiểm và tái bảo hiểm, hướng tới sự phát triển bền vững.

Tích cực tham gia các chương trình bảo vệ rủi ro cho cộng đồng:

Bảo hiểm Nông nghiệp thí điểm theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP và Quyết định 22/2019/QĐ-TTg và Bảo hiểm Tàu cá theo Nghị định 17/2018/NĐ-CP. Phối hợp với Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm (Bộ Tài chính), Ngân hàng Thế giới nghiên cứu triển khai Bảo hiểm Thiên tai tại Việt Nam.

Dành một nguồn ngân sách hợp lý cho các hoạt động hỗ trợ cộng đồng.





QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 100)

NGUYÊN TẮC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI TỔNG CÔNG TY VINARE



Tham khảo Phần quản trị công ty trong báo cáo

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN TRONG VẤN ĐỀ QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hội đồng quản trị đã phát huy hiệu quả vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2022 và chiến lược giai đoạn 2021 - 2024 với trọng tâm là tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của Tổng Công ty, đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp hướng tới thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Đánh giá năng lực và cách thức triển khai liên quan đến phát triển bền vững

Hiện thực hóa chiến lược thông qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả

Các định hướng chiến lược và kế hoạch hành động liên quan đến vấn đề kinh tế – xã hội – môi trường được đưa ra tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức hàng năm. Theo đó, Hội đồng quản trị tổ chức triển khai các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Ban Điều hành chỉ đạo cụ thể hóa thành các hành động thông qua hoạt động tại Tổng Công ty.

Theo dõi và chỉ đạo các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững

Hội đồng quản trị nắm bắt tình hình triển khai các mục tiêu kinh tế – xã hội – môi trường theo định kỳ hàng Quý cùng những báo cáo trực tiếp từ Ban Điều hành, cụ thể:

Báo cáo tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ: Hội đồng quản trị VINARE duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Tại các cuộc họp này, Tổng Giám đốc, các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị báo cáo về các vấn đề trọng tâm liên quan đến Kinh tế – Xã hội – Môi trường ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Hội đồng quản trị xem xét và có những đánh giá, định hướng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm: đánh giá tình hình kinh tế xã hội để có những sự thay đổi chiến lược kinh doanh hợp lý; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên; triển khai thực hiện các chương trình an sinh xã hội. Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành sau các cuộc họp.



Báo cáo Hội đồng quản trị thông qua phương thức xin ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản: Tổng Giám đốc có thể gửi báo cáo trực tiếp lên Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến Kinh tế – Xã hội – Môi trường. Hội đồng quản trị tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các vấn đề có liên quan và ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng có liên quan có cơ sở thực hiện. Các thành viên Hội đồng quản trị đã phát huy hết năng lực lãnh đạo và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tổng công ty.

Thực hiện rà soát các ảnh hưởng, rủi ro và cơ hội liên quan đến Kinh tế – Xã hội – Môi trường: Trong các văn bản chỉ đạo, Hội đồng quản trị thường xuyên yêu cầu Ban Điều hành tập trung công tác dự báo, cập nhật và theo dõi sát sao diễn biến thực tiễn về tình hình kinh tế, xã hội và môi trường trong hoạt động kinh doanh, để chủ động điều chỉnh linh hoạt và kịp thời đưa ra các định hướng, quyết sách, giải pháp cho phù hợp, hiệu quả, đảm bảo chỉ đạo triển khai thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm và chiến lược kinh doanh.

Giám sát việc tổ chức triển khai các quyết định, nghị quyết và chính sách của Tổng công ty do Hội đồng Quản trị ban hành liên quan đến phát triển bền vững và các vấn đề môi trường, xã hội.

Chỉ đạo thực hiện báo cáo phát triển bền vững

Hội đồng quản trị giám sát việc triển khai chiến lược của VINARE, trong đó bao gồm chiến lược phát triển bền vững. Hội đồng quản trị có trách nhiệm phê duyệt chủ trương thực hiện và phê chuẩn các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Hội đồng quản trị giao Ban Điều hành và Bộ phận chịu trách nhiệm về báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo xây dựng nội dung phù hợp với chuẩn mực thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam.

Vai trò và trách nhiệm của các Tiểu ban giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện chiến lược phát triển bền vững



Tiểu ban Chiến lược phát triển

Tiểu ban Chiến lược phát triển là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của VINARE, do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Chức năng chính của Tiểu ban là xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chính sách phát triển dài hạn, giám sát việc lập, triển khai và thực thi chính sách phát triển, định hướng về phát triển bền vững và có trách nhiệm của VINARE.

Trong năm 2021, Tiểu ban Chiến lược phát triển đã có 02 cuộc họp để đánh giá việc thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2015 – 2019 và thảo luận, bổ sung ý kiến đối với kế hoạch kinh doanh 5 năm 2021 – 2024 của Tổng công ty.



Tiểu ban Thù lao và Lương Thưởng

Tiểu ban Thù lao và Lương Thưởng là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của VINARE, do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Chức năng chính của Tiểu ban là xây dựng và quản lý chế độ Lương thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, đưa ra khuyến nghị liên quan tới những thay đổi về quy mô và cơ cấu lương thưởng và lợi ích khác của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2021, Tiểu ban Thù lao và Lương Thưởng đã chủ trì 02 cuộc họp về việc xây dựng chính sách tiền lương cho chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách.



Tiểu ban Nhân sự

Tiểu ban Nhân sự là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của VINARE, do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Chức năng chính của Tiểu ban là tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của VINARE, thực hiện công tác đánh giá đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành.

Trong năm 2021, Tiểu ban Nhân sự đã có 02 cuộc họp và cho ý kiến về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc.



QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 100)



Vai trò và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của VINARE, thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện chức năng giám sát việc quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và mọi hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Năm 2021, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2020, trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021, tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Tổng Công ty, xem xét các kế hoạch, báo cáo của Tổng Công ty về đầu tư, các phương án phát triển hợp tác kinh doanh, công tác quản lý tổ chức, lao động tiền lương, thưởng, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động và Tổng Công ty.

Vai trò và trách nhiệm của Ban điều hành

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc VINARE chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, chỉ đạo và giám sát tiến độ thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh của các Ban trong Tổng công ty, đảm bảo sự cân bằng tương đối giữa 3 yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường.

Thực hiện báo cáo các ảnh hưởng, rủi ro và cơ hội liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường theo định kỳ mỗi quý 1 lần để Hội đồng quản trị xem xét quyết định các thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoặc có báo cáo đột xuất trong những trường hợp xét thấy tình hình kinh tế - xã hội - môi trường có ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động của doanh nghiệp.

NHÓM THƯỜNG TRỰC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VINARE



BAN CHỈ ĐẠO

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Định hướng và chỉ đạo triển khai thực hiện định hướng chiến lược Phát triển bền vững của Tổng công ty.

Tổng Giám đốc

Chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chiến lược.

Theo dõi giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.



BAN GIÁM SÁT VÀ ĐIỀU PHỐI

Phó Tổng giám đốc

Giám sát các hoạt động liên quan đến phát triển bền vững.

Kế toán trưởng

Theo dõi và thống kê các chi phí liên quan đến phát triển bền vững.

Phối hợp theo dõi chi phí tiêu thụ năng lượng tại các tòa nhà, văn phòng của VINARE.

Giám đốc Ban Đầu tư

Triển khai nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong các hoạt động đầu tư.



NHÓM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Ban Nhân sự - Tổng hợp Ban Quản trị Ban Quản lý rủi ro Ban Đầu tư Ban Tài chính - Kế toán

Triển khai các vấn đề phát triển bền vững tại Tổng công ty và Chi nhánh.

Phối hợp giữa các phòng ban triển khai thúc đẩy việc thực hiện phát triển bền vững trong Tổng Công ty.



QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 100)



1.

RỦI RO TÁI BẢO HIỂM

Là rủi ro liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm của Tổng công ty

Nhận diện

Rủi ro tái bảo hiểm là một trong các rủi ro trọng yếu cần quản lý vì doanh thu từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Tổng công ty. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như tình hình cạnh tranh của thị trường, tình hình tổn thất, tích tụ rủi ro.

2.

RỦI RO TÍN DỤNG

Là rủi ro xảy ra thiệt hại tài chính do khả năng trả nợ của đối tác có những thay đổi bất lợi

Nhận diện

Rủi ro tín dụng có thể phát sinh từ việc mất khả năng thanh toán hoặc không thực hiện đúng cam kết về thanh toán của đối tác trong lĩnh vực tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

3.

RỦI RO ĐẦU TƯ/TÀI CHÍNH

Là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái

Nhận diện

Rủi ro đầu tư/tài chính có thể phát sinh do sự biến động của lãi suất, tỷ giá, thị trường chứng khoán.

4.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Là rủi ro gây ra tổn thất do các nguyên nhân như con người, sự hạn chế hoặc vận hành không hiệu quả của quy trình, hệ thống, các sự kiện khách quan bên ngoài

Nhận diện

- Rủi ro hoạt động có thể phát sinh từ các hoạt động hàng ngày trong nội bộ, hoặc với bên ngoài, hoặc các hoạt động khác có liên quan đến kinh doanh.
- Rủi ro phát sinh từ hệ thống công nghệ thông tin, an toàn hệ thống, ảnh hưởng đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh, thất thoát tài sản thông tin.

5.

RỦI RO PHÁP LÝ

Là rủi ro gây ra tổn thất từ hành vi vi phạm các nghĩa vụ tuân thủ bao gồm:

Rủi ro pháp lý:

Là loại rủi ro phát sinh từ việc thực hiện không đúng và/hoặc không thực hiện các nghĩa vụ theo sự điều chỉnh của pháp luật và/hoặc quy định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Rủi ro vi phạm các quy định nội bộ:

Là những rủi ro do không tuân thủ các quy định nội bộ của VINARE.

Nhận diện

- Rủi ro có thể phát sinh trong việc quản trị doanh nghiệp.
- Rủi ro phát sinh trong việc giao kết, thực hiện Hợp đồng với các đối tác (điều khoản hợp đồng không chặt chẽ, hợp đồng bị vô hiệu,...).
- Rủi ro liên quan tới các cơ quan quản lý nhà nước (bị truy thu thuế, bị xử lý vi phạm hành chính, ...).
- Rủi ro liên quan tới việc vi phạm các quy định quản lý nội bộ trong doanh nghiệp.

6.

RỦI RO DANH TIẾNG

Là các rủi ro có thể phá hoại danh tiếng từ việc xảy ra tranh chấp khiếu kiện với khách hàng hoặc bị giảm mức xếp hạng tín nhiệm

Nhận diện

Rủi ro danh tiếng có thể phát sinh do không giữ được xếp hạng tín nhiệm hiện tại do:

- Tổ chức xếp hạng thay đổi phương pháp đánh giá, yêu cầu chặt chẽ cao hơn.
- Kết quả kinh doanh không tốt và kế hoạch kinh doanh của VINARE không đảm bảo sự tăng trưởng cũng như hiệu quả làm suy giảm sức mạnh của bảng cân đối.

7.

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Là rủi ro khi vị trí, thị phần của VINARE trên thị trường bị giảm sút do cả yếu tố chủ quan và khách quan

Nhận diện

- Rủi ro chiến lược phát sinh đi kèm cùng Chiến lược 2020 - 2024 của Tổng công ty và kế hoạch triển khai chiến lược sau khi ban hành.
- Việc chậm triển khai các chương trình bảo hiểm của Chính phủ làm ảnh hưởng tới việc thực hiện chiến lược kinh doanh của Tổng công ty.

8.

RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là rủi ro mà các hoạt động, các sản phẩm, dịch vụ tài chính của doanh nghiệp tác động tiêu cực đến con người, môi trường, xã hội

Nhận diện

- Rủi ro đến từ các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong hệ thống VINARE.
- Rủi ro từ các tác động của môi trường, xã hội đối với VINARE.
- Rủi ro từ các tác động trong hoạt động kinh doanh của VINARE đến môi trường xã hội.



QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 100)



QUẢN LÝ RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu quản lý rủi ro phát triển bền vững của VINARE là duy trì và phát triển doanh nghiệp gắn với hoạt động bảo vệ môi trường và đóng góp xây dựng cộng đồng, xã hội. Một trong những động lực chính làm gia tăng nhu cầu đối với việc áp dụng quản lý rủi ro phát triển bền vững là yêu cầu tuân thủ ngày càng nghiêm ngặt các quy định của pháp luật trong nước và quốc tế trong quá trình quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Rủi ro phát triển bền vững có thể phát sinh khi có các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của VINARE; các tác động từ hoạt động kinh doanh của VINARE đối với môi trường, xã hội, hoặc từ việc cung cấp các dịch vụ tài chính cho các đối tác hoặc dự án dẫn đến những tác động gián tiếp không thể chấp nhận đối với con người hoặc môi trường từ đối tác hoặc dự án đó. Để quản lý tốt các rủi ro này, thể hiện trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng

như quan tâm đến các yêu cầu cần phải tuân thủ khi quản lý chuỗi cung ứng, tạo ra giá trị bền vững cho VINARE cũng như tất cả các đối tác, khách hàng và cộng đồng, VINARE luôn hướng tới biện pháp thiết thực nhằm duy trì phát triển doanh nghiệp gắn với hoạt động bảo vệ môi trường và xây dựng cộng đồng thịnh vượng. Năm 2021, VINARE đã chú trọng thực hiện quản lý rủi ro phát triển bền vững trên ba khía cạnh:

1. Đo lường bằng chỉ số tài chính và phi tài chính về mức độ ảnh hưởng
2. Giám sát theo dõi định kỳ hàng quý
3. Quản lý bằng quy trình, thủ tục, quy chế

CÁC TÁC ĐỘNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG HỆ THỐNG VINARE

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	Chúng tôi xây dựng và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững của Tổng công ty vào chiến lược kinh doanh, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, cổ tức cho các cổ đông và mục tiêu phát triển bền vững.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO QUẢN TRỊ	Chúng tôi xây dựng các cơ chế cung cấp thông tin phi tài chính, báo cáo tài chính nhằm tăng cường tính minh bạch của các thông tin cung cấp cho các bên liên quan, thiết lập hình ảnh tích cực về doanh nghiệp trong mắt các nhà đầu tư và công chúng. Ngoài ra, thông tin phục vụ quản trị của các Ban luôn được thông suốt, đảm bảo các thông tin hoạt động, thông tin tài chính được báo cáo tới Lãnh đạo Tổng công ty kịp thời, chính xác.
TUÂN THỦ VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ	Cùng với hệ thống kiểm soát nội bộ, việc đánh giá các rủi ro tuân thủ giúp VINARE thực hiện chiến lược phát triển bền vững trong từng lĩnh vực kinh doanh của VINARE và xuyên suốt trong toàn hệ thống. Chúng tôi đánh giá rủi ro tuân thủ việc thực hiện các quy định pháp luật, các quy định nội bộ của VINARE, các quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động của Tổng công ty như lương thưởng và các chính sách nhân sự. Mặt khác, VINARE luôn tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin, nhằm tạo niềm tin của nhà đầu tư vào một thị trường minh bạch. Thông tin chính xác, kịp thời không chỉ mang ý nghĩa với thị trường, các nhà đầu tư mà còn giúp cho các doanh nghiệp sẽ có cơ hội tạo dựng, nâng cao uy tín của mình và hướng đến sự phát triển bền vững.

CÁC TÁC ĐỘNG CỦA MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI ĐỐI VỚI VINARE

VINARE là công ty kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Do vậy, các rủi ro từ môi trường xã hội có tác động trực tiếp đến các nghiệp vụ kinh doanh của VINARE, đặc biệt là nghiệp vụ kinh doanh tái bảo hiểm. Mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm của VINARE là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ các rủi ro bảo hiểm và đảm bảo rằng, với mức chi phí hợp lý, kết quả sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm.



Sự biến đổi khí hậu kèm theo hiện tượng ấm lên toàn cầu là một trong những nguyên nhân gây ra thiên tai, lũ lụt, ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ lệ bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm. VINARE sử dụng mô hình đánh giá rủi ro thiên tai (Catastrophe modeling - CAT modeling) nhằm quản lý hiệu quả những rủi ro không xảy ra thường xuyên nhưng có sức tàn phá mạnh do thiên tai. Mô hình này sử dụng các kiến thức khoa học về những hiểm họa để ước tính tổn thất tài chính do các sự kiện có thể xảy ra trong khu vực nghiên cứu. Kết quả này cho phép VINARE xác định mức tái bảo hiểm cần mua phù hợp với mức độ tổn thất với xác suất nhất định.



QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 100)



CÁC TÁC ĐỘNG TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA VINARE ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

Mục tiêu quản lý rủi ro phát triển bền vững giảm thiểu tác động của VINARE đến môi trường và xã hội. VINARE chú trọng xử lý các tác động môi trường của từng quá trình kinh doanh riêng lẻ và sau đó tìm cách để giảm thiểu chúng. Việc xác định các tác động (trực tiếp và gián tiếp) từ hoạt động kinh doanh của VINARE đến môi trường, xã hội giúp VINARE giảm thiểu được các rủi ro có thể phát sinh từ hai yếu tố này, từ đó góp phần hiện thực hóa chiến lược phát

triển bền vững và đảm bảo lợi ích lâu dài cho nhà đầu tư, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

VINARE không tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất, do vậy chúng tôi đánh giá tác động từ hoạt động của VINARE đối với môi trường, xã hội là rất nhỏ, chủ yếu tập trung vào các tác động gián tiếp từ chuỗi giá trị của VINARE (bao gồm các nhà cung cấp, cung ứng đầu vào và các dự án đầu tư của VINARE).

QUẢN LÝ RỦI RO TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ



Xác định và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững vào chiến lược kinh doanh

Tầm nhìn về phát triển bền vững của Tổng công ty VINARE được tích hợp với chiến lược kinh doanh, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, cổ tức cho các cổ đông và mục tiêu phát triển bền vững.



Xây dựng chính sách quản lý rủi ro phát triển bền vững

Thực hiện có hệ thống các quy trình để đảm bảo áp dụng thống nhất các chính sách, rà soát các yếu tố có rủi ro phát triển bền vững, đo lường và báo cáo về hiệu quả của hoạt động của VINARE đối với phát triển bền vững.



Thực hiện đánh giá các rủi ro của hoạt động đầu tư

Việc đánh giá và xử lý các rủi ro của hoạt động đầu tư giúp cho VINARE nhìn nhận và giảm thiểu những rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra các tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội. Khi quyết định thực hiện đầu tư, chúng tôi không chỉ quan tâm đến các giá trị kinh tế của phương án phân bổ tài sản, mà còn quan tâm tới những lợi ích, tác động lâu dài của việc đầu tư đối với cộng đồng và xã hội.



Quản lý rủi ro trong hoạt động của Tổng công ty VINARE đối với môi trường và xã hội

Các tác động từ hoạt động khai thác, sử dụng các trụ sở, văn phòng làm việc của VINARE. Thông qua việc theo dõi các tác động môi trường từ hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại các đơn vị thuê diện tích văn phòng, VINARE đã thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội và cộng đồng. Chúng tôi đặt mục tiêu giảm tác động tiêu cực đối với môi trường hàng năm qua các dự án truyền thông nội bộ như sử dụng tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, sử dụng tiết kiệm và tái sử dụng giấy, hạn chế sử dụng bao bì ni-lon và thay thế bằng các loại vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường, đồng thời tiến tới sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng hoặc thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo.



Đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường và xã hội của nhà cung cấp

VINARE xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng nhà cung cấp như: mô hình quản trị, tác động của nhà cung cấp đối với môi trường và xã hội... Tùy thuộc vào loại hình dịch vụ hoặc sản phẩm của nhà cung cấp mà các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) được chúng tôi đánh giá theo tỷ trọng khác nhau nhằm giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hợp tác với các nhà cung cấp, đồng thời hạn chế các tác động gián tiếp của VINARE đối với môi trường, xã hội.

Đào tạo và nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống

Tổ chức các chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức về các tác động đối với môi trường và xã hội, đảm bảo rủi ro phát triển bền vững được xác định và giảm thiểu phù hợp với các quy định pháp luật và quy định nội bộ của VINARE.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Tổng công ty VINARE nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp thông qua các giải pháp trọng tâm sau:

1

Nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy tổ chức, thiết lập chức năng kiểm toán nội bộ để thực hiện kiểm toán việc quản lý các rủi ro trọng yếu của Tổng công ty.

2

Tiếp tục duy trì nguyên tắc phân bổ tài sản đầu tư: An toàn - hiệu quả - phát triển bền vững và đảm bảo tính thanh khoản cao.

3

Từng bước triển khai các đề án và đưa vào ứng dụng phục vụ hoạt động kinh doanh: đề án nâng cấp nội địa hóa phần mềm IT; hệ thống IT cho lĩnh vực kế toán tài chính.

4

Phối hợp trong nội bộ và với các đối tác để tăng cường năng lực phát triển sản phẩm; công cụ định phí; công cụ đánh giá vốn theo rủi ro và quản trị rủi ro.

5

Tăng cường cung cấp chuỗi giá trị gia tăng cho thị trường Việt Nam một cách có hiệu quả, toàn diện trong các lĩnh vực: Sản phẩm và kênh phân phối, đào tạo, đánh giá rủi ro, định giá, cung cấp thông tin, giải pháp tái bảo hiểm, các giải pháp phát triển thị trường bền vững.



SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 100)

PHÂN BỐ VÀ TỐI ƯU HÓA CÁC NGUỒN LỰC

XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG



Trên cơ sở Mô hình kiến tạo các giá trị bền vững, VINARE xác định 7 yếu tố chính ảnh hưởng đến hoạt động của VINARE bao gồm Nguồn lực tài chính (vốn), Nguồn Nhân lực, Tài sản hữu hình, Tài sản vô hình và Sở hữu trí tuệ, Quản trị doanh nghiệp, Các yếu tố môi trường và xã hội. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào sao cho hiệu quả là nhân tố quyết định đến việc tạo ra giá trị bao gồm: Giá trị kinh tế (tăng trưởng vững chắc về doanh thu và lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông); Giá trị gia tăng cho khách hàng (dịch vụ vượt trội), Giá trị vật chất và tinh thần cho Người lao động (phúc lợi, môi trường làm việc, thu nhập), Lợi ích cho các bên liên quan khác (xã hội, môi trường...).

Yếu tố tạo động lực tăng trưởng của VINARE

Giá trị mang lại

YẾU TỐ NỘI LỰC

Nguồn lực tài chính (vốn)		Giá trị kinh tế (lợi nhuận, cổ tức)
Nguồn nhân lực		Giá trị vật chất và tinh thần: Phúc lợi, môi trường làm việc, thu nhập
Tài sản hữu hình		Nâng cao năng lực cạnh tranh
Tài sản vô hình và sở hữu trí tuệ		Giá trị gia tăng cho khách hàng: Sản phẩm và dịch vụ vượt trội
Quản trị doanh nghiệp		Gia tăng Giá trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh

YẾU TỐ BÊN NGOÀI

Yếu tố xã hội		Giá trị cho cộng đồng (nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy tiêu dùng...)
Yếu tố môi trường		Xanh hóa hoạt động kinh doanh, Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Chúng tôi xác định các bên liên quan dựa trên những ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của VINARE đến họ hoặc những người có mối quan tâm, sức ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của VINARE. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp.



CÁC BÊN LIÊN QUAN TRỌNG YẾU ĐỐI VỚI VINARE



Chúng tôi tiếp cận với các bên liên quan thông qua nhiều nguồn kênh thông tin khác nhau một cách phù hợp nhằm lắng nghe ý kiến và mối quan tâm của từng bên đối với hoạt động của VINARE, đặc biệt là các vấn đề quản trị công ty, phát triển nguồn nhân lực, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường.

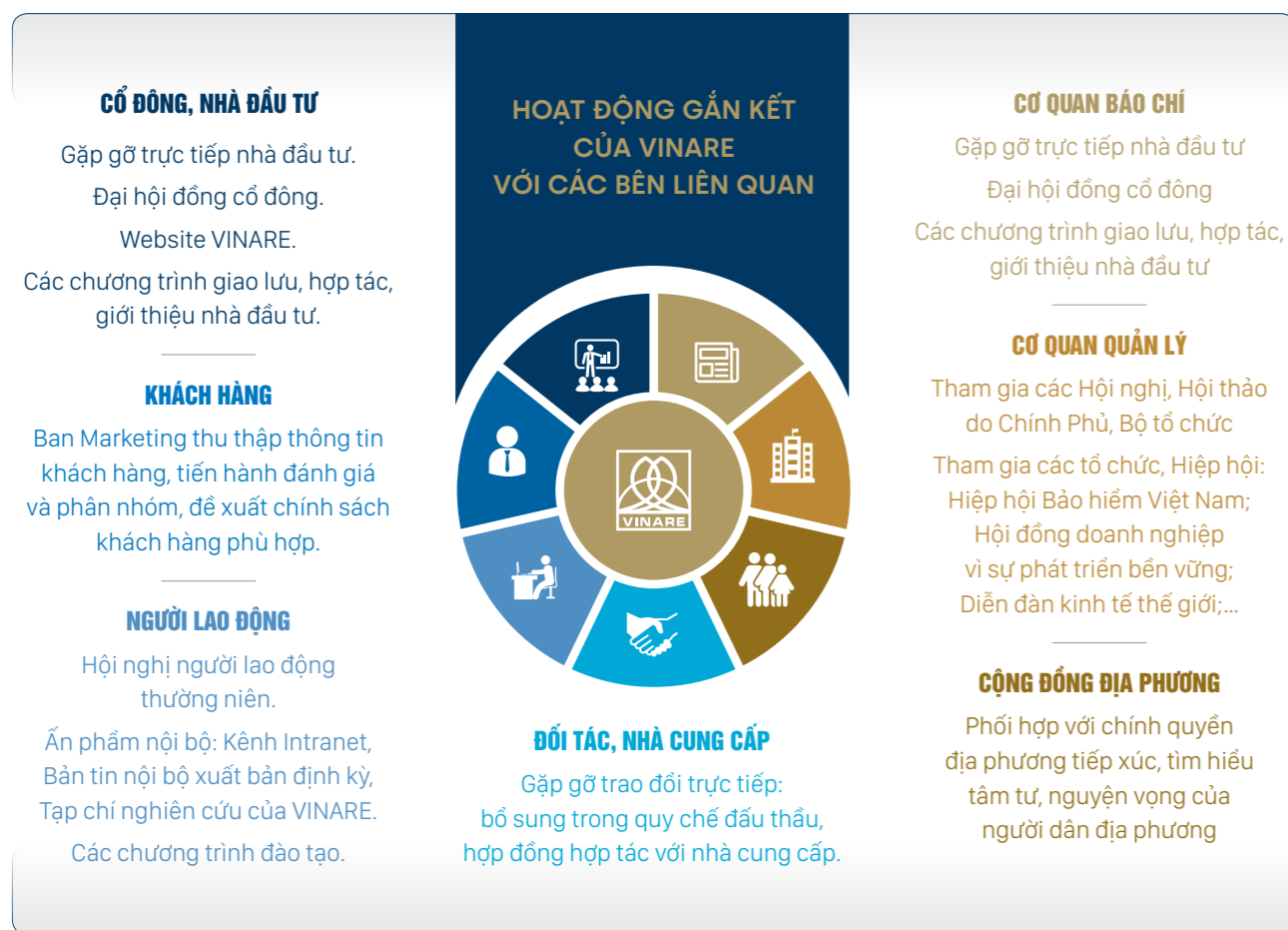
Quá trình trao đổi với các bên cũng giúp VINARE chủ động nhận diện được các vấn đề mang xu hướng, thời sự cũng như giúp VINARE nhìn nhận một cách khách quan về những chính sách, báo cáo và công bố thông tin ra bên ngoài mà chúng tôi thực hiện.

VINARE xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với VINARE.





SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 100)



SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VINARE

Các bên liên quan là những đối tác quan trọng, phản hồi từ các đối tác này là nguồn thông tin quý giá để chúng tôi tiếp tục phát triển và củng cố hoạt động của doanh nghiệp. Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, chúng tôi đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của VINARE. Đây cũng là cơ sở để chúng tôi xây dựng nội dung của báo cáo bền vững 2021.

CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

Bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông thông qua hoạt động kinh doanh bền vững, đem lại lợi ích lâu dài và ngày một gia tăng cho cổ đông; Đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư.

Các vấn đề thảo luận

Đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư: Minh bạch, thông tin

Tăng trưởng hiệu quả, bền vững

Đảm bảo chi trả cổ tức cho nhà đầu tư

Hành động của VINARE

- Tư vấn và trả lời các thông tin cho cổ đông trực tiếp nhằm giải quyết quyền lợi cho cổ đông nhanh chóng.
- Thực thi chính sách bình đẳng giữa các cổ đông lớn và cổ đông nhỏ về cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho mọi cổ đông thực hiện quyền biểu quyết.
- Đại hội đồng cổ đông 2021 có sự tham gia của 43 cổ đông, đại diện cho 95,81% số cổ phần có quyền biểu quyết của VINARE.
- Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm năm 2021 tăng trưởng 10,2% so với cùng kỳ; Lợi nhuận trước thuế tăng 7,6% so với cùng kỳ.
- Biên khả năng thanh toán của Tổng công ty cao gấp 6 lần so với quy định của Bộ Tài chính.
- Dự kiến mức chi trả cổ tức bằng tiền mặt 12%.
- Các giá trị tăng thêm ngoài lợi tức cho nhà đầu tư (bản tin IR, nâng cấp website...).

KHÁCH HÀNG

Xây dựng các giải pháp bảo vệ đáp ứng nhu cầu đa dạng khách hàng; bảo vệ khách hàng trước các rủi ro, đem đến cho khách hàng các cơ hội để hiện thực hóa ước mơ, đảm bảo sự bình an và thịnh vượng cho khách hàng.

Các vấn đề thảo luận

Đa dạng hóa các giá trị gia tăng cho khách hàng

Hành động của VINARE

- Tổ chức đào tạo nghiệp vụ cho khách hàng theo yêu cầu.
- Cung cấp thông tin và tư vấn hỗ trợ theo yêu cầu.
- Tổ chức các hội thảo về các vấn đề thị trường và khách hàng quan tâm.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của VINARE.

Các vấn đề thảo luận

Đảm bảo quyền lợi người lao động

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh; Gắn kết người lao động với hoạt động của doanh nghiệp

Hành động của VINARE

- Duy trì các chế độ phúc lợi hiện có cho người lao động.
- Huy động sự tham gia của 100% cán bộ trong các dự án cộng đồng, các chương trình thiện nguyện.



SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 100)

ĐỐI TÁC/NHÀ CUNG CẤP

Đối xử bình đẳng với các nhà cung cấp, Ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu quản lý, tuân thủ yêu cầu pháp luật và quá trình hoạt động không gây tổn hại đến môi trường và xã hội.

Các vấn đề thảo luận

Đưa ra các tiêu chí cụ thể trong các đánh giá về môi trường và xã hội đối với nhà thầu

Hành động của VINARE

- Đưa yêu cầu về trách nhiệm với môi trường và xã hội trong điều khoản hợp đồng thương thảo với nhà thầu chính.
- Bổ sung các tiêu chí đánh giá về Quản trị - môi trường và xã hội trong các phương án đầu tư và các hoạt động khác của VINARE.

CƠ QUAN QUẢN LÝ

Tiên phong đi đầu trong việc thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của Chính phủ; xây dựng các mối quan hệ bền vững với các cơ quan Ban ngành, đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung và của VINARE nói riêng.

Các vấn đề thảo luận

Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững

Hành động của VINARE

- Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, quy định các quy tắc, chuẩn mực trong hoạt động của VINARE.
- Bổ sung các đánh giá và rà soát về môi trường và xã hội trong các tờ trình về hoạt động đầu tư.
- Giám sát tiêu thụ năng lượng, xây dựng kế hoạch tiết kiệm tại trụ sở và các văn phòng.

Đánh giá tác động môi trường; giảm tiêu thụ năng lượng

CƠ QUAN BÁO CHÍ

Kết nối chặt chẽ với cơ quan báo chí, đảm bảo tin tức hoạt động của VINARE được cập nhật kịp thời và phản ánh một cách chân thực, khách quan tới các bên liên quan.

Các vấn đề thảo luận

Tăng cường tiếp xúc, cùng nhà báo đưa các tin tức về phát triển bền vững, giúp nhà báo và các bên hiểu rõ hơn về vấn đề phát triển bền vững của doanh nghiệp

Hành động của VINARE

- Tăng cường số lượng thông tin gửi tới báo chí thông qua các thông cáo báo chí, các tin ngắn, các bài viết phân tích chuyên sâu nội bộ gửi tới các cơ quan báo chí mục tiêu.
- - Tăng cường trao đổi và chia sẻ thông tin với báo chí thông qua việc mời nhà báo tham dự một số chương trình do VINARE tổ chức hoặc VINARE tham gia.

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề, chúng tôi thực hiện đầu tư, phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (GRI 100)

XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

VINARE thực hiện tham khảo ý kiến của những chuyên gia trong lĩnh vực phát triển bền vững đối với các lĩnh vực được coi là trọng yếu mà VINARE cần phải xem xét và cân nhắc tại thời điểm hiện tại. Đồng thời, chúng tôi cũng cân nhắc đến ý kiến của người lao động thông qua việc rà soát các đề xuất, các bình luận được nêu ra thông qua các kênh tương tác nội bộ.



Việc đánh giá các lĩnh vực trọng yếu đối với doanh nghiệp được căn cứ trên các phân tích chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, các phân tích thông tin báo chí và môi trường kinh doanh ngành. Từ đó chúng tôi lựa chọn các lĩnh vực và vấn đề trọng yếu được các bên quan tâm. Mức độ quan trọng và phạm vi thực hiện của các vấn đề tiếp tục được sàng lọc, phân tích và làm rõ trong các buổi họp thảo luận với các Ban liên quan và trình lên Lãnh đạo cấp cao để xác định những vấn đề ưu tiên thực hiện trong năm 2021.

20 LĨNH VỰC

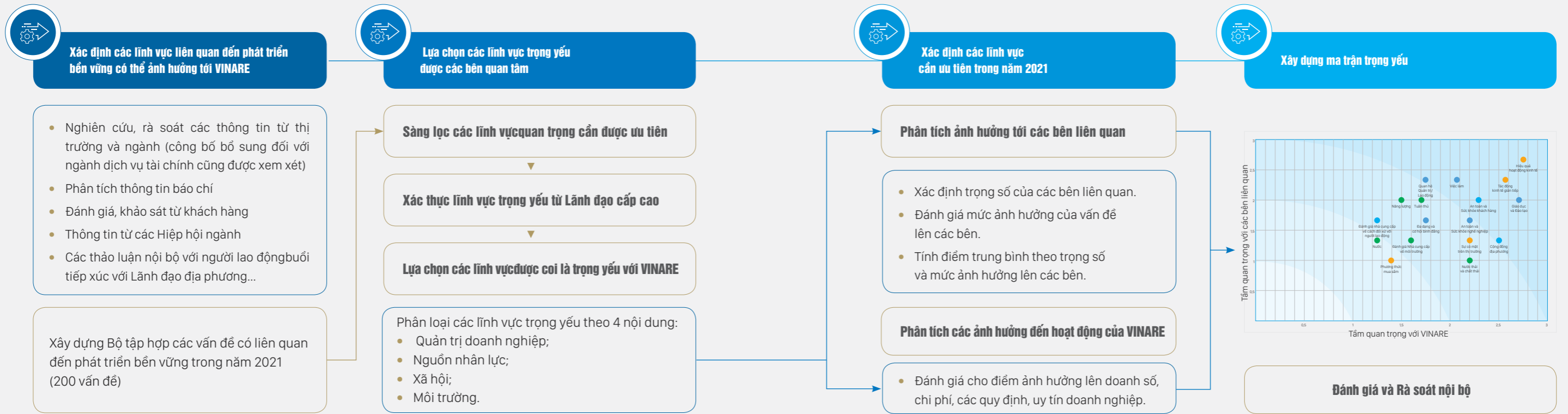
được nêu trong báo cáo được căn cứ theo trọng số trên ma trận các lĩnh vực trọng yếu của VINARE và phân theo 5 nhóm:





CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (GRI 100)

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU



MA TRẬN CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU



Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các lĩnh vực xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, VINARE xây dựng "Ma trận các lĩnh vực trọng yếu" nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

13 LĨNH VỰC được nêu trong báo cáo được căn cứ theo trọng số trên ma trận các lĩnh vực trọng yếu của VINARE và phân theo 4 nhóm



KINH TẾ

- Sự có mặt trên thị trường
- Hiệu quả hoạt động kinh tế
- Tác động kinh tế Gián tiếp



XÃ HỘI

- Việc làm
- Giáo dục và Đào tạo
- Đa dạng và Cơ hội bình đẳng
- An toàn & Sức khỏe Nghề nghiệp



MÔI TRƯỜNG

- Đánh giá nhà cung cấp về môi trường
- Năng lượng
- Nước thải và Chất thải



CỘNG ĐỒNG

- Đánh giá Nhà cung cấp về cách đối xử với người lao động
- Sự An toàn và Sức khỏe của Khách hàng
- Cộng đồng địa phương



CÁC TIÊU CHUẨN KINH TẾ GRI 200



VINARE xác định chiến lược phát triển bền vững chỉ có thể thực hiện khi mục tiêu kinh tế được đảm bảo, bởi chỉ khi xây dựng được nguồn lực vững chắc cho bản thân doanh nghiệp, VINARE mới có thể đem lại lợi ích lâu bền cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Nhằm đảm bảo kinh tế vững chắc và tăng trưởng kinh tế bền vững, VINARE thực hiện các mục tiêu:



ĐẢM BẢO CÁC CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH



DUY TRÌ THỊ PHẦN



PHÁT HUY CÁC LỢI THẾ SẴN CÓ



ĐẢM BẢO KHẢ NĂNG THANH KHOẢN

Từ đó, VINARE có thể gia tăng các đóng góp cho xã hội thông qua các đóng góp cho ngân sách nhà nước; đảm bảo các quyền lợi tài chính cho cổ đông; tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương; triển khai các hoạt động, chương trình, dự án bảo vệ môi trường.

Hướng tới mục tiêu xây dựng chuỗi giá trị bền vững, VINARE đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố ESGs trong việc rà soát, đánh giá nhà cung ứng đầu vào, đồng thời áp dụng các nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm đối với hoạt động đầu tư tài chính.

Các thông tin về tiêu chuẩn Kinh tế được trình bày cụ thể trong phần phân tích về hoạt động kinh doanh của Báo cáo này.



Hiệu quả hoạt động kinh tế



Sự hiện diện trên thị trường



Tác động kinh tế gián tiếp



Chống tham nhũng



CÁC TIÊU CHUẨN KINH TẾ



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

PHÁT HUY TĂNG TRƯỞNG HIỆU QUẢ, BỀN VỮNG



Việc kiểm soát tốt dịch bệnh COVID-19 cùng với kinh tế vĩ mô ổn định đang giúp Việt Nam trở thành một trong những điểm đến của làn sóng dịch chuyển đầu tư từ nước ngoài. Theo đó, lĩnh vực tái bảo hiểm được cho là có cơ hội đón dòng vốn đầu tư nước ngoài mới, đặc biệt là từ các doanh nghiệp Hàn Quốc, Nhật Bản. Đây cũng là cơ hội cho VINARE trong việc thu xếp tái bảo hiểm các dịch vụ về tài sản, kỹ thuật, hàng hải... với nhóm khách hàng này.

Năm 2021 là năm đầy khó khăn VINARE đã nỗ lực hết sức mình vào việc thực hiện các mục tiêu 2021 cũng như các mục tiêu chiến lược phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.246,2 tỷ VND, vượt 11,2% so với kế hoạch năm. Riêng doanh thu từ mảng nghiệp vụ cốt lõi, là trọng tâm tăng trưởng trong kế hoạch kinh doanh 2022, đã tăng trưởng 7,2% so với cùng kỳ. Vì thế, lợi tức trước thuế đạt gần 408 tỷ VND và vượt 8,2% so với kế hoạch năm. Phí giữ lại đạt 1.272,8 tỷ VND, vượt 24,6% kế hoạch năm.

VINARE vẫn đạt được kết quả kinh doanh hiệu quả với lợi nhuận gộp nghiệp vụ đạt 129,8 tỷ VND, lợi nhuận đầu tư tài chính và hoạt động khác đạt 367,7 tỷ VND.

THAM GIA TÍCH CỰC VÀO CÁC CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM CỦA CHÍNH PHỦ

Tham gia các chương trình bảo hiểm nông nghiệp theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP



Bảo hiểm Nông nghiệp theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP



Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE), cùng với đối tác chiến lược Swiss Re và các công ty bảo hiểm trong nước Bảo Việt, Bảo Minh đã hợp tác xây dựng các sản phẩm bảo hiểm Nông nghiệp theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP về bảo hiểm nông nghiệp, Quyết định 22/2019/QĐ-TTg về thực hiện chính sách hỗ trợ BHNN và Quyết định 03/2021/QĐ-TTg sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định 22/2019/QĐ-TTg.

Qua gần 2 năm thực hiện, các doanh nghiệp Bảo Việt và Bảo Minh mới chỉ triển khai được ở 4 tỉnh: Nghệ An, Thái Bình, Hà Giang và Bình Định với số hộ nông dân tham gia bảo hiểm là hơn 16.000 hộ. Tuy nhiên, quy mô và doanh thu phí bảo hiểm còn hạn chế, chưa đạt được như kỳ vọng.

VINARE cùng với Bảo Việt, Bảo Minh và Swiss Re cũng đã chủ động báo cáo và tích cực đóng góp ý kiến với Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm cho giai đoạn triển khai tiếp theo. Hiện tại, các bên đang chờ Quyết định mới của Thủ tướng Chính phủ cho giai đoạn 2022-2025 với kỳ vọng sẽ tăng được quy mô triển khai chương trình khi có một số mở rộng về địa bàn khai thác, thay đổi về phạm vi bảo hiểm.

DOANH THU PHÍ NHẬN TÁI BẢO HIỂM ĐẠT (Tỷ VND)

2.246,2

Vượt 11,2% so với kế hoạch năm

LỢI TỨC TRƯỚC THUẾ ĐẠT (Tỷ VND)

408

Vượt 8,2% so với kế hoạch năm

PHÍ GIỮ LẠI ĐẠT (Tỷ VND)

1.272,8

Vượt 24,6% kế hoạch năm

LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐẠT (Tỷ VND)

367,7



CÁC TIÊU CHUẨN KINH TẾ



SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG



VINARE đã có gần 30 năm hoạt động kể từ khi được Bộ Tài chính thành lập năm 1994 và hiện là một trong hai doanh nghiệp tái bảo hiểm được cấp giấy phép hoạt động trên thị trường bảo hiểm Việt Nam. Với chức năng hoạt động chính từ ngày đầu thành lập là kinh doanh tái bảo hiểm trong và ngoài nước, trung tâm trao đổi dịch vụ tái bảo hiểm, tư vấn hỗ trợ về mọi mặt cho các doanh nghiệp bảo hiểm trong lĩnh vực tái bảo hiểm và thực hiện đầu tư theo luật định, VINARE đã xác lập vị trí trung tâm điều tiết nhận và nhượng tái bảo hiểm trên thị trường.



VINARE là doanh nghiệp đi đầu trong việc thực hiện chủ trương sắp xếp đổi mới nâng cao hiệu quả doanh nghiệp của Đảng với việc thực hiện cổ phần hóa thành công và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ 1/1/2005 với các cổ đông chính là các doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động trong nước. Bước đi chiến lược tiếp theo của VINARE là việc phát hành bổ sung vốn và lựa chọn đối tác chiến lược năm 2007.

Tập đoàn Swiss Re - Tập đoàn tái bảo hiểm lớn nhất thế giới với lịch sử 150 năm - đã được lựa chọn làm cổ đông chiến lược nước ngoài duy nhất của VINARE với tỷ lệ sở hữu 25% vốn điều lệ cùng các cam kết/hợp tác chiến lược đã tạo điều kiện cho VINARE được tiếp nhận những kinh nghiệm, công nghệ, sản phẩm bảo hiểm tiên tiến nhất thế giới, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín của VINARE trên thị trường bảo hiểm trong nước và quốc tế. Giao dịch lựa chọn đối tác chiến lược của VINARE đã được tạp chí Finance Asia bình chọn là "Giao dịch thành công nhất của Việt Nam năm 2008".

Với nguồn lực tài chính được tăng cường và sự hỗ trợ toàn diện của cổ đông chiến lược Swiss Re, VINARE đã không ngừng nỗ lực nhằm cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng cũng như toàn thị trường bảo hiểm Việt Nam trên các lĩnh vực:

- Tư vấn, hỗ trợ đánh giá, kiểm soát rủi ro, thiết lập chương trình tái bảo hiểm;
- Đào tạo và chuyển giao kiến thức công nghệ; tổng hợp và xử lý thông tin thị trường;
- Hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm mới;...



CÁC TIÊU CHUẨN KINH TẾ



TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

ĐÓNG GÓP VÀO SỰ PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH CỦA NỀN KINH TẾ

VINARE hợp tác chặt chẽ với các công ty tái bảo hiểm, công ty bảo hiểm trong nước và quốc tế, luôn giữ vai trò đầu tàu trong việc thực hiện các chương trình Bảo hiểm của Chính phủ, cung cấp sản phẩm mới và các giải pháp phát triển bền vững phát triển thị trường: chương trình thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, chương trình bảo hiểm tàu cá, đồng thời tham gia đóng góp vào các chương trình/giải pháp phát triển của thị trường: Bảo hiểm thiên tai, Bảo hiểm tài sản công, các chương trình Bảo hiểm Vi mô, quản trị rủi ro..., và mở rộng thị trường quốc tế, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy thị trường bảo hiểm Việt Nam phát triển và nâng tầm hoạt động trên trường quốc tế.



VINARE là nhà tái bảo hiểm hàng đầu trên thị trường Việt Nam, cung cấp các giải pháp tái bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam, góp phần bảo đảm giải quyết tốt quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng.

Số tiền chi trả bồi thường năm 2021 là 307,6 tỷ VND. Năm 2020 là 371 tỷ VND. Năm 2019 là 406,2 tỷ. Như vậy có thể thấy số tiền chi trả bồi thường của VINARE đang được giảm đáng kể, góp phần tăng cường tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh một cách bền vững qua các năm. Trong vòng hai năm, bằng các biện pháp hiệu quả, VINARE đã giảm được gần 100 tỷ số tiền chi trả bồi thường.

Số tiền chi trả bồi thường của VINARE ĐVT: Tỷ VND

	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Số tiền chi trả bồi thường	307,6	371	406,2

GIÁN TIẾP ĐẦU TƯ TRỞ LẠI NỀN KINH TẾ



VINARE là doanh nghiệp có hoạt động tái đầu tư nguồn vốn nhận rồi trở lại nền kinh tế, đóng góp vào sự phát triển nền kinh tế xã hội.

Số tiền tái đầu tư trở lại nền kinh tế năm 2021 là 4.021 tỷ VND. Năm 2020 là 3.849 tỷ VND, và năm 2019 là 3.682 tỷ. Như vậy, có thể nhận thấy, số tiền mà VINARE tái đầu tư trở lại nền kinh tế có xu hướng tăng gần 500 tỷ và ngày càng củng cố vị thế và tiềm lực của VINARE trên thị trường.

Số tiền tái đầu tư trở lại nền kinh tế ĐVT: Tỷ VND

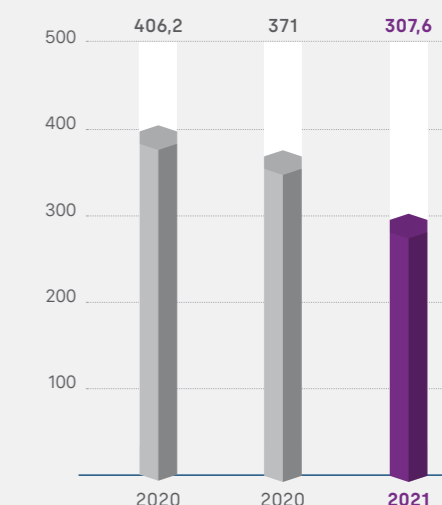
	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Số tiền tái đầu tư trở lại nền kinh tế	4.021	3.849	3.682

GẮN KẾT TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ QUẢN TRỊ (ESG) TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA VINARE

Tại VINARE, phương châm hàng đầu trong chiến lược đầu tư của chúng tôi là đầu tư an toàn, hiệu quả trên cơ sở đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng Công ty, qua đó đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, khách hàng và người lao động. Trong quá trình đầu tư VINARE luôn chú trọng đến việc tối ưu hóa những giá trị mà các hoạt động đầu tư đóng góp cho cộng đồng.

VINARE tập trung đầu tư theo cơ cấu danh mục dưới đây và luôn cân nhắc các yếu tố ESG trong mọi quyết định đầu tư và chỉ đầu tư vào những doanh nghiệp, cổ phiếu hoạt động trong những ngành nghề thân thiện với môi trường. Trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục định hướng ưu tiên phát triển ngành nghề kinh doanh bền vững vừa để đảm bảo sự phát triển bền vững của VINARE, vừa góp phần giảm thiểu những tác động gây hại tới môi trường. Danh mục đầu tư của VINARE chủ yếu là tiền gửi, chiếm 66,4%, theo bảng phân bổ dưới đây.

Số tiền chi trả bồi thường ĐVT: Tỷ VND



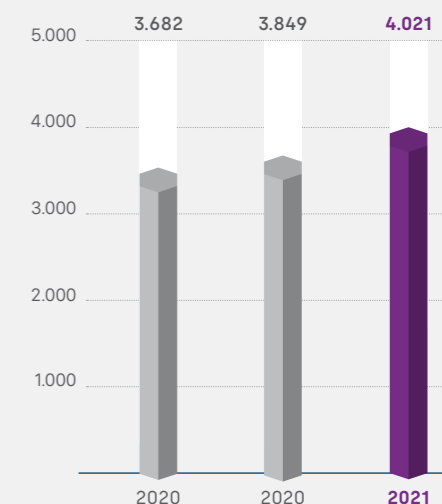
SỐ TIỀN TÁI ĐẦU TƯ TRỞ LẠI NỀN KINH TẾ NĂM 2021 (Tỷ VND)



4.021

VINARE tái đầu tư trở lại nền kinh tế có xu hướng tăng gần 500 tỷ đồng

Số tiền tái đầu tư trở lại nền kinh tế ĐVT: Tỷ VND





CÁC TIÊU CHUẨN KINH TẾ

Danh mục đầu tư của VINARE

ĐVT: Triệu VND

Danh mục đầu tư	Giá trị đầu tư 31/12/2021	Giá trị đầu tư 01/01/2021	+/- so với đầu năm	Tỷ trọng
1 Tiền gửi	2.740.500	2.965.000	(224.500)	66,4%
2 Trái phiếu	559.490	249.100	310.390	13,5%
3 Góp vốn DN khác	522.701	542.354	(19.657)	12,6%
4 Đầu tư chứng khoán, CCQ, Ủy thác đầu tư	265.000	195.000	70.000	6,4%
5 Văn phòng cho thuê	6.410	8.031	(1.621)	0,2%
6 Đầu tư BĐS	11.206	13.304	(2.098)	0,3%
7 Tiền trên TKTT	25.282	52.900	(27.618)	0,6%
Tổng cộng	4.130.589	4.025.690	104.900	100%

Chúng tôi tin rằng các vấn đề về cơ chế quản trị công ty, môi trường và xã hội là một phần quan trọng để đánh giá các giá trị và hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn. Do đó, bên cạnh các chỉ tiêu hiệu quả, chúng tôi cũng luôn chú trọng tới các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình thẩm định, lựa chọn phương án đầu tư và tiếp tục duy trì việc áp dụng Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm khi xây dựng kế hoạch phân bổ tài sản đầu tư.

5 nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm mà VINARE đang áp dụng cho hoạt động đầu tư bao gồm:

1. Gắn kết vấn đề ESG trong các quy trình phân tích đầu tư và đưa ra quyết định đầu tư.
2. Gắn kết ESG trong các vấn đề liên quan đến quyền lợi của chủ đầu tư.
3. Xây dựng quy chế công bố thông tin phù hợp đối với vấn đề ESG tại các doanh nghiệp mà VINARE đầu tư.
4. Hợp tác với các tổ chức tài chính khác để đẩy mạnh hiệu quả triển khai.
5. Thực hiện báo cáo các hoạt động triển khai.

CÁC ĐÓNG GÓP GIÁN TIẾP VỀ KINH TẾ

VINARE đóng góp cho ngân sách nhà nước

Năm 2021, tổng thuế nộp Ngân sách Nhà nước ước đạt 88,2 tỷ đồng, cũng là mức cao nhất trong vòng những năm trở lại đây, chủ yếu nhờ đóng góp của thuế Giá trị gia tăng ("GTGT"), thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân. Kết quả hoạt động kinh doanh tốt và thu nhập của cán bộ nhân viên được cải thiện là hai tác động chính khiến thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân nộp Ngân sách Nhà nước tăng. Nộp Ngân sách nhà nước của VINARE tăng đều qua các năm khi kết quả kinh doanh ngày càng khả quan.

ĐVT: Tỷ VND

	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Số tiền nộp ngân sách nhà nước	88,2	79,4	64,4

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (Tỷ VND)



88,2

Cao nhất trong vòng những năm trở lại đây

Chi trả cổ tức cho cổ đông

Tổng giá trị cổ tức VINARE đã chi trả cho cổ đông từ 2011-2019 là 1.896,6 tỷ đồng. Năm 2021, tỷ lệ chi trả cổ tức của VINARE dự kiến là 13%, tương ứng với 196 tỷ đồng. Chiến lược của VINARE là duy trì chính sách chi trả cổ tức ổn định hàng năm nhằm để dành nguồn lực cho đầu tư phát triển dài hạn thông qua tăng nguồn quỹ cho đầu tư phát triển và gia tăng giá trị dài hạn cho cổ đông.

ĐVT: Tỷ VND

	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Số tiền chi trả cổ tức	196	196,5	262
Tỷ lệ chi trả cổ tức	13%	15%	20%

Xây dựng chuỗi giá trị bền vững

Phát triển bền vững là một trong các mục tiêu chiến lược của VINARE, do vậy các yếu tố bền vững luôn được lồng ghép trong tất cả các hoạt động của doanh nghiệp, các chuỗi giá trị từ cung ứng đầu vào đến hoạt động kinh doanh và các yếu tố đầu ra đều được xem xét ở 3 khía cạnh: **Kinh tế - xã hội - môi trường**. Phần lợi nhuận thu được sẽ trả lại đầu tư (cổ tức) cho cổ đông, người lao động; thực hiện đầu tư ngược lại cho cộng đồng và môi trường. Phần lợi nhuận còn lại được dùng để tiếp tục tái đầu tư, bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh để tạo ra các giá trị gia tăng mới.

Lồng ghép tính bền vững trong kinh doanh nhận nhượng tái bảo hiểm, cải tiến quy trình lựa chọn nhà cung cấp

VINARE tích cực tham gia các chủ trương, giải pháp của ngành bảo hiểm hướng tới việc bảo vệ môi trường. Cụ thể là từ năm 2022, VINARE giảm dần và tiến tới không hỗ trợ tái bảo hiểm đối với các dự án điện than. Song song với việc này, VINARE chủ trương ưu tiên nhận tái bảo hiểm quá trình xây dựng, lắp đặt và vận hành cho các dự án năng lượng sạch như điện mặt trời, điện gió. Số lượng các dự án thuộc loại này được VINARE nhận tái bảo hiểm đã tăng mạnh trong năm 2021.

Để đảm bảo yếu tố bền vững trong hoạt động, chúng tôi đã lựa chọn những nhà cung ứng tuân thủ đầy đủ yêu cầu luật pháp, có ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, có đạo đức kinh doanh. Việc lồng ghép vấn đề bền vững trong các quyết định mua sắm giúp chúng tôi bám sát mục tiêu bền vững hơn, đặc biệt là đối với các vấn đề về môi trường.

TỔNG GIÁ TRỊ CỔ TỨC VINARE ĐÃ CHI TRẢ TỪ 2011-2021 (Tỷ VND)



1.896,6

NĂM 2021, TỶ LỆ CHI TRẢ CỔ TỨC CỦA VINARE DỰ KIẾN (Tỷ VND)



196

Tương ứng với 13%



CHỐNG THAM NHŨNG

Trong năm 2021, tại VINARE không có vụ việc tham nhũng nào được xác nhận.

CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG GRI 300



Các thông tin về tiêu chuẩn Môi trường được trình bày cụ thể trong phần phân tích về hoạt động kinh doanh của Báo cáo này.



Năng lượng



Phát thải



Nước



Nước thải và Chất thải



Đa dạng sinh học



Tuân thủ về Môi trường



Đánh giá Nhà cung cấp về Môi trường



Là doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của VINARE tác động không đáng kể đến môi trường.

Vì vậy đối với hoạt động nội bộ, chúng tôi đẩy mạnh việc nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; chú trọng thực hiện kiểm soát hệ thống xử lý chất thải tại các tòa nhà của VINARE - đảm bảo đạt các tiêu chuẩn môi trường cho phép; giảm thiểu việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính.

VINARE GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG



ÁP DỤNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG TRONG CHUỖI CUNG ỨNG, DỰ ÁN ĐẦU TƯ



NÂNG CAO NHẬN THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



KIỂM SOÁT HỆ THỐNG XỬ LÝ CHẤT THẢI



TRAO ĐỔI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU



GIẢM THIỂU SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Đối với các bên liên quan, vấn đề môi trường được chúng tôi đưa vào trong các nội dung trao đổi liên quan đến phát triển bền vững và đánh giá dựa trên mức độ quan tâm của các bên. Đặc biệt, tiêu chí về môi trường cũng được xem xét trong Quản trị chuỗi cung ứng và đánh giá các dự án đầu tư của VINARE.



CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG



NĂNG LƯỢNG



Theo dõi và kiểm soát số liệu năng lượng tiêu thụ

Nhằm kiểm soát tốt hơn tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động, VINARE đã thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng.

Số liệu thống kê lượng xăng tiêu thụ của VINARE năm 2021

Danh mục đầu tư	Năm 2021	Năm 2020	+/-
Tổng lượng xăng tiêu thụ	6.780 lít	9.739 lít	- 2.959 lít
	259,39 GJ	372,61 GJ	-113,22GJ
Tổng lượng điện tiêu thụ	514.417Kwh	507.242 Kwh	7.175 Kwh
	1.851 GJ	1.826 GJ	25GJ
Tổng năng lượng tiêu thụ	2.110,39 GJ	2.198,61 GJ	-88,22GJ

Tổng lượng xăng tiêu thụ của VINARE năm 2021 là 6.780 lít, tương ứng với 259,39 GJ. Nguồn tiêu thụ xăng của VINARE chủ yếu là từ các xe ô tô chở các cán bộ công tác tại Hà Nội.

Năng lượng điện tiêu thụ của VINARE: Theo đó, tổng lượng điện tiêu thụ của VINARE năm 2021: 514.417 Kwh tương ứng với 1.851 GJ.

Như vậy, trong năm 2021, tổng năng lượng tiêu thụ của VINARE là 2.110,39 GJ. Việc thực hiện kiểm soát chỉ số năng lượng năm 2021 là cơ hội để VINARE xây dựng hệ thống tiêu chuẩn các dữ liệu báo cáo liên quan đến việc thống kê năng lượng tiêu thụ tại tòa nhà trụ sở và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh; từ đó có cơ sở kiểm soát tốt hơn với các chỉ tiêu tiết giảm cụ thể trong những năm sau và nhờ dùng các biện pháp tiết kiệm năng lượng có hiệu quả Tổng năng lượng tiêu thụ đã giảm 88,22GJ so với năm 2020.



TỔNG LƯỢNG XĂNG TIÊU THỤ (ĐVT: Lít)



6.780

Tương ứng với 259,39 GJ

NĂNG LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ (ĐVT: Kwh)



514.417

Tương ứng với 1.851 GJ

CÁC GIẢI PHÁP GIẢM TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG GÓP PHẦN GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Tiết kiệm điện trong các tòa nhà

VINARE đã đẩy mạnh việc tiết kiệm điện năng tại các tòa nhà văn phòng của VINARE trên hệ thống.

Nguồn tiêu thụ điện năng:

- Giải pháp tiêu thụ điện hiệu quả.

Hệ thống điều hoà không khí (tiêu thụ 40-60% điện năng)

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Duy trì nhiệt độ ở mức 25-27 °C, tránh chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài không gian điều hoà, bố trí các phòng lạnh tiếp xúc trực tiếp với các bức xạ mặt trời...;
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h30.

Hệ thống chiếu sáng (tiêu thụ 15-20%)

- Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ...) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm điện, chấn lưu điện tử...);
- Đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường...).



Theo số liệu Báo cáo tóm tắt về sử dụng năng lượng hợp lý tại các tòa nhà của Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững thế giới, tại hầu hết các nước, các tòa nhà tiêu thụ ít nhất 40% nguồn năng lượng, góp phần gia tăng cường độ phát thải khí nhà kính.

GRI
300

CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

GRI
305

PHÁT THẢI, NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI


Số liệu thống kê năm 2021: 5.021 m³ nước thải, 168,41 m³ chất thải.

	Năm 2021	Năm 2020
Nước thải	5.021 m ³	5.078 m ³
Chất thải	168,41 m ³	168,25 m ³

Năm 2021, VINARE tiếp tục duy trì hoạt động đánh giá các tác động tới môi trường từ hoạt động của tòa nhà trụ sở văn phòng. Các đánh giá này bao gồm:

- Phân tích tình hình sử dụng năng lượng bao gồm tiêu thụ điện và nhiên liệu trong năm 2021.
- Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian qua bao gồm biện pháp khống chế môi trường không khí, ô nhiễm môi trường nước, xử lý chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại; lực lượng và phương tiện PCCC tại chỗ.

NƯỚC THẢI
(ĐVT: m³)



5.021

CHẤT THẢI
(ĐVT: m³)



168,41

Nội dung tóm tắt các biện pháp xử lý đối với nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường trong Đề án của VINARE như sau:

Nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường	Biện pháp xử lý kỹ thuật	Các giải pháp môi trường
NGUỒN CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG		
<p>Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động văn phòng của cán bộ nhân viên trong tòa nhà.</p> <p>Thành phần chất thải rắn bao gồm giấy in hỏng, bút hết mực, giấy bìa carton, vỏ hoa quả.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tại mỗi tầng của tòa nhà, VINARE đều trang bị 01 thùng compsit lớn và 01 thùng đựng rác nhỏ ở cuối cầu thang để thu gom rác; Hàng ngày, nhân viên vệ sinh tòa nhà dọn dẹp trong mỗi phòng của công ty thuê và quét dọn hành lang, khu vực xung quanh tòa nhà; Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh của tòa nhà sẽ thu gom tất cả rác trong thùng rác ở các tầng ra điểm rác trước cửa tòa nhà; Ký kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với Công ty môi trường quận Hoàn Kiếm để xử lý. 	<ul style="list-style-type: none"> Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in; Tái sử dụng các văn phòng phẩm bao gồm các loại bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa.

NGUỒN CHẤT THẢI KHÍ

Khí thải từ các phương tiện giao thông:

<p>Từ các phương tiện giao thông của Tòa nhà (sử dụng xăng và dầu DO) ra vào Tòa nhà.</p> <p>Từ các phương tiện của khách ra vào Tòa nhà.</p> <p>Từ các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến phố Lê Duẩn.</p> <p>Bụi và khí thải của các phương tiện giao thông trong dự án góp phần làm gia tăng mức độ môi trường không khí khu vực nếu không có biện pháp giảm thiểu.</p> <p>Sự gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí sẽ kéo theo các tác động với sức khỏe cộng đồng dân cư sinh sống trong đô thị và khu vực xung quanh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Đặt các chậu cây cảnh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí; Yêu cầu các phương tiện giao thông đi vào tòa nhà tắt máy trước khi cổng tòa nhà; Tổ chức sắp xếp, hướng dẫn chỗ để xe của khách đến làm việc tại tòa nhà; Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ khu vực tòa nhà; Bố trí quạt thông gió tại tầng hầm gửi xe của tòa nhà đảm bảo không khí thông thoáng. 	<ul style="list-style-type: none"> Khởi động chương trình Văn phòng xanh, khuyến khích việc trang trí nơi làm việc bằng cây xanh; Tiếp tục đẩy mạnh chương trình xây dựng môi trường lao động xanh, sạch và khoa học.
--	---	---



Các thông tin về tiêu chuẩn Xã hội được trình bày cụ thể trong phần phân tích về hoạt động kinh doanh của Báo cáo này.

CÁC TIÊU CHUẨN XÃ HỘI GRI 400



VINARE xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Chính vì vậy, trong chiến lược quản trị nguồn nhân lực của VINARE, các giải pháp được tập trung vào việc xây dựng, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ trong các lĩnh vực then chốt; xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp, thân thiện; triển khai hệ thống đánh giá hiệu quả làm việc... được liên kết với nhau chặt chẽ, dựa trên tầm nhìn, quy tắc đạo đức ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của VINARE.



Việc làm



Giáo dục và Đào tạo



Mối quan hệ Lao động và Quản lý



Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng



An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp



Không phân biệt đối xử



Quyền tham gia công đoàn và Thương lượng tập thể

CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC



TẠO DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP GIÀU BẢN SẮC



NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC



TRÂN TRỌNG GIÁ TRỊ ĐÓNG GÓP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG



XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TÍCH CỰC

VINARE trân trọng và ý thức rằng những giá trị do các thành viên tạo ra đều đóng góp vào thành công chung của doanh nghiệp ngày hôm nay, không phân biệt vị trí, độ tuổi, giới tính, trình độ, địa vị xã hội, tính cách, phong cách sống, quá trình tư duy, kinh nghiệm làm việc, nguồn gốc dân tộc... mang đến cho các thành viên một môi trường làm việc năng động, công bằng, mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện để hướng đến sự thành công và phát triển sự nghiệp tại VINARE.

CÁC TIÊU CHUẨN XÃ HỘI



NHỮNG QUYỀN LỢI CƠ BẢN CỦA NHÂN VIÊN, CÁN BỘ VINARE

- Những chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
- Khám sức khỏe định kỳ:** hàng năm, Tổng công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- Các chế độ bảo hiểm:** ngoài các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định hiện hành của Nhà nước như Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp, Tổng công ty mua Bảo hiểm Tai nạn thân thể và Trợ cấp nằm viện, Bảo hiểm Nhân thọ cho người lao động. Chế độ Bảo hiểm Nhân thọ bắt đầu thực hiện từ năm 2019.
- Các khoản trợ cấp:** người lao động được hưởng các khoản trợ cấp từ quỹ phúc lợi trong các trường hợp sau:
 - Khó khăn đột xuất, ốm đau, bệnh tật
 - Trợ cấp đối với lao động nữ nghỉ sinh con
 - Tặng quà nhân dịp sinh nhật, nghỉ hưu, kết hôn
 - Chi phí nghỉ mát hàng năm ...
- Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn:** tùy theo nhu cầu hoạt động, kế hoạch và quy hoạch cán bộ, người lao động được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước.
- Trong năm 2021, đã có 6 lượt cán bộ được cử đi đào tạo trong nước (Trong đó: 1 lượt đào tạo 1 ngày, 3 lượt đào tạo 2 ngày, 2 lượt đào tạo 6 ngày); 6 lượt cán bộ được cử tham gia các khóa đào tạo trong nước theo hình thức trực tuyến và 15 lượt cán bộ được cử tham gia các khóa đào tạo nước ngoài theo hình thức trực tuyến.
- Người lao động được hưởng thu nhập từ lương và các lợi ích khác theo cơ chế gắn liền với hiệu quả lao động sản xuất kinh doanh.
- Chính sách bổ nhiệm cán bộ được minh bạch - công khai theo qui trình và cần trọng.

VIỆC LÀM

CƠ CẤU LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TẠI VINARE

Năm 2021, tổng số lao động của VINARE là 101 người (bằng năm 2020) bao gồm 14 Ban và Chi nhánh. Về cơ cấu lao động năm 2021 ít có sự thay đổi so với năm 2020, tỉ lệ lao động Nam chiếm 49% so với lao động Nữ 51%; tỉ lệ lao động trẻ vẫn được VINARE duy trì trong những năm gần đây, năm 2021, lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 12%, lao động trong độ tuổi trung niên (từ 30 đến dưới 50 tuổi) chiếm 78%, lao động từ 50 tuổi trở lên đã gần bó lâu năm với VINARE chiếm 10%.

Về trình độ lao động, với mục tiêu xây dựng, duy trì đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, năm 2021 lao động của VINARE tiếp tục duy trì tỉ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học ở mức cao, chiếm trên 80%, riêng lao động có trình độ trên đại học chiếm 26%, lao động có trình độ cao đẳng trở xuống không có sự thay đổi so với năm trước, giữ ở mức 20% (trong đó lao động có trình độ cao đẳng chiếm 8%).

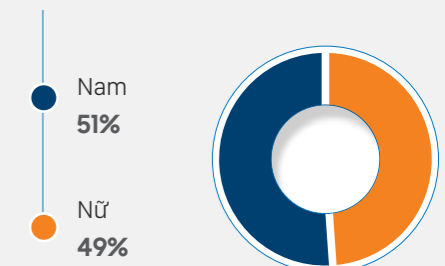
Cơ cấu lao động theo các tiêu chí	Số lượng cán bộ	Tỷ lệ trên tổng số cán bộ VINARE
Giới tính		
• Nam	49	49%
• Nữ	52	51%
Độ tuổi		
• Dưới 30 tuổi	12	12%
• 30-50 tuổi	78	78%
• Trên 50 tuổi	11	10%
Trình độ đào tạo		
• Trên Đại học	26	26%
• Đại học	58	57%
• Cao đẳng	8	8%
• Khác	9	9%
Cấp quản lý		
• Cấp cao	4	4%
• Cấp trung	26	26%
• Nhân viên	71	70%

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG CỦA VINARE NĂM 2021 (Người)

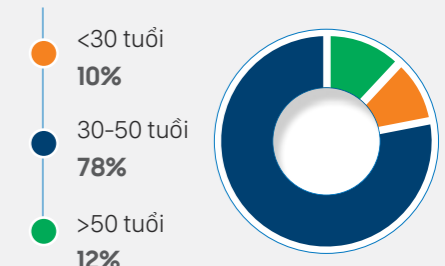


101

Cơ cấu lao động theo giới tính



Cơ cấu lao động theo độ tuổi



CÁC TIÊU CHUẨN XÃ HỘI

TỶ LỆ THÔI VIỆC NĂM 2021



4%

Năm 2021, tỷ lệ thôi việc của VINARE là 4%, trong đó sự chênh lệch về tỉ lệ thôi việc của nam giới (2%) và nữ giới (2%) là cân bằng. Lao động trên 50 tuổi có xu hướng ổn định cao nhất nên tỉ lệ thôi việc là 0%, trong khi đó, lao động dưới 30 tuổi chiếm tỉ lệ thôi việc là 2% và lao động trong độ tuổi từ 30-50 tuổi có tỉ lệ thôi việc ở mức trung bình là 2%.

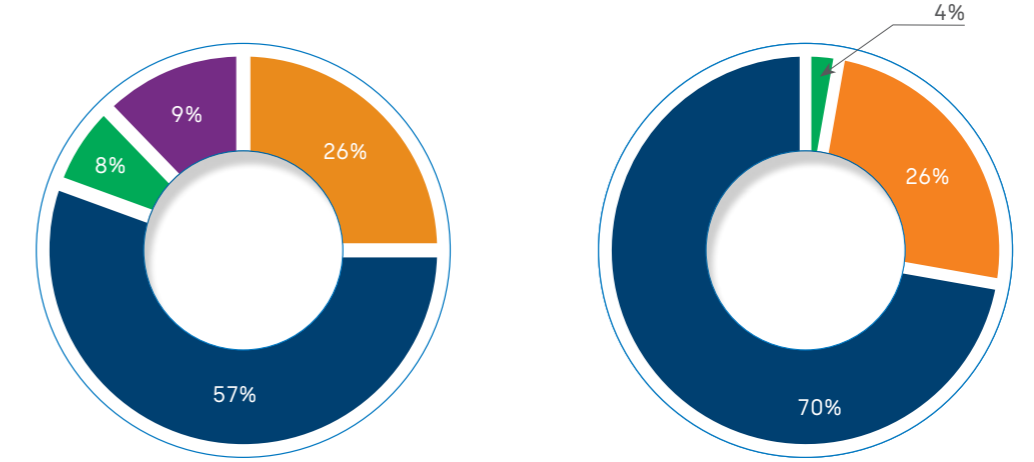
Tỷ lệ thôi việc

Dữ liệu thống kê		Độ tuổi			Giới tính		Tổng cộng
		<30	30-50	>50	Nam	Nữ	
Số lượng cán bộ nghỉ việc năm 2020	Số lượng (người)	1	2	0	1	2	3
	Tỷ lệ (%)	1%	1%	0%	1%	1%	2%
Số lượng cán bộ nghỉ việc năm 2021	Số lượng (người)	1	1	0	1	1	2
	Tỷ lệ (%)	2%	2%	0%	2%	2%	4%

MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ



Về cơ cấu cán bộ quản lý, VINARE tiếp tục duy trì tỉ lệ hợp lý giữa cán bộ quản lý và nhân viên, đảm bảo tính tối ưu trong quản trị, điều hành doanh nghiệp. Năm 2021, tổng số cán bộ quản lý của VINARE là 30 người, chiếm tỉ lệ 30% trong tổng số lao động; trong đó, cán bộ quản lý cấp cao là 4 người, chiếm 4% và cán bộ quản lý cấp trung là 26 người, chiếm 26%.



Cơ cấu lao động theo trình độ

- Trên Đại học **26%**
- Đại học **57%**
- Cao đẳng **8%**
- Khác **9%**

Cơ cấu lao động theo cấp quản lý

- Quản lý cấp cao **4%**
- Quản lý cấp trung **26%**
- Nhân viên **70%**

GRI
400

CÁC TIÊU CHUẨN XÃ HỘI



GRI
403

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

CHÍNH SÁCH CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI THÂN

Kết quả khảo sát năm 2021 của VINARE về sự hài lòng của nhân viên cho thấy trên 95% người lao động cảm thấy rất hài lòng với các chế độ phúc lợi ngoài tiền lương mà VINARE đang áp dụng.

Năm 2021, VINARE tiếp tục thể hiện sự quan tâm đến sức khỏe của người lao động thông qua việc thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, với danh mục khám được mở rộng hơn, gia tăng quyền lợi tối đa cho người lao động.

Bên cạnh đó, các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe của cán bộ được chúng tôi khuyến khích thông qua việc tổ chức các lớp học, các câu lạc bộ như lớp học Yoga, lớp học nhảy, giải thi đấu tennis, giải giao hữu bóng đá, giải giao hữu golf.

Đối với các cán bộ nghỉ hưu, ngoài việc tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp lễ, Tết, VINARE vẫn duy trì mua Bảo hiểm Tai nạn thân thể và Trợ cấp nằm viện.

Thực hiện các quy định của pháp luật lao động hiện hành, các hoạt động đối thoại thông qua chương trình Hội nghị người lao động, tổ chức công đoàn, các khảo sát nội bộ nhằm tìm hiểu tâm tư nguyện vọng, cũng như chia sẻ định hướng kinh doanh, kết quả hoạt động của VINARE, gắn kết và hài hòa mục tiêu và động cơ cá nhân với mục tiêu chung của tổ chức.

GRI
404

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Trong xu thế hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, VINARE xác định đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức để duy trì và phát triển các thành tựu đã đạt được. Nhận thức rõ việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là xu thế chung, VINARE đã đầu tư xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng để tạo lợi thế cạnh tranh thông qua các hoạt động:



ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Trong năm 2021, VINARE đã dành ngân sách 126,8 triệu VND để đầu tư cho các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, tiến hành đào tạo cho 6 lượt cán bộ được cử đi đào tạo trong nước (Trong đó: 1 lượt đào tạo 1 ngày, 3 lượt đào tạo 2 ngày, 2 lượt đào tạo 6 ngày); 6 lượt cán bộ được cử tham gia các khóa đào tạo trong nước theo hình thức trực tuyến và 15 lượt cán bộ được cử tham gia các khóa đào tạo nước ngoài theo hình thức trực tuyến (So sánh số liệu năm 2020: 62 triệu VND. Do ảnh hưởng của Covid nên các cán bộ ít tham gia các khóa đào tạo trực tiếp ở trong nước và nước ngoài).

Các cán bộ có nhu cầu học thêm để nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, ngoại ngữ đều được tài trợ chi phí đào tạo theo quy chế, quy định của Tổng công ty.



CÁC TIÊU CHUẨN XÃ HỘI



SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

TUYỂN DỤNG NHÂN SỰ VÀ THU HÚT NGƯỜI TÀI



Nhận thức rõ tầm quan trọng của nguồn lực con người trong việc thực hiện thành công mục tiêu kinh doanh hằng năm và chiến lược phát triển bền vững của VINARE, VINARE không ngừng hoàn thiện cơ chế chính sách, đầu tư nguồn lực tài chính để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện thu nhập, gia tăng các lợi ích, phúc lợi tài chính và phi tài chính cho người lao động để tạo động lực làm việc, tăng cường sự gắn kết và nâng cao năng suất lao động thông qua nhiều chính sách nhân sự.

ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Việc đối xử công bằng với người lao động có vai trò quan trọng trong việc hình thành một môi trường làm việc tốt, tạo động lực cho nhân viên, phát huy khả năng, gắn bó với VINARE. Các hoạt động trong chính sách nhân sự của VINARE đều hướng tới các mục tiêu chính:

- Không phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe hoặc vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của pháp luật lao động.
- Trả lương công bằng cho nhân viên theo hiệu quả làm việc
- Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người lao động. Mọi nhân viên đều có quyền đóng góp ý kiến vào việc xây dựng và phát triển VINARE.
- Mọi nhân viên có cơ hội như nhau trong hoạt động tuyển dụng, đào tạo và thăng tiến.

VINARE đảm bảo sự công bằng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cũng như tạo điều kiện để các cán bộ nữ được thực sự tham gia công tác chuyên môn, quy hoạch và bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo.

Cùng với Công đoàn, "Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ" của VINARE giữ vai trò quan trọng trong việc đưa vấn đề giới vào quá trình xây dựng, thực hiện chính sách nhân

sự tại VINARE; đảm bảo các cán bộ nữ được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và chế độ phúc lợi như: BHXH bắt buộc, nghỉ hằng năm, nghỉ theo chế độ BHXH, tham gia các loại hình bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, khám sức khỏe định kỳ và sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp.

Trong bộ máy quản lý, điều hành của VINARE đều có sự tham gia của nữ cán bộ.



KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ TRẢ LƯƠNG THEO HIỆU QUẢ LÀM VIỆC

Chính sách trả lương theo hiệu quả làm việc

VINARE chủ trương xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân lực, thu hút nhân tài, gìn giữ nguồn lao động có chất lượng cao, tạo động lực làm việc và nâng cao năng suất lao động.

Với chiến lược phát triển nguồn nhân lực đã được Hội đồng Quản trị thông qua, năm 2021, VINARE tiếp tục triển khai

chính sách thu nhập gắn liền với hiệu quả làm việc, tham gia khảo sát, điều tra tiền lương thị trường để xác định dải lương, mức lương trả cho người lao động tương ứng với từng cấp bậc công việc, hiệu quả công việc đạt được, đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với bên ngoài.

Chính sách đánh giá hiệu quả làm việc

VINARE tiếp tục duy trì chính sách quản lý hiệu quả làm việc nhằm thiết lập, kiểm soát, đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, phân loại hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân, làm căn cứ xem xét điều chỉnh lương hằng năm và thưởng hiệu quả làm việc đối với cá nhân người lao động dựa trên thành tích, mức độ đóng góp vào thành công của tổ chức; góp phần tạo cơ chế thu nhập công bằng, cạnh tranh trong chính sách lương của VINARE.

nhân viên, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, bằng cách trang bị cho mọi cá nhân trong tổ chức năng lực và các công cụ giúp nhận biết rõ ràng về các mong đợi của VINARE, tạo điều kiện để các cá nhân có thể hoạt động hiệu quả, phát huy được mọi khả năng, tiềm năng của họ và đóng góp vào thành công của VINARE.

Hệ thống quản lý hiệu quả làm việc vẫn tiếp tục được áp dụng và ngày càng hoàn thiện để nâng cao hiệu quả trong thực tiễn. Kể từ khi triển khai, hệ thống này giúp cho việc gắn kết giữa mục tiêu của VINARE đến từng ban và cấp

Kết quả đánh giá hiệu quả làm việc hàng năm được VINARE sử dụng làm cơ sở để điều chỉnh lương hàng năm và trả lương hiệu quả làm việc. Chính sách này đảm bảo người lao động được trả lương nhất quán, minh bạch rõ ràng, đúng với tính chất công việc, hiệu quả làm việc và nỗ lực của bản thân, tạo động lực làm việc cho người lao động.



MINH BẠCH

MINH BẠCH là một khái niệm khá trừu tượng và có nghĩa rất rộng lớn. Sự minh bạch bản chất chính là sự bình đẳng trong việc tiếp cận các thông tin quan trọng của những người có ảnh hưởng tới kết quả cuối cùng. Có nhiều người thường hiểu rằng minh bạch là công khai, là rõ ràng thế nhưng thực ra minh bạch nó còn có nghĩa rộng lớn hơn vậy rất nhiều bởi vì nó còn nhấn mạnh vào sự nhất quán, sự tin cậy hay những dự đoán trước của người cung cấp thông tin.

(Theo định nghĩa của Wikipedia)

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



TẠI VINARE, CHÚNG TÔI HIỂU MINH BẠCH LÀ



Đối với VINARE, sự minh bạch trong kinh doanh là quá trình cởi mở, trung thực và thẳng thắn về các hoạt động vận hành và kinh doanh khác nhau của VINARE được coi là vấn đề tất yếu để tạo dựng được niềm tin của các đối tác, cổ đông, người lao động, cộng đồng và các bên liên quan. VNR là mã cổ phiếu được niêm yết của chúng tôi, nên đảm bảo minh bạch trong công bố thông tin, số liệu tài chính và quản trị là vấn đề "sống - còn" của doanh nghiệp.

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép Thành lập và Hoạt động	Số 28/GP/KDBH để ngày 15 tháng 11 năm 2004 do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất là số 28/GPĐC5/KDBH được cấp ngày 6 tháng 9 năm 2021.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Anh Tuấn Ông Nguyễn Xuân Việt Ông Jared Orchard Ông Đào Nam Hải Ông Phạm Phan Dũng Ông Mai Xuân Dũng Ông Nguyễn Đình An Ông Vũ Anh Tuấn Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Chủ tịch Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021)
Ban Kiểm soát	Ông Trần Trung Tính Ông Vũ Ngọc Vương Bà Lê Thị Thanh Hiền Ông Tushar Chatterjee Ông Đào Mạnh Dương	Trưởng ban Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Mai Xuân Dũng Ông Nguyễn Mạnh Linh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Mai Xuân Dũng	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Tầng 7, 141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	
Kiểm toán viên	Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội	



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tổng Công ty và công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty và công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 68. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2022



GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (“Tổng Công ty”) và công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 21 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 68.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

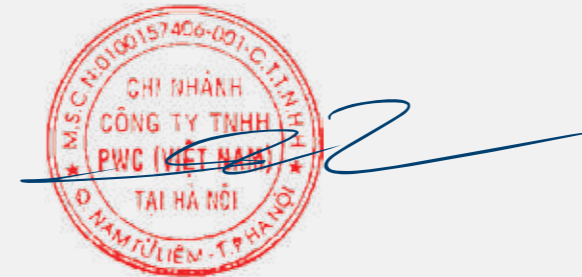
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



NGUYỄN PHI LAN
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0573-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền



BÙI PHƯƠNG HẠNH
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3823-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 2970
Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2022



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B 01 - DNPNT/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.413.636.204.872	4.893.422.736.475
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	25.281.771.911	55.424.073.810
111	Tiền		25.281.771.911	55.424.073.810
120	Đầu tư ngắn hạn		2.555.626.973.276	2.053.240.931.318
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	173.907.022	173.907.022
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	4(a)	(173.907.022)	(173.907.022)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	2.555.627.849.488	2.053.240.931.318
124	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	4(b)	(876.212)	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		749.104.853.143	700.282.516.268
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	574.919.058.343	564.034.646.896
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		574.030.810.370	563.619.791.897
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		888.247.973	414.854.999
132	Trả trước ngắn hạn cho người bán		189.648.282	106.018.000
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	199.777.878.746	166.095.471.952
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(25.781.732.228)	(29.953.620.580)
140	Hàng tồn kho	8	10.906.163.404	36.417.776.783
141	Hàng tồn kho		12.285.428.859	40.964.900.921
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.379.265.455)	(4.547.124.138)
150	Tài sản ngắn hạn khác		455.060.722.169	585.394.346.564
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	453.284.805.473	580.190.581.169
151.1	- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		453.183.431.245	580.190.581.169
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		101.374.228	-
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	14(a)	1.775.916.696	5.203.765.395
190	Tài sản tái bảo hiểm		1.617.655.720.969	1.462.663.091.732
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	18(a)	480.852.069.331	470.264.225.140
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18(a)	1.136.803.651.638	992.398.866.592

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 71 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.742.978.080.307	2.082.317.191.954
210	Các khoản phải thu dài hạn		25.936.008.219	36.303.139.726
218	Phải thu dài hạn khác		25.936.008.219	36.303.139.726
218.1	- Ký quỹ bảo hiểm	2.11	22.000.000.000	22.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác	6(b)	3.936.008.219	14.303.139.726
220	Tài sản cố định		7.763.664.750	8.020.286.076
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	7.763.664.750	8.020.286.076
222	Nguyên giá		30.710.866.071	29.980.897.654
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(22.947.201.321)	(21.960.611.578)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	-	-
228	Nguyên giá		32.434.195.934	32.434.195.934
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.434.195.934)	(32.434.195.934)
230	Bất động sản đầu tư	11	6.409.861.437	8.031.430.158
231	Nguyên giá		34.055.061.893	34.055.061.893
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(27.645.200.456)	(26.023.631.735)
240	Tài sản dở dang dài hạn		17.107.901.513	15.652.813.679
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	12	14.036.123.679	14.036.123.679
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.071.777.834	1.616.690.000
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.675.986.694.437	2.000.881.548.394
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(c)	312.911.750.370	297.645.573.026
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	337.701.918.974	357.354.024.845
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(c)	(474.000.291)	-
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(d)	1.025.847.025.384	1.345.881.950.523
260	Tài sản dài hạn khác		9.773.949.951	13.427.973.921
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	964.663.623	5.569.640.588
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33	950.952.995	-
268	Tài sản dài hạn khác	6(b)	7.858.333.333	7.858.333.333
270	TỔNG TÀI SẢN		7.156.614.285.179	6.975.739.928.429

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 71 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DNPNT/HN

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		3.870.939.538.027	3.830.456.981.846
310	Nợ ngắn hạn		3.869.948.911.283	3.828.953.753.466
311	Phải trả cho người bán	13	483.810.717.898	581.516.210.025
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		482.821.864.066	580.352.904.664
311.2	- Phải trả khác cho người bán		988.853.832	1.163.305.361
312	Người mua trả tiền trước		1.411.832.743	1.503.634.974
313	Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	14(b)	17.428.131.172	16.220.037.904
314	Phải trả người lao động		28.609.644.657	25.352.582.932
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		324.371.676	302.524.570
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15(a)	49.687.581.072	51.429.072.572
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	15(a)	99.311.540.367	102.957.752.564
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	25.929.549.564	21.468.757.438
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	26.088.235.092	22.690.170.128
329	Dự phòng nghiệp vụ	18	3.137.347.307.042	3.005.513.010.359
329.1	-Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm		1.095.520.329.811	1.196.704.406.560
329.2	-Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		1.857.062.704.442	1.636.743.500.588
329.3	-Dự phòng dao động lớn		184.764.272.789	172.065.103.211
330	Nợ dài hạn		990.626.744	1.503.228.380
337	Phải trả dài hạn khác	15(b)	990.626.744	1.503.228.380
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.285.674.747.152	3.145.282.946.583
410	Vốn chủ sở hữu		3.285.674.747.152	3.145.282.946.583
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19	1.507.371.300.000	1.310.759.370.000
411a	-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.507.371.300.000	1.310.759.370.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	369.756.607.309	566.368.537.309
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	206.077.621.278	211.573.836.051
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	20	147.705.447.699	131.075.937.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	20	1.021.039.304.742	891.887.455.949
421a	-Lợi nhuận sau thuế lũy kế của các năm trước		700.769.765.222	588.621.802.716
421b	-Lợi nhuận sau thuế của năm nay		320.269.539.520	303.265.653.233
429	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	20	33.724.466.124	33.617.810.274
440	TỔNG NGUỒN VỐN		7.156.614.285.179	6.975.739.928.429

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Tại ngày	
			31/12/2021	31/12/2020
1.	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	461.003,78	1.834.964,63
	Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
	Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
	Đô la Singapore	SGD	2.974,87	3.419,87
	Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	257.206,30	115.531,26

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2022

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 71 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 71 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B 02 - DNPNT/HN

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.605.861.780.616	1.578.398.460.337
11	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	39.429.595.709	14.164.995.805
12	Doanh thu hoạt động tài chính	27 440.196.284.389	365.586.847.756
13	Thu nhập khác	627.774.476	641.715.981
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.476.106.971.239)	(1.485.160.867.556)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư	(33.250.635.479)	(7.605.566.971)
22	Chi phí hoạt động tài chính	28 (95.917.055.674)	(41.806.408.317)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29 (89.519.195.164)	(84.657.729.594)
24	Chi phí khác	(416.016.290)	(1.205.969.139)
25	Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	32.381.023.580	38.838.017.475
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	423.286.584.924	377.193.495.777
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	33 (77.181.859.898)	(66.121.705.916)
52	Thuế TNDN hoãn lại	33 950.952.995	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	347.055.678.021	311.071.789.861
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21 2.235	2.314
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21 2.235	2.314

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 71 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
1	Doanh thu phí bảo hiểm	22	2.347.344.273.540	2.328.522.737.462
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		2.246.160.196.791	2.447.705.160.831
1.3	- (Giảm)/tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc		(101.184.076.749)	119.182.423.369
2	Phí nhượng tái bảo hiểm	23	(962.796.018.762)	(988.683.109.085)
2.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(973.383.862.953)	(950.799.681.643)
2.2	- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		10.587.844.191	(37.883.427.442)
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần		1.384.548.254.778	1.339.839.628.377
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		221.313.525.838	238.558.831.960
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	15(b)	205.117.518.035	216.930.820.188
4.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		16.196.007.803	21.628.011.772
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.605.861.780.616	1.578.398.460.337
11	Chi bồi thường	24	(856.127.582.862)	(950.313.250.918)
11.1	- Tổng chi bồi thường	24	(856.127.582.862)	(950.313.250.918)
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	24	548.472.453.322	579.287.329.344
13	Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	24	263.813.338.082	59.871.801.757
14	Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	24	180.782.500.303	105.536.227
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	24	(390.685.967.319)	(430.792.187.104)
16	Tăng dự phòng dao động lớn		12.699.169.578	14.891.899.511
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.072.721.834.342)	(1.039.476.780.941)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	25	(1.049.234.929.108)	(1.002.846.259.958)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	26	(23.486.905.234)	(36.630.520.983)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.476.106.971.239)	(1.485.160.867.556)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		129.754.809.377	93.237.592.781
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		39.429.595.709	14.164.995.805
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(33.250.635.479)	(7.605.566.971)
22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản		6.178.960.230	6.559.428.834

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 71 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 02 - DNPNT/HN

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	27	440.196.284.389	365.586.847.756
24	Chi phí hoạt động tài chính	28	(95.917.055.674)	(41.806.408.317)
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính		344.279.228.715	323.780.439.439
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(89.519.195.164)	(84.657.729.594)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		390.693.803.158	338.919.731.460
31	Thu nhập khác		627.774.476	641.715.981
32	Chi phí khác		(416.016.290)	(1.205.969.139)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác		211.758.186	(564.253.158)
40.1	Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết		32.381.023.580	38.838.017.475
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		423.286.584.924	377.193.495.777
51	Thuế TNDN hiện hành	33	(77.181.859.898)	(66.121.705.916)
52	Thuế TNDN hoãn lại	33	950.952.995	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		347.055.678.021	311.071.789.861
	Phân bổ cho			
61	Cổ đông của Tổng Công ty		346.949.022.171	312.244.294.056
62	Cổ đông không kiểm soát		106.655.850	(1.172.504.195)
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	2.235	2.314
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21	2.235	2.314

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 71 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B 03 - DNPNT/HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	691.598.279.339	574.997.091.053
02	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	(588.112.339.933)	(437.534.364.332)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(54.557.008.523)	(44.125.159.885)
05	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(76.260.650.384)	(67.641.470.965)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	48.752.021.602	8.229.266.254
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(61.474.076.965)	(29.539.293.174)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(40.053.774.864)	4.386.068.951
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.291.321.234)	(2.641.835.855)
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.468.609.200.000)	(2.146.460.954.990)
24	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.343.149.210.067	1.911.604.517.959
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.652.181.917	45.801.851.201
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	315.533.321.727	401.818.699.523
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	207.434.192.477	210.122.277.838
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(196.613.905.500)	(262.150.813.160)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(196.613.905.500)	(262.150.813.160)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(29.233.487.887)	(47.642.466.371)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	55.424.073.810	103.163.125.222
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(908.814.012)	(96.585.041)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	25.281.771.911	55.424.073.810

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 71 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON

Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam ("Tổng Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 28/GP/KDBH để ngày 15 tháng 11 năm 2004 do Bộ Tài Chính cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất là số 28/GPĐC5/KDBH được cấp ngày 6 tháng 9 năm 2021.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 13 tháng 3 năm 2006 với mã chứng khoán là VNR.

Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có một công ty con và một công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 4(c) - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Chi tiết như sau:

	Lĩnh vực hoạt động kinh doanh	Nơi thành lập đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ
Công ty con				
Công ty Cổ phần Đầu tư VINARE ("Vinare Invest")	Đầu tư	Hà Nội, Việt Nam	63,9%	63,9%
Công ty liên kết				
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	Bảo hiểm	Hà Nội, Việt Nam	25%	25%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty và công ty con có 98 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 101 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng Công ty và công ty con sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Tổng Công ty và công ty con xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch thu phí nhận tái bảo hiểm, thanh toán phí nhượng tái bảo hiểm, hoa hồng nhận tái/nuôi dưỡng tái bảo hiểm; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá phí nhận tái/nuôi dưỡng tái và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc thu/chi tiền bồi thường; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, chi phí bồi thường, chi phí hoa hồng tái bảo hiểm và các chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có nguồn thu bằng Đồng từ các hoạt động kinh doanh và các khoản tiết kiệm.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo một tỷ giá là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch. Tổng Công ty và công ty con đảm bảo tỷ giá xấp xỉ có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình, và không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của năm tài chính. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua hoặc tỷ giá bán của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng Công ty áp dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nghị quyết và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty và công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng Công ty và công ty con vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng Công ty và công ty con được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong các công ty liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng Công ty và công ty con trong các công ty liên kết, Tổng Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng Công ty và công ty con áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng Công ty và công ty con với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tổng Công ty và công ty con sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải thu của khách hàng về hợp đồng tái bảo hiểm là khoản phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm bao gồm các khoản phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm, phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm, dự thu phí tái lập và các khoản phải thu khác từ nghiệp vụ tái bảo hiểm;
- Phải thu khác của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ngoài hoạt động kinh doanh bảo hiểm; và
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Khi trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của một đối tượng nợ có số dư cả nợ phải thu và nợ phải trả, Tổng Công ty và công ty con căn cứ biên bản đối chiếu công nợ đã gửi đi để trích lập dự phòng trên cơ sở số còn phải thu sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả của đối tượng này. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để mua sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tổng Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

2.10 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, đầu tư vào các quỹ ủy thác có thời điểm tất toán được thống nhất trước với các công ty quản lý quỹ theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Đối với các khoản đầu tư vào các quỹ ủy thác, Ban Tổng Giám đốc lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ một khoản đầu tư cao hơn giá trị của khoản đầu tư đó trên báo cáo giá trị tài sản ròng tại ngày kết thúc năm tài chính do các quỹ ủy thác cung cấp.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(d) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hợp đồng. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

2.12 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4%
Phương tiện vận tải	17%
Thiết bị văn phòng	25%
TSCĐ hữu hình khác	20 - 25%
Phần mềm	20%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư là 25 năm.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.15 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

2.16 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng chưa phân bổ, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty và công ty con. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc.

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ được Tổng Công ty xác định tại thời điểm kết thúc năm tài chính theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với phần dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng (Thuyết minh 2.21(a)) như sau:

Loại hình hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng tái bảo hiểm	
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm
Bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không)	25%	55%
Các loại hình bảo hiểm khác	50%	55%

Đối với các khoản chi phí trả trước khác, các khoản chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải trả liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ không liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.18 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty và công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tổng Công ty và công ty con đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tổng Công ty và công ty con trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty và công ty con chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty và công ty con không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

2.21 Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các giả định và phương pháp mà chuyên gia tính toán được chỉ định của Tổng Công ty xác lập đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê chuẩn và các quy định và hướng dẫn trong:

- Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 (thay thế Thông tư 125/2012/TT-BTC);
- Công văn số 2713/BTC-QLBH do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018. Công văn áp dụng từ năm tài chính 2017;
- Công văn số 2134/BTC-QLBH do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 2 năm 2019. Công văn áp dụng từ năm tài chính 2019;
- Thông tư số 01/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 1 năm 2019 (sửa đổi Thông tư số 50/2017/TT-BTC); và
- Thông tư số 89/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2020 (sửa đổi Thông tư số 50/2017/TT-BTC).

Dự phòng nghiệp vụ của Công ty bao gồm:

(a) Dự phòng phí chưa được hưởng

Tái bảo hiểm phi nhân thọ

Tỷ lệ trích lập quỹ dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được tính trên tổng phí nhận tái và nhượng tái bảo hiểm được quy định như sau:

Loại hình hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng tái bảo hiểm	
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm
Bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không)	25%	55%
Các loại hình bảo hiểm khác	50%	55%

Tái bảo hiểm nhân thọ

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính cho từng hợp đồng tái bảo hiểm nhân thọ.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm nhưng có quy định về thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống, tái tục hàng năm ký trước ngày Thông tư 50/2017/TT-BTC có hiệu lực, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính cho từng hợp đồng tái bảo hiểm nhân thọ.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm sau ngày Thông tư 50/2017/TT-BTC có hiệu lực, Tổng Công ty sẽ trích lập dự phòng toán học theo quy định.

(b) Dự phòng bồi thường

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết: được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp tái bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường ("IBNR") được Tổng Công ty trích lập bằng 5% tổng phí bảo hiểm nhận tái/nhượng tái thuộc năm tài chính đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.21 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(c) Dự phòng dao động lớn

Tổng Công ty thực hiện trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% trên mức phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính.

(d) Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo từng loại hình tái bảo hiểm như sau:

- Tái bảo hiểm sức khỏe: Tổng Công ty thực hiện trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% trên mức phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính.
- Tái bảo hiểm nhân thọ: Tổng Công ty trích lập hàng năm với mức 1% lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp, được trích lập cho đến khi khoản dự phòng này bằng mức 5% của phí nhận tái bảo hiểm nhân thọ thu được trong năm tài chính của Tổng Công ty.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài Chính ban hành bốn (4) chuẩn mực kế toán theo quyết định số 100/2005/QĐ-BTC, trong đó có Chuẩn mực Kế toán số 19 ("VAS 19") - Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, dự phòng đảm bảo cân đối sẽ không cần tiếp tục trích lập vì khoản dự phòng này thể hiện "các yêu cầu bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính".

Tuy nhiên, do Bộ Tài Chính vẫn chưa ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện VAS 19 và theo Nghị định 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2016 hướng dẫn thi hành luật kinh doanh bảo hiểm áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty vẫn tiếp tục trích dự phòng bảo đảm cân đối hàng năm với tỷ lệ đã nêu trên.

(e) Dự phòng toán học

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn bảo hiểm trên 1 năm, dự phòng toán học được trích lập như sau:

- Đối với hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn):
 - Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm: Áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số 1/8;
 - Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm nhưng có quy định về thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống, tái tục hàng năm: Áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính. Trong mọi trường hợp Tổng Công ty phải đảm bảo kết quả trích lập không thấp hơn phương pháp trích lập theo hệ số 1/8.
- Đối với hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày theo công thức tổng quát như sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

2.22 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng được Tổng Công ty xác định tại thời điểm kết thúc năm tài chính theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với phần phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận (Thuyết minh 2.21(a)) như sau:

Loại hình hợp đồng	Thời hạn của hợp đồng tái bảo hiểm	
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm
Bảo hiểm vận chuyển hàng hóa (đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không)	25%	55%
Các loại hình bảo hiểm khác	50%	55%

2.23 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận dựa trên khoản vốn góp thực tế.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty và công ty con tại thời điểm báo cáo.

2.24 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Tổng Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty và công ty con trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Điều 77 của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP đề ngày 1 tháng 7 năm 2016, Tổng Công ty phải trích 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty. Căn cứ vào Nghị quyết số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 25 tháng 4 năm 2013, sửa đổi cho các nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ/2006 đề ngày 28 tháng 4 năm 2006 và số 08/NQ-ĐHĐCĐ/2008 đề ngày 28 tháng 4 năm 2008, quỹ đầu tư phát triển được trích lập với tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế hàng năm và tỷ lệ trích thực tế được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông hàng năm.

(c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.25 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau đây:

- Việc giao kết bằng hợp đồng giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm được xác lập; và
- Bảng thanh toán về nhận tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm.

Việc ghi nhận này được thực hiện theo quy định trong Thông tư 50/2017/TT-BTC đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu phí tái lập. Đây là số tiền mà các nhà nhượng tái bảo hiểm đóng để khôi phục lại tổng mức bồi thường ban đầu. Căn cứ ghi nhận của doanh thu phí tái lập là bảng thanh toán về nhận tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm đối với các tổn thất đã được chi bồi thường. Cuối năm tài chính, Tổng Công ty thực hiện dự thu doanh thu phí tái lập đối với những tổn thất đã xảy ra nhưng chưa được bồi thường.

(b) Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

Thu nhập hoa hồng gồm các khoản thu hoa hồng đã nhận hoặc sẽ nhận từ các công ty nhận tái bảo hiểm. Thu nhập này được tính toán trên cơ sở phí bảo hiểm gộp nhượng tái và được ghi nhận vào cùng kỳ kế toán quý mà phí nhượng tái bảo hiểm tương ứng được ghi nhận.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tổng Công ty và công ty con xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.26 Phí nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản giảm trừ đối với doanh thu nhận tái bảo hiểm đã ghi nhận. Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau đây:

- Việc giao kết bằng hợp đồng giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhận tái bảo hiểm được xác lập; và
- Bảng thanh toán về nhượng tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhận tái bảo hiểm.

Nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm không làm giảm trách nhiệm của Tổng Công ty đối với khách hàng được bảo hiểm trong trường hợp các công ty nhận tái bảo hiểm không có khả năng hoàn thành các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng tái bảo hiểm.

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường, Tổng Công ty ghi nhận phí tái lập phải trả. Đây là số tiền mà nhà nhượng tái bảo hiểm đóng để khôi phục lại tổng mức bồi thường ban đầu. Căn cứ ghi nhận của phí tái lập phải trả là bảng thanh toán về nhượng tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhận tái bảo hiểm đối với các tổn thất đã được chi bồi thường. Cuối năm tài chính, Tổng Công ty thực hiện dự chi phí tái lập phải trả đối với những tổn thất đã xảy ra nhưng chưa được bồi thường.

2.27 Chi phí hoa hồng bảo hiểm

Chi phí hoa hồng là các khoản hoa hồng phải trả cho các đơn vị nhượng tái bảo hiểm cho Tổng Công ty. Các chi phí này tính toán và ghi nhận dựa trên phí nhận tái bảo hiểm khi phát sinh.

2.28 Chi phí bồi thường

Các khoản chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp nhận bồi thường.

2.29 Thu bồi thường từ nhượng tái bảo hiểm

Thu bồi thường từ nhượng tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phát sinh được thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm theo các điều khoản trong thỏa thuận tái bảo hiểm.

2.30 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; lỗ tỷ giá hối đoái.

2.31 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tổng Công ty và công ty con.

2.32 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.33 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty và công ty con, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty và công ty con, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty và công ty con căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.34 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.8, Thuyết minh 6 và Thuyết minh 7) (*);
- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (Thuyết minh 2.16 và Thuyết minh 9 (a));
- Dự phòng nghiệp vụ (Thuyết minh 2.21 và Thuyết minh 18);
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng (Thuyết minh 2.22 và Thuyết minh 15); và
- Doanh thu phí tái lập và phí tái lập phải trả (Thuyết minh 2.25(a), Thuyết minh 2.26 và Thuyết minh 18).

(*) Đối với các khoản phải thu liên quan đến dự án bất động sản, Ban Giám đốc đánh giá thận trọng khả năng thu hồi các tài sản này trong tương lai bằng việc sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền, dựa trên các giả định như: giá bán dự kiến của tài sản, thời gian cần thiết xây dựng và bàn giao tài sản và lãi suất chiết khấu để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền mặt	786.508.519	978.027.728
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.495.263.392	54.446.046.082
	25.281.771.911	55.424.073.810

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 31/12/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND
Cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	173.907.022	-	(173.907.022)	173.907.022	-	(173.907.022)

(b) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 31/12/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	2.338.300.000.000	2.338.300.000.000	-	1.936.500.000.000	1.936.500.000.000	-
Trái phiếu ngắn hạn (ii)	100.000.000.000	(*)	-	10.000.000.000	(*)	-
Ủy thác đầu tư (iii)	117.327.849.488	176.641.270.280	(876.212)	106.740.931.318	131.544.679.778	-
	2.555.627.849.488	(*)	(876.212)	2.053.240.931.318	(*)	-

i. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại các ngân hàng thương mại trong nước với mức lãi suất từ 4,9% đến 7,1%/năm (2020: từ 4,9% đến 8%/năm).

ii. Trái phiếu không niêm yết của các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tính từ ngày lập bảng cân đối kế toán với mức lãi suất từ 7% đến 7,4%/năm (2020: 8,3%/năm).

iii. Các khoản ủy thác đầu tư căn cứ theo các hợp đồng ủy thác ký với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("VCBF") và Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI ("SSIAM"), có thời hạn tất toán cố định theo hợp đồng còn lại dưới 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tổng Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến các tài khoản ủy thác đầu tư. Chi tiết như sau:

	Số dư gốc VND	Chi phí quản lý quỹ ủy thác VND	Số dư trên sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Dự phòng tổn thất VND
SSIAM	70.000.000.000	(60.382.073)	69.939.617.927	69.938.741.715	(876.212)
VCBF	50.000.000.000	(2.611.768.439)	47.388.231.561	106.702.528.565	-
	120.000.000.000	(2.672.150.512)	117.327.849.488	176.641.270.280	(876.212)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 31/12/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất VND
Đầu tư vào công ty liên kết	312.911.750.370	(*)	-	297.645.573.026	(*)	-
Đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	337.701.918.974	(*)	(474.000.291)	357.354.024.845	(*)	-
	650.613.669.344	(*)	(474.000.291)	654.999.597.871	(*)	-

Biến động về đầu tư góp vốn vào công ty liên kết trong năm như sau:

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Số đầu năm	297.645.573.026	274.951.845.713
Phần lợi nhuận sau thuế trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	32.381.023.580	38.838.017.475
Có tức nhận được (Thuyết minh 36(a))	(17.114.846.236)	(16.144.290.162)
Số cuối năm	312.911.750.370	297.645.573.026

Biến động về đầu tư góp vốn vào công ty liên kết trong năm như sau:

Số đầu năm

Phần lợi nhuận sau thuế trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết

Có tức nhận được (Thuyết minh 36(a))

Số cuối năm

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác mà Tổng Công ty và công ty con không có quyền chi phối và không có ảnh hưởng đáng kể. Chi tiết góp vốn có phần như sau:

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 31/12/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất (**) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng tổn thất (**) VND
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	-	-	-	76.046	173.200	-
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện	38.416.000.000	209.817.216.000	-	38.416.000.000	78.236.928.000	-
Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	10.139.800.000	(*)	(474.000.291)	10.139.800.000	(*)	-
Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu	17.600.000.000	(*)	-	17.600.000.000	(*)	-
Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	32.000.000.000	226.176.000.000	-	32.000.000.000	133.760.000.000	-
Công ty CP Bảo hiểm Hưng Vương	30.000.000.000	(*)	-	30.000.000.000	(*)	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	209.546.118.974	1.982.965.692.350	-	229.198.148.799	1.048.901.133.600	-
	337.701.918.974	(*)	(474.000.291)	357.354.024.845	(*)	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Việc lập dự phòng cho khoản đầu tư vào được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ lũy kế của các bên được đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 31/12/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi dài hạn (i)	423.500.000.000	423.500.000.000	1.023.000.000.000	1.023.000.000.000
Trái phiếu dài hạn (ii)	459.490.021.918	(*)	239.100.000.000	(*)
Ủy thác đầu tư (iii)	137.857.003.466	194.394.255.216	78.781.950.523	102.209.875.777
Chứng chỉ quỹ mở của Quỹ đầu tư cổ phiếu triển vọng Bảo Việt	5.000.000.000	(*)	5.000.000.000	(*)
	1.025.847.025.384	(*)	1.345.881.950.523	(*)

i. Các khoản tiền gửi có thời hạn còn lại trên 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại các ngân hàng thương mại trong nước với mức lãi suất từ 5,3% đến 5,6%/năm (năm 2020: từ 4,9% đến 7,1%/năm)

ii. Trái phiếu không niêm yết tại các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam, có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến 5 năm tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 với mức lãi suất từ 6,3% đến 8,5%/năm (năm 2020: từ 6,9% đến 8,5%/năm)

iii. Các khoản ủy thác đầu tư căn cứ theo các hợp đồng ủy thác ký với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("VCBF"), Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF") và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB ("MB Capital"), có thời hạn tất toán cố định theo hợp đồng còn lại trên 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tổng Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến các tài khoản ủy thác đầu tư. Chi tiết như sau:

	Số dư gốc VND	Chi phí quản lý quỹ ủy thác VND	Số dư trên số tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Dự phòng tổn thất VND
BVF	30.000.000.000	(215.691.830)	29.784.308.170	38.771.447.284	-
VCBF	80.000.000.000	(1.523.370.644)	78.476.629.356	122.725.171.367	-
MB Capital	30.000.000.000	(403.934.060)	29.596.065.940	32.897.636.565	-
	140.000.000.000	(2.142.996.534)	137.857.003.466	194.394.255.216	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	574.030.810.370	563.619.791.897
- Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	291.379.969.989	294.365.347.246
- Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	260.129.149.848	245.467.645.205
- Phải thu khác từ nghiệp vụ tái bảo hiểm	22.521.690.533	23.786.799.446
Phải thu khác của khách hàng	888.247.973	414.854.999
	574.919.058.343	564.034.646.896

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Dự thu lãi tiền gửi ngắn hạn	107.237.858.353	75.219.600.002
Dự thu lãi trái phiếu ngắn hạn	7.432.630.137	1.771.630.137
Phí nhận tái bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm gốc giữ lại	28.310.364.354	20.366.418.458
Góp vốn đầu tư tại dự án Tincom Plaza (i)	43.414.421.304	53.513.866.700
Phải thu vốn gốc dự án Contrexim Complex (ii)	7.500.000.000	7.500.000.000
Phải thu lãi dự án Contrexim Complex (ii)	2.577.541.667	2.577.541.667
Phải thu nợ dự án Hà Nội Paragon (iii)	2.345.742.517	3.745.742.517
Khác	959.320.414	1.400.672.471
	199.777.878.746	166.095.471.952
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
- Dự án Comtrexim Complex (ii)	(10.077.541.667)	(10.077.541.667)
- Dự án Hà Nội Paragon (iii)	(2.345.742.517)	(2.622.019.762)
	(12.423.284.184)	(12.699.561.429)
	187.391.544.994	153.395.910.523

(i) Dự án Tincom Plaza

Số dư thể hiện khoản đầu tư của Tổng Công ty và công ty con theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 02/2010/HĐĐC-Tincom Plaza để ngày 1 tháng 7 năm 2010 giữa công ty con và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long ("Công ty Thăng Long", "Chủ đầu tư") để xây dựng Dự án Tincom Plaza (nay là Dự án Skyview Plaza) ("Dự án") tại Số 360 đường Giải Phóng, Thành phố Hà Nội.

Tổng số tiền công ty con đầu tư vào Dự án là 60.149.250.000 Đồng trong đó Tổng Công ty góp 7.134.674.895 Đồng và các nhà đầu tư khác góp 53.014.575.105 Đồng. Tuy nhiên, Chủ đầu tư đã trì hoãn việc xây dựng Dự án trong thời gian dài và đã ngừng thi công tòa nhà HH3 từ năm 2019 khi đã xây đến tầng 14 do gặp khó khăn về tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(i) Dự án Tincom Plaza (tiếp theo)

Theo Quyết định số 02/2018/QĐ-HĐQT đề ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con đã quyết định dừng đầu tư vào dự án này và khởi kiện Chủ đầu tư.

Theo Quyết định số 14/2019/QĐST-KDTM của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân đề ngày 15 tháng 11 năm 2019 ("Quyết định số 14"), Công ty Thăng Long có nghĩa vụ thanh toán cho công ty con tổng số tiền là 126.376.061.750 Đồng (bao gồm 60.149.250.000 Đồng nợ gốc và 66.226.811.750 Đồng nợ lãi tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2019) bằng tiền hoặc bằng hình thức chuyển nhượng các căn hộ thuộc Dự án để trừ nợ cho công ty con.

Tại ngày 30 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 8 năm 2020, Công ty Thăng Long và công ty con ký thỏa thuận thanh toán công nợ, theo đó Công ty Thăng Long thực hiện phương thức chuyển giao 65 căn hộ (bao gồm 7 căn hộ đã hoàn thiện thuộc tòa nhà HH2 và 58 căn hộ chưa xây dựng xong thuộc tòa nhà HH3) với tổng giá trị tương ứng là 117.880.956.550 Đồng. Nếu Công ty Thăng Long không hoàn trả toàn bộ khoản nợ thì sẽ phải trả lãi trên số tiền chậm trả từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cho tới ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với lãi suất là 13,5%/năm.

Vào các ngày 10 tháng 1 năm 2020 và ngày 31 tháng 8 năm 2020, công ty con và Công ty Thăng Long đã ký 65 Hợp đồng mua bán căn hộ ("HĐMBCH"), với tổng giá trị là 117.880.956.550 Đồng (trong đó giá trị chuyển nhượng của 7 HĐMBCH tại tòa HH2 là 17.687.716.550 và 58 HĐMBCH tại tòa HH3 là 100.193.240.000 Đồng). Các HĐMBCH này chưa xác lập quyền sở hữu các căn hộ đối với công ty con cho đến khi công ty con thanh toán đầy đủ giá bán căn hộ và các khoản thanh toán khác theo hợp đồng.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, toàn bộ 7 HĐMBCH tại tòa HH2 đã được công ty con ký hợp đồng chuyển nhượng cho bên thứ ba. 58 căn hộ tại tòa HH3 còn lại chưa được bàn giao cho công ty con vì tòa nhà HH3 chưa xây xong. Đối với các HĐMBCH thuộc tòa HH3 này, công ty con sẽ cân tiếp tục thanh toán thêm 30% giá trị theo hợp đồng với tổng số tiền là 42.939.960.000 Đồng, trong đó: 25% giá trị tương đương 35.783.300.000 Đồng để đủ điều kiện bàn giao và 5% giá trị tương đương 7.156.660.000 Đồng khi công ty con được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty Thăng Long và công ty con đã ký Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ và tính thêm phần nợ lãi phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Theo đó số công nợ còn lại mà Công ty Thăng Long phải trả bằng tiền theo cam kết là 15.645.957.604 Đồng (gồm 8.495.105.200 Đồng gốc và 7.150.852.404 Đồng lãi) (Thuyết minh 39).

Theo các hợp đồng mua bán căn hộ giữa công ty con và Công ty Thăng Long và văn bản số 85/2020/CV-TL của Công ty Thăng Long gửi công ty con đề ngày 21 tháng 12 năm 2020, việc xây dựng của tòa nhà HH3 sẽ được tiếp tục vào tháng 3 năm 2021. Tiến độ bàn giao 58 căn hộ của tòa nhà HH3 theo hợp đồng với Chủ đầu tư là 27 căn vào ngày 25 tháng 3 năm 2022 và 31 căn còn lại vào ngày 25 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, cho đến nay, tòa nhà HH3 vẫn chưa được tiếp tục xây dựng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tất cả 58 căn hộ HH3 chưa được bàn giao cho công ty con nên khoản đầu tư gốc này được phản ánh là khoản phải thu với giá trị gốc là 43.414.421.304 Đồng sau khi trừ giá chuyển nhượng 4 HĐMBCH tại tòa HH2 trong năm 2021 và 3 HĐMBCH tại tòa HH2 trong năm 2020. Tổng Công ty và công ty con sẵn sàng chuyển nhượng các HĐMBCH hình thành trong tương lai này để thu hồi vốn.

Giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu gốc này được Ban Tổng Giám đốc xác định bằng cách bù trừ với giá trị hợp lý của các căn hộ sẽ được Chủ đầu tư bàn giao cho công ty con khi tòa nhà HH3 được xây dựng hoàn thành và trên cơ sở Tổng Công ty và công ty con sẽ thanh toán thêm 25% giá trị căn hộ theo hợp đồng, tương đương 35.783.300.000 Đồng đối với các căn hộ thuộc tòa HH3 để đủ điều kiện bàn giao và 5% giá trị căn hộ, tương đương 7.156.660.000 Đồng khi công ty con được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 495-21/CT-ĐG/VAE đề ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam ("Công ty thẩm định giá"), giá trị được thẩm định của 58 HĐMBCH này được ước tính là 67.423.000.000 Đồng theo phương pháp chiết khấu dòng tiền. Dựa trên kết quả thẩm định này, Ban Tổng Giám đốc đã rà soát và đánh giá lại giá trị của các HĐMBCH từ 31.600.000 đồng/m2 (mức giá do Công ty thẩm định giá định) xuống 28.000.000 đồng/m2 (mức giá đã ký HĐMBCH tại tòa HH3 thực tế của công ty con với Chủ đầu tư) và điều chỉnh giảm giá trị được thẩm định xuống còn 56.556.471.948 Đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, giá trị hợp lý của 58 HĐMBCH tại tòa HH3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 ước tính cao hơn giá trị phải thu gốc 43.414.421.304 Đồng đang được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó không trích lập dự phòng cho khoản phải thu gốc này.

Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá rằng khả năng thu hồi khoản lãi 73.377.664.154 Đồng là chưa chắc chắn nên khoản lãi này được trình bày là Tài sản tiềm tàng (Thuyết minh 39 - Tài sản tiềm tàng) trên báo cáo tài chính hợp nhất.

(ii) Dự án Contrexim Complex

Theo Hợp đồng số 0911210/HĐKT đề ngày 10 tháng 12 năm 2009 giữa công ty con và Công ty Cổ phần Đầu tư Việt San ("Công ty Việt San") về việc góp vốn để đầu tư vào dự án Contrexim Complex, công ty con được quyền phân chia các sản phẩm của dự án.

Trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2010, nếu công ty con không có nhu cầu nhận phân chia số sản phẩm tương ứng với số vốn góp thì công ty con được quyền bán cho Công ty Việt San. Tuy nhiên, vào ngày 4 tháng 11 năm 2010, công ty con đã có Công văn số 38/2010/HTĐT thông báo về việc chấm dứt hợp đồng góp vốn, nhượng lại quyền mua cho Công ty Việt San. Công ty con đã khởi kiện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Công ty Việt San để thu hồi khoản phải thu này từ Công ty Việt San.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, công ty con vẫn chưa thu hồi được khoản đầu tư bao gồm cả gốc và lãi là 10.077.541.667 Đồng này. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản phải thu này là nợ khó đòi và công ty con đã trích lập dự phòng 100% cho khoản phải thu này (Thuyết minh 7 và 8).

(iii) Dự án Hà Nội Paragon

Đây là số dư nợ mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VT còn phải trả công ty con sau khi cần trừ công nợ bằng căn hộ tại dự án Hà Nội Paragon - Khu đô thị Dịch Vọng Hậu. Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VT đã thanh toán 1.400.000.000 Đồng. Công ty con đã lập dự phòng 100% cho số dư còn lại của khoản phải thu này (Thuyết minh 7 và Thuyết minh 8).

(b) Dài hạn

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Dự thu lãi tiền gửi dài hạn	3.936.008.219	14.303.139.726
Dự án Tincom City (*)	7.858.333.333	7.858.333.333
	11.794.341.552	22.161.473.059

(*) Thể hiện số tiền gốc và lãi của Vinare Invest đã góp liên quan đến việc hợp tác và khai thác sản phẩm tại dự án Tincom City Plaza với Công ty Thăng Long tại địa chỉ số 360 Đường Giải Phóng. Công ty con sẽ được nhận một lô đất thấp tầng có diện tích bằng 101,1 m2 sau khi có phê duyệt điều chỉnh quy hoạch dự án.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các thủ tục pháp lý đảm bảo điều kiện chuyển nhượng của lô đất dự án chưa được hoàn thiện do phía Chủ đầu tư thay đổi quy hoạch.

Theo chứng thư thẩm định giá số 200517/CT-VNVC đề ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Việt Nam, giá trị thẩm định của lô đất này là 10.740.037.212 Đồng (bao gồm thuế GTGT). Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị mà Tổng Công ty và công ty con có thể thu được từ lô đất này cao hơn giá trị ghi sổ của khoản phải thu này. Do đó, không trích lập dự phòng cho khoản phải thu này trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

7 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN

Tại ngày 31/12/2021						
	Số dư phải thu khách hàng đã quá hạn VND	Số dư phải trả người bán VND	Số dư phải thu khách hàng thuần đã quá hạn VND	Dự phòng tổn thất VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng						
1) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	7.002.887.107	(362.323.432)	6.640.563.675	(6.246.237.746)	394.325.929	
2) Willis (Singapore) Pte Ltd	4.910.565.739	(3.141.867.412)	1.768.698.327	(1.737.119.825)	31.578.502	
3) J.B.Boda & Co Ltd	1.778.990.751	(277.035.830)	1.501.954.921	(1.501.954.921)	-	
4) Best Reinsurance	1.823.108.170	(280.834.220)	1.542.273.950	(1.176.933.648)	365.340.302	
5) Khác	13.598.376.752	(9.881.096.671)	3.717.280.081	(2.696.201.904)	1.021.078.177	
	29.113.928.519	(13.943.157.565)	15.170.770.954	(13.358.448.044)	1.812.322.910	
Phải thu ngắn hạn khác						
1) Dự án Comtrexim Complex	10.077.541.667	-	-	(10.077.541.667)	-	
2) Dự án Hà Nội Paragon	2.345.742.517	-	-	(2.345.742.517)	-	
	12.423.284.184	-	-	(12.423.284.184)	-	
Tổng số dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng				(25.781.732.228)		

Tại ngày 31/12/2020						
	Số dư phải thu khách hàng đã quá hạn VND	Số dư phải trả người bán VND	Số dư phải thu khách hàng thuần đã quá hạn VND	Dự phòng tổn thất VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng						
1) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	6.338.175.073	(364.391.214)	5.973.783.859	(5.142.121.071)	831.662.788	
2) Willis (Singapore) Pte Ltd	9.032.237.681	(2.010.899.783)	7.021.337.898	(6.758.122.294)	263.215.604	
3) Tổng Công ty CP Bảo hiểm Xuân Thành	9.156.880.622	(6.311.616.731)	2.845.263.891	(1.082.919.165)	1.762.344.726	
4) Tổng Công ty bảo hiểm PVI	1.690.331.228	(661.095.787)	1.029.235.441	(1.019.142.310)	10.093.131	
5) Khác	11.044.918.540	(6.614.703.756)	4.430.214.784	(3.251.754.311)	1.178.459.473	
	37.262.543.144	(15.962.707.271)	21.299.835.873	(17.254.059.151)	4.045.775.722	
Phải thu ngắn hạn khác						
1) Dự án Comtrexim Complex	10.077.541.667	-	-	(10.077.541.667)	-	
2) Dự án Hà Nội Paragon	3.745.742.517	-	-	(2.622.019.762)	1.123.722.755	
	13.823.284.184	-	-	(12.699.561.429)	1.123.722.755	
Tổng số dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng				(29.953.620.580)		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

8 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Căn hộ B0303	4.065.155.091	(607.151.091)	4.065.155.091	(607.151.091)
Căn hộ B0601	-	-	4.046.033.727	(450.498.227)
Căn hộ B0603	-	-	4.065.155.091	(607.151.091)
Căn hộ B1101	-	-	4.261.046.455	(520.374.455)
Căn hộ B1103	-	-	4.281.202.364	(680.644.364)
Căn hộ B12A03	-	-	4.065.155.091	(607.151.091)
Căn hộ B2101	4.281.361.909	(527.482.909)	4.281.361.909	(527.482.909)
Căn hộ B2103	-	-	3.915.431.455	(302.039.455)
Căn hộ B2704 (*)	3.915.431.455	(244.631.455)	3.915.431.455	(244.631.455)
Căn hộ 12A04	-	-	4.039.917.818	-
Căn hộ B1804	-	-	-	-
Khác	23.480.404	-	29.010.465	-
	12.285.428.859	(1.379.265.455)	40.964.900.921	(4.547.124.138)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.379.265.455)		(4.547.124.138)	
	10.906.163.404		36.417.776.783	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, hàng tồn kho là giá trị ba căn hộ mà công ty con nhận để cấn trừ công nợ từ Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại VT, được ghi nhận theo giá gốc là 12.285.428.859 Đồng, thuộc sở hữu của công ty con tại dự án Hà Nội Paragon - Khu đô thị Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Theo báo cáo thẩm định giá số 200453/CT-VNVC đề ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Việt Nam, theo đó giá trị thẩm định của ba căn hộ này ước tính là 10.606.570.077 Đồng. Tuy nhiên, dựa trên giá bán thực tế của các căn hộ khác tại dự án Hà Nội Paragon này trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khác biệt trọng yếu đối với giá trị gốc của ba căn hộ này so với giá trị theo chứng thư thẩm định giá nêu trên cũng như giá bán thực tế trong năm, do đó không trích lập thêm dự phòng giảm giá cho khoản mục tồn kho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(*) Ngày 15 tháng 12 năm 2021, Vinare Invest đã gửi Đơn tới Tòa án Nhân dân Quận Hai Bà Trưng để khởi kiện người mua căn hộ B2704. Người mua này mới chỉ thanh toán khoản ứng trước 1.262.700.000 Đồng, tương đương 30% giá trị trên hợp đồng mua bán căn hộ và chưa thực hiện đầy đủ các thanh toán đến hạn theo hợp đồng để đủ điều kiện bàn giao căn hộ. Tại ngày ký báo cáo tài chính này, Vinare Invest đang chờ phản hồi từ Tòa án.

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	453.183.431.245	580.190.581.169
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	101.374.228	-
	453.284.805.473	580.190.581.169

(*) Biến động về chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Số dư đầu năm	580.190.581.169	406.888.443.007
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	922.227.779.184	1.176.148.398.120
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm (thuyết minh 25)	(1.049.234.929.108)	(1.002.846.259.958)
Số dư cuối năm	453.183.431.245	580.190.581.169

(b) Dài hạn

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Chi phí ủy thác đầu tư dài hạn	-	4.477.118.159
Chi phí trả trước dài hạn khác	964.663.623	1.092.522.429
	964.663.623	5.569.640.588



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1/1/2021	18.354.529.037	3.033.957.071	7.704.237.247	888.174.299	29.980.897.654
Mua trong năm	-	-	844.618.417	36.050.000	880.668.417
Thanh lý	-	-	(150.700.000)	-	(150.700.000)
Tại ngày 31/12/2021	18.354.529.037	3.033.957.071	8.398.155.664	924.224.299	30.710.866.071
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1/1/2021	(11.728.955.538)	(2.990.342.071)	(6.858.344.934)	(382.969.035)	(21.960.611.578)
Khấu hao trong năm	(694.958.023)	(13.420.000)	(281.585.150)	(142.941.153)	(1.132.904.326)
Thanh lý	-	-	146.314.583	-	146.314.583
Tại ngày 31/12/2021	(12.423.913.561)	(3.003.762.071)	(6.993.615.501)	(525.910.188)	(22.947.201.321)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1/1/2021	6.625.573.499	43.615.000	845.892.313	505.205.264	8.020.286.076
Tại ngày 31/12/2021	5.930.615.476	30.195.000	1.404.540.163	398.314.111	7.763.664.750

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 10.251.005.603 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.359.605.603 Đồng).

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1/1/2021	32.434.195.934
Tại ngày 31/12/2021	32.434.195.934
Giá trị khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1/1/2021	(32.434.195.934)
Tại ngày 31/12/2021	(32.434.195.934)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1/1/2021	-
Tại ngày 31/12/2021	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 32.434.195.934 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 32.434.195.934 Đồng).

11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Bất động sản đầu tư cho thuê VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1/1/2021	34.055.061.893
Tại ngày 31/12/2021	34.055.061.893
Giá trị khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1/1/2021	(26.023.631.735)
Khấu hao trong năm	(1.621.568.721)
Tại ngày 31/12/2021	(27.645.200.456)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1/1/2021	8.031.430.158
Tại ngày 31/12/2021	6.409.861.437

Bất động sản đầu tư thể hiện phần giá trị của tòa nhà số 141 Lê Duẩn tương ứng với phần diện tích cho thuê lại.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên chưa trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

12 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Dự án 142 Định Công (*)	14.036.123.679	14.036.123.679

(*) Thể hiện khoản góp vốn đầu tư thực hiện dự án xây dựng khu nhà ở, dịch vụ và thương mại tại địa chỉ số 142 Định Công giữa Tổng Công ty, công ty con và Công ty Cổ phần Viễn thông - Tín hiệu Đường sắt, theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 25/2021/HĐHTKD để ngày 25 tháng 7 năm 2011 và Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư để ngày 28 tháng 10 năm 2017.

Dự án đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đồng ý về quy hoạch kiến trúc dự án theo đề xuất của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Công văn số 1369/VP-ĐT của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội để ngày 23 tháng 2 năm 2018.

Ngày 18 tháng 1 năm 2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội đã có Công văn 96/TB-KH&ĐT gửi Vinare Invest về việc thông báo giải quyết hồ sơ đề nghị chủ trương đầu tư dự án "Công trình hỗn hợp dịch vụ, thương mại, văn phòng, nhà ở tại số 142 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội". Theo Công văn này, hồ sơ dự án đã cơ bản đủ điều kiện để tổng hợp và báo cáo UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt chủ trương theo quy định tuy nhiên dự án hiện đang thuộc đối tượng phải rà soát việc chuyển đổi và sử dụng mục đích sử dụng đất theo chỉ đạo của UBND Thành phố Hà Nội ngày 2 tháng 1 năm 2019, hiện đang được các Sở ngành của thành phố tổ chức thực hiện. Sau khi có kết quả rà soát trên địa bàn thành phố Hà Nội theo kế hoạch nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục hướng dẫn Vinare Invest hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Mặc dù chưa có kết quả về việc rà soát nói trên, Ban Tổng giám đốc Vinare tin tưởng rằng dự án này sẽ được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không lập dự phòng cho khoản mục này.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	482.821.864.066	580.352.904.664
- Phải trả hoạt động nhận tái bảo hiểm	169.184.689.062	238.830.722.156
- Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	311.368.408.837	340.584.747.561
- Phải trả khác về nghiệp vụ tái bảo hiểm	2.268.766.167	937.434.947
Phải trả khác cho người bán	988.853.832	1.163.305.361
- Phải trả khác	988.853.832	1.163.305.361
	483.810.717.898	581.516.210.025

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực thu/ thực nộp/ bù trừ trong năm VND	Tại ngày 31/12/2021 VND
a) Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước				
Thuế GTGT	5.203.765.395	158.329.325	(3.586.178.024)	1.775.916.696
b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT	51.667.659	4.338.432.063	(4.313.350.044)	76.749.678
Thuế TNCN	331.655.069	8.254.543.476	(8.115.595.792)	470.602.753
Thuế TNDN	15.786.475.549	77.181.859.898	(76.260.650.384)	16.707.685.063
Thuế khác	50.239.627	1.008.832.325	(885.978.274)	173.093.678
	16.220.037.904	90.783.667.762	(89.575.574.494)	17.428.131.172

15 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
(a) Ngắn hạn		
Phí nhượng tái bảo hiểm giữ lại	23.477.631.391	15.215.855.236
Phải trả cho các nhà đầu tư cùng góp vốn tại dự án Ticom Plaza (Thuyết minh 7)	15.794.143.115	22.641.503.475
Phải trả cho các nhà đầu tư cùng góp vốn tại dự án Hà Nội Paragon (Thuyết minh 8)	1.486.757.941	5.915.459.941
Phải trả cho các nhà đầu tư cùng góp vốn tại dự án 142 Định Công (Thuyết minh 12)	646.765.000	646.765.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.282.283.625	7.009.488.920
	49.687.581.072	51.429.072.572
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng (*)	99.311.540.367	102.957.752.564
	148.999.121.439	154.386.825.136
(b) Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	990.626.744	1.503.228.380
	149.989.748.183	155.890.053.516



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

15 PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(*) Biến động về doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Số dư đầu năm	102.957.752.564	111.386.015.883
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	201.471.305.838	208.502.556.869
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng đã phân bổ vào doanh thu trong năm	(205.117.518.035)	(216.930.820.188)
Số dư cuối năm	99.311.540.367	102.957.752.564

16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Dự phòng phí tái lập phải trả	25.929.549.564	21.468.757.438

17 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Số dư đầu năm	22.690.170.128	18.970.301.148
Tăng trong năm (Thuyết minh 20)	10.049.971.952	10.978.640.823
Sử dụng trong năm	(6.651.906.988)	(7.258.771.843)
Số dư cuối năm	26.088.235.092	22.690.170.128

18 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	1.095.520.329.811	1.196.704.406.560
Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.857.062.704.442	1.636.743.500.588
<i>Trong đó:</i>		
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết ("OSLR")	1.744.754.694.601	1.514.358.242.545
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR")	112.308.009.841	122.385.258.043
Dự phòng dao động lớn	184.764.272.789	172.065.103.211
	3.137.347.307.042	3.005.513.010.359

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

	Dự phòng bồi thường/ dự phòng phí nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường/ dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường/ dự phòng phí nhận tái bảo hiểm thuần VND
Dự phòng bồi thường	1.857.062.704.442	(1.136.803.651.638)	720.259.052.804
<i>Trong đó</i>			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1.744.754.694.601	(1.088.186.222.287)	656.568.472.314
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo	112.308.009.841	(48.617.429.351)	63.690.580.490
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.095.520.329.811	(480.852.069.331)	614.668.260.480
	2.952.583.034.253	(1.617.655.720.969)	1.334.927.313.284

Trong đó chi tiết biến động các khoản dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần VND
Số dư đầu năm	1.636.743.500.588	(992.398.866.592)	644.344.633.996
Số tăng/(giảm) trong năm	220.319.203.854	(144.404.785.046)	75.914.418.808
Số dư cuối năm	1.857.062.704.442	(1.136.803.651.638)	720.259.052.804

Dự phòng phí chưa được hưởng	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm thuần VND
Số dư đầu năm	1.196.704.406.560	(470.264.225.140)	726.440.181.420
Số tăng/(giảm) trong năm (Thuyết minh 22 và 23)	(101.184.076.749)	(10.587.844.191)	(111.771.920.940)
Số dư cuối năm	1.095.520.329.811	(480.852.069.331)	614.668.260.480

(b) Dự phòng dao động lớn

	2021 VND	2020 VND
I. Hoạt động chính		
Số dư đầu năm	162.775.905.203	147.884.005.692
Số tăng trong năm	12.699.169.578	14.891.899.511
Số sử dụng trong năm	-	-
II. Hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp		
Số dư đầu năm	9.289.198.008	9.289.198.008
Số tăng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	184.764.272.789	172.065.103.211



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu phổ thông	31/12/2020 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	150.737.130	131.075.937
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	150.737.130	131.075.937
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	150.737.130	131.075.937

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021		31/12/2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.507.371.300.000	100,00	1.310.759.370.000	100,00
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước ("SCIC")	608.419.402.500	40,36	529.060.350.000	40,36
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re	376.843.373.500	25,00	327.689.890.000	25,00
Tập đoàn Bảo Việt	138.308.430.000	9,18	120.268.200.000	9,18
Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt	120.699.400.000	8,01	104.956.000.000	8,01
Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh	96.916.355.000	6,43	84.275.100.000	6,43
Các cổ đông tổ chức khác	101.115.159.000	6,70	111.619.330.000	8,52
Các cổ đông cá nhân khác	65.069.180.000	4,32	32.890.500.000	2,51
Thặng dư vốn cổ phần	369.756.607.309		566.368.537.309	
Tổng	1.877.127.907.309		1.877.127.907.309	

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1/1/2020	1.310.759.370.000	566.368.537.309	211.573.836.051	131.075.937.000	852.773.676.716	34.790.314.469	3.107.341.671.545
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	312.244.294.056	(1.172.504.195)	311.071.789.861
Phân bổ lợi nhuận vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	(10.978.640.823)	-	(10.978.640.823)
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	(262.151.874.000)	-	(262.151.874.000)
Tại ngày 31/12/2020 (iv)	1.310.759.370.000	566.368.537.309	211.573.836.051	131.075.937.000	891.887.455.949	33.617.810.274	3.145.282.946.583
Tăng vốn trong năm (i)	196.611.930.000	(196.611.930.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	346.949.022.171	106.655.850	347.055.678.021
Trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	16.629.510.699	(16.629.510.699)	-	-
Phân bổ lợi nhuận vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii) (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	(10.049.971.952)	-	(10.049.971.952)
Chia cổ tức cho cổ đông (iii)	-	-	-	-	(196.613.905.500)	-	(196.613.905.500)
Hoàn nhập trích lập Quỹ đầu tư phát triển năm 2019 (iv)	-	-	(5.496.214.773)	-	5.496.214.773	-	-
Tại ngày 31/12/2021	1.507.371.300.000	369.756.607.309	206.077.621.278	147.705.447.699	1.021.039.304.742	33.724.466.124	3.285.674.747.152



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(i) Thực hiện Nghị quyết số 08/2021/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐQT đề ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty đã hoàn thành bổ sung vốn điều lệ bằng cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, với tỷ lệ 15% tương ứng số tiền 196.611.930.000 Đồng. Ngày 6 tháng 9 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC5/KDBH, theo đó phê chuẩn vốn điều lệ mới của Tổng Công ty là 1.507.371.300.000 Đồng;

(ii) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 25 tháng 4 năm 2013 đã thông qua việc sửa đổi một số quy định về phân phối lợi nhuận, trong đó quỹ phúc lợi được tính bằng một tháng lương thực hiện và quỹ khen thưởng tối đa được trích hàng năm bằng 1,5% lợi nhuận sau thuế nhưng mức tối đa không vượt quá hai tháng lương thực hiện trong năm. Tổng Công ty đã tạm phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 với số tiền là 10.049.971.952 Đồng, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 24 tháng 3 năm 2021. Quyết định cuối cùng về phân phối lợi nhuận năm 2021 sẽ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông năm 2022.

(iii) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 24 tháng 3 năm 2021 đã thông qua quyết định chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%, tương đương số tiền 196.613.905.500 Đồng.

(iv) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 10/2020/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 11 tháng 6 năm 2020 đã phê duyệt việc hoàn nhập trích lập Quỹ đầu tư phát triển năm 2019 với số tiền 5.496.214.773 Đồng. Tổng Công ty đã thực hiện việc hoàn nhập này trong năm 2021.

21 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	346.949.022.171	312.244.294.056
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.049.971.952)	(8.978.640.823)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	336.899.050.219	303.265.653.233
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	150.737.130	131.075.937
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.235	2.314

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

22 DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	2021 VND	2020 VND
Phí nhận tái bảo hiểm	2.285.708.010.022	2.474.291.508.984
Bảo hiểm tai nạn con người	517.665.591.362	835.201.664.655
Bảo hiểm tài sản, cháy nổ	724.046.283.375	695.839.542.148
Bảo hiểm kỹ thuật	313.263.514.667	249.420.568.501
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	304.049.023.683	288.072.338.209
Bảo hiểm thân tàu và P&I	257.135.738.212	244.940.290.411
Bảo hiểm hàng hóa	142.477.217.184	125.983.968.432
Bảo hiểm hàng không	8.647.091.583	5.630.879.254
Bảo hiểm K-Care	6.636.496.041	7.264.476.623
Bảo hiểm nông nghiệp	6.524.480.524	3.870.086.921
Bảo hiểm năng lượng	3.134.731.395	3.123.922.775
Bảo hiểm tàu cá	1.257.630.549	13.675.726.722
Bảo hiểm nhân thọ	870.211.447	1.268.044.333
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(39.547.813.231)	(26.586.348.153)
(Giảm)/tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc (Thuyết minh 18(a))	(101.184.076.749)	119.182.423.369
	2.347.344.273.540	2.328.522.737.462

23 PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	2021 VND	2020 VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	979.800.605.275	958.330.948.151
Bảo hiểm tài sản, cháy nổ	432.366.188.836	418.070.061.172
Bảo hiểm kỹ thuật	129.440.038.789	111.414.050.053
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	206.024.021.718	221.041.762.796
Bảo hiểm thân tàu và P&I	170.253.887.132	163.913.715.448
Bảo hiểm hàng hóa	26.327.801.820	25.259.554.088
Bảo hiểm hàng không	6.094.413.349	3.428.025.266
Bảo hiểm K-Care	2.485.250.555	2.717.556.600
Bảo hiểm nông nghiệp	3.769.511.460	2.935.880.433
Bảo hiểm năng lượng	2.622.576.422	2.861.960.663
Bảo hiểm tàu cá	416.915.194	6.688.381.632
Thu hoàn phí nhượng tái bảo hiểm	(6.416.742.322)	(7.531.266.508)
Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 18(a))	10.587.844.191	(37.883.427.442)
	962.796.018.762	988.683.109.085



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

24 TỔNG CHI PHÍ BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	2021 VND	2020 VND
Chi bồi thường	856.127.582.862	950.313.250.918
Bảo hiểm tai nạn con người	2.329.608.972	25.607.737.106
Bảo hiểm tài sản, cháy nổ	278.824.006.856	264.861.892.401
Bảo hiểm kỹ thuật	101.904.659.424	124.279.312.926
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	216.189.213.139	248.013.170.459
Bảo hiểm thân tàu và P&I	199.047.688.121	160.472.179.953
Bảo hiểm hàng hóa	41.202.282.906	45.135.491.764
Bảo hiểm hàng không	6.714.535.499	2.788.359.754
Bảo hiểm K-Care	204.750.000	2.172.625.000
Bảo hiểm nông nghiệp	1.112.111.924	25.818.521.144
Bảo hiểm năng lượng	(94.235.229)	17.545.697.688
Bảo hiểm tàu cá	8.529.014.710	33.444.097.253
Bảo hiểm nhân thọ	163.946.540	174.165.470
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	548.472.453.322	579.287.329.344
Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm (*)	220.319.203.854	46.237.188.587
Tăng khác dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	43.494.134.228	13.634.613.170
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (*)	144.404.785.046	10.296.136.613
Tăng/(giảm) khác dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	36.377.715.257	(10.190.600.386)
	390.685.967.319	430.792.187.104

(*) Ngoài việc phản ánh số liệu tăng, giảm của dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (chỉ tiêu 192) và dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm (chỉ tiêu 329.2), các chỉ tiêu này còn phản ánh dự phòng bồi thường nhận và nhượng tái bảo hiểm cho các tổn thất đã được thông báo, ghi nhận và thanh toán của các hợp đồng Sirius và KRIC cho các nghiệp vụ bảo hiểm tài sản và kỹ thuật.

25 CHI HOA HỒNG BẢO HIỂM

	2021 VND	2020 VND
Bảo hiểm tai nạn con người	665.799.704.453	623.596.590.586
Bảo hiểm tài sản, cháy nổ	170.453.463.883	163.454.416.990
Bảo hiểm kỹ thuật	84.881.303.418	69.875.621.371
Bảo hiểm nghiệp vụ hỗn hợp	56.303.931.066	68.780.164.945
Bảo hiểm thân tàu và P&I	28.654.879.273	30.035.009.205
Bảo hiểm hàng hóa	37.121.861.524	36.915.703.205
Bảo hiểm hàng không	875.155.745	706.350.710
Bảo hiểm K-Care	1.912.691.889	2.214.757.578
Bảo hiểm nông nghiệp	795.318.935	1.001.880.903
Bảo hiểm năng lượng	181.142.337	189.618.810
Bảo hiểm tàu cá	2.221.454.140	6.038.367.235
Bảo hiểm nhân thọ	34.022.445	37.778.420
	1.049.234.929.108	1.002.846.259.958

26 CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	2021 VND	2020 VND
Chi khác nhận tái bảo hiểm	22.713.553.164	26.738.533.882
Trong đó:		
- Chi môi giới hợp đồng tái bảo hiểm	12.569.021.299	11.523.022.450
- Thường do không phát sinh bồi thường	7.302.104.054	9.085.850.901
- Chi khác	2.842.427.811	6.129.660.531
Chi khác nhượng tái bảo hiểm	773.352.070	9.891.987.101
	23.486.905.234	36.630.520.983

27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	177.000.783.321	200.736.912.330
Lãi kinh doanh chứng khoán	88.298.015.329	104.499.665.799
Cổ tức và lợi nhuận được chia (*)	6.186.225.600	11.502.230.400
Lãi từ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	67.134.449.181	22.453.169.773
Lãi trái phiếu	27.751.655.251	19.703.664.383
Lãi ủy thác đầu tư	73.740.354.832	6.598.277.037
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	84.800.875	92.928.034
	440.196.284.389	365.586.847.756

(*) Chi tiết khoản cổ tức mà Tổng Công ty nhận được trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn	1.280.000.000	6.400.000.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện	3.556.224.000	3.556.224.000
Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Hùng Vương	1.350.000.000	-
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu	-	880.000.000
Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	-	665.988.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	1.600	18.400
	6.186.225.600	11.502.230.400



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

28 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	64.641.782.999	21.235.488.248
Chi phí hoạt động ủy thác đầu tư	18.119.779.506	8.119.068.784
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư	474.876.503	(2.630.970.980)
Chi phí hoạt động hoán đổi ngoại tệ	-	2.545.907.973
Chi phí tài chính khác	12.680.616.666	12.536.914.292
	95.917.055.674	41.806.408.317

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên, chuyên gia	65.457.765.671	58.125.393.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.416.434.214	10.255.497.303
Chi phí giao dịch, hội nghị, quảng cáo	4.997.855.024	5.020.652.552
Chi các khoản thuế, phí, lệ phí	2.958.712.558	2.906.569.603
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(3.895.611.107)	2.343.764.414
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.526.086.137	849.246.571
Chi phí văn phòng	1.132.904.326	589.952.456
Chi phí quản lý khác	5.925.048.341	4.566.653.403
	89.519.195.164	84.657.729.594

30 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2021 VND	2020 VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.476.106.971.239	1.485.160.867.556
Chi phí nhân viên	65.457.765.671	58.125.393.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.416.434.214	10.255.497.303
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(3.895.611.107)	2.343.764.414
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.132.904.326	849.246.571
Chi phí khác bằng tiền	15.407.702.060	13.083.828.014
	1.565.626.166.403	1.569.818.597.150

31 THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Ngày 1 tháng 3 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2013 nhằm hỗ trợ cho người sản xuất nông nghiệp chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại tài chính do hậu quả của thiên tai, dịch bệnh gây ra, góp phần bảo đảm ổn định an sinh xã hội nông thôn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Theo Quyết định này, Tổng Công ty có trách nhiệm nhận tái bảo hiểm nông nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ngày 17 tháng 8 năm 2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 121/2011/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Quyết định số 315/QĐ-TTg để ngày 1 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, nguyên tắc triển khai thí điểm là các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam triển khai thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hạch toán tách biệt doanh thu, chi phí từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp với các hoạt động khác và hoạt động bảo hiểm nông nghiệp mà doanh nghiệp bảo hiểm đang triển khai. Phần phí bảo hiểm giữ lại trong năm, sau khi đã trừ đi các khoản chi phí theo quy định, được dùng để bổ sung vào dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất.

Ngày 20 tháng 6 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 101/2012/TT-BTC quy định một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg để ngày 1 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm có trách nhiệm theo dõi riêng khoản lỗ hàng năm từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Trong năm, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm lỗ từ hoạt động triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hạch toán khoản lỗ này vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trong trường hợp bị lỗ do lỗ của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp thì được chuyển lỗ sang năm sau theo quy định của pháp luật. Trong năm, Tổng Công ty không phát sinh hoạt động liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp thí điểm (năm 2020: Tổng Công ty không phát sinh hoạt động liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp thí điểm).

Từ năm 2012, Tổng Công ty bắt đầu nhận tái bảo hiểm cho hoạt động bảo hiểm nông nghiệp thí điểm. Lỗ lũy kế của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 42.015.277.691 Đồng.

Theo Quyết định số 315/QĐ-TTg, hoạt động thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đã kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục để quyết toán hoạt động này với Bộ Tài chính. Quyết định cuối cùng về kết quả hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của Bộ Tài chính.

32 HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TÀU KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ

Ngày 7 tháng 7 năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, trong đó quy định chính sách bảo hiểm đối với đội tàu khai thác hải sản xa bờ ("bảo hiểm tàu cá"). Cùng với các công ty bảo hiểm trong nước, Tổng Công ty tham gia loại hình bảo hiểm này với mục đích hỗ trợ thị trường và thực hiện các mục tiêu, chính sách của Chính phủ.

Ngày 20 tháng 8 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 116/2014/TT-BTC hướng dẫn một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP nói trên. Theo quy định tại Thông tư số 116/2014/TT-BTC, kết quả kinh doanh hoạt động bảo hiểm tàu cá được hạch toán chung vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm. Doanh nghiệp có trách nhiệm theo dõi riêng doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh của loại hình bảo hiểm này. Trường hợp cuối kỳ quyết toán có chênh lệch dương từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm tàu cá, doanh nghiệp bảo hiểm chuyển toàn bộ khoản chênh lệch này vào quỹ dự phòng dao động lớn.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 89/2020/TT-BTC trong đó bãi bỏ Thông tư số 116/2014/TT-BTC để ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo qui định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và Thông tư số 43/2016/TT-BTC nói trên. Theo đó, kể từ 1 tháng 1 năm 2021, chính sách tài chính áp dụng đối với nghiệp vụ bảo hiểm tàu cá được Tổng Công ty thực hiện như đối với các nghiệp vụ bảo hiểm thông thường.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

33 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	423.286.584.924	377.193.495.777
Thuế tính ở thuế suất 20%	84.657.316.985	75.438.699.155
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	741.489.319	863.368.928
Chi phí không được khấu trừ	(9.189.230.571)	(10.682.192.491)
Lỗ của công ty con	(21.331.170)	501.830.324
Chi phí thuế TNDN (*)	76.230.906.903	66.121.705.916
Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	77.181.859.898	66.121.705.916
Thuế TNDN - hoãn lại	(950.952.995)	-
Chi phí thuế TNDN (*)	76.230.906.903	66.121.705.916

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

34 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON

	Đơn vị	2021	2020
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	24,35	29,85
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	75,65	70,15
1.2 Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	54,09	54,91
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	45,91	45,09
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,85	1,82
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,40	1,28
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,67	0,55
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	20,29	19,26
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	16,64	15,88
3.2 Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	5,91	5,41
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,85	4,46
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	10,56	9,89

35 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty và công ty con quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty và công ty con có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và nợ phải trả.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty và công ty con chỉ bao gồm vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty và công ty con áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh 2.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.281.771.911	55.424.073.810
Phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	774.733.887.521	730.130.118.848
Đầu tư ngắn hạn	2.555.627.849.488	2.053.240.931.318
Đầu tư dài hạn	1.025.847.025.384	1.345.881.950.523
Tổng cộng	4.381.490.534.304	4.184.677.074.499
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	483.810.717.898	581.516.210.025
Phải trả dài hạn khác	990.626.744	1.503.228.380
Tổng cộng	484.801.344.642	583.019.438.405

Tổng Công ty và công ty con chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và phải trả tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty và công ty con đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty và công ty con phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty và công ty con.

Các hoạt động của Tổng Công ty và công ty con có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung, các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty và công ty con là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

35 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Rủi ro tái bảo hiểm

Rủi ro hoạt động khai thác nhận tái bảo hiểm là các rủi ro từ danh mục rủi ro mà Tổng Công ty nhận tái bảo hiểm. Mức độ các rủi ro này chủ yếu ảnh hưởng do chất lượng quá trình khai thác:

- Đánh giá rủi ro nhận tái bảo hiểm;
- Định giá, xác định khả năng nhận tái bảo hiểm;
- Điều kiện và điều khoản áp dụng; và
- Kiểm soát mức độ tập trung rủi ro và các rủi ro thâm họa.

Mục tiêu chính của quản trị rủi ro trong lĩnh vực khai thác là nhằm nâng cao chất lượng của danh mục rủi ro nhận bảo hiểm bằng cách thực hiện đầy đủ và tốt nhất có thể các bước nêu trên. Theo đó, các rủi ro từ hoạt động khai thác bảo hiểm có thể bao gồm:

- Đánh giá rủi ro nhận tái bảo hiểm không đầy đủ, điều kiện và điều khoản áp dụng không phù hợp;
- Định phí tái bảo hiểm không tương đương với mức độ rủi ro nhận tái bảo hiểm;
- Chính sách nhượng tái bảo hiểm không phù hợp;
- Quy trình xử lý bồi thường không hợp lý;
- Trích lập các khoản dự phòng không đầy đủ;
- Không thu đòi được các khoản phải thu nhượng tái bảo hiểm.

Mục tiêu, chính sách và các quy trình Quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu cuối cùng của việc quản lý rủi ro bảo hiểm là kiểm soát các sự kiện về mặt nghiệp vụ bảo hiểm có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính, vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.

Chính sách quản trị rủi ro của Tổng Công ty được thiết lập thông qua việc xác định các giới hạn rủi ro cho phép và cụ thể hóa Hướng dẫn khai thác bảo hiểm/nhận tái bảo hiểm của Tổng Công ty như hướng dẫn khai thác nhận/nhượng tái bảo hiểm cố định/tạm thời, và hướng dẫn giải quyết bồi thường.

Tổng Công ty đã thiết lập hệ thống quản lý rủi ro bảo hiểm ở nhiều cấp bậc khác nhau từ các phòng ban nghiệp vụ bảo hiểm đến toàn bộ Tổng Công ty để đảm bảo hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro. Ban Quản trị Rủi ro đóng vai trò quan trọng trong quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm, có nhiệm vụ kết nối và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban nghiệp vụ, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty.

Hoạt động quản trị rủi ro bảo hiểm được giám sát từ các cấp lãnh đạo thông qua các hướng dẫn khai thác bảo hiểm/tái bảo hiểm, và các tiêu chuẩn quản trị rủi ro. Quy trình báo cáo cũng được thiết lập từ cấp thấp nhất và được thực hiện định kỳ hàng tuần, hàng tháng, hàng quý nhằm đảm bảo hiệu quả giám sát. Các quy trình quản trị rủi ro được thực hiện một cách có hệ thống để xác định, đo lường, kiểm soát và xử lý rủi ro nhằm đảm bảo các chỉ số đo lường rủi ro không vượt quá giới hạn cho phép.

Tổng Công ty áp dụng nhiều biện pháp khác nhau trong việc phát hiện các rủi ro bảo hiểm bao gồm các phương pháp đánh giá rủi ro, thảo luận thông qua các cuộc họp nội bộ, và kinh nghiệm của các chuyên gia. Tùy thuộc vào các hoàn cảnh thực tế và đặc điểm của rủi ro cần đo lường, xác định, các biện pháp đo lường định lượng và định tính khác nhau sẽ được áp dụng. Biện pháp đo lường định tính chủ yếu bao gồm việc đánh giá rủi ro của các chuyên gia khai thác đối với từng nghiệp vụ đơn lẻ hoặc các danh mục rủi ro. Các biện pháp đo lường định lượng bao gồm việc định giá, phân tích danh mục rủi ro thông qua các thống kê quá khứ (mức phí, loại hình rủi ro, tổn thất).

Chương trình nhận và nhượng tái bảo hiểm giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì và đảm bảo mức độ rủi ro của Tổng Công ty luôn nằm trong hạn mức rủi ro cho phép, vì vậy, bên cạnh việc đặt ra các hạn mức rủi ro phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong từng thời kỳ, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng trực tiếp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhận và nhượng tái bảo hiểm trong khuôn khổ chương trình tái bảo hiểm hàng năm do Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Quản lý vốn

Tổng Công ty ưu tiên duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định, cũng như các yêu cầu về Biên khả năng thanh toán theo quy định của các văn bản pháp luật liên quan. Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

	Biên khả năng thanh toán của Công ty	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.120 tỷ Đồng	318 tỷ Đồng	666%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.882 tỷ Đồng	374 tỷ Đồng	503%

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá.

Trong năm, Tổng Công ty và công ty con đã tham gia vào các giao dịch hoán đổi tiền tệ với các ngân hàng để thực hiện phòng ngừa rủi ro về tỷ giá hối đoái.

Nhằm đảm bảo nguồn ngoại tệ trong thanh toán tái bảo hiểm, Tổng Công ty và công ty con thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty và công ty con sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Nợ phải trả	
	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Đô la Mỹ (USD)	336.043.197.815	302.013.535.702	306.638.947.480	280.399.898.125
Euro (EUR)	6.531.495.033	3.227.980.573	888.964.917	973.305.361
Bảng Anh (GBP)	181.114.843	179.211.555	-	-
Đô la Úc (AUD)	5.879.596	6.044.477	-	-
Đô la Singapore (SGD)	57.654.699	58.835.238	27.999.481	27.697.590
Yên Nhật (JPY)	304.984.692	287.728.168	105.813.334	108.651.354

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

35 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty và công ty con sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2021 VND	2020 VND
Đô la Mỹ (USD)	1.470.212.517	1.080.681.879
Euro (EUR)	282.126.506	112.733.761

(ii) Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty và công ty con nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty và công ty con quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Tổng Công ty và công ty con đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty và công ty con cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích ngắn hạn mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty và công ty con không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần. Định kỳ, Tổng Công ty và công ty con tiến hành rà soát và đánh giá các khoản đầu tư có chính sách cụ thể, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và hiệu quả đầu tư.

(iii) Rủi ro lãi suất

Tổng Công ty và công ty con chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản tiền gửi tại ngân hàng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam của Tổng Công ty và công ty con có nhiều mức lãi suất khác nhau và sẽ chịu rủi ro lãi suất khi tái đầu tư

(c) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty và công ty con. Tổng Công ty và công ty con có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty và công ty con có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và công ty con là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty và công ty con tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty và công ty con có khoản rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khách hàng. Tổng Công ty và công ty con đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ cho các khoản phải thu này.

(d) Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty và công ty con quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty và công ty con tin rằng có thể tạo ra trong năm tài chính đó. Chính sách của Tổng Công ty và công ty con là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty và công ty con duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền theo hợp đồng của tài sản tài chính và dòng tiền theo hợp đồng của nợ phải trả tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty và công ty con phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty và công ty con khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở nợ phải trả và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2021	Tổng giá trị ghi sổ VND	Không xác định kỳ hạn VND	Kỳ hạn gốc dưới 1 năm VND	Kỳ hạn gốc từ 1 đến 5 năm VND	Kỳ hạn gốc trên 5 năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.281.771.911	25.281.771.911	-	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác (*)	774.696.937.089	-	774.696.937.089	-	-
Đầu tư ngắn hạn (*)	2.555.627.849.488	-	2.555.627.849.488	-	-
Đầu tư dài hạn (*)	1.025.847.025.384	-	-	566.357.003.466	459.490.021.918
Tổng cộng	4.381.453.583.872	25.281.771.911	3.330.324.786.577	566.357.003.466	459.490.021.918
Phải trả người bán	(483.810.717.898)	-	(483.810.717.898)	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	(990.626.744)	-	-	(990.626.744)	-
Tổng cộng	(484.801.344.642)	-	(483.810.717.898)	(990.626.744)	-
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.896.689.189.662	25.281.771.911	2.846.551.019.111	565.366.376.722	459.490.021.918
Tại ngày 31/12/2020					
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.424.073.810	55.424.073.810	-	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác (*)	730.130.118.848	-	730.130.118.848	-	-
Đầu tư ngắn hạn (*)	2.053.240.931.318	-	2.053.240.931.318	-	-
Đầu tư dài hạn (*)	1.345.881.950.523	-	-	1.345.881.950.523	-
Tổng cộng	4.184.677.074.499	55.424.073.810	2.783.371.050.166	1.345.881.950.523	-
Phải trả người bán	(581.516.210.025)	-	(581.516.210.025)	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	(1.503.228.380)	-	-	(1.503.228.380)	-
Tổng cộng	(583.019.438.405)	-	(581.516.210.025)	(1.503.228.380)	-
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.601.657.636.094	55.424.073.810	2.201.854.840.141	1.344.378.722.143	-

(*) Các số liệu được trình bày là số liệu trước dự phòng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

36 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty và công ty con có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Cổ đông lớn
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	Công ty liên kết

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2021 VND	2020 VND
<i>i) Tập đoàn tái bảo hiểm Swiss Re</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	249.449.905.863	249.543.008.892
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	71.943.026.613	71.801.808.322
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	96.598.143.982	100.665.348.396
Cổ tức đã trả	49.153.483.500	65.537.978.000
<i>ii) Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	55.747.448	396.774.886
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	18.641.733	108.749.920
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.631.566.641	251.788.042
Phí nhận tái bảo hiểm	116.615.189.348	115.959.632.569
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	25.848.990.716	25.604.629.352
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	13.529.591.732	29.589.256.125
Cổ tức đã nhận được	17.114.846.236	16.144.290.162
<i>iii) Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước</i>		
Cổ tức đã trả	79.359.052.500	105.812.070.000
<i>iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Hội đồng Quản trị	6.542.838.908	6.237.560.821
Ban Kiểm soát	1.541.023.609	1.407.957.212
Ban Điều hành	4.006.448.318	3.431.157.028
	12.090.310.835	11.076.675.061

(b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tập đoàn tái bảo hiểm Swiss Re		
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	10.709.314.660	30.317.434.631
Phả trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	32.723.137.324	85.659.522.563
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	7.365.327.632	6.367.138.445
Phả trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	521.639.997	63.995.583
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	1.247.072.124	-
Phả trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	1.139.766	-

37 TỔNG HỢP TÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG

	Năm tổn thất xảy ra			Tổng số VND
	2019 VND	2020 VND	2021 VND	
i. Số ước tính chi bồi thường lũy kế				
Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến năm hiện tại 2021 (1)	390.263.412.191	314.856.325.673	267.267.986.433	972.387.724.297
ii. Số đã chi trả bồi thường lũy kế				
Chi trả trong năm 2019	(82.503.031.532)	-	-	(82.503.031.532)
Chi trả trong năm 2020	(188.034.493.364)	(41.993.786.854)	-	(230.028.280.218)
Chi trả trong năm 2021	(48.377.659.750)	(121.928.084.857)	(34.326.426.608)	(204.632.171.215)
Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)	(318.915.184.646)	(163.921.871.711)	(34.326.426.608)	(517.163.482.965)
iii. Dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3) = (1) + (2)				
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết cho các năm trước	-	-	-	-
Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm	71.348.227.545	150.934.453.962	232.941.559.825	455.224.241.332



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

38 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Tổng Công ty và công ty con là kinh doanh tái bảo hiểm, đầu tư tài chính từ nguồn vốn nhàn rỗi. Các khoản đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh khác là không trọng yếu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá việc không lập báo cáo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty và công ty con.

39 TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Như đã trình bày trong Thuyết minh 6(a) - Phải thu ngắn hạn khác, theo Quyết định số 14/2019/QĐST-KDTM đề ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân, tổng số tiền mà Công ty Thăng Long phải trả cho công ty con là 126.376.061.750 Đồng (bao gồm 60.149.250.000 Đồng gốc và 66.226.811.750 Đồng lãi), bằng tiền mặt hoặc bù trừ bằng các căn hộ của Dự án.

Ngày 1 tháng 10 năm 2020 và 31 tháng 8 năm 2020, Công ty Thăng Long đã ký HĐMBCH với công ty con để bù trừ số công nợ nêu trên với tổng giá trị là 117.880.956.550 Đồng.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty Thăng Long đã thanh toán bằng bù trừ 7 HĐMBCH tại tòa HH2 là 17.687.716.550 Đồng. Số tiền tiếp tục bù trừ bằng 58 HĐMBCH tại tòa HH3 là 100.193.240.000 Đồng. Số tiền Công ty Thăng Long cam kết sẽ trả bằng tiền mặt là 15.645.957.604 Đồng (gốc là 8.495.105.200 Đồng và lãi là 7.150.852.404 Đồng).

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi của khoản lãi 73.377.664.154 Đồng là không chắc chắn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc chưa ghi nhận khoản lãi này là thu nhập lãi và phải thu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất mà trình bày khoản lãi này là tài sản tiềm tàng.

40 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Hợp đồng thuê đất số 30-99/ĐCND-HĐTĐTN ký ngày 13 tháng 10 năm 1999 giữa Tổng Công ty và Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội liên quan đến lô đất địa chỉ ở 141 Đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Tổng Công ty được phép nhưng không buộc phải giải phóng mặt bằng của khu đất để giao trả cho Nhà nước và sẽ không phải khôi phục khu đất trở về hiện trạng như trước khi ký hợp đồng thuê đất. Do đó, Tổng Công ty không trích lập dự phòng chi phí tháo dỡ, di dời trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty trong các năm trước.

Tuy nhiên, Hợp đồng thuê đất nêu trên đã hết hạn vào ngày 16 tháng 8 năm 2019. Từ đó đến nay, Tổng Công ty đã làm việc với các cơ quan Nhà nước và tiến hành các thủ tục cần thiết để gia hạn hợp đồng trên.

Theo Công văn số 1016/TB-STNMT-CCQLĐĐ đề ngày 2 tháng 12 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường ("STNMT") thành phố Hà Nội, Tổng Công ty cần cung cấp bổ sung tài liệu theo yêu cầu của STNMT đồng thời làm việc thêm với Sở Xây dựng về tình trạng quy hoạch của khu đất. Trong giai đoạn hiện tại, STNMT sẽ kiến nghị UBND Thành phố xem xét cho Tổng Công ty tạm thời được tiếp tục thuê đất với thời hạn năm năm.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng hợp đồng thuê đất trên sẽ được gia hạn và điều khoản về việc hoàn trả mặt bằng sẽ được giữ nguyên trong hợp đồng thuê đất mới. Vì hợp đồng thuê đất chưa được ký, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng nghĩa vụ tháo dỡ, di dời này chưa xác định được. Do đó, Tổng Công ty không thực hiện trích lập dự phòng hoàn trả mặt bằng trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và thuyết minh là nợ tiềm tàng trên báo cáo tài chính.

41 ẢNH HƯỞNG CỦA COVID-19

Sự tái bùng phát và lan rộng trở lại của COVID-19 là một sự kiện khó khăn và thách thức đối với tất cả các ngành kinh tế. Tổng Công ty và công ty con đã thực hiện đánh giá về tác động của sự kiện này đối với hoạt động của Tổng Công ty và công ty con, bao gồm khả năng thu hồi của các phải thu khách hàng và các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết luận là ảnh hưởng là không đáng kể đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con trong tương lai gần. Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất này, chưa có tổn thất đáng kể nào phát sinh từ sự kiện này. Tổng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục theo dõi tình hình, có các biện pháp phù hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 24 tháng 3 năm 2022.

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2022



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

Tại ngày

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.333.758.112.595	4.784.925.999.430
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	23.404.895.430	52.900.251.472
111	Tiền		23.404.895.430	52.900.251.472
120	Đầu tư ngắn hạn	4(a)	2.529.826.973.276	2.036.740.931.318
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.529.827.849.488	2.036.740.931.318
124	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn		(876.212)	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		709.562.237.043	652.402.133.274
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	574.919.058.343	564.034.646.896
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		574.030.810.370	563.619.791.897
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		888.247.973	414.854.999
132	Trả trước ngắn hạn cho người bán		92.148.282	23.518.000
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	147.909.478.462	105.598.027.529
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(13.358.448.044)	(17.254.059.151)
140	Hàng tồn kho		23.480.404	29.010.465
141	Hàng tồn kho		23.480.404	29.010.465
150	Tài sản ngắn hạn khác		453.284.805.473	580.190.581.169
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	453.284.805.473	580.190.581.169
151.1	- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ		453.183.431.245	580.190.581.169
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		101.374.228	-
190	Tài sản tái bảo hiểm		1.617.655.720.969	1.462.663.091.732
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	480.852.069.331	470.264.225.140
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16(a)	1.136.803.651.638	992.398.866.592

Tại ngày

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.581.497.131.979	1.953.413.755.296
210	Các khoản phải thu dài hạn		32.105.382.152	42.472.513.659
218	Phải thu dài hạn khác		32.105.382.152	42.472.513.659
218.1	- Ký quỹ bảo hiểm	2.9	22.000.000.000	22.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác	6(b)	10.105.382.152	20.472.513.659
220	Tài sản cố định		7.763.664.750	8.020.286.076
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	7.763.664.750	8.020.286.076
222	Nguyên giá		30.710.866.071	29.980.897.654
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(22.947.201.321)	(21.960.611.578)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	-	-
228	Nguyên giá		32.392.480.734	32.392.480.734
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.392.480.734)	(32.392.480.734)
230	Bất động sản đầu tư	10	6.409.861.437	8.031.430.158
231	Nguyên giá		34.055.061.893	34.055.061.893
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(27.645.200.456)	(26.023.631.735)
240	Tài sản dở dang dài hạn		3.071.777.834	1.616.690.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.071.777.834	1.616.690.000
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.530.230.829.188	1.887.703.194.815
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	60.000.000.000	60.000.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	125.000.000.000	125.000.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	337.701.918.974	357.354.024.845
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(818.115.170)	(532.780.553)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(c)	1.008.347.025.384	1.345.881.950.523
260	Tài sản dài hạn khác		1.915.616.618	5.569.640.588
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	964.663.623	5.569.640.588
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		950.952.995	-
270	TỔNG TÀI SẢN		6.915.255.244.574	6.738.339.754.726



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 Mẫu số B 09 - DNPNT/HN

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		3.851.216.713.916	3.799.320.191.443
310	Nợ ngắn hạn		3.850.226.087.172	3.797.816.963.063
311	Phải trả cho người bán	11	483.810.717.898	581.516.210.025
311.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		482.821.864.066	580.352.904.664
311.2	- Phải trả khác cho người bán		988.853.832	1.163.305.361
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		149.132.743	240.934.974
313	Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	12	17.424.801.172	16.187.287.904
314	Phải trả người lao động		28.535.860.657	25.352.582.932
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		324.371.676	302.524.570
319	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13(a)	31.305.070.961	21.588.232.169
319.1	- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	13(a)	99.311.540.367	102.957.752.564
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	14	25.929.549.564	21.468.757.438
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	26.087.735.092	22.689.670.128
329	Dự phòng nghiệp vụ	16	3.137.347.307.042	3.005.513.010.359
329.1	- Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm		1.095.520.329.811	1.196.704.406.560
329.2	- Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm		1.857.062.704.442	1.636.743.500.588
329.3	- Dự phòng dao động lớn		184.764.272.789	172.065.103.211
330	Nợ dài hạn		990.626.744	1.503.228.380
337	Phải trả dài hạn khác	13(b)	990.626.744	1.503.228.380
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.064.038.530.658	2.939.019.563.283
410	Vốn chủ sở hữu		3.064.038.530.658	2.939.019.563.283
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17,18	1.507.371.300.000	1.310.759.370.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.507.371.300.000	1.310.759.370.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	17,18	369.756.607.309	566.368.537.309
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	205.815.380.525	211.311.595.298
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	18	147.705.447.699	131.075.937.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	18	833.389.795.125	719.504.123.676
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế của các năm trước		528.386.432.949	437.390.912.101
421b	- Lợi nhuận sau thuế của năm nay		305.003.362.176	282.113.211.575
440	TỔNG NGUỒN VỐN		6.915.255.244.574	6.738.339.754.726

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Tại ngày	
			31/12/2021	31/12/2020
1.	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	461.003,78	1.834.964,63
	Đô la Úc	AUD	345,15	345,15
	Yên Nhật	JPY	43.775,00	43.775,00
	Đô la Singapore	SGD	2.974,87	3.419,87
	Bảng Anh	GBP	5.770,51	5.770,51
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	257.206,30	115.531,26

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2022

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Giá trị vốn hóa thị trường tại thời điểm 31/12/2021
4.748 tỷ đồng

Tổng tài sản
6.915 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu
3.064 tỷ đồng

Doanh thu phí nhận
3.031 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế
408 tỷ đồng

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.605.861.780.616	1.578.398.460.337
11	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		6.377.322.910	8.467.926.462
12	Doanh thu hoạt động tài chính	24	455.727.554.841	380.878.976.246
13	Thu nhập khác		627.773.726	641.715.981
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.476.106.971.239)	(1.485.160.867.556)
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(1.685.024.583)	(1.542.259.810)
22	Chi phí hoạt động tài chính	25	(92.953.473.087)	(38.606.694.613)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(89.519.195.164)	(84.657.729.594)
24	Chi phí khác		(416.016.290)	(1.205.969.139)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		407.913.751.730	357.213.558.314
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	30	(77.181.859.898)	(66.121.705.916)
52	Thuế TNDN hoãn lại	30	950.952.995	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		331.682.844.827	291.091.852.398

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 02 - DNPNT

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
1	Doanh thu phí bảo hiểm	19	2.347.344.273.540	2.328.522.737.462
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		2.246.160.196.791	2.447.705.160.831
1.3	- (Giảm)/tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc		(101.184.076.749)	119.182.423.369
2	Phí nhượng tái bảo hiểm	20	(962.796.018.762)	(988.683.109.085)
2.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(973.383.862.953)	(950.799.681.643)
2.2	- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		10.587.844.191	(37.883.427.442)
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần		1.384.548.254.778	1.339.839.628.377
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		221.313.525.838	238.558.831.960
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	13	205.117.518.035	216.930.820.188
4.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		16.196.007.803	21.628.011.772
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.605.861.780.616	1.578.398.460.337
11	Chi bồi thường	21	(856.127.582.862)	(950.313.250.918)
11.1	- Tổng chi bồi thường	21	(856.127.582.862)	(950.313.250.918)
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	21	548.472.453.322	579.287.329.344
13	Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	21	263.813.338.082	59.871.801.757
14	Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	21	180.782.500.303	105.536.227
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	21	(390.685.967.319)	(430.792.187.104)
16	Tăng dự phòng dao động lớn		12.699.169.578	14.891.899.511
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.072.721.834.342)	(1.039.476.780.941)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	22	(1.049.234.929.108)	(1.002.846.259.958)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	23	(23.486.905.234)	(36.630.520.983)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(1.476.106.971.239)	(1.485.160.867.556)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		129.754.809.377	93.237.592.781
20	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		6.377.322.910	8.467.926.462
21	Giá vốn bất động sản đầu tư		(1.685.024.583)	(1.542.259.810)
22	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản		4.692.298.327	6.925.666.652

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	24	455.727.554.841	380.878.976.246
24	Chi phí hoạt động tài chính	25	(92.953.473.087)	(38.606.694.613)
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính		362.774.081.754	342.272.281.633
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(89.519.195.164)	(84.657.729.594)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		407.701.994.294	357.777.811.472
31	Thu nhập khác		627.773.726	641.715.981
32	Chi phí khác		(416.016.290)	(1.205.969.139)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác		211.757.436	(564.253.158)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		407.913.751.730	357.213.558.314
51	Thuế TNDN hiện hành	30	(77.181.859.898)	(66.121.705.916)
52	Thuế TNDN hoãn lại	30	950.952.995	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		331.682.844.827	291.091.852.398

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B 03 - DNPNT

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	691.598.279.339	574.997.091.053
02	Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	(588.112.339.933)	(437.534.364.332)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(53.445.641.903)	(44.125.159.885)
05	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(76.260.650.384)	(67.641.470.965)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	3.765.401.726	1.838.971.478
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(25.373.326.176)	(26.561.559.599)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(47.828.277.331)	973.507.750
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.291.321.234)	(2.641.835.855)
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.448.309.200.000)	(2.130.460.954.990)
24	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.332.149.210.067	1.898.804.517.959
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.652.181.917	45.801.851.201
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	314.654.770.051	401.054.439.496
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	215.855.640.801	212.558.017.811
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(196.613.905.500)	(262.150.813.160)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(196.613.905.500)	(262.150.813.160)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(28.586.542.030)	(48.619.287.599)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	52.900.251.472	101.616.124.112
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(908.814.012)	(96.585.041)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	23.404.895.430	52.900.251.472

NGUYỄN THÀNH CÔNG
Người lập

LƯU THỊ VIỆT HOA
Kế toán trưởng



MAI XUÂN DŨNG
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2022

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM**

TRỤ SỞ CHÍNH



141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội



(84 024) 3942 2354/65-69



(84 024) 3942 2354/65-69

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH



11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM



(84 028) 3821 1615



(84 028) 3821 1616

www.vinare.com.vn



QUÉT MÃ ĐỂ XEM
PHIÊN BẢN TRỰC TUYẾN